TÔNG MÔN CẢNH HUẤN
TẬP 2

THIỀN PHÁI TRÚC LÂM VIỆT NAM
THIỀN SƯ THÍCH THANH TỪ

TÔNG MÔN CẢNH HUẤN

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG
TỔ ĐÌNH THIỀN VIỆN THƯỜNG CHIẾU

2

PL 2566 - DL 2022

MỤC LỤC

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG
TỔ ĐÌNH THIỀN VIỆN THƯỜNG CHIẾU

1. Dẫn nhập 9
2. Khởi đầu 24
3. Nội quy thiền viện Thường Chiếu 28
4. Cương lĩnh pháp tu thiền Biết có chân tâm 37
5. Quy chế Thiền đường 38
6. Phương pháp tọa thiền 40

Phần I - Giáo huấn Tăng Ni

7. Tu thiền là cội gốc của đạo Phật 66
8. Tinh thần giáo ngoại biệt truyền 82
9. Về đến nhà 107
10. Chủ trương tu học lao động tại các thiền viện 121
11. Sáng việc lớn 132
12. Hòa quang đồng trần 149
13. Ý nghĩa bài thơ Về Quê 163

14. Hoài bão của tôi 178
15. Giảm một tuổi đời, tăng một tuổi đạo 201
16. Con đường phía trước 218
17. Quên mình theo vật..... 231
18. Tròn đồng thái hư 257
19. Cá nhảy khỏi lưới 270
20. Thị phi 282
21. Căn trần không dính nhau 294
22. Cội gốc của luân hồi sanh tử 319

Phần II - Giáo huấn An cư

23. Pháp yếu tu thiền 331
24. Sách tấn mùa An cư..... 342
25. Cốt tủy đạo Phật 355
26. Chủ đích của đạo Phật..... 368
27. Giác ngộ và mê lầm 388

Phần III - Giáo huấn Tự tứ

28. Nhắc nhở Tăng Ni trong ngày Tự tứ 400
29. Lý thuyết và thực hành..... 408

**PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG
CÁC THIỀN VIỆN NI**

30. Pháp ngữ dạy chúng thiền viện Viên Chiếu 420
31. Pháp ngữ dạy chúng thiền viện Linh chiếu..... 449
32. Pháp ngữ dạy chúng thiền viện Huệ Chiếu..... 516
33. Pháp ngữ dạy chúng thiền viện Phổ Chiếu 523

DẪN NHẬP

Đạo Phật Việt Nam, Thiền tông Phật giáo Việt Nam, hai mối lương duyên này đồng hành trôi chảy, hình thành gắn bó xuyên suốt trên mảnh đất quê hương mãi tự thuở nào. Lịch sử Việt từ thời ban sơ, tràn dâng một sức sống uy linh, thấm đẫm giống nòi con rồng cháu tiên. Bản lĩnh Việt tồn tại đậm nét hào hùng, cuối cùng đề huề với năm châu. Nòi giống Việt trân kính quý báu văn miếu, có thể sánh bước cùng các nguồn văn minh sáng chói khắp châu lục lãnh thổ.

Buổi sơ khai các thiền tăng có mặt và gầy dựng Phật pháp Thiền tông tại nước ta. Bước chân các đoàn du tăng mang dấu ấn đạo Phật đi vào nước Việt, đương thời hội ngộ tại trung tâm Phật giáo Luy Lâu, có thể sánh vai với Đông Ngô, Bành Thành, Lạc Dương... Bắc Quốc. Thời này một thiền tổ mang dấu ấn tông thừa là Tỳ-ni-đa-lưu-chi, vừa từ phương Bắc quảy tích sang Đại Việt hoằng dương Thiền tông. Phật pháp của ngài cắm sâu và phát triển vào khoảng thế kỷ thứ 6.

Sau đó, thiền sư Vô Ngôn Thông (? - 826) học trò đắc pháp của tổ Bách Trượng sang Đại Việt, trụ tại đạo tràng chùa Kiến Sơ, hoằng truyền đạo Tổ, hóa độ chúng sanh. Hồi này nhiều đoàn du tăng từ Bắc Ấn, Tây Hạ, Trung Hoa, trong đó có những vị thiền tăng Việt Nam cùng truyền thừa Thiền tông. Những kỷ nguyên liên tiếp nơi quê hương chúng ta liên tục phát triển đạo thiền.

Hoàng đế Lý Thánh Tông (1023 - 1072) sau thắng lợi cuộc chiến Việt - Chiêm, trong đoàn người hồi triều có thiền sư Thảo Đường. Đây là vị thiền sư thuộc dòng thiền Vân Môn, ngài sang hóa đạo Chiêm Thành, cùng về đất Việt và mở mang Thiền phái Thảo Đường, một thời uy chấn đất kinh đô. Các quân vương sĩ tứ đương thời quy hướng học pháp tu hành nơi ngài.

Thiền tông Lý - Trần thời kỳ hội nhập phát triển bền vững. Thời kỳ này những danh tăng nước Việt như thái sư Khuông Việt, thiền sư Vạn Hạnh, tổ sư Lý Khánh Vân, hòa hội cùng các minh quân hoàng đế Đại Việt hợp xướng tông phong, mở mang phát triển Thiền tông đạo Phật mang đậm bản sắc Việt. Từ đây mở ra một thời kỳ vàng son của dân tộc Việt Nam, Phật giáo Việt Nam, Thiền tông Việt Nam.

Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308) Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tiếp nối phát triển Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm, Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử một thời huy đại toàn cõi Đại Việt, người người tin Phật, tu Phật, hành thiền. Các thiền tăng tiếp nối liên tục truyền bá Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử. Thời này Tam tổ Trúc Lâm tục diệm tông Tổ, thiền sư Hiện Quang, quốc sư Viên Chứng, Đại Đăng, Phù Vân... nhất tề truyền bá đạo thiền. Bao nhiêu công hạnh công đức dâng về cho đạo pháp, dân tộc hưng thịnh mãi ngàn sau.

Tuy nhiên, đất nước bước vào hồi thịnh suy, dòng sinh mạng của chúng sanh cũng không dừng một chỗ. Thịnh rồi suy, suy để rồi phấn đấu, cùng hình thành gầy dựng. Xưa nay luôn là như vậy. Bánh xe thời gian là thứ gì ghê gớm nhất, luôn nghiền nát mọi thứ, trong đó cũng không thể giấu giếm nổi chất liệu làm nên, hiện thành. Dẫu sao thời kỳ trung hưng, tổ Chân Nguyên Huệ Đăng cùng một số môn hạ chân tu thật học cùng chung phụng sự, thắp lại đèn Tổ, khiến tông phong Phật giáo thiền Trúc Lâm thời này sống dậy.

Thế là nhân duyên sự kiện mọi thứ chìm lắng, trải dài suốt bao nhiêu thế kỷ. Chính đây là thời kỳ yên lắng mà hoằng truyền. Căn cơ phúc duyên của chúng sanh khắp thế giới nói chung, dân tộc

Việt cùng cộng hưởng cũng không ngoại lệ. Cứ như vậy mà tạo dựng, mà sống còn, vươn lên, cống hiến thăng hoa. Các bậc long tượng cũng tùy duyên xuất thế bằng vào đại nguyện đại lực, tùy phần mở mang chánh đạo. Giá trị đạo pháp trong sự nghiệp truyền thừa, nhân đó lợi lạc quần sanh.

Thực sự mà nói thế sự thăng trầm, đạo pháp cũng chìm nổi. Cứ vậy mà thể hiện, hành trì, bảo vệ, tôn vinh. Chúng sanh cần Phật pháp có, nối nắm thừa đương mãi mãi. Tuy vậy, đâu đó cũng phát tín hương tín hiệu trỗi dâng, duyên lành hội tụ mọi thứ thông suốt. Thời cận đại phong trào chấn hưng Phật giáo, con thuyền vận mệnh Phật pháp thời cơ hội đủ nhất tề dâng lên.

Thời kỳ đương đại nhiều bậc chân tăng xuất hiện khắp ba miền đất nước. Bắc phần thì có chốn Tổ Vĩnh Nghiêm phát động phong trào. Miền Trung chư Tổ Tây Thiên, Phước Huệ, Báo Quốc cũng mở hội Tăng học sinh, cư sĩ học Phật hăng hái cầu pháp, siêng năng tu tập. Miền Nam sáng dậy, chư Tổ Huệ Quang, Khánh Hòa, Tổ Tổ thừa đương mở hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học, Lưỡng Xuyên Phật học. Đây là thời kỳ Phật pháp được khởi động, vun vén, chính là lúc người con Phật khắp nơi thức giấc, làm tốt nhiệm vụ truyền trì mạng mạch Phật tổ, lợi lạc quần cơ.

Đèn Phật sáng tỏ, mạch thiền lung linh, dòng thiền Trúc Lâm cũng theo đó mà phục sáng. Thiền sư Thích Thanh Từ cả đời hành trì Phật pháp, nhận thấu yếu chỉ tông thừa, từ xa vạn vọng phát đại nguyện vận thuyền đại từ, xiển dương đại pháp, thừa thâm ân cảm hóa của liệt tổ liệt tông, thắp sáng ngọn đuốc Phật tâm, lợi lạc khắp nơi.

Tại miền Nam nước Việt, ngài khôi phục và truyền thừa Thiền tông Trúc Lâm. Thừa tư công đức mong báo đáp thâm ân Phật tổ, lịch đại Tổ sư, chuyển tải mạng mạch Trúc Lâm Yên Tử, dâng lên cúng dường mười phương Tam bảo, các bậc hiền thánh, hòa nguyện lợi lạc quần sanh, khiến đèn thiền Trúc Lâm sáng dội mai sau. Hướng nguyện tâm huyết của ngài, tâm hành và Phật pháp nơi ngài tuôn chảy khắp chốn tùng lâm.

Từ thiền viện Chơn Không - Vũng Tàu, núi lớn Tương Kỳ, Lão nhân Tương Kỳ đinh ninh mở hội dạy thiền cho Tăng Ni tứ chúng và đạo tràng Phật tử cùng về tu học. Giai đoạn chuyển tiếp ngài về đạo tràng Thường Chiếu mở rộng thiền pháp, xiển hóa cùng khắp. Đồng thời ngài khai mở đạo tràng thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng ở cao nguyên vào thập niên 90. Tại đây, khu nội viện cũng được thành lập cho đại chúng cùng tu học. Không lâu, nơi này trở thành trung tâm hướng dẫn tu thiền Trúc Lâm của ngài.

Thời gian ở thiền viện Trúc Lâm, mỗi tháng ngài vẫn trở về Tổ đình Thường Chiếu giảng dạy, hướng dẫn Tăng Ni tứ chúng tu học. Chư Tăng Ni, Phật tử pháp hữu về tu học rất đông. Đây, lời hướng dẫn của ngài cho chư hành giả tu thiền vào những mùa An cư và lời khai thị cho những Phật tử đến cầu pháp tu học:

Ba tháng an cư của Tăng Ni là ba tháng tu hành miên mật, chín chắn. Thời gian này, Phật tử đem hết tâm hướng về Tăng Ni. Trách nhiệm của chúng ta là phải nỗ lực, không tiến nhiều cũng tiến ít, không thể lơ là được. Tu chẳng những lợi ích cho mình mà còn gầy dựng niềm tin cho Phật tử. Nếu nói an cư mà cũng như những ngày bình thường, tu hành lơ là cho qua ngày đoạn tháng, nhận đồ cúng dường của Phật tử, đó là việc xấu hổ đáng buồn.

Tất cả Tăng Ni ở thiền viện hay các am thất chung quanh phải nhớ, chúng ta không tu thì thôi, tu thì phải thực hành cho đúng, nói cái gì phải làm cho được cái đó. Nói ba tháng an cư thanh tịnh tu hành, thì phải cố gắng thanh tịnh tu hành. Làm sao qua một mùa An cư chúng ta có những bước tiến rõ ràng, khác với khi chưa vào an cư. Được như vậy mới xứng đáng tăng thêm một tuổi đạo, là một tuổi công đức.

Người xưa nói "Tu hành cốt yếu tại tâm", nhưng biết tu tâm nào? Có người cho rằng nghĩ thiện là tâm tốt nên giữ, nghĩ ác là tâm xấu bỏ đi, đó là tu tâm. Sự thật đến chỗ cứu cánh của nhà thiền thì thiện ác đều buông. Bởi vì thiện ác thế gian chỉ mang tính tương đối, không cố định. Tâm chân thật thì không còn thiện ác, hai bên. Chúng ta tu nên bỏ tâm hơn thua, phải quấy, tốt xấu, được mất, trở về chỗ an tĩnh chân thật.

Tu thiền bắt phải ngồi nghiêm trang, đau nhức dữ dội vẫn phải chịu đựng một tiếng rưỡi, hai tiếng đồng hồ. Đó là để tự mình khắc phục cho được sự khó khổ trên thân. Thân cực khổ vẫn dễ thắng hơn tâm. Trong tâm lăng xăng muốn ngừng nhưng vẫn cứ chạy, không dừng bao giờ. Vọng tưởng là bóng dáng của các trần đã ghi sâu trong tàng thức, sẵn sàng xuất hiện bất cứ lúc nào, không thể ngăn cản, ngừa đón. Thực sự muốn thắng tâm vọng tưởng trước phải thắng thân. Hàng phục thân thành công mới có khả năng hàng phục tâm. Thân nhọc nhằn một chút chịu không nổi, như thế sẽ không bao giờ hàng phục nổi tâm.

Làm khách phong trần tha phương, càng đi càng xa quê nhà. Mỗi lần chúng ta sanh ra là một lần tạo thêm nghiệp và càng xa rời bản tâm chân thật. Người tu thức tỉnh trở về quê hương, phải

làm sao mỗi ngày tiến gần hơn với chính mình. Về tận nhà mới xong việc. Đời này nếu chưa chấm dứt dòng sanh tử, ít ra cũng bớt khổ nhiều. Muốn được vậy thì đừng chạy theo vọng tưởng, danh lợi, tài sắc của thế gian. Vọng tưởng chỉ là cái áo phong trần nhiều bụi bặm, ngang đây rũ sạch để trở thành con ông trưởng giả ngồi trong nhà cai quản sự nghiệp.

Chúng ta tu là đi trên đường giải thoát, là con đường diệu vợi. Đi một ngày mệt thì ghé trạm nghỉ, ngày thứ hai đi tiếp. Có đi là có tiến, đi chậm thì tiến chậm, đi mau tiến mau. Dù chưa tới nơi nhưng luôn luôn cố gắng nỗ lực, chưa đến đích cũng vẫn cứ đi. Đi mãi cho tới cứu cánh mới thôi, đừng tính ngày tính tháng, tính năm này năm nọ, cứ thẳng một đường chăm bẵm đi mãi, nhất định có ngày sẽ đến.

Thiền sư Thích Thanh Từ - Thầy chúng tôi - thế danh Trần Hữu Phước, ngài ứng thế vào thập niên 20, tiền bán thế kỷ 19 tại làng Tích Thiện, quận Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, trong một gia đình trung nông thuần Việt.

Năm lên 9 tuổi mà ngài đã cảm tác lời thơ:

Non đảnh là nơi thú lắm ai,
Đó cảnh nhàn du của khách tài,
Tiếng mõ công phu người tỉnh giấc,
Chuông hồi văng vẳng quá bi ai.

Quả là chủng duyên tu hành từ nhiều đời của ngài đã sớm khai phát.

Năm 1949, ngài được tổ Thiện Hoa thế phát xuất gia vào ngày 15 tháng 7 tại chùa Phật Quang - Bang Chang, Trà Ôn. Tại đây ngài đã cần mẫn chuyên tâm tu học.

Năm 1953, ngài theo Tổ lên Sài Gòn tu học tại Phật Học đường Nam Việt chùa Ấn Quang. Vừa học vừa lưu giảng tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ theo sự chỉ giáo của Giáo hội và chư Tổ tại chùa Ấn Quang.

Năm 1957, ngài về chùa Phước Hòa - Trà Vinh thừa hành Phật sự.

Năm 1961, ngài nhập thất hành thiền tại Thiền Duyệt Thất - Bảo Lộc, Lâm Đồng. Thời gian này ngài cùng với các pháp hữu hình thành giáo trình Cao trung Phật học và Đại học Phật giáo Việt Nam.

Năm 1963, ngài cùng với hai hòa thượng Bửu Huệ, Thiền Tâm chịu trách nhiệm khai giảng trường Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm.

Năm 1966, Phật sự vừa xong ngài giã từ Sư tổ, các pháp hữu, lên núi Tương Kỳ dựng Pháp Lạc Thất, chính thức hành thiền.

Năm 1968, ngài sáng lý sắc không, mở ra một chân trời thông thống, thấu tột yếu chỉ Thiền tông, đặc biệt qua lời giảng giải của thiền sư Khuê Phong Tông Mật trong tác phẩm Thiền Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự.

Năm 1970, ngài chính thức khai quang thiền viện Chơn Không.

Năm 1974, ngài thành lập thiền viện Thường Chiếu và sau đó các thiền viện ni Viên Chiếu, Linh Chiếu, Huệ Chiếu, Phổ Chiếu, Tịch Chiếu, Chơn Chiếu... cũng lần lượt ra đời. Tứ chúng khắp nơi đề huề tu học. Có thể nói Thường Chiếu là một đạo tràng lớn, thiền sư Thích Thanh Từ chủ hóa hoằng truyền Thiền tông Trúc Lâm Việt Nam.

Năm 1993, ngài thành lập thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng - Đà Lạt. Đây là nơi lý tưởng tối hậu của ngài. Mạch nguồn Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đến đây là thời kỳ phục hưng và phát triển mạnh mẽ. Ngài nói:

Hoài bão của tôi là khôi phục Thiền tông Việt Nam. Bởi vì người Việt Nam lập thành một hệ phái Thiền tông chỉ có ở đời Trần, còn những đời trước và đời sau đều lấy theo hệ phái của Trung Hoa. Chúng ta là kẻ hậu học, tự hãnh diện ở Việt Nam

xuất hiện một hệ phái thiền Việt Nam trọn vẹn, mang dấu ấn của chư Tổ tiền bối và dung hội tài tình đường lối tu hành của người xưa, làm kim chỉ nam cho hành giả Việt Nam.

Thế là các thiền viện khắp nơi trong đất nước lần lượt ra đời, và phát triển sang cả ngoài nước. Bước chân của ngài tới đâu là ánh sáng Phật pháp lan tỏa tới đó, đem an vui đến cho muôn người. Đặc biệt ngài đã trở về chốn Tổ, nơi phát tích dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, dựng lập thiền viện và đạo tràng Thiền tông nơi đây. Thiền phong một thuở bừng sống dậy nơi chốn Tổ non Yên, làm tiêu bảng cho thiền tăng Việt Nam, giữ vững cương lĩnh và mạch nguồn Thiền tông nước Việt muôn thuở.

Tông Môn Cảnh Huấn được kết tập từ công đức giáo hóa một đời của ngài. Bao nhiêu tâm huyết, công phu, trí tuệ và lòng từ bi của ngài thể hiện trọn vẹn trong bộ sách này. Tăng Ni Phật tử hữu duyên với pháp tu thiền, thích tu thiền, có thể lấy đây làm cẩm nang trên con đường hành thiền. Đó cũng chính là hoài bão của Ân sư, mong muốn truyền bá dòng thiền nước Việt rộng sâu trong lòng dân tộc và Phật giáo quê nhà, đồng thời mở mang rộng khắp năm châu bốn bể, lợi lạc quần sanh, đền ân Phật Tổ.

Nơi đây,

Chúng môn hạ đệ tử của ngài, có những vị đã nhiều năm theo Thầy học đạo hành thiền, có niềm tin và niềm vui nơi pháp thiền. Quý kính, tưởng nhớ đến thâm ân cao vời của Ân sư, đồng thời vâng theo chí nguyện Thầy tổ, huynh đệ cùng nhau biên tập bộ **Tông Môn Cảnh Huấn** này, ghi lại lời giáo huấn của Thầy, làm kim chỉ nam cho hành giả tu thiền. Bao nhiêu công đức có được cung kính dâng lên cúng dường Thầy tổ, kính mừng bách thọ khánh tuế Ân sư.

Nguyện Thầy cửu trụ Ta-bà, trí tuệ viên mãn, truyền tải Phật pháp Thiền tông, làm lợi ích khắp nhân gian.

TM. Ban Văn Hóa Thường Chiếu

Khể thủ,

Pháp tử Thích Nhật Quang

Mộng

Gá thân mộng
Dạo cảnh mộng
Mộng tan rồi
Cười vỡ mộng.
Ghi lời mộng
Nhắn khách mộng
Biết được mộng
Tỉnh cơn mộng.

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG

TỔ ĐÌNH THIỀN VIỆN THƯỜNG CHIẾU

KHỞI ĐẦU

Năm 1974, gia đình ông Ba chủ chùa Linh Quang, lên tận tu viện Chơn Không xin cúng dường chúng tôi sở đất 52 hecta, nằm bên quốc lộ 15 trong lòng cây số 70 do hai ông bà làm chủ. Tôi nhận xét hoàn cảnh chiến tranh, mà Tăng Ni hai viện Chơn Không, Bát Nhã có cả 50 vị ở trên núi; nếu có sự gì xảy ra thì đâu đủ lương thực nuôi sống để tu hành, nên tôi hoan hỷ nhận sở đất này. Hôm sau tôi đến quan sát sở đất, thấy một vùng bạt ngàn cỏ tranh cao tới ngực, ở giữa có một dòng suối sình lầy tre gai với dứa gai đan xen nhau. Tuy vậy, tôi nghĩ khi cần làm kinh tế tự túc, nơi này có thể nuôi sống một số Tăng Ni.

Tháng 10 năm này, tôi cho cất một ngôi chùa lợp lá tàu vách đất trên nền cao có sẵn bên cạnh cây bồ-đề. Đồng thời tôi cử Phước Tú và một số Tăng đến đây định cư để canh tác. Vì đất quá rộng, Tăng Ni các nơi vị nào muốn làm kinh tế tự túc để có phương tiện tu hành, đến đây chúng tôi sẽ chia cho theo khả năng của mỗi người hai sào, bốn sào, một mẫu. Do đó mấy năm sau, trọn 52 mẫu đều canh tác hết. Tôi gọi đây là “Khu kinh tế mới nhà chùa”.

☸ Chặng đường 1 - Kinh tế tự túc

Năm 1975, đất nước thống nhất, Tăng Ni hai viện Chơn Không, Bát Nhã ở trên núi không có phương tiện sinh sống, tôi cho hầu hết xuống núi, chỉ để lại một số ít người lớn tuổi ở giữ hai viện. Thực hiện theo tinh thần "tu, học và lao động sản xuất". Tăng Ni ở đây tận lực lao động trồng tỉa, song thu hoạch được rất khiêm nhường. Lý do người mới, đất mới, không phân bón và đất thuộc hạng bảy. Thầy trò chúng tôi đã đổ rất nhiều mồ hôi tưới tẩm trên mảnh đất cằn cỗi này, chỉ mong sao có đủ lương thực để an ổn tu hành. Kế hoạch thực hiện ở đây là lấy ngắn nuôi dài, trước trồng các loại hoa màu phụ, bắp (ngô), khoai mì (sắn), đậu phộng và lúa; đồng thời trồng các loại cây ăn quả, mít, xoài, điều, nhãn... Vật lộn với kinh tế, Tăng chúng ở đây phải làm mỗi ngày hai buổi, như tổ Bá Trượng dạy "Một ngày không làm, một ngày không ăn". Kể từ năm 1975 - 1986 là "Chặng đường kinh tế tự túc".

☸ Chặng đường 2 - Kinh tế xây dựng

Từ năm 1986 - 1999 là giai đoạn giảm nhẹ về kinh tế lại nặng về xây dựng. Bởi vì từ năm 1975 Tăng Ni xuống núi định cư vùng đất mới này, về xây cất nhà cửa thì cất nhà lợp bằng lá tàu vách đất, giờ đây nó đã dột nát và hư mục, cần phải xây

dựng lại. Được các Phật tử gần xa ủng hộ nên xây dựng lại bằng vật liệu nặng. Thường Chiếu từ đây dần dần lột xác, từ những ngôi nhà xiêu vẹo chuyển thành ngôi nhà tường lợp ngói khang trang. Chính sự chuyển biến này khiến chúng Tăng vất vả vô cùng, vừa phải trồng tỉa có miếng ăn, vừa phải kiến thiết Chánh điện, Tổ đường... có khi phải làm suốt cả đêm. Tuy vậy vẫn có những vị Tăng ý chí quyết liệt, ngoài sự lao động vất vả vẫn cố gắng tu học thu được một ít kết quả đáng khích lệ. Bởi phải làm một lúc hai việc, nên tôi gọi là "Chặng đường kinh tế xây dựng".

Trong hai chặng đường trên lao động quá gian nan, tôi ngại Tăng Ni làm quần quật suốt ngày e quên mất sự tu học, nên nhắc nhở họ bằng châm ngôn "Lao động là ăn cơm, học Phật pháp là uống nước, tu hành là hơi thở". Tôi giải thích cho họ hiểu, nhịn cơm đến sáu bảy ngày mới chết, nhịn nước đến đôi ba ngày mới chết, nhịn thở trong vài phút chết liền. Vì vậy, bất cứ nơi nào lúc nào, chúng ta không được quyền quên tu. Là tu sĩ mà quên tu vài ba phút là đánh mất bản chất và phẩm giá của tu sĩ rồi. Cho nên Tăng Ni dù phải lao động nhọc nhằn cũng không được quên học Phật pháp và tu hành.

☸ Chặng đường 3 - Chuyên tu

Kể từ năm này về sau (năm 1999) chúng Tăng ở Thường Chiếu đã bớt phần lao nhọc, chỉ còn chăm sóc vườn cây ăn quả và gieo trồng rau cải để tiêu dùng hằng ngày. Thế thì Tăng chúng phải dồn hết tâm lực vào việc tu học là bổn phận chính của mình. Là tu sĩ Phật giáo ai cũng thèm khát được học Phật pháp, được có nơi an ổn tu hành. Thường Chiếu hiện giờ có đủ hai yếu tố này, Tăng chúng không còn chần chờ lo ngại gì nữa, nên hạ quyết tâm tu cho được sáng đạo mới mãn nguyện của mình và khỏi hổ thẹn một đời Tăng sĩ. Vì thế, tôi đặt giai đoạn này là "Chặng đường chuyên tu".

Những năm cuối đời, tôi mong đợi được trông thấy khu vườn Thường Chiếu, những đóa hoa nở rộ thơm ngát và kết nhiều chùm quả chín mọng ngọt ngào. Được vậy tôi mới an lòng toại nguyện khi ra đi.

NỘI QUY THIỀN VIỆN THƯỜNG CHIẾU

I- LỜI MỞ ĐẦU

Sống chung trong thiền viện, thiền sinh tự nguyện đồng lao cộng khổ với nhau, hầu bảo đảm lý tưởng giác ngộ giải thoát của chính mình. Quyết thực hiện kỳ được lý tưởng ấy, thiền sinh triệt để tuân hành đúng nội quy của thiền viện.

II- PHẦN CHÁNH

1. Tuân hành lục hòa

Để thành một đoàn thể Tăng đúng với ý nghĩa Tăng, thiền sinh trong thiền viện phải tuân hành Lục hòa.

1. *Thân hòa đồng trụ:* Về phần thân, ăn mặc, ở và công tác, tất cả thiền sinh đều hòa đồng nhau.

2. *Khẩu hòa vô tranh:* Về phần miệng, luận bàn nói chuyện thiền sinh đều dùng lời hòa nhã, không bao giờ có lớn tiếng cãi rầy.

3. *Ý hòa đồng duyệt:* Đối đãi nhau, thiền sinh luôn luôn tâm ý vui hòa, không nên cố chấp phiền hận.

4. *Kiến hòa đồng giải:* Sống chung nhau, thiền sinh có những hiểu biết đều giải bày cùng nhau, đồng hiểu đồng thông cảm, không nên có thành kiến riêng tư.

5. *Giới hòa đồng tu:* Tất cả thiền sinh trong thiền viện đều giữ mười giới làm căn bản và sống đúng nội quy.

6. *Lợi hòa đồng quân:* Tất cả tài sản quyền lợi trong thiền viện là của chung, của những thiền sinh hiện có mặt, cần phải chia đồng đều nhau, không ai có quyền nhận giữ riêng.

2. Mười giới

Phần giới luật, thiền sinh cố gắng giữ Mười giới làm căn bản.

1. Không sát sanh (ngoại trừ trường hợp làm công tác vô tâm phạm đến sinh mạng chúng sanh).

2. Không trộm cắp.

3. Không dâm dục.

4. Không nói dối.

5. Không uống rượu.

6. Không dùng dầu thơm, các chất thơm xoa mình và không đeo đồ trang sức.

7. Không nghe ca nhạc và tự múa hát.

8. Không nằm giường đẹp rộng lớn.

9. Không ăn phi thời (vì công tác hai buổi, giới này không thể giữ được).

10. Không giữ tiền bạc và châu báu, trừ trường hợp đi đâu và giữ tiền cho chúng.

3. Tóm kết

Trong mười giới, năm giới đầu thuộc về trọng, năm giới sau thuộc về khinh. Nếu thiền sinh phạm một trong năm giới trọng, hoặc một trong lục hòa, có thể bị mời ra khỏi thiền viện. Nếu phạm một trong năm giới khinh, chỉ bị cảnh cáo.

III- PHẦN PHỤ

1. Để giữ uy tín của thiền viện, thiền sinh ban đêm không được đi tới am cốc Ni, trừ trường hợp cứu cấp hoặc duyên sự đặc biệt, song phải đi đông người.

2. Dù ban ngày, thiền sinh cũng không được đi một mình đến am cốc Ni.

3. Không mượn Ni trẻ may vá quần áo và nấu nướng, trừ trường hợp lễ lớn.

4. Giờ công tác, giờ tu tập, giờ thọ trai, thiền sinh không được trễ nải.

5. Để tiết kiệm tài sản của thiền viện, thiền sinh không được hút thuốc, uống bia và thường đi đây đi kia.

6. Để thu hoạch kết quả tốt trong việc trồng tỉa, mỗi thiền sinh phải nỗ lực và tận tâm săn sóc trong công tác của mình.

7. Mỗi thiền sinh phải tự gìn giữ những công cụ, vật liệu, tài sản của viện, không được hoang phí.

8. Hoa màu thu hoạch được do thiền sinh tự tay trồng tỉa hoặc của chung, muốn tặng biếu ai phải qua sự chỉ định của Huynh trưởng, các thiền sinh không được tự ý tặng biếu.

9. Nếu Ni chúng có nhờ mượn thiền sinh làm việc gì, tất cả đều trực tiếp với Huynh trưởng, tùy Huynh trưởng chỉ định người làm, thiền sinh không được tự ý hứa nhận.

10. Thư từ và các sáng tác, dịch thuật gửi đi hay đưa đến, đều phải trình qua hòa thượng Viện chủ xem.

11. Thiền sinh trong thiền viện muốn mượn tài liệu, sách vở v.v... của Ni chúng trong thiền viện ni phải thông qua Ban Lãnh đạo. Không được mượn trả trực tiếp, và ngược lại cũng thế.

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

1. Nghĩ đến thân chẳng cầu không bệnh, thân không bệnh thì tham dục dễ sanh.

2. Ở đời chẳng mong không nạn, không nạn thì kiêu sa ắt khởi.

3. Tham cứu tâm chẳng cầu không chướng, tâm không chướng thì việc học không có thứ lớp.

4. Lập hạnh chẳng mong không ma, không ma thì thệ nguyện không vững.

5. Sắp đặt việc chẳng cầu dễ thành, việc dễ thành thì chí còn khinh mạn.

6. Tình nghĩa qua lại chẳng mong lợi mình, lợi mình thì kém tổn đạo nghĩa.

7. Đối tiếp người chẳng cầu nuông chiều, được nuông chiều thì tâm sanh kiêu căng.

8. Thi ân bố đức chẳng mong đền đáp, mong đền đáp là ý còn mưu toan.

9. Thấy lợi chẳng cầu mình được, được lợi thì tâm si dễ động.

10. Bị hàm oan chẳng cầu minh oan, minh oan thì oán hận càng sanh.

Thế nên Thánh nhân lập bày giáo hóa:

Lấy bệnh khổ làm thuốc hay,

Lấy hoạn nạn làm tiêu dao,

Lấy chướng ngại làm giải thoát,

Lấy chúng ma làm bạn pháp,

Lấy khó khăn làm thành công,

Lấy kẻ giao hữu tệ bạc làm sự giúp ích,

Lấy người nghịch làm vườn đẹp,

Lấy bố đức làm dép rách,

Lấy lợi sơ sài làm giàu sang,

Lấy oan ức làm cửa hạnh.

Như thế ở chỗ ngại biến thành thông, mong được thông trở thành ngại.

Vì thế Như Lai ở trong chướng ngại được đạo Bồ-đề. Đến như bọn ông Ương-quật-ma-la và Đề-bà-đạt-đa đều đến làm hại, mà đức Phật vẫn thọ ký cho họ sau sẽ thành Phật. Đâu không phải họ là nghịch mà ta vẫn thuận, kia là hoại mà ta lại thành. Song thời nay người thế tục học đạo, nếu trước không ở chỗ ngại, khi chướng ngại đến khó bề dẹp nổi, khiến của báu Pháp vương do đó mà mất. Đâu chẳng tiếc ư! Đâu chẳng tiếc ư!

IV. CHƯƠNG TRÌNH HỌC

HẠN KỲ HỌC KINH LUẬN SỬ TRONG BỐN NĂM

Năm thứ nhất

Kinh:

1. Kinh Tứ Thập Nhị Chương
2. Kinh Thập Thiện
3. Kinh Di Giáo
4. Kinh Bát Đại Nhân Giác
5. Kinh Pháp Cú
6. Trích giảng và đối chiếu các kinh A Hàm.

Luận:

1. Bước Đầu Học Phật
2. Quy Sơn Cảnh Sách.

Sử: Thiền Học Việt Nam từ khởi đầu cho đến đầu thời Lý.

Năm thứ hai

Kinh:

1. Bát Nhã Tâm Kinh (Hán)
2. Kinh Kim Cang (Hán)

3. Kinh Đại Thừa Cây Lúa
4. Kinh Duy Ma Cật (Việt)
5. Kinh Viên Giác (Hán).

Luận:

1. Thiền Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ 20
2. Nguồn Thiền (Việt)
3. Luận Tối Thượng Thừa (Việt)
4. Kinh Pháp Bảo Đàn (Hán).

Sử:

1. Ba Mươi Ba Vị Tổ Ấn Hoa
2. Thiền Học Việt Nam thời Lý - Trần.

Năm thứ ba

Kinh:

1. Kinh Thắng Man
2. Kinh Lăng Già (Việt)
3. Kinh Lăng Nghiêm (Hán)
4. Kinh Pháp Hoa (Việt).

Luận:

1. Thiếu Thất Lục Môn (Việt)
2. Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn (Việt)

3. Luận Đại Thừa Khởi Tín (Hán).

4. Chứng Đạo Ca (Hán).

Sử:

1. Trung Hoa Chư Thiền Đức Hành Trạng Tập I

2. Thiền Học Việt Nam sau đời Trần cho đến hiện đại.

Năm thứ tư

Kinh:

1. Kinh Niết Bàn

2. Kinh Hoa Nghiêm.

Luận:

1. Chân Tâm Trực Thuyết

2. Luận Trung Quán

3. Vạn Pháp Quy Tâm

4. Tín Tâm Minh.

Sử: Thiền Sư Trung Hoa tập II.

CƯƠNG LĨNH PHÁP TU THIỀN BIẾT CÓ CHÂN TÂM

I. Quy sáu căn về chân tâm - Giới

1. Mắt biết thấy là chân tâm.
2. Tai biết nghe là chân tâm.
3. Thân biết xúc chạm là chân tâm.
4. Mũi biết ngửi là chân tâm.
5. Lưỡi biết nếm là chân tâm.
6. Ý biết pháp trần là chân tâm.

II. Tu khi nhận ra chân tâm - Định

1. Tu khi nhận ra chân tâm thì đi, đứng, nằm, ngồi đều nhẩm đi nhẩm lại câu "chân tâm hiện tiền".

2. Đến lúc nào trong đầu nhớ liên tục "chân tâm hiện tiền" thì chuyển qua giai đoạn III ở dưới.

III. Thể nhập chân tâm - Tuệ

1. Định nghĩa: Chân tâm là "thường biết rõ ràng mà không niệm".

2. Tập mãi cho đến khi thuần thục, chỉ còn hai chữ "không niệm". Buông luôn hai chữ "không niệm" thì tâm thênh thang và còn mãi.❍

QUY CHẾ THIỀN ĐƯỜNG

Thiền viện là đạo tràng chuyên tu thiền, tiếp nối ngọn đèn định tuệ của Phật tổ. Thiền đường là trọng tâm của thiền viện, tập trung sức sống công phu của đại chúng, thắp sáng chánh pháp Như Lai.

Thiền đường có quy củ, đại chúng tinh tấn tu hành là mạng mạch Như Lai không gián đoạn, tông môn vững chắc lâu dài.

1. Vào Thiền đường phải giữ thân tâm trang nghiêm, thanh tịnh không tán tâm nói chuyện, cười đùa, cử chỉ thô tháo làm động niệm đại chúng.

2. Không được đến trễ sau lễ Phật và xuống sớm trước hồi hướng, Tam tự quy y, trừ có trách nhiệm đặc biệt được sự hứa khả của Ban Lãnh đạo.

3. Thiền sinh đến trễ sau khi hô thiền thì không được vào Thiền đường và phải tự xấu hổ ra trước chúng sám hối.

4. Hô thiền là giây phút trang nghiêm, người hô thiền phải giữ tâm thanh tịnh, định tỉnh, giúp hành giả phấn chấn tinh thần, không được tập thử, cười đùa, chế biến theo ý riêng.

5. Khi hành giả bị hôn trầm được vị giám thiền dùng thiền bảng giúp cảnh tỉnh, phải có thái độ chân thành biết ơn, khiêm tốn chắp tay xá tạ, không được tỏ thái độ sân hận, thô lỗ, chống trái. Ngược lại vị giám thiền cũng phải tỏ thái độ cẩn thận, tôn trọng hành giả, không được khinh thường.

6. Trong giờ toạ thiền không ai được đánh thức hành giả gọi ra ngoài, trừ trường hợp đặc biệt được sự chấp thuận của Ban Lãnh đạo.

7. Không được giữa chừng xả trước nhìn qua ngó lại, cúi trước ngửa sau... mất oai nghi.

8. Xả thiền đúng phương pháp thiền viện đã hướng dẫn, không được tự ý xen vào những cách thức riêng hoặc có cử chỉ thô tháo thiếu oai nghi.

9. Xả thiền xong, bồ đoàn, tọa cụ xếp lại ngay ngắn đúng vị trí trong tư thái nhẹ nhàng, không hấp tấp và không để lại Thiền đường những vật dụng cá nhân.

10. Những vi phạm quy chế Thiền đường do Ban Lãnh đạo hoặc vị giám thiền trực tiếp xử lý.

PHƯƠNG PHÁP TỌA THIỀN

Hằng ngày khi chúng ta đối duyên xúc cảnh tâm ý dao động, từ sự dao động đó nên tâm không được khinh an. Cho nên, tâm là đầu mối của sanh tử phiền não; và cũng là nguồn cội của Niết-bàn. Do đó, đức Phật phương tiện chỉ dạy thiền định để nhiếp tâm chánh niệm.

Trong các oai nghi đi đứng ngồi nằm, chúng ta phải tập sống trong trạng thái tỉnh thức, hằng thắp sáng hiện hữu của mình trong mọi hoạt động hằng ngày. Tuy nhiên, đối với người sơ cơ, tọa thiền vẫn là một phương pháp thù thắng hơn các oai nghi kia.

DỤNG CỤ TỌA THIỀN

- 1 bồ đoàn tròn, đường kính 2 tấc, bề cao 2 tấc, dồn gòn khi ngồi xuống còn 1 tấc là vừa.

- 1 tọa cụ vuông 7 tấc để trải dưới, bồ đoàn để lên trên.

- 1 khăn lông hoặc 1 gối nhỏ dùng để chêm bên lòng bàn chân trũng.

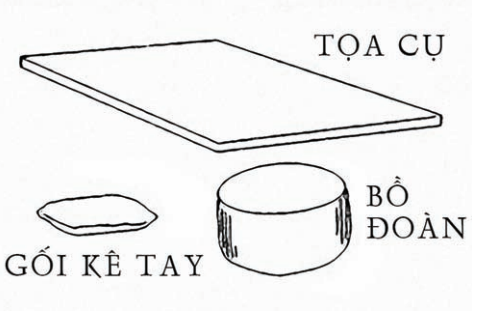

TỌA THIỀN

Có ba giai đoạn: Nhập - Trụ - Xuất.

A. NHẬP THIỀN

- Đến giờ tọa thiền, trải tọa cụ ra, đặt bồ đoàn lên tọa cụ.

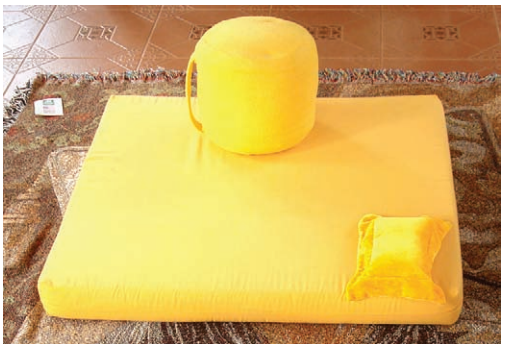

- Ngồi lên bồ đoàn, xương cùng đúng giữa bồ đoàn, nghiêng qua nghiêng lại cho an ổn mới kéo chân ngồi.

- Nới rộng dây lưng, cổ áo, sửa thân ngay thẳng.

- Có hai thế ngồi: kiết già và bán già.

☸ Nếu ngồi bán già, kéo chân trái để lên chân phải hoặc ngược lại, tùy theo chiều thuận của mỗi người.

☸ Nếu ngồi kiết già, chân trái kéo để lên đùi phải.

Chân phải để lên đùi trái. Hoặc ngược lại cũng được.

- Bàn tay phải để lên bàn tay trái. Hai bàn tay để lên hai lòng bàn chân. Những ngón tay chồng lên nhau, hai đầu ngón tay cái vừa chạm nhau, nằm ngay chiều rốn.

- Cùi chỏ vừa ôm hông là được.

- Nếu lòng bàn chân nào trũng nên dùng gối kê lên cho bằng.

- Chuyển động thân 5 lần, ban đầu mạnh sau nhẹ dần.

- Ngồi lưng thẳng vừa phải, đừng quá ưỡn cũng đừng để cong hoặc ẹo, đầu hơi cúi. Lưng còng và đầu cúi dễ sanh hôn trầm.

- Chiều chóp mũi ngay đầu ngón tay cái, hai dái tai đối xứng với hai bả vai, mắt mở 1/3, tầm nhìn không quá xa. Nhìn quá gần dễ sanh hôn trầm, quá xa dễ sanh tán loạn. Người nào ít hôn trầm có thể ngồi nhắm mắt, sẽ dễ phản quan hơn.

- Ngồi yên gương mặt bình thản, vui tươi.

- Dùng mũi hít vô cùng, đừng mạnh cũng đừng gấp, phải đều đều nhẹ nhẹ, tưởng như không khí trong sạch vô khắp châu thân làm cho những chỗ không thông theo hơi thở lưu thông; rồi há miệng thở ra sạch tưởng như phiền não, bệnh hoạn, cấu uế đều theo hơi thở ra ngoài. Thở như thế đến 3 lần cũng từ thô đến tế, từ mạnh rồi nhẹ dần. Thở xong ngậm miệng lại, môi và răng vừa khít lại, lưỡi để lên trên. Từ đây về sau chỉ hít thở bằng mũi đều đều, nhẹ nhẹ.

B. TRỤ THIỀN

Có ba phương pháp dành cho người sơ cơ:

1/ SỔ TỨC QUÁN

Sổ là đếm. Tức là hơi thở. Sổ tức quán là quan sát hơi thở ra vô, đếm từ 1 đến 10.

Có hai cách sổ tức: nhặt và khoan.

☸ Nhặt: Hít hơi vô đếm 1, thở hơi ra đếm 2, lần lượt đến 10, rồi trở lại bắt đầu từ 1.

☸ Khoan: Hít vô thở ra đếm 1, hít vô thở ra đếm 2, lần lượt đến 10, rồi bắt đầu trở lại từ 1. Cứ đếm như thế suốt thời gian tọa thiền.

Nếu trong lúc đếm từ 1 đến 10 nửa chừng quên hoặc bị lộn số, ta bắt đầu trở lại từ 1.

Sau một thời gian tu tập, hành giả đếm thuần thục không còn lộn số nữa thì ta bước qua giai đoạn Tùy tức.

2/ TÙY TỨC

Tùy là theo. Tức là hơi thở. Tùy tức là theo dõi hơi thở. Hít hơi vô tới đâu là biết tới đó. Hơi thở ra đến đâu, ta cũng đều biết rõ.

Trong khi theo dõi hơi thở, nên dùng trí quán mạng sống trong hơi thở, thở ra mà không hít vào là mạng sống không còn tồn tại. Hơi thở đã vô thường thì mạng sống của ta cũng mong manh giả tạm.

Khi theo hơi thở thuần thục rồi, hành giả bước sang giai đoạn Tri vọng.

3/ TRI VỌNG

Đầu tiên chúng ta theo dõi hơi thở ra vào an ổn đôi ba phút, buông hơi thở để tâm an tịnh, vừa có vọng khởi liền biết vọng không theo, vọng lặng thì tâm thanh tịnh. Vọng dấy liền biết có vọng, cứ thế cho đến khi vọng thưa dần và im bặt. Vọng lặng thì tâm thanh tịnh, rỗng rang trong sáng, chân tâm hiện tiền. Cái biết hiện bày nơi sáu căn.

Nếu mơ màng ngủ gục thì mở mắt sáng ra, chấn chỉnh thân tâm phấn chấn, trang nghiêm lại.

CHÚ Ý:

Trong lúc tọa thiền phải khéo tự điều chỉnh.

- Trong khi ngồi nếu thấy chảy nước miếng là hoãn (lơ là) nên chấn chỉnh lại.

- Nghe ngực nặng, tim hơi nhói là do ngồi thẳng quá, hơi thở không thông, nên rùn xuống một chút.

- Nghe nhức xương sống gần lưng quần, biết ngồi cong, phải thẳng lên.

- Đau hông là do bị nghiêng.

- Nếu nhức một bên vai, coi chừng hai vai không ngang nhau, một bên bị lệch xuống.

- Nếu nhức cả hai vai là do gồng hai tay, phải nới lỏng ra, toàn thân ở trong tư thế thư giãn.

- Đau mông là vì ngồi ngửa người ra phía sau.

- Nghe trên đầu có gì đè nặng, hoặc nghe vo ve bên lỗ tai, là vì ngồi kềm, gồng mình, đầu hơi cứng nên mới có triệu chứng như vậy, chứ không có gì lạ. Nhẹ nhàng buông xả thư giãn, một lúc sẽ hết.

Khi ngồi thiền, nếu có những tướng lạ như thân nặng nề giống như có vật gì đè nặng, thân nhẹ nhàng muốn bay bổng, ngứa trên thân, mặt như có con gì bò, cảm giác có luồng điện chạy trong xương sống, thấy phía trước có ánh sáng hoặc các hình lạ, nghe có người nói bên tai. Tất cả những tướng

ấy đều giả, không nên chấp nhận hay sợ hãi. Phải quán nó hư giả, ngồi yên làm chủ thân tâm. Dù thấy ma hay Phật, hành giả đều thấy cảnh huyễn, không mừng cũng không sợ. Vui mừng hay sợ hãi đều là nhân của điên cuồng. Không chấp trước, không quan tâm để ý, huyễn cảnh sẽ tự mất.

C. XẢ THIỀN

Khi xả thiền, trước thầm đọc bài nguyện hồi hướng:

Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

- Kế dùng mũi hít vô cùng, rồi hé miệng thở ra sạch 3 hơi. Hít vô tưởng như máu huyết theo hơi thở lưu thông khắp cơ thể. Thở ra tưởng như phiền não, bệnh hoạn, cấu uế theo hơi thở ra ngoài. Xả thiền mọi hơi thở, động tác đều từ nhẹ đến mạnh.

- Động hai bả vai lên xuống, mỗi bên 5 lần.

- Động cái đầu cúi xuống ngước lên 5 lần.

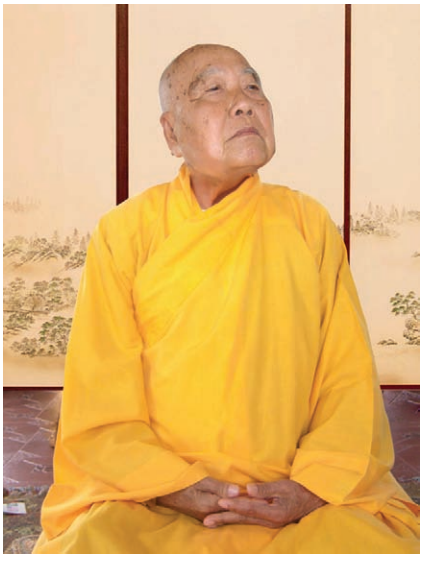

- Xoay đầu sang phải, sang trái mỗi bên 5 lần.

- Ngước lên cuối xuống 1 lần cuối.

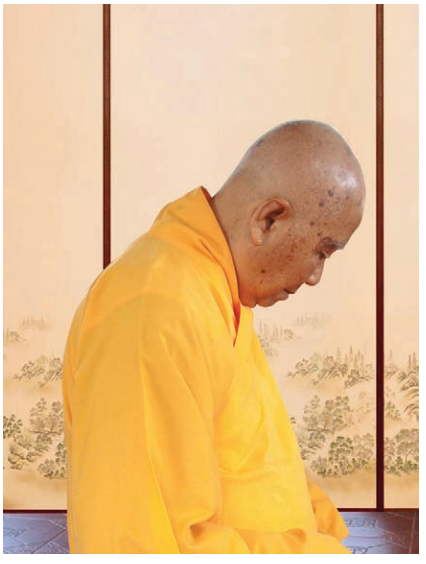

- Động hai bàn tay, xòe nắm 5 lần.

- Động thân từ nhẹ đến mạnh 5 lần.

- Lần thứ 5, dời hai bàn tay úp lên hai đầu gối, nhấn mạnh xuống.

- Xoa mặt 20 lần.

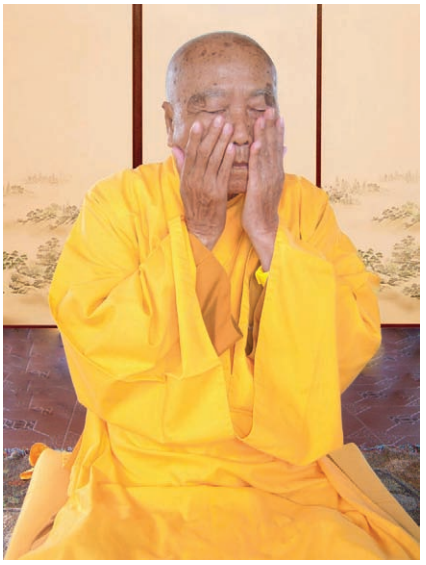

- Xoa hai lỗ tai 20 lần.

- Xoa đầu 20 lần.

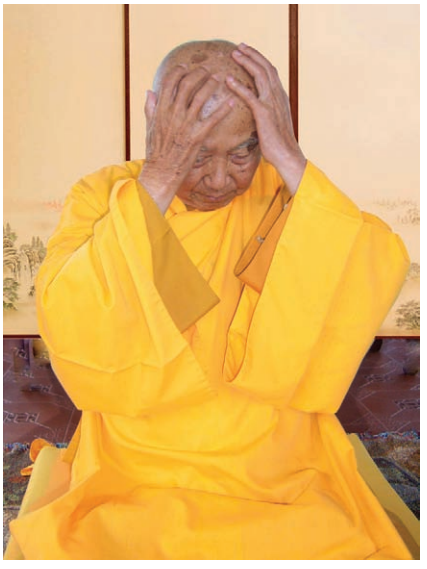

- Xoa sau gáy 20 lần.

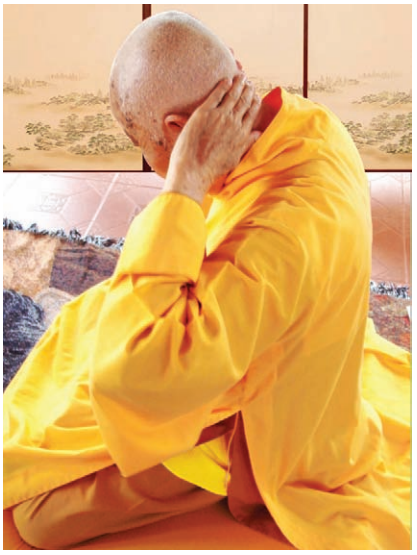

- Xoa cổ 20 lần.

- Dùng bàn tay phải xoa từ vai xuống cánh tay, bàn tay trái xoa từ nách xuống bên hông, hai tay kết hợp xoa một lượt, mỗi bên 10 lần. Và đổi bên ngược lại.

- Lòng bàn tay phải đặt lên ngực, lưng bàn tay trái trên lưng, hai tay kết hợp xoa một lượt (xoa ngang). Xoa ba điểm: ngực, bụng, bụng dưới, mỗi chỗ 5 lần.

- Xoa bụng và bụng dưới.

- Dùng hai bàn tay xoa thắt lưng, mông, đùi (tùy theo đau nhiều hay ít mà xoa, không có số lượng).

- Xoa hai ngón tay giữa cho nóng.

- Áp vào mắt 5 lần.

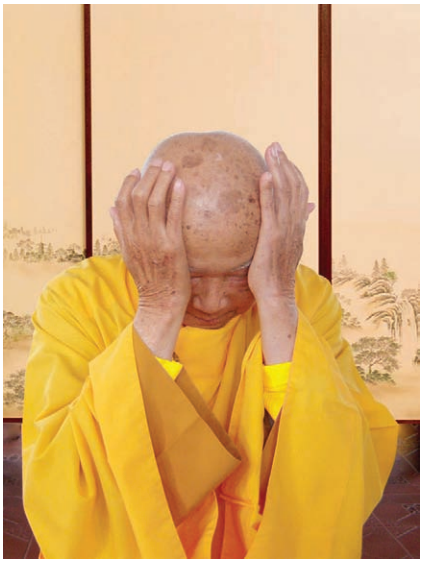

- Một tay nắm đầu các ngón chân, một tay giơ cổ chân từ từ để nhẹ xuống.

- Hai bàn tay cùng xoa mạnh lên xuống từ đùi đến bàn chân.

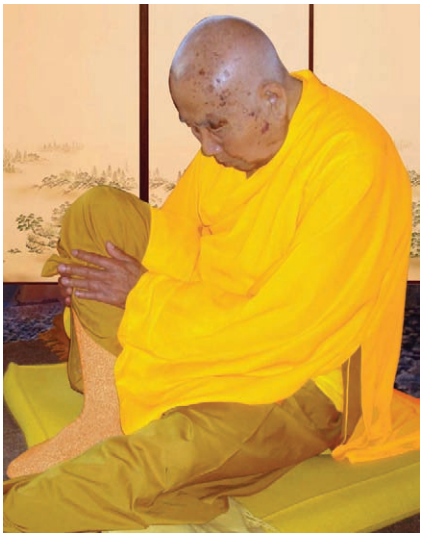

- Xoa nóng hai lòng bàn chân. Xoa bàn chân này xong rồi xoa bàn chân kia, xoa tùy thích không có số lượng.

- Duỗi thẳng hai chân ra.

- Thân rướn về phía trước, các ngón tay vừa chạm đầu các ngón chân 5 lần.

- Dời thân khỏi bồ đoàn, ngồi yên khoảng vài phút mới đứng dậy lạy Phật.

CHÚ Ý:

Khi xả thiền, mọi động tác xoa bóp đều phải ấn mạnh vào da thịt, nhưng đừng thô ồn. Thời gian ngồi thiền tùy theo hoàn cảnh hay điều kiện của từng người mà ngồi lâu hay mau. Ngồi càng lâu thì xả thiền xoa bóp càng kỹ, giúp các mạch máu được lưu thông, gân cốt mềm dẻo, tránh bị bệnh thần kinh tọa. Thời gian xả thiền từ 10 đến 15 phút.

PHẦN I
GIÁO HUẤN TĂNG NI

TU THIỀN LÀ CỘI GỐC CỦA ĐẠO PHẬT

Tu thiền là cội gốc của đạo Phật. Chúng ta tu theo Phật thì điều gì Phật dạy chúng ta ứng dụng theo, mới đúng tinh thần căn bản của đạo Phật.

Đức Phật ngồi thiền dưới cội bồ-đề được giác ngộ. Sau này, chư Tổ cũng nhờ tu thiền mà đạt được đạo quả. Cho nên nói tu thiền là nói tới cái gốc của đạo Phật, không có gì nghi ngờ. Điều này đã được ghi lại rất nhiều trong ba tạng kinh điển.

Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, Việt Nam, đó là một đường. Đường khác là từ Ấn Độ các ngài truyền bá thẳng qua Việt Nam. Phật giáo Việt Nam ban đầu không hoàn toàn chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc mà có nền tảng riêng. Từ thế kỷ thứ 2, tại thủ phủ Giao Châu chúng ta đã có chùa Dâu là trung tâm tu học, nơi dừng chân của các Phạn tăng. Hai ngài Ma-ha-kỳ-vực và Khâu-đà-la từng đến đây. Thiền sư Khương Tăng Hội ở Giao Châu sang Trung Hoa truyền bá Phật pháp, giữa thế kỷ thứ 3.

Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ thứ 2, thứ 3 rất hưng thịnh, nền tảng Phật học vững mạnh, từ buổi đầu được các vị Tăng sĩ Ấn Độ sang giáo hóa.

Cho đến bây giờ chúng ta thường nghe miền Bắc gọi Phật là ông Bụt. Chữ Bụt gốc từ chữ Buddha, Trung Hoa phiên âm là Phật-đà, dịch nghĩa là Giác giả, tức người giác ngộ.

Giác ngộ có nhiều nghĩa. Giác ngộ theo nghĩa thông thường, thí dụ một người ngày xưa làm kẻ trộm, bây giờ được giáo hóa bỏ nghề trộm cướp, gọi là giác ngộ. Giác ngộ theo nghĩa này thì thấp quá, không tương xứng với nghĩa của đạo Phật. Chữ giác trong nhà Phật có nhiều nghĩa, nhưng nói nhiều không ai nhớ nên tốt hơn gọi là Bụt.

Tiếng Bụt để minh chứng rằng đạo Phật có ở Việt Nam trước khi Phật giáo Trung Hoa truyền sang. Từ thế kỷ 14 trở về sau chúng ta gọi Phật là theo chữ Hán, chữ Nhân (亻) và chữ Phất (弗) gọi là Phật (佛).

Về mặt lịch sử, vào đời Tống đời Minh, Việt Nam thỉnh Đại tạng kinh đem về nghiên cứu, phiên âm từ tiếng Trung Hoa gọi là Phật. Bằng chứng đó cho thấy rằng Phật giáo Việt Nam không phải từ Trung Hoa truyền sang mà đã có trước Phật giáo Trung Hoa.

Về mặt thiền, các Tổ trước truyền sang Việt Nam cũng dạy tu thiền, nhưng phần nhiều nghiên cứu trong kinh. Hoặc tu Lục diệu pháp môn hay

quán Tứ niệm xứ... Đó là Như Lai thiền. Sau này chúng ta được các thiền sư ở Trung Hoa, nối tiếp truyền thiền sang Việt Nam, mới có Tổ sư thiền. Từ Tam tổ Tăng Xán chia ra hai nhánh: nhánh ở Trung Hoa là tổ Đạo Tín, nhánh truyền sang Việt Nam là ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Từ đây truyền dần xuống cùng các Tổ: Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, lập nên hệ thống thiền Việt Nam.

Như vậy, gốc ban sơ của Phật giáo Việt Nam là thiền. Mãi tới thế kỷ 19, ở miền Trung có ngài Liễu Quán, ở miền Bắc có thiền sư Minh Chánh... là những vị thiền sư đầu thế kỷ 19. Suốt 17 thế kỷ, từ thế kỷ 2 đến thế kỷ 19, Phật giáo Việt Nam tu theo đường lối thiền, đúng là gốc của đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang, không có lối nào khác. Cho đến gần cuối thế kỷ 19 sang thế kỷ 20, tất cả chùa Việt Nam nghiêng về Tịnh độ, không nghe nói tu thiền.

Điều đáng để ý nhất, chúng ta nói tu Tịnh độ, nhưng tu thế nào? Chuyên tu Tịnh độ như ngài Huệ Viễn ở Trung Hoa, ngày đêm nhất tâm niệm Phật không dừng. Bây giờ chúng ta lấy hai thời khóa tụng, đầu hôm tụng Di Đà, sau đó niệm Phật. Niệm Phật xong tụng chú Vãng Sanh, rồi hồi hướng. Như vậy Tịnh độ chỉ có một thời kinh và sau đó niệm Phật vài ba xâu chuỗi. Buổi khuya tụng Lăng Nghiêm, hôm nào bận việc thì tụng Đại Bi, Thập

Chú. Suốt một buổi khuya chỉ tụng chú, không có gì gọi là Tịnh độ. Tụng chú là lối tu của Mật tông, tụng kinh Di Đà niệm Phật là lối tu của Tịnh độ tông. Pháp tu như vậy thì không chuyên nhất.

Phật giáo Việt Nam ngày nay, đa số Tăng Ni không biết tu thiền. Chẳng những không biết mà còn phản đối. Trong khi thiền đã có mặt ở Việt Nam 17 thế kỷ. Tổ tiên mình tu mà bây giờ mình phản đối thì có phải là người con hiếu thảo, là đệ tử trung thành của Tổ hay không? Đó là điều phải suy nghĩ lại.

Đi sâu hơn, nếu nói tu thiền thì đức Phật do tu thiền mà được giác ngộ thành Phật. Mãi đến sau này chư Tổ cũng tu thiền mà ngộ đạo. Nhưng ở Việt Nam phần đông cho rằng chỉ tu hai thời khóa tụng và niệm Phật là đủ. Thời mạt pháp thì chỉ còn câu niệm Phật, không còn gì nữa. Nhưng ở Nhật Bản không phải chỉ có Tịnh độ tông, còn có Mật tông, Thiền tông. Ở các nước Phật giáo nguyên thủy Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Cao Miên, Lào... thì không niệm Phật A Di Đà, như vậy còn đạo Phật hay không?

Hiện tại, các nước trên thế giới đều chú trọng tu thiền, theo học các khóa thiền và cũng có những người đạt đạo, không phải thường. Chúng ta thấy

trong các chùa, ở sau thờ Tổ nếu không là tổ Đạt-ma thì cũng tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Chùa nào cũng thừa nhận mình là hệ thống thiền mà không chịu tu thiền. Điều đó mới lạ lùng.

Tôi nghĩ rằng mình đã quyết tâm tu, quyết tâm theo Phật thì phải tìm hiểu nguồn gốc của đạo Phật. Hiểu rồi phải ứng dụng đúng tinh thần đó. Sau khi học trong kinh, đọc sử chư Tổ tôi thấy phần lớn các ngài đều tu thiền, nên tôi chủ trương tu thiền.

Vậy chủ yếu tu thiền là gì? Bao nhiêu kinh điển Phật dạy, từ các bộ A Hàm, cả hệ thống Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn... Kinh nào Phật cũng dạy tu là phải đi đến giác ngộ. Đạo Phật khác với cái nhìn của những đạo khác ở chỗ không cầu xin các bậc giáo chủ hay đấng thiêng liêng, mà quay lại tìm ngay nơi mình, xem mình là cái gì.

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Các ông thấy sắc uẩn là thường hay vô thường?". Tất cả đều nói là vô thường. Phật hỏi: "Vô thường có khổ không?". Khổ. "Vô thường khổ thì có ngã không?". Không có ngã. Đến thọ, tưởng, hành, thức cũng thế... Trong năm uẩn, sắc uẩn thuộc về vật chất. Thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tinh thần. Phật chỉ rõ phần vật chất và tinh thần của thân này là vô thường. Vô thường là khổ, khổ là bại hoại, không có chủ, không có ngã.

Có một ngoại đạo nghe Phật nói thân này vô ngã, ông tới lý luận với Phật. Chủ trương của ông thân này là ngã. Phật hỏi ông ta: "Nếu thân này có ngã, có chủ thì mình có tự tại với nó không?". Mình không muốn bệnh nhưng nó cũng bệnh, mình không muốn những chuyện không vui đến với mình mà nó vẫn đến. Nếu mình là chủ thì đuổi bệnh đi không cho nó ở. Mình bị nhức răng, không cho nó nhức nữa mới gọi là chủ. Nhưng muốn không nhức không được thì có làm chủ chưa? Không muốn nó bệnh nó vẫn bệnh, không muốn nó già nó vẫn già. Mình không muốn nó vẫn cứ tới, không chống chọi xua đuổi nó được thì mình làm chủ hay nó làm chủ? Mình không làm chủ được cho nên gọi là vô ngã.

Ngoại đạo nghe Phật nói rồi liền chấp nhận con người là vô ngã. Vô ngã không phải là không có thân này, vô ngã là không có chủ. Kể cả thân xác thịt và tâm hiểu biết như thọ tưởng hành thức đều không có chủ, đợi duyên mới có. Thọ là cảm giác, trong có mắt, ngoài có sắc gặp nhau mới có cảm giác, rồi thức phân biệt. Như vậy cũng không tự có, phải đợi duyên.

Những tâm trạng như buồn thương giận ghét, chúng ta có làm chủ không? Như ngồi thiền là phải im lặng không cho suy nghĩ, mà có được không? Như vậy mình không làm chủ được vọng tưởng, nó

muốn nghĩ gì thì nghĩ. Thường ngày sáu căn chạy theo sáu trần bên ngoài, phân biệt tưởng tượng đủ thứ. Chạy ra ngoài thì quên mất mình, càng đuổi theo chừng nào càng quên mình chừng đó.

Chúng ta sanh ra trên cõi đời này, con người và sự vật cái nào quan trọng? Con người là gốc sắp đặt sự vật, rồi tìm hiểu sự vật. Không biết mình mà chỉ biết vật thì không đúng, đó là quên gốc chạy theo ngọn. Dù cho bên ngoài mình biết trăm ngàn thứ mà không biết mình thì vô nghĩa.

Thí dụ có một người rất thông minh, hỏi chuyện Tây Tàu gì cũng biết rành rẽ nhưng hỏi: "Thưa ông, nhà ông còn gạo hay hết?", nói: "Không biết" thì ông đó có thực tế không? Cái biết cần thiết là biết trong cuộc sống của mình, sau đó mới biết bên ngoài, mới là biết đúng lẽ thật. Chỉ biết bên ngoài mà không biết mình, đó là quên mình, vong bản, mất gốc. Nếu quen đuổi theo bên ngoài suốt đời, lúc nhắm mắt theo cảnh chi phối, đó là nhân của luân hồi.

Phật dạy, muốn giải thoát sanh tử thì phải quay lại biết mình, từ chuyên môn gọi là "phản quan tự kỷ". Phản quan là nhìn lại chính mình, xem mình là cái gì rồi mới biết bên ngoài. Nếu sáu căn chạy theo sáu trần là mê, biết quay lại quán chiếu nơi mình thì tỉnh. Tỉnh là giác. Cho nên các vị thiền sư

thường nói ngồi thiền được một giờ là làm Phật một giờ, ngồi hai giờ là làm Phật hai giờ. Phản tỉnh là giác, không còn mê. Giác nên mới thấy vọng tưởng dấy lên, khi mê thì không thấy vọng tưởng, cứ chạy chỗ này chỗ kia, không biết gì về mình, chỉ biết những cái phụ bên ngoài. Quay lại tìm nơi mình là giác. Như vậy, ngồi thiền là ngồi làm Phật, ngồi một giờ là giác một giờ.

Khi ta thấy vọng tưởng, cái thấy không phải vọng tưởng, tuy chưa dẹp vọng tưởng được nhưng mình đang giác, đang giác là đang làm Phật. Chúng ta muốn phản quan nên không cho sáu căn đuổi theo sáu trần. Mượn hơi thở vô ra, quán sát hơi thở không chạy ra ngoài, đó là phản quan. Chính khi thấy hơi thở rồi mới thấy được vọng tưởng của mình lăng xăng, đó là giác.

Khi giác được rồi có hai lợi ích lớn. Thứ nhất, biết vọng tưởng thì cái bị mình biết không phải mình, cái hay thấy biết vọng tưởng chính là mình. Như tôi ngồi trong nhà này, có khách tới tôi biết là đang ồn, lúc khách về tôi biết là không có khách. Khi ngồi thiền có vọng tưởng biết là hư giả, duyên hợp không thật, chỉ là bóng, mình thấy được nó thì cái thấy của mình hiện tiền. Như thế mới ngộ ra cái gì là thật mình, cái gì không thật mình.

Thứ hai, nương hơi thở vô ra, biết thân này sống nhờ hơi thở. Thấy mạng người trong hơi thở là đã giác rồi. Mạng người đã sống trong hơi thở thì làm sao nghĩ thân này là thật, mạng sống lâu dài? Không nghĩ thân là thật thì dùng thứ gì bồi đắp cho thân không quan trọng. Nhờ giác chúng ta phá được tham, phá được si. Ai có mắng chửi thì quán: "Mạng người trong hơi thở, hơn thua nhau làm chi?". Đó là bớt được sân.

Nhờ tu thiền mới thấy được lẽ thật. Tuy chúng ta chưa giác ngộ gì nhiều nhưng đang giác, không phải mê. Chỉ có ngồi yên lại mới thấy. Như vậy ý nghĩa ngồi thiền là để soi sáng lại bản thân mình, thấy rõ thân tạm bợ, do duyên hơi thở mà còn, ngưng hơi thở là chết, không lâu dài. Cho nên phá được tham sân.

Thấy được những niệm khởi hư dối không thật, không phải mình, mới dẹp được cái chấp ngã về tâm. Thấy thân vô thường tạm bợ là phá được chấp ngã về thân. Phá được chấp ngã về thân và tâm rồi, đó là nhân giải thoát Niết-bàn.

Như vậy gốc tu rất đơn giản, không phải chuyện xa xôi. Bởi vì lâu nay mình cứ tìm ở đâu đâu, cứ nghĩ giác ngộ là bừng sáng hào quang, không nghĩ là mình đang giác. Tu thiền là tìm ra lẽ thật ở ngay nơi mình. Có hiểu biết chân thật rồi, khi những hư

dối của thân tâm lặng hết, con người thật hiện ra. Đó là bản lai diện mục muôn đời không sanh không già, không bệnh, không chết, là Niết-bàn giải thoát sanh tử.

Sự tu của chúng ta có giá trị vượt hết hơn tất cả việc thế gian. Dù là tổng thống hay thủ tướng cũng phải bị sanh già bệnh chết, chỉ có người biết tu là thoát khỏi sanh tử, cao hơn tất cả. Đây là điều rất quý, gọi là người thoát tục. Người trần tục chỉ biết trong phạm vi của thân, của suy nghĩ nội tâm, không biết được lẽ thật, thoát ra khỏi thân tâm hư ảo.

Muốn đi tới giác ngộ phải tu. Có tu mới khai mở trí tuệ từ từ. Quán hơi thở ra vô, thấy mạng người trong hơi thở, đó là mở mắt trí tuệ. Quán thấy tâm niệm lăng xăng, nhưng biết nó không phải mình thì là thánh rồi. Thấy vọng tưởng nhưng không sợ, không cố đè nén, chỉ biết thôi. Lục Tổ nói: "Không sợ vọng khởi, chỉ sợ giác chậm". Vọng khởi mà chạy theo không biết, đó là mê. Nó khởi mà biết không theo là đủ rồi. Hết sức đơn giản. Ý nghĩa tu rất thâm trầm, như vậy mới đi đến giải thoát.

Một số Phật tử có những đòi hỏi không đúng đạo lý như: đòi phải coi ngày giờ tẩn liệm, ngày giờ chôn cất, ngày giờ định vợ gả chồng cho con cái, ngày giờ cất nhà cửa... Phật tử yêu cầu, quý thầy

không làm thì họ buồn, đi chỗ khác không tới chùa nữa. Cứ thế mà chiều thành ra sai lầm.

Quý thầy là người dạy đạo, thấy những điều lệch lạc, sai lầm thì phải nói thẳng: Đây là điều trong nhà Phật không có, tôi không làm được. Người tu là người gan dạ, không thể chiều uốn nhân tình mà sống sai đạo lý. Ngày xưa đức Phật còn tại thế, Ngài đi khất thực xin ăn từng bữa, không để dành ăn hai ba ngày. Bữa nay trời mưa không đi xin được thì nhịn đói ngồi thiền. Phật chỉ tùy duyên mà sống, không có tâm niệm để dành, không có tâm niệm chứa chất như mình bây giờ. Tâm của Phật chỉ dồn trong việc tu, sáng suốt giác ngộ để cứu chúng sanh.

Chúng ta bây giờ lo xa quá, đủ ăn năm nay là tính năm tới, nhiều khi tính hai ba năm nữa. Bởi lo xa quá nên lo hoài, tới chết cũng lo chưa rồi. Chúng ta phải thấy cái hay của đạo Phật. Chư Tăng ngày xưa có những vị đi khất thực không có gì thì nhịn đói, bữa sau đi khất thực nữa, không tìm cái này cái kia nấu nướng riêng tư. Điều này nói lên tinh thần vì đạo, không phải vì cuộc sống của bản thân.

Bây giờ mình đặt cuộc sống vật chất lên trên đạo. Trên chứ không phải bằng. Nếu bằng thì cái gì đúng đạo lý mình làm, không đúng đạo lý mình không làm. Tăng Ni gan dạ thì phải thấy rõ mục

đích tu của mình, làm sao cả ngày tâm tỉnh giác, không chạy theo mê lầm, dần dần đi tới giác ngộ giải thoát.

Như người đủ ăn đủ mặc, thuốc men đầy đủ, chỗ ở tốt đẹp, sống được 70 tuổi nhưng không biết tu. Người thiếu thốn sống chừng 40 tuổi nhưng biết tu. Người vì đạo thà sống 40 tuổi mà biết tu, còn hơn 70 tuổi mà thả trôi. Thời gian ít mà tu đúng, tâm được tỉnh giác, ra đi trong tỉnh giác. Ngược lại, muốn sung túc mà chạy theo cái mê thì khi ra đi sẽ rơi vào đường xấu. Đó là chuyện đáng lo sợ.

Tu thiền không phải làm cái gì mới lạ, mà là theo đường lối chư Phật chư Tổ đã dạy, nương vào đó quán chiếu để được giác ngộ. Tự giác ngộ rồi mới có thể cứu mình, mới chỉ dạy cho người. Không giác thì không thể cứu mình, làm sao cứu người được?

Tất cả chúng ta tu, ai cũng muốn giác ngộ. Muốn giác ngộ phải có trí tuệ, không phải do lòng tin. Dùng trí tuệ chiếu soi thấy rõ cái hư thực, không lầm lẫn các pháp, không chạy theo hư vọng, ra khỏi vô minh tăm tối thì giác ngộ giải thoát.

Các nhà bác học nghiên cứu vấn đề gì tới chỗ bế tắc, chuyên tâm nghiền ngẫm bất thần sáng lên, cái đó ai dạy? Họ dồn hết tâm lực thì trí tuệ phát lên. Chúng ta tu thiền thấy từng lẽ thật, giác từng

lẽ thật, tới đâu biết tới đó. Khi tâm tư lắng hết, trí tuệ sáng lên thì cũng là mình biết. Sẵn sàng cụ thể không phải xin xỏ, chờ đợi ở đâu. Đó là điều thực tế. Gốc của đạo Phật là tới chỗ giác ngộ, đạt được chân lý, không phải tu một cách mơ hồ. Mình tu cả cuộc đời mà gởi gắm cho cái mơ hồ, thật đáng thương.

Tất cả những bài kinh ngày xưa Phật dạy các thầy Tỳ-kheo, không bài nào Phật không nhắc, các ông phải tự giác, phải đi tới chỗ yên lặng để tham thiền, để được giác ngộ.

Chúng ta bây giờ tu, khi có lễ lớn, nào hoa muôn màu, nào kèn, nào trống muốn điếc lỗ tai, làm sao giác? Bao nhiêu là ồn náo làm trở ngại tâm thanh tịnh. Tất cả những gì chúng ta làm hôm nay có còn hợp với đạo không? Vậy mà người ta đua nhau học, đua nhau làm chỉ vì được lợi, không phải vì sự giác ngộ giải thoát. Thà là không tu, tu rồi phải làm sao để đạt được mục đích của mình.

Cả một cuộc đời hy sinh, nhất là mấy chú còn nhỏ, mấy mươi năm ở thế gian, nếu không tu thì cũng hưởng này hưởng nọ với người ta, đi chơi, ca hát tự do, bây giờ bỏ hết tất cả vô chùa phải có cái gì cao siêu hơn. Không lẽ tu rồi cũng chạy theo đuôi người ta, hưởng những cái thừa của người ta thì vô lý quá. Phải làm cái gì cao siêu hơn thế gian mới đáng hy sinh cả cuộc đời mình.

Chủ trương của tôi là Tăng Ni phải làm sao đúng giá trị là Tăng bảo, là quý báu cao siêu hơn đời. Phải nghĩ, cả cuộc đời tu là phải làm cái gì siêu thoát, không phải tầm thường. Nếu đi theo cái tầm thường thì để tóc còn hơn. Thà không tu, sống như người đời còn có lợi, ở trong đạo mà không có tâm đạo, chỉ có hình thức thì lỡ cả đời lỡ cả đạo, không cái nào ra cái nào. Được làm người không phải dễ, được làm người mà đi tu càng khó hơn. Phải làm sao chính trong cái khó đó, đi cho đến nơi đến chốn, đạt được kết quả như Phật như Tổ mới gọi là biết tu.

Người tu có hai phần, phần thứ nhất là làm chủ thể xác, phần thứ hai là làm chủ tinh thần. Muốn tự do thì trước phải làm chủ. Nghĩ rằng mai kia tới giờ ra đi, cả thân mình đau nhức không thể tưởng tượng. Lúc đó nếu gan dạ thắng được nó, kềm chế được nó thì tâm còn tỉnh. Nếu biếng nhác thì mê thẳng luôn. Vì vậy, muốn ngày mai mình làm chủ được thân này thì bây giờ phải tập làm chủ.

Ngồi thiền chịu đau đừng nghĩ là vô ích. Đau người ta chịu không nổi mà mình can đảm chịu được là đã thắng nó rồi. Trong những giờ phút đau đớn nhức nhối, mình vẫn thắng nó, làm chủ được, chấp nhận cho mày chết. Lúc đó tâm hơi loạn nhưng ý chí thắng được cái đau của thân. Bây giờ còn khỏe thắng được những cái đau nhức đó, dần

dần đến chừng gần nhắm mắt có đau nhức tới mình cũng cười với nó, không có gì quan trọng, vì đã từng thắng nó rồi.

Chúng ta thường lệ thuộc thân. Lưỡi thèm cái này cái kia là chạy đi tìm, mắt thích cái này cái kia cũng chạy đi tìm, lỗ tai thích nghe cái gì hay hay cũng chạy đi tìm. Nó đòi cái gì mình chạy theo cái nấy. Bây giờ thân đau đòi nghỉ mà mình không nghỉ là đã thắng được nó. Toàn thân thắng được thì các cơ quan khác cũng thắng được. Như quen tới giờ đó nghe nhạc, nhưng tới giờ đó nói "không cần, không cho mày nghe" là đã thắng rồi. Nhờ làm chủ được nó nên thắng những cái nó đòi hỏi. Nếu không thắng được, nó đòi cái gì mình theo cái nấy thì mình là kẻ lệ thuộc. Tập làm chủ được là tốt.

Đó là nói làm chủ thân, làm chủ tâm cũng vậy. Niệm khởi, thấy nó không thèm theo, cười nó, cười ngạo nghễ chứ không phải sợ, "cho mày chạy, thấy mày rồi". Thấy không theo là đủ, không có gì sợ. Đừng nói, sao ngồi cứ vọng tưởng hoài. Nên biết, thấy vọng tưởng đầy đủ, biết mặt từng chú là mình đã thắng rồi. Biết nó là thắng nó. Như một người khá giả, có kẻ tìm tới nhìn bà con, họ học chút ít lai lịch kể nghe cũng được được. Người này hảo tâm, thôi thì bà con cũng đem về nuôi rồi cho ở trong nhà. Sau một thời gian người đó biết được vật dụng

tiền của trong nhà, cái gì quý lén lén lấy đi. Chủ nhà bị mất hoài mà không biết ai, vì nghĩ đây là người thân của mình nên không nghi ngờ. Nhiều lần như vậy thì sực tỉnh, không biết người này phải thân thật không. Theo dõi một thời gian thì biết người này chính là kẻ ăn cắp, nhưng đã cho vô nhà rồi không thể đuổi ra được, chỉ khi có đủ bằng cớ mới đuổi đi được.

Cũng vậy, từ nào tới giờ mình cho niệm khởi là tâm mình, thân với nó. Bây giờ ngồi lại, khi nó nổi lên biết không phải là mình. Biết nó không phải là mình thì khi nó rủ làm gì, mình không theo, đó là đã thắng rồi. Khi biết nó không phải là mình thì tất cả tai họa do nó đem đến không còn nữa. Tuy nhiên nó vẫn còn ở trong đó, lâu ngày đủ điều kiện tống nó ra thì mới khỏe. Có ngày cũng tống nó ra, không sao hết. Đừng sợ khi nó còn ở trong nhà, cứ biết theo dõi nó thì nó không ăn cắp đồ của mình được.

Những điều quan trọng trong khi tu, tôi nói cho tất cả biết để cố gắng.

TINH THẦN GIÁO NGOẠI BIỆT TRUYỀN

Đề tài tôi nói hôm nay là *Tinh thần giáo ngoại biệt truyền*. Trước hết tôi dẫn bốn câu kệ của tổ Bồ-đề-đạt-ma, được xem như châm ngôn trong nhà thiền:

Bất lập văn tự,
Giáo ngoại biệt truyền.
Trực chỉ nhân tâm,
Kiến tánh thành Phật.

Nếu quý vị có đọc sách thiền hoặc những mẩu chuyện thiền thì sẽ thấy bài kệ này rất mâu thuẫn.

Câu mở đầu *Bất lập văn tự,* tức đã là một mâu thuẫn. Bởi nói chẳng thành lập văn tự chữ nghĩa, mà khi nghiên cứu Đại tạng kinh chữ Hán trong phần Chư Tông Bộ, chúng ta thấy phần ngữ lục và những tác phẩm của Thiền tông nhiều nhất so với các tông khác.

Giáo ngoại biệt truyền, tức là truyền ngoài giáo lý của Phật, lại thêm một mâu thuẫn lớn. Thiền tông là gốc của đạo Phật, mà Tổ dám tuyên bố truyền ngoài giáo lý của Phật, điều này càng không thể chấp nhận được.

Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật. Nghĩa là chỉ thẳng tâm người, nhận ra bản tánh thì thành Phật. Rõ ràng không như lịch sử mà chúng ta được biết, đức Phật đi tu trải qua gian khó mới thành Phật. Tại sao Tổ sư lại nói như thế?

Bốn câu kệ này mới nghe qua chúng ta thấy dường như mâu thuẫn nhưng sự thật thì không phải thế, mà đây chính là nói lên tinh thần và chủ trương của Thiền tông. Tôi sẽ tuần tự giải thích về những điều căn bản này, để quý vị có thể thấy rõ hơn.

Trước đây chúng tôi có nói, Thiền tông là cốt tủy của đạo Phật. Tại sao? Bởi vì đức Thích Ca ngày xưa do thiền định mà được giác ngộ thành Phật. Sau khi thành Phật, Ngài đem lý giác ngộ chỉ dạy lại cho hàng đệ tử, khiến cho mỗi người tu đều được giác ngộ. Vì thế Phật và Bồ-tát đều cùng chữ giác, nhưng Phật được gọi toàn giác hay viên giác, còn Bồ-tát thì chỉ là phần giác. Nghĩa là giác ngộ không hạn cuộc riêng nơi một người nào, mà bất cứ ai cũng có thể giác ngộ thành Phật.

Như vậy trọng tâm căn bản của đạo Phật chính là giác ngộ chứ không phải chỉ có lòng tin, do đó Thiền tông cũng lấy giác ngộ làm nền tảng để tiến tu. Muốn giác ngộ thì không thể thiếu thiền định, hay nói cách khác không thiền định thì không giác

ngộ, mà không giác ngộ thì không đủ tư cách để truyền bá Thiền tông.

Phần giác ngộ trong nhà thiền có chia ra tiểu ngộ, đại ngộ và triệt ngộ. Tại sao cũng là ngộ mà lại phân chia tới ba lớp như thế? Thí dụ chúng ta đọc lời Phật nói trong kinh cảm thấy hay nhưng không hiểu gì hết, một hôm ngồi yên bỗng nhiên sáng tỏ câu kinh ấy là ngộ, nhưng chỉ hiểu thông được một phần trong toàn bộ nên gọi tiểu ngộ. Tiểu ngộ này đối với người quyết tu thì dễ thấy dễ có, nên nói tiểu ngộ trăm lần còn đại ngộ chỉ đôi ba phen, đến khi triệt ngộ mới gọi là thấu suốt rốt ráo.

Thiền tông lấy giác ngộ làm chuẩn để tu, vì đó là gốc của đạo Phật. Muốn truyền bá thì phải có giáo lý văn tự, không văn tự thì làm sao mà truyền, vậy tại sao lại bảo truyền ngoài giáo lý, có phải là một mâu thuẫn lớn không? Bây giờ tôi sẽ thứ tự giải thích về những điều đó.

Thiền tông truyền thừa đến nay đã hơn 25 thế kỷ, sách vở ngữ lục của Thiền tông vẫn còn lưu lại trong Đại tạng. Chỉ nói phần thiền sử thôi, riêng bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục đã có tới mấy chục quyển, ngoài ra còn bao nhiêu thứ sách vở khác nữa. Nói không lập văn tự mà trên thực tế thì thấy văn tự rất nhiều, phải chăng nhà thiền nói một đàng làm một ngả? Đó là nghi vấn thứ nhất.

Đến nghi vấn thứ hai, tất cả kinh giáo là những lời chỉ thẳng lẽ thật, do đức Phật sau khi giác ngộ nói ra, được gọi là chân lý. Chân lý là lẽ thật thì làm sao loại bỏ được, mà nhà thiền lại nói giáo ngoại biệt truyền? Truyền pháp ngoài giáo lý, điều này càng không thể chấp nhận. Đến như tổ Bồ-đề-đạt-ma khi truyền tâm ấn cho ngài Huệ Khả, cũng truyền luôn bốn quyển kinh Lăng Già. Lăng Già là giáo mà giáo là văn tự, sao truyền tâm ấn rồi còn truyền văn tự để làm gì? Tổ thứ năm của Thiền tông Trung Hoa là ngài Hoằng Nhẫn, cũng thường giảng kinh Kim Cang cho đệ tử nghe. Kinh Kim Cang là giáo, vậy truyền thiền có ảnh hưởng gì tới giáo mà Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang? Rồi ngài Huệ Năng cũng nhờ nghe kinh Kim Cang mà ngộ được lý thiền trở thành Tổ thứ sáu, vậy có mâu thuẫn không? Tôi kể sơ qua vài điểm, còn rất nhiều trường hợp khác nữa. Nếu quý vị đọc trong thiền sử, sẽ thấy có những điều mâu thuẫn đến lạ lùng.

Từ trước đến đây tôi chỉ nêu lên nghi vấn mà không giải thích, bây giờ tôi sẽ trích dẫn những câu chuyện thiền, để làm sáng tỏ ý nghĩa trên. Những mẩu chuyện thiền nhỏ này, cũng sẽ giúp cho quý vị thấy rõ hơn về tinh thần kỳ đặc của Thiền tông. Tinh thần kỳ đặc ấy, không phải vì mầu nhiệm huyền bí mà bởi việc này quá chân thật, quá gần

gũi nhưng không thể nói thẳng, buộc lòng các thiền sư phải nói quanh co, do đó trở thành kỳ lạ, bí mật.

Như có một thiền khách đến hỏi ngài Động Sơn Thủ Sơ: "Thế nào là Phật?". Ngài đáp: "Ba cân gai". Đáp ba cân gai có dính gì với câu hỏi thế nào là Phật không? Thiền sư nói ở đây mà ý ở kia, nhân việc này để vì việc khác, chúng ta cần nhìn ngược lại mới thấy được ý trả lời. Nếu cứ ở trên câu nói đó mà tìm hiểu nghĩa Phật thì muôn kiếp cũng không thể thấy. Nhà thiền gọi những câu nói này là hoạt ngữ, tức là câu nói sống. Tôi dẫn một thí dụ để làm sáng tỏ thêm.

Trong Tiểu Diễm Thi của Trung Hoa kể câu chuyện: Có một cô tiểu thư rất đẹp, con của vị quan lớn trong vùng, cô và chàng trai láng giềng cùng có tình ý với nhau. Một hôm trời vừa tối, chàng trai lảng vảng ngoài hàng rào nhìn vô nhà cố tìm tiểu thư. Từ tầng lầu cao nhìn xuống thấy chàng trai có ý muốn tìm, tiểu thư bèn đứng trước cửa phòng mình kêu: "Tiểu Ngọc, đem cái bình lại đây cho cô". Nghe tiếng tiểu thư gọi thể nữ, chàng trai liền biết chỗ ở để vào. Nhân đó có câu: "Tần hô Tiểu Ngọc nguyên vô sự, chỉ hứa đàn lang nhận đắc thanh". Tiểu thư kêu thể nữ đem bình lại là cô cần cái bình hay là vì cái gì? Thâm ý của cô chính là cốt để cho chàng trai biết mình đang ở chỗ nào, chứ không phải vì cần cái bình.

Nếu quý vị hiểu được ý sâu kín của câu chuyện này thì mới hiểu được tinh thần Thiền tông. Như vậy khi đọc sách thiền mới không thắc mắc, sao các ngài nói không có ý nghĩa gì hết. Đó là tôi giải thích sơ về nghi vấn trong câu nói *bất lập văn tự*, đến đây tôi nhắc lại một câu chuyện thiền, để làm sáng tỏ ý nghĩa câu nói *giáo ngoại biệt truyền*.

Thiền sư Vân Môn sống vào khoảng thế kỷ thứ 10 ở Trung Hoa, một hôm ở giữa chúng ngài cầm cây gậy đưa lên bảo:

- Phàm phu gọi nó là thật. Nhị thừa phân tích gọi nó là không. Viên Giác gọi nó là huyễn có. Bồ-tát thì đương thể tức không. Thiền gia thì thấy cây gậy gọi là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến.

Chỉ một cây gậy đưa lên mà ngài Vân Môn đã giản trạch cho thấy tùy theo từng cái nhìn, từng trình độ mà có sai biệt. *Phàm phu gọi nó là thật*, người thế gian thấy cây gậy là thật có. *Nhị thừa phân tích gọi nó là không*, hàng Nhị thừa tức chỉ Thanh văn Duyên giác, thì nói cây gậy là không. Tại sao? Bởi vì Thanh văn nhìn sự vật theo lý vô thường sanh diệt, muôn sự muôn vật cho tới con người chúng ta, đều có mặt trong một thời gian nhất định rồi phải hoại. Như đóa hoa này, ngày nay

nở nhưng mai kia sẽ tàn. Hoa nở là có, hoa tàn là không. Từ có mà trở thành không, đó là nhìn theo luật vô thường.

Hàng Duyên giác thì quán các pháp đều do nhân duyên sanh, như cây gậy không tự có mà do duyên hợp mới có. Đủ các duyên hợp lại thành cây gậy, như vậy cây gậy chỉ là một giả tướng do duyên hợp chứ nó không có thật nên cũng là không. Như chúng ta thấy hoa hường đẹp mình thích, nhưng nếu đem phân tích từng cánh ra thì không có cái hoa hường. Nhìn thấy biết nó không thật nên không đắm nhiễm, do vậy lòng yêu thích cũng theo đó mà hết.

Nói cây gậy duyên hợp chắc hơi khó nhận, tôi tạm dùng thí dụ gần hơn để quý vị dễ hiểu. Như bây giờ tôi co năm ngón tay lại thì gọi đây là nắm tay. Nắm tay này vốn không tự có, do từ năm ngón co lại mà thành. Nếu chúng ta phân chia rời rạc ra, ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp út, ngón út, thì nắm tay có không? Không có. Như vậy năm ngón là duyên, năm ngón co lại tạm hợp gọi là nắm tay. Nắm tay đã là duyên hợp, tức nó không có thật. Đủ duyên là có, hết duyên là không. Vậy thì trên phương diện nhân duyên hòa hợp, nắm tay không thật có nắm tay, cây gậy cũng không thật là cây gậy. Thấy như thế là theo cái nhìn trí tuệ của hàng Nhị thừa, còn cái thấy của hàng Viên Giác thì thế nào?

Viên Giác gọi nó là huyễn có. Trong kinh Viên Giác đức Phật dạy: "Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác". Biết các pháp như huyễn thì không bị trói buộc, mà không trói buộc tức là rời xa, không dính mắc vào các pháp đó là giác ngộ. Tinh thần của kinh Viên Giác là dạy chúng ta quán các pháp duyên hợp huyễn hóa. Cây gậy cũng là duyên hợp, nên tuy có mà huyễn hóa không thật. Chỗ này quý vị cần nắm rõ. Nói huyễn là vì các pháp đều do duyên hợp huyễn hóa không thật, tuy có đó nhưng không thật thể nên nói nó là huyễn, chứ không phải nói huyễn có nghĩa là không ngơ. Hàng Viên Giác nhìn các pháp không cần qua phân tích mà vẫn biết rõ là huyễn có, nên dẹp trừ được tham sân si.

Bồ-tát thì đương thể tức không. Nghĩa là hàng Bồ-tát nhìn ngay cây gậy đang có đó thấy nó là không. Như nắm tay tôi hiện đang ở đây, ngay trước mắt quý vị mà nói là không. Quý vị tin nổi không? Tới đây tôi đi xa hơn một chút cho quý vị thấy rõ. Như trong kinh Kim Cang có câu: "Thế giới phi thế giới thị danh thế giới. Vi trần phi vi trần thị danh vi trần...". Thế giới không phải thế giới, ấy gọi là thế giới. Vi trần không phải vi trần, ấy gọi là vi trần... Những câu như thế làm sao chúng ta hiểu nổi.

Trở lại thí dụ nắm tay, nếu chúng ta dùng trí tuệ để nhận hiểu thì rõ ràng nắm tay này không

có thật thể. Phàm cái gì đợi duyên hợp mới có thì cái đó chỉ là giả tướng không có thật thể, nên nói nó là huyễn hóa, là không. Tôi nhắc lại, không là không có thật thể nắm tay chứ chẳng phải không có giả tướng nắm tay. Từ nắm tay mà suy rộng ra sẽ hiểu ý kinh Kim Cang nói. *Thế giới phi thế giới, thị danh thế giới.* Nói thế giới không phải thế giới là chỉ cho không có thật thể thế giới, nhưng vì duyên hợp thành thế giới nên gọi là thế giới. Vi trần cũng vậy.

Cái nhìn của Bồ-tát không đợi phân tích mới biết các pháp duyên hợp, mà nhìn thẳng vào thật thể nên nói đương thể tức không. Nghĩa là ngay tướng không cần phân tích mà biết nó không có tự tánh, cho nên hệ Bát Nhã nói cái gì cũng không. Đó là cái nhìn theo tinh thần Bồ-tát. Do nhìn sự vật như thế nên Bồ-tát tự tại, không dính mắc. Vì thế gọi các ngài là Phần giác, tức đã giác ngộ được từng phần.

Tóm lại, nhìn theo dòng thời gian thấy các pháp là vô thường, phân tích trên tướng biết các pháp duyên hợp không thật, hay rõ biết các pháp đang hiện có đều không tự tánh, thể nó là không v.v... Tất cả cái nhìn này đều y theo giáo lý kinh điển Phật dạy. Thế nhưng Phật dạy chúng ta phải nhìn như vậy để làm gì? Đó là trọng tâm của vấn đề.

Phật dạy như vậy là để chúng ta nhìn bằng trí tuệ thấy đúng lẽ thật. Bởi luôn luôn thường nhớ như thế, nên khi thấy một vật dù đẹp cách mấy cũng không tham luyến. Sở dĩ con người tham lam, giành giật nhau là vì tưởng các pháp lâu dài. Nếu biết duyên hợp tan hoại thì lòng tham đắm không còn, sân giận si mê cũng theo đó mà hết. Tham sân si hết là phá được ba độc. Bốn cách nhìn này chính là cái thấy của trí tuệ, nương vào lời Phật dạy trong kinh mà quán chiếu.

Theo cái nhìn của thiền sư thì sao? *Thiền gia thì thấy cây gậy gọi là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến.* Nói như vậy thì các thiền sư có tu không? Bốn cách nhìn trước có đường lối tu rõ ràng, còn thiền sư thì thấy cây gậy là cây gậy, nghe dường như không có tu hành gì hết. Nhưng đây chính là điểm đặc biệt của nhà thiền. Thiền tông chủ trương "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật", tức là chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Thế nên thiền sư nhìn sự vật là sự vật, thấy là thấy, không dấy niệm dính mắc vào sự vật.

Đối với sáu trần mà không dính mắc, đó là thiền. Lục tổ Huệ Năng nghe kinh Kim Cang đến câu: "Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", liền ngộ. Bốn câu kệ kết thúc bài phú

Cư Trần Lạc Đạo của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, giúp chúng ta thấy rõ hơn về điều này.

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hưu tầm mích,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên, ở giữa dòng bụi trần mà vui với đạo là phải khéo tùy duyên. Tùy duyên thế nào? *Cơ tắc xan hề khốn tắc miên,* khi đói thì ăn, lúc mệt thì ngủ, đó là tùy duyên. Sao dễ như vậy? Bởi vì *gia trung hữu bảo hưu tầm mích*, ở trong nhà mình có sẵn của báu rồi, đừng tìm kiếm ở đâu nữa. Chỉ cần *đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền,* khi đối cảnh mà không khởi niệm, không dính mắc thì đâu cần phải hỏi thiền làm chi nữa, vì đó chính là thiền rồi.

Đối cảnh không dấy niệm, không khởi dính mắc thì không có tham sân si. Không phải quán vô thường, quán nhân duyên hay quán các pháp là không thật thể, mà chỉ cần nhìn tất cả sự vật không để niệm dấy lên chạy theo dính mắc, đó là thiền. Cho nên cây gậy là cây gậy, không thêm một niệm nào hết, ý nghĩa giáo ngoại biệt truyền chính là vậy. Không cột ở trong giáo lý nhưng trọng tâm rốt ráo không hai, không khác. Có thể thấy, thiền

tuy không nói giáo lý mà gốc từ giáo lý, đi thẳng vào trọng tâm của giáo lý. Hiểu được điều đó thì chúng ta mới thấy được lối tu của thiền.

Khi tổ Đạt-ma mới sang Trung Hoa, ngài Thần Quang tìm đến cầu học. Tổ không đoái hoài, ngài Thần Quang đứng ngoài tuyết lạnh chịu đựng khổ nhọc, cho đến chặt tay để nói lên ý chí cầu đạo của mình. Cuối cùng cũng được tổ Đạt-ma chấp nhận cho làm đệ tử. Thần Quang thưa:

- Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm.

Điều này rất cấp thiết, bởi tất cả người học đạo đều muốn có một pháp để an tâm. Tổ bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.

Câu đáp rất lạ lùng. Thần Quang ngay đó ngẫm coi cái tâm bất an đang ở đâu nhưng tìm hoài không thấy. Ngài thưa:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Ngay đó ngài ngộ được lý an tâm, cho nên Tổ đổi hiệu Thần Quang thành Huệ Khả.

Qua đối đáp của Tổ, quý vị thấy có dẫn lời kinh câu kệ nào của Phật ra để dạy không? Chỉ là khi đối tượng thắc mắc, các ngài khéo nương nơi thắc mắc đó mà chỉ thẳng cho họ thấy cái thật. Đó là truyền dạy thiền, nên nói giáo ngoại biệt truyền là vậy.

Câu chuyện của ngài Huệ Khả ngộ đạo quý vị thấy có lạ lùng không? Đây gọi là trực chỉ nhân tâm. Bởi vì tất cả chúng ta ai cũng thừa nhận, cái hay suy nghĩ phân biệt tính toán là tâm mình, nên khi ngồi yên lại thì suy nghĩ đủ thứ chuyện, hết cái này tới cái kia, kể cả giờ niệm Phật hay lúc tọa thiền cũng cứ chạy lung tung. Do suy nghĩ đủ thứ mà lòng luôn luôn bất an, thế nên khi ngài Huệ Khả được gặp Tổ thì lời đầu tiên là cầu xin phương pháp tu hành để an tâm.

Tổ Bồ-đề-đạt-ma có ban cho ngài pháp gì không? Không có pháp gì cả, mà Tổ chỉ bảo đem tâm ra ta an cho. Câu nói dường như không có lý lẽ, nhưng đã là một vị Tổ thì không thể tự dưng nói chơi, cho nên ngài Thần Quang phải tìm coi cái tâm lâu nay bất an đó ra sao, ở đâu? Tìm, tìm mãi, càng tìm càng không thấy tăm dạng của nó, nên thưa con tìm tâm không được. Khi xoay lại tìm tức lúc đó tâm không còn lăng xăng, niệm bất an đã lặng. Bấy giờ Tổ chỉ nói, ta đã an tâm cho ngươi rồi. Không một thần chú linh thiêng cũng không có bài kệ hay

một câu triết lý gì, mà ngay đó rõ ràng tâm đã an. Đơn giản vô cùng.

Người tu Phật khác hơn các tôn giáo khác ở chỗ bớt đi chứ không có thêm lên. Thông thường người ta cứ nghĩ phải thêm cái này thêm cái kia, nhưng đạo Phật thì ngược lại bảo phải bớt. Thí dụ, có người làm đủ thứ việc xấu, nào là trộm cắp, uống rượu, hút thuốc v.v…. Bây giờ muốn chuyển kẻ ấy trở thành người tốt, chúng ta phải khuyên dạy họ bỏ những tật xấu đó đi. Nếu chỉ bảo bố thí, tụng kinh… mà không khuyên dạy gì thì họ có thành người tốt được chưa? Thực tế hơn hết là khuyên họ bỏ những tật xấu đi, chừng nào bỏ được rồi thì tự nhiên lúc đó họ là người tốt, khỏi cần phải dạy họ làm người tốt. Ý nghĩa tu theo Phật là thế.

Phật tử bây giờ có bệnh tham, tu mà muốn thêm chứ không chịu bớt. Thêm cái này, thêm cái kia…. cứ thêm hoài nên rốt cuộc tu không tới đâu. Tu Phật là buông bỏ, là giảm bớt. Thiền sư Hoàng Bá nói: Trong hội của Mã Tổ có trên 80 vị thiện tri thức, duy chỉ có Quy Tông là ỉa chảy đầy đất. Câu nói nghe rất thô mà thật là một lời phê bình khéo. Xổ sạch. Người ỉa chảy đầy đất là người xổ sạch hết không còn gì. Như chúng ta ở đây có xổ không? Xổ nhưng mà sợ lắm, xổ chút chút thôi chứ không dám xổ sạch. Bởi còn tích lũy nên cái tốt còn giới hạn chứ chưa thật tốt.

Thí dụ trước đây ai đó xử sự tệ với mình, bây giờ biết chút đạo lý nên dặn lòng thôi đừng giận. Nói đừng giận là bỏ cái giận thô, giận oán thù muốn giết hại, nhưng cái hờn thấy mặt họ mình không muốn ngó thì vẫn còn hoài, như vậy xổ được chừng bao nhiêu? Đó là bệnh chung của con người. Cho nên chúng ta chưa hoàn toàn tốt là vì chưa xổ hết, chừng nào buông bỏ hết thì chừng đó mình mới thật là người tốt. Theo cái nhìn của đạo Phật, không phải chúng ta tu để thành một ông Phật nào xa lạ, mà tu là buông xả hết những xấu xa phiền não để tánh giác hiện ra. Tánh giác đó chính là Phật của mình, đây mới là Phật thật. Phật là tâm mình cho nên "tức tâm tức Phật" là vậy.

Tu thiền không cần chạy tìm Phật đâu đâu, mà phải bỏ phiền não tham sân nơi mình. Buông bỏ phiền não thì Phật sẽ hiện, còn chạy tìm Phật mà phiền não không chịu bỏ chỉ là uổng công, không bao giờ thấy được Phật. Đã nói "tức tâm tức Phật", vậy cái gì không phải tâm Phật phải loại bỏ hết đi. Bỏ hết cái giả rồi thì tâm Phật hiện tiền, không cần tìm kiếm ở đâu. Chủ trương chính mình là Phật chứ không phải tìm Phật ở bên ngoài, đó là điểm đặc biệt của nhà thiền.

Chỉ thẳng cho mình biết bỏ hết những tâm loạn tưởng lăng xăng để thấy Phật, đó gọi là trực chỉ, tức

chỉ thẳng không có quanh co. Mà chỉ thẳng cái gì? Chỉ thẳng ngay nơi tâm mình, nhận ra tâm chân thật rồi thì tâm đó tức là Phật, nên nói trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật. Chữ "kiến" ở đây có nghĩa là nhận ra, chứ không phải cái hiểu biết theo suy luận thường tình của chúng ta. Suy luận tưởng tượng không bao giờ đúng lẽ thật. Phàm cái gì mắt chúng ta thấy được rõ ràng thì cái đó không còn ngờ vực nữa. Cũng vậy, nếu một ngày nào đó nhận ra được ngay nơi mình tánh Phật hiện tiền, chừng đó mới không còn nghi ngờ.

Tánh Phật đó tất cả mọi người đều có. Phật có chúng ta cũng có. Nhưng đức Phật đã khéo loại bỏ phiền não nên Ngài thành Phật, còn chúng ta chưa chịu bỏ nên chưa thành Phật. Như vậy tu thiền tức là dừng tâm lăng xăng lộn xộn, những ý niệm đó là nhân của phiền não tham sân si, chừng nào lặng được chúng rồi thì chừng đó sẽ thấy đức Phật ngay nơi chúng ta.

Quý vị tin mình có Phật không? Nếu có tin, chắc cũng chỉ tin sơ sơ thôi chứ chưa tin mạnh. Chúng ta có Phật nhưng vì quên nên mải chạy tìm kiếm. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói: Tất cả chúng sanh quên mình theo vật. Quý vị thấy chúng ta có bỏ quên mình chạy theo bên ngoài không? Tôi tạm dùng một thí dụ nhỏ, quý vị thử

trả lời một cách thật thà ngay khi tôi vừa hỏi, xem quý vị có quên mình không? Bây giờ tôi đưa tay lên, quý vị thấy không? Thấy. Tôi rút tay lại, quý vị thấy không? Không. Có tay nói thấy, không tay thì nói không thấy. Vậy là tất cả quý vị đã quên mình. Quên mình một cách đáng thương!

Tay là cảnh bị thấy, thấy là cái hay thấy của mình. Khi tôi đưa tay lên quý vị thấy có cái tay, lúc tôi rút tay lại quý vị cũng thấy, thấy chỗ này không tay. Có tay thì thấy có tay, không tay thấy không tay chứ đâu phải không thấy, nếu không thấy là mù. Đa phần chúng ta đều cho khi có cảnh là có thấy, không cảnh là không thấy, mà không biết rằng dù có cảnh hay không thì cái biết thấy có không đó vẫn rõ ràng. Cái thấy biết của mình hiện có mà nói không, có phải quên không? Thế nên Phật nói chúng sanh quên mình theo vật là vậy. Đây là việc hết sức thực tế, trong giáo lý đạo Phật luôn luôn nhắc đi nhắc lại điều này.

Hiện nay khoa học tiến bộ rất xa, con người đã biết dùng phi thuyền để thám hiểm những hành tinh cách chúng ta cả trăm năm ánh sáng. Các nhà khoa học vì muốn cho cuộc sống của con người được sung túc, nên ra công tìm kiếm khám phá vũ trụ, trái lại mấy thầy tu cứ ngồi thiền mắt lim dim ngó xuống. Thử hỏi có lạc hậu không? Ngồi như thế để

làm gì? Nhiều người không hiểu nghĩ rằng đạo Phật bi quan yếm thế, thiếu thực tế. Nhưng sự thật có thiếu thực tế không? Giả sử có người khi được hỏi chuyện bên Tây bên Tàu, nước nọ nước kia, việc tận đâu đâu cũng nói rành vanh vách. Nhưng bất chợt bị người hỏi: "Thưa anh, nhà anh còn gạo hay hết?". Liền đáp: "Không biết". Quý vị nghĩ xem người đó thực tế hay thiếu thực tế? Nguồn sống hằng ngày của mình mà không biết, chỉ biết chuyện thiên hạ mà thôi, người này quả là thiếu thực tế.

Chúng ta có thể biết trăm ngàn hành tinh ở ngoài thế giới của mình mà lại không biết mình, vậy thì biết tất cả để làm gì? Con người hằng ngày cứ lo lắng, tính toán, sắp đặt cho mình mọi nhu cầu về miếng ăn chỗ ở v.v... đủ thứ, mà khi hỏi mình là cái gì thì ngẩn ngơ không biết. Thật đáng thương cho chúng ta, vì chỉ lo nhớ cảnh nhớ vật mà quên mất mình. Điều thiết yếu hơn hết phải biết mình là cái gì. Trước biết mình rồi sau biết tất cả mới hợp lý, còn không biết mình mà cứ lo biết tất cả thì cũng như trò chơi rỗng không. Vì vậy đạo Phật luôn bảo phải xoay lại mình, không cần tìm cái gì xa xôi.

Chúng ta lâu nay cứ để sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý, phóng theo sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp mải miết. Bây giờ muốn chiếu soi trở vào bắt buộc phải dừng lại, mà dừng lại thì phải ngồi

yên ngó xuống để tâm không chạy theo bên ngoài nữa. Tâm yên định rõ biết mình là cái gì, đó là trọng tâm của người tu thiền. Rõ biết được mình gọi là ngộ đạo, nếu không biết mình tức là chưa ngộ gì hết.

Nói thẳng thì đạo Phật truyền bá là cốt giải quyết vấn đề con người, khi hiểu được mình rồi sẽ hiểu được tất cả pháp bên ngoài, còn không hiểu mình mà muốn hiểu bên ngoài e không thực tế. Tất cả triết lý trên thế gian này, không ngoài giải quyết vấn đề con người và thiên nhiên vũ trụ, mà trong đó con người là thiết yếu hơn cả. Đạo Phật nhắm thẳng vào trọng tâm này, thế nên tất cả phương pháp tu của đạo Phật, đều là xoay lại mình. Nhà thiền có câu "phản quan tự kỷ", tức là xoay lại chính mình. Xoay lại soi sáng mình là cội gốc thiết yếu của người tu thiền.

Đến đây tôi dẫn vài vị thiền sư Việt Nam, để quý vị thấy được cái nhìn của các ngài như thế nào. Thiền sư Quảng Nghiêm đời Lý, ngài sanh năm 1121, tịch năm 1190. Sắp tịch ngài để lại một bài kệ chữ Hán:

Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ,
Sanh vô sanh hậu thuyết vô sanh.
Nam nhi tự hữu xung thiên chí,
Hưu hướng Như Lai hành xứ hành.

Dịch:

Lìa tịch mới bàn câu tịch diệt,
Được vô sanh, sau nói vô sanh.
Làm trai có chí xông trời thẳm,
Chớ giẫm Như Lai vết đã qua.

Quý vị nghe đọc câu này chắc sẽ ngạc nhiên, bởi vì tất cả người tu theo Phật ai cũng nghĩ rằng phải đi theo con đường mà Phật đã đi, nếu lệch sang hướng khác là không trung thành với Phật. Tại sao thiền sư Quảng Nghiêm lại bảo chớ giẫm Như Lai lối đã qua? Đừng đi theo lối của Phật đi là tinh thần giáo ngoại biệt truyền, như phần trước tôi đã nói.

Căn cứ theo trình độ thông thường, Phật dạy muốn tu phải áp dụng pháp quán vô thường, quán nhân duyên hay quán các pháp như huyễn v.v... mới dứt trừ được tham sân si. Nhà thiền nói không giẫm lên lối Phật tức là không rập khuôn, vì vậy bảo ngay nơi tâm mình không để niệm khởi chạy theo cảnh, đó là ngăn dứt tham sân si rồi, tức đâu có giẫm lên lối cũ mà cốt lõi là làm sao để dứt trừ tham sân si, nên phải là ý chí xông trời thẳm mới được. Câu nói này đa số người dịch đều thấy ngại, sao thiền sư ăn nói ngang ngược quá. Nhưng sự thật đó chính là tinh thần giáo ngoại biệt truyền của Thiền tông.

Đến một bài kệ của Tuệ Trung thượng sĩ, nói về lý sắc không:

Sắc tức thị không, không thị sắc,
Tam thế Như Lai phương tiện lực.
Không bổn vô sắc, sắc vô không,
Thể tánh minh minh phi thất đắc.

Dịch:

Sắc tức là không, không tức sắc,
Ba đời chư Phật quyền biến đặt.
Không vốn không sắc, sắc không không,
Thể tánh làu làu, chẳng được mất.

Sắc tức thị không, không thị sắc. Câu này dẫn trong kinh Kim Cang Bát Nhã. Kinh là lời Phật dạy nhưng sao ngài lại nói *Tam thế Như Lai phương tiện lực*? Vì đó chỉ là sức phương tiện của ba đời chư Phật chứ không phải chân lý. Quán chiếu sắc tức là không, không tức sắc như thế, cũng chỉ là sức phương tiện của Phật mà thôi. Còn lẽ thật của người tu thiền là thế nào? *Không bổn vô sắc, sắc vô không*. Sắc là sắc, không là không. Như cây gậy là cây gậy, đừng thêm thắt cũng đừng phân tích so sánh. Nếu được như vậy thì *thể tánh minh minh phi thất đắc*. Thể tánh của mình sáng rỡ, không còn nói được mất gì nữa. Tinh thần giáo ngoại biệt truyền của Thiền tông là như thế.

Thiền tông cốt ngộ thẳng tâm thể bất sanh bất diệt của chính mình, đó là chủ yếu của giải thoát sanh tử.

Nói tới đạo Phật là nói tới giác ngộ giải thoát. Giác ngộ là nhận chân nơi mình có tánh Phật không nghi ngờ. Nhận được tánh Phật rồi, buông xả hết những niệm khởi vọng tưởng tạo nghiệp thì ngay đó là giải thoát sanh tử. Tại sao như thế? Vì tánh Phật của mình không bị nghiệp dẫn, đã không sanh diệt thì còn gì mà có sanh tử. Sanh tử hay không sanh tử ở ngay nơi mình, đừng nghĩ rằng giải thoát sanh tử là về một cõi nào đó cao siêu tuyệt vời, mà phải biết chính nơi mình đã đầy đủ cái không sanh tử. Chúng ta hiện giờ đang chạy theo sanh tử, nếu dừng được nhân tạo nghiệp sanh tử thì sẽ tới quả giải thoát sanh tử.

Thưa quý vị, cái gì là nhân sanh tử? Nói theo đạo Phật là nghiệp, chính nghiệp dẫn mình đi trong sanh tử. Nghiệp có ba thứ: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Tuy nói ba mà là một, tại sao? Bởi thân làm lành dữ là do ý nghĩ lành dữ, miệng nói lành dữ cũng do ý nghĩ lành dữ. Như vậy ý nghĩ là nhân tạo nghiệp, cho nên nếu dừng ý nghĩ lại thì không còn gì để tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì lấy gì dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Nếu biết ngay nơi mình sẵn có cái chân thật không sanh diệt, không chạy theo nhân tạo nghiệp nữa thì sẽ thoát

ly sanh tử, ngay đó là giải thoát. Tôi nói cái chân thật không sanh diệt sẵn có nơi mình, chắc quý vị khó hiểu, chỗ này tôi sẽ giải thích rộng hơn.

Nhà thiền thường nói "Tức tâm tức Phật", vậy tâm nào là Phật, có phải tâm nghĩ thiện là Phật chăng? Trong kinh Pháp Bảo Đàn kể: Khi thượng tọa Huệ Minh đuổi theo ngài Huệ Năng đòi y bát, thấy y bát để trên tảng đá mà nhấc lên không nổi. Huệ Minh kêu lên: Tôi đến đây không phải để cướp lại y bát mà là để cầu pháp. Ngài Huệ Năng nói: Nếu ngươi vì pháp mà đến thì hãy lặng yên chớ khởi một niệm, trầm tĩnh lại mà nghe ta hỏi. Huệ Minh lặng yên giây lâu, Tổ bảo: Không nghĩ thiện không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh? Ngay câu nói đó Huệ Minh liền ngộ. Muốn nhận ra bản lai diện mục, tức là mặt thật muôn đời của chính mình, chưa bao giờ sanh diệt thì phải không nghĩ thiện không nghĩ ác. Có người tưởng rằng nghĩ ác là phàm phu, nghĩ thiện là Phật. Không phải như vậy. Chừng nào cả hai thứ thiện ác đều lặng, chừng đó mới biết bản lai diện mục của chính mình.

Thế nên nói tới thiền là phải nói tới định. Định là niệm nghĩ thiện hay nghĩ ác đều phải dừng, tâm định rồi thì thể trong sáng mới hiện tiền. Nói theo kinh Lăng Nghiêm thì tâm mà các thiền sư nói

"tức tâm tức Phật" là chân tâm, còn tâm suy nghĩ thiện ác chợt sanh chợt diệt là vọng tâm. Thưa quý vị, ngay bây giờ chúng ta đang sống với tâm nào? Nếu sống với vọng tâm là đi đường sanh tử, sống với chân tâm là đi đường giải thoát. Rõ ràng không nghi ngờ. Như vậy, nếu ai muốn sống với "tâm tức Phật" thì đừng đuổi theo "tâm hư vọng" nữa.

Tâm hư vọng không có thật, vừa nghĩ chuyện này liền nghĩ qua chuyện kia, rồi nghĩ sang chuyện nọ, thế mà chúng ta cứ theo nó không phút giây nào làm chủ được mình. Tới giờ muốn nằm nghỉ ngơi mà nó không chịu nghỉ, cứ nghĩ ngợi lung tung chừng nào mỏi mòn nó mới chịu yên. Cả ngày chúng ta để tâm hư vọng chỉ huy mình, những khi rỗi rảnh ngồi ngắm trời mây để cho đầu óc thanh thản mà nó cũng không chịu buông tha, cứ lảng vảng đủ thứ trong đầu. Cái suy nghĩ lung tung không làm chủ được mà cho nó là tâm mình, thử hỏi từ thủy chí chung mình có trăm thứ hay chỉ là một? Chắc không ai chịu trăm thứ, phải không? Từ nhỏ là tôi thì đến già cũng là tôi. Nhưng tâm suy nghĩ trăm thứ, nào là nghĩ tốt, nghĩ xấu, nghĩ hay, nghĩ dở v.v... thì cái nào là tôi?

Hơn nữa tâm đó không thật, như khi ngài Huệ Khả xoay lại tìm tâm thì nó mất tăm mất dạng. Nếu nó mất tăm mất dạng thì cái mình cho là tâm đó đã biến mất, vậy có mình hay không? Lúc không

suy nghĩ mình vẫn hiện tiền, thấy nghe hiểu biết rõ ràng. Thế nên nếu nói tâm suy nghĩ là mình tức đã lầm rồi! Chúng ta phải dè chừng, đừng để nó chỉ huy mình. Có thế khả dĩ mới tiến tu được, còn không khéo để bị nó lôi dẫn đi, tu hành không an ổn.

Trọng tâm của Thiền tông trung thành với chủ trương của đức Phật, đó là dứt sạch vô minh phiền não, tham sân si. Muốn dứt sạch thì chủ yếu là phải xoay lại, tìm cho ra cái thật nơi mình, đừng chạy theo các thứ điên đảo vọng tưởng nữa. Thiền là quay lại mình, chứ không phải đi tìm kiếm ở bên ngoài. Thấy sự vật đúng như sự vật, không thêm không bớt, đó là thiền. Bởi thế nên chủ đích của Thiền tông là "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật". Tinh thần giáo ngoại biệt truyền là vậy. Đến đây tôi có thể kết thúc đề tài hôm nay, quý vị thấy thế nào thì tùy thảo luận thêm cho được rõ ràng hơn.

VỀ ĐẾN NHÀ

Trong quá trình tu hành, khi phát minh được điều gì mới, tôi luôn muốn chia sẻ cùng Tăng Ni và Phật tử. Tuy nhiên chỗ thấy của tôi không thể giải thích bằng lời, tôi chỉ có thể kể cho quý vị biết mình đã thấy như thế nào và cái nghi được vỡ lẽ ra làm sao. Người sáng suốt ngang đây sẽ thầm nhận được chỗ vào.

Như thường lệ, tối ngày 22 tôi cũng ngồi thiền. Đầu hôm bình an không có gì lạ nhưng tới khoảng 3, 4 giờ khuya bỗng dưng tôi cảm nhận khác. Trước đây thấy tâm mình tròn đầy trong sáng, vừa dấy niệm là hai, bây giờ nhận ra tâm cảnh bất nhị, tức là tâm mình và ngoại cảnh không hai. Đó là chỗ đặc biệt.

Khi biết khởi niệm là hai, bặt niệm là tâm tròn sáng thanh tịnh, tôi tin tâm tròn sáng thanh tịnh ở hẳn nơi mình. Đến thời điểm này tôi thấy tâm trùm khắp chứ không còn giới hạn nữa. Điều này chuyển hết tất cả sự tu của tôi, ôn lại những điểm còn nghi trước kia đều được vỡ lẽ, một niềm an vui tràn ngập trong tâm.

Thiền sử kể, một hôm vua Lý Thái Tông đến thăm thiền sư Thiền Lão, nhà vua hỏi:

- Hòa thượng trụ núi này đã được bao lâu?

Thiền sư đáp:

- *Chỉ biết ngày tháng này,*
Ai rành xuân thu trước.

Đãn tri kim nhật nguyệt,
Thùy thức cựu xuân thu.

Vua hỏi:

- Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Ngài đáp:

- *Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,*
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

Ngày trước tôi rất nghi chỗ này, tại sao trăng trong mây bạc lại hiện toàn chân, cái "chân" này nơi mình chứ đâu ở trên trời trên mây? Bất thần đêm đó tôi giải nghi được và không còn ngờ vực nữa. Rõ ràng trăng trong mây bạc hiện toàn chân, tôi nhận mình bà con với ngài. Tuy nhiên tôi vẫn thua ngài câu đầu, bởi vì tôi còn "thức cựu xuân thu" nên chưa được "đãn tri kim nhật nguyệt".

Cái nghi thứ hai trong đoạn đối đáp giữa ngài Tuệ Trung thượng sĩ và học tăng. Học tăng hỏi:

- Bạch Thượng sĩ, lời xưa nói: "Xanh xanh trúc biếc thảy là Pháp thân", có đúng chăng?

Ngài đáp:

- *Sa-di ăn măng rừng bữa trước,*
Đâu như Pháp thân ngươi hôm nay.

Tăng lại hỏi:

- Còn câu nói: "Rậm rậm hoa vàng đều là Bát-nhã" là ý nói gì?

Ngài đáp:

- *Hoa đào đâu phải cây bồ-đề,*
Sao lại Linh Vân nhập được đạo.

Trước đây tôi nghi câu nói của chú Sa-di nếu "xanh xanh trúc biếc thảy là Pháp thân", thì ăn măng tre là ăn Pháp thân rồi, cổ đức nói không lẽ sai? Sau khi giải nghi được rồi, tôi nói "ngoài tâm không một vật, mà vật chẳng phải tâm". Ăn măng tre không phải ăn Pháp thân vì măng tre là vật, không phải tâm. Đó là lý do người xưa thường nói "tâm hay sanh muôn vật". Khi chưa hiểu chỗ này, tôi cho rằng thiền có tính cách duy tâm cực đoan, cái gì cũng tâm sanh hết. Nhưng bây giờ tôi thấy ngoài tâm không một vật,

tâm trùm hết và vật không phải tâm. Cũng vậy, ngoài hư không không một vật và vật không phải hư không.

Chỗ này gần với câu "Bản lai vô nhất vật" của Lục Tổ và hai câu thơ của thiền sư Minh Chánh: "Chẳng biết bản lai vô nhất vật, công phu luống uổng một đời ai". Thật hay tuyệt! Lục Tổ thấy thể tánh rỗng lặng, không phải vật tượng có hình tướng nên ngài xứng đáng vào được cửa. Khi nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang đến câu: "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", ngài triệt ngộ thốt lên rằng:

Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,
Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt,
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ,
Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động,
Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp.

Lúc trước ngài thấy thể của tâm không một vật, nếu có vật tức thuộc về hoại diệt. Nghĩa là ngài mới thấy được cái thể chứ chưa thấy tột sự bao trùm của tâm chân thật. Đến đây ngài thấy thật thể của bản tâm hay sanh muôn pháp, bao trùm tất cả. Nói sanh là một phương tiện chứ không phải như cha mẹ sanh con, cây này chết sanh cây kia. Trong nhà Phật dùng danh từ Pháp thân, chân tâm, Phật tánh để chỉ cho tâm chân thật không hai, trùm khắp pháp giới. Như vậy đối với câu ngài

Tuệ Trung thượng sĩ bẻ, tôi đã thấy rõ không còn nghi ngờ.

Trong thiền sử kể về câu chuyện gia đình ông Bàng Uẩn thật thú vị. Một hôm đang ngồi trong am, ông chợt nói:

- Khó khó mười tạ dầu mè trên cây vuốt.

Bàng bà đáp:

- Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư.

Linh Chiếu tiếp:

- Cũng chẳng khó cũng chẳng dễ, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò.

Tôi không nghi lời ông Bàng Uẩn và cô Linh Chiếu nói, chỉ nghi lời của bà thôi. Xưa nay học trong kinh sách mình chỉ thấy ý Tổ sư là chỗ không khởi niệm, vô tâm chứ chưa thấy ý Tổ sư đầy trên đầu trăm cỏ bao giờ. Nhưng bây giờ tôi đã giải nghi đối với bà Bàng Uẩn và có thể nói khác đi một chút: "Vạn vật thượng đầu Tổ sư ý". Nghĩa là không chỉ trăm cỏ mà tất cả các loại cây khác như dừa, mít, ổi... đều có ý Tổ sư.

Kế đến là đoạn đối đáp giữa thiền sư Nham Đầu và thiền sư Tuyết Phong. Trên đường đi hành cước, hai ngài gặp tuyết xuống quá nhiều nên tìm

chỗ dừng lại ngủ. Ngài Nham Đầu ngày ngày lo ngủ, còn ngài Tuyết Phong một bề ngồi thiền. Một hôm, ngài Tuyết Phong gọi:

- Sư huynh! Sư huynh! Hãy dậy.

Ngài Nham Đầu hỏi:

- Dậy làm gì?

Ngài nói:

- Đời nay chẳng giải quyết xong, lão Văn Thúy đi hành khước đến nơi chốn, bị y chê cười, từ ngày đến đây sao chỉ lo ngủ?

Ngài Nham Đầu nạt:

- Ngủ đi! Mỗi ngày ngồi trên giường giống như thổ địa, ngày sau bọn ma quỷ nam nữ vẫn còn.

Ngài chỉ trong ngực nói:

- Tôi trong ấy còn chưa ổn, không dám tự dối.

Thiền sư Nham Đầu bảo chỗ nào thấy chưa ổn cứ nói ra ngài giải nghi cho. Khi ấy ngài Tuyết Phong kể đầu đuôi gốc ngọn chuyện ngộ đạo của mình. Chặng đầu ở chỗ thiền sư Diêm Quan ngộ lý sắc không tức lý Bát-nhã. Chặng thứ hai ở chỗ thiền sư Động Sơn ngộ bài kệ qua cầu. Chặng thứ ba ở chỗ thiền sư Đức Sơn ngộ được thùng thông

lủng đáy, không một pháp cho người. Đến đây ngài Nham Đầu nạt:

- Ông chẳng nghe nói "từ cửa vào chẳng phải của báu trong nhà"?

Ngài Tuyết Phong hỏi lại:

- Về sau làm thế nào mới phải?

- Về sau, nếu muốn xiển dương đại giáo, mỗi mỗi từ trong hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi.

Từ hông ngực lưu xuất thì tôi chấp nhận nhưng che trời che đất tôi còn nghi, làm sao có thể che được? Thật khó hiểu! Tới đây tôi phá được cái nghi này, không có gì ngoài tâm chân thật, nghĩa là che trời che đất rồi. Lời người xưa nói chân thật không rỗng, chỉ vì chúng ta chưa tu tới đó nên không hiểu đâm ra nghi ngờ.

Tất cả việc làm của người xưa đều muốn đem lòng chân thật chỉ bày cho người sau. Có những chỗ chúng ta chưa hiểu nên dễ sanh hoài nghi. Cái nghi này không do đề khởi, nếu tiếp tục công phu đến thuần thục, phút giây nào đó cái nghi tan biến, thấy được lẽ thật.

Trước đây khi giảng đến chỗ tâm trùm hết là tôi suy lý theo lời Phật tổ dạy. Phàm cái gì có

hình tướng đều giới hạn, dù lớn như quả núi cũng vậy, còn cái gì không hình tướng như hư không thì không có giới hạn. Tâm chân thật giống hư không không hình tướng nên nó trùm khắp. Đây là suy lý chứ thật sự tôi không thấy cái trùm khắp thật của nó. Đến giai đoạn này tôi đã thật thấy một cách rõ ràng tường tận không nghi ngờ. Điểm trọng yếu này đòi hỏi người tu Phật phải nhận thấu được, tôi chỉ kể cho quý vị nghe thôi, chứ không giải thích tại sao nó trùm khắp. Mỗi người ráng tu tới đây sẽ tự hiểu.

Sau khi giải hết nghi ngờ, sự tu hành của tôi cũng theo đó chuyển sang một hướng mới. Trước thấy tâm thể lặng lẽ tròn sáng, nếu dấy niệm tâm sẽ mờ tối nên cần phải bỏ hết niệm. Bây giờ tôi thấy tất cả các pháp không ngoài tâm mình. Thân này giống như bọt nước ngoài biển, vọng tưởng là những gợn sóng lăn tăn trên mặt biển và tâm thể của mình là biển cả bao la. Tôi đặt câu hỏi: "Phải loại bọt và gợn sóng lăn tăn đi đâu?", rồi tự trả lời: "Hết chỗ loại".

Ngày xưa tôi ứng dụng lối tu thiền bằng hai cách loại ra và thu vào, tới đây hết loại được vì không còn gì để loại và không có chỗ để loại. Vọng tưởng là những gợn sóng lăn tăn nằm trong biển tâm trùm khắp. Chỉ cần vọng tưởng lặng xuống, biển tâm hiển hiện tròn đủ cho nên vọng tưởng cũng thuộc về tâm, chứ không phải cái bên ngoài.

Đến đây sự tu của tôi nhàn hơn một chút. Chỗ này quý vị cẩn thận đừng hiểu lầm rồi bắt chước làm sai. Nghe nói tu nhàn nhàn, ngồi chơi nhiều ngồi thiền ít, coi bộ dễ quá. Không phải! Muốn được nhàn như tôi phải đợi chừng nào thấy và sống với chỗ trùm khắp kia, chưa thấy mà làm theo là sai.

Thời tiết trên Đà Lạt rất lạnh nên tôi không thường xuyên ra ngoài chơi và nằm rất ít. Tôi thích ngồi thiền nhiều cho ấm, do ngồi thường xuyên nên tôi gọi mình là ông đạo ngồi. Nhưng khi về Thường Chiếu, tôi gọi mình là ông đạo nằm. Bởi vì ngồi một hồi mồ hôi ướt hết áo, thành ra tôi hay nằm võng hơn. Tùy theo trình độ sai biệt mà sự tu có những ứng dụng thích hợp. Nếu tâm xao xuyến nhiều mà hay đi ra ngoài thì càng xao xuyến hơn. Khi thấy tất cả các pháp không ngoài tâm mình, không có gì phải loại ra hay trừ bỏ thì đứng đâu cũng là chỗ tu. Hiện giờ thân này và vọng tưởng không còn giá trị gì đối với chỗ thấy của tôi. Nhẹ nhàng, thảnh thơi.

Có thể nói ngày trước tôi chưa xong việc nhưng vẫn dám dạy quý vị tu. Tôi từng nói, người tu giống kẻ đi lạc đường, nhất là lúc bị lạc trong rừng, lẩn quẩn tìm không ra lối thoát. Trong khi mình đang lo lắng khổ sở, một người bạn xuất hiện chỉ lối mở đường cho mình thoát nạn. Bấy nhiêu đó thôi cũng xứng đáng cái ân quá lớn rồi. Chư Tổ trong nhà

thiền từng nói, người giải ngộ có thể làm thiện tri thức hướng dẫn người khác tu. Giải ngộ tức là thấy và nhận được tâm mình cho nên tôi rất thật thà, thấy sao nói vậy.

Tôi từng tuyên bố mình là kẻ biết đường về chứ chưa tới được nhà. Bởi biết đường về nên mới hướng dẫn lại cho quý vị. Tôi đi trước, quý vị theo sau, chúng ta cùng trở về nhà. Trải qua 20 năm, kẻ đi trước nắm níu người theo sau, quý vị đi chậm tôi cũng không mau lẹ gì. Năm nay tôi quyết định gỡ tay, giao quý vị tự đi vì thế tôi được nhẹ nhàng thảnh thơi, bước đi một cách nhanh chóng. Cuối cùng tôi đã về đến nhà. Tuy nhiên tới được nhà chưa phải vô nhà ngồi tréo chân uống trà. Bởi vì cái nhà bỏ hoang lâu ngày, nào là nhện giăng bụi phủ, đủ thứ dơ tạp cho nên phải quét dọn lau chùi. Xong xuôi sạch sẽ rồi, mới dám lên bộ ngựa giữa uống trà.

Tới đây chúng ta mới thông cảm ngài A-nan. Trong kinh Lăng Nghiêm nói, sau khi nghe đức Phật chỉ cho thấy rõ tất cả năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới cho đến bảy đại đều từ Như Lai tạng lưu xuất, ngài A-nan liền đại ngộ. Nhưng khi đức Phật nói đến nhân duyên và tự nhiên, ngài cũng lại như trước nghi nó là thật. Bởi vậy, đức Phật phải một lần nữa giải thích cho ngài A-nan thấy nhân duyên

và tự nhiên đều không thật. Lúc này ngài mới tin chắc mình có cái chân thật quý báu, tuy nhiên vẫn không biết làm sao để vào. Giống kẻ nghèo cùng lang thang chợt được nhà vua tặng cho ngôi nhà đẹp mà chưa biết vào bằng cửa nào, xin Phật chỉ bày phương tiện. Do đó, về tới nhà chưa phải xong việc mà còn ra sức dọn dẹp mới được thảnh thơi. Đó là những điều thiết yếu trên con đường tu hành.

Gần một tháng trời tôi đắn đo không muốn nói ra những điều này vì e sợ một số người hiểu lầm, mình tu còn khoe khoang. Nhưng kẹt một điều, giả sử trong hàng môn nhân bất thần có người đến được chỗ tâm cảnh không hai, nhớ lại lời tôi dạy tâm thể tròn sáng dấy niệm là hai, họ sẽ sanh tâm ngã mạn thấy thầy thua mình một bậc. Nghĩ như vậy là tổn phước nên buộc lòng tôi phải nói ra. Hoặc sau này nếu có những thiền khách đến được chỗ tâm cảnh không hai, họ sẽ phê phán tôi khiến quý vị dễ thối tâm. Bởi hai lý do đó nên bất đắc dĩ tôi phải chia sẻ những điều mình thấy hiểu chứ không thể làm thinh. Đó là ý nghĩa buổi nói chuyện hôm nay.

Hôm trước tôi hứng thú làm một bài thơ mang tên Tặng Bạn, nội dung như sau:

Bạn biết chăng cuộc đời đầy đau khổ?
Bởi con người mãi gieo rắc hận thù.

Gây đau thương, gây tang tóc, ngục tù,
Rốt cuộc chỉ còn là cơn ác mộng.
Nào lợi danh, nào tài sắc,
Từ xa nhìn chúng óng ánh lung linh.
Bọn mình đua nhau tranh giành đuổi bắt,
Nắm được rồi, nhìn lại chỉ tay không.
Chúng vốn là những chùm bọt trên sông,
Còn chi đâu, chỉ toi công nhọc sức.
Trời trong, mây trắng, gió mát, trăng thanh,
Vườn cây xanh rờn, khóm hoa cười mỉm.
Nhạc dế nhẹ nhàng, giọng chim thánh thót,
Chính nơi này đã hiện rõ chân nhân.
Hận ngàn năm đều tan nát trong mơ,
Đâu còn nữa những khổ đau buổi trước.
Muốn thấy nó bạn đừng theo vọng tưởng,
Niệm lăng xăng chìm lắng biển thanh bình.
Đến đây rồi, hạnh phúc khó thưa trình,
Chỉ xem thấy, nụ cười luôn hé nở.

Tựa đề bài thơ mang ý nghĩa tặng bạn đồng hành trên con đường tu tập, chứ không phải bạn thường ngoài thế gian.

Đoạn thứ nhất gồm bốn câu đầu. Sở dĩ cuộc đời tràn trề đau khổ vì con người không ngừng gieo rắc

hận thù, hết gây đau thương lại gây tang tóc ngục tù, cuối cùng nhìn lại chỉ là cơn ác mộng. Tất cả khổ vui trên cõi đời này đều là mộng ảo không thật. Chẳng ai muốn mình mơ phải ác mộng, dù biết mộng không thật nhưng vẫn muốn mơ thấy mộng lành. Làm sao giật mình thức dậy còn cười được chứ đừng nước mắt giàn giụa. Người học đạo chân chánh phải biết tường tận mộng lành mộng dữ đều là mộng, đau khổ của cuộc đời không ngẫu nhiên có và mọi sự chỉ là cơn mộng ảo.

Đoạn thứ hai gồm sáu câu tiếp theo. Đứng từ xa nhìn lợi danh, tài sắc óng ánh, lung linh tuyệt đẹp nên thích thú đua nhau tranh giành đuổi bắt. Tuy nhiên, hạnh phúc nắm được cũng trở thành không, giống y như người vỡ mộng. Lợi danh tài sắc tuy đẹp nhưng không thật có, chúng chẳng khác nào những chùm bọt nổi trên sông nước. Trời nắng sáng, nhìn xuống mặt sông thấy chùm bọt óng ánh dễ thương, nhưng khi lấy tay vớt nó liền tan biến. Lợi danh tài sắc cũng như vậy, mải mê đuổi theo nắm bắt rốt cuộc chỉ uổng công nhọc sức mà thôi.

Đoạn thứ ba gồm sáu câu tiếp theo. Đây chính là chỗ tôi trình kiến giải:

Trời trong, mây trắng, gió mát, trăng thanh,
Vườn cây xanh rờn, khóm hoa cười mỉm.

Nhạc dế nhẹ nhàng, giọng chim thánh thót,
Chính nơi này, đã hiện rõ chân nhân.
Hận ngàn năm đều tan nát trong mơ,
Đâu còn nữa những khổ đau buổi trước.

Mọi thứ xung quanh chúng ta đều là con người chân thật của chính mình, hiện hữu đầy đủ, không vắng thiếu. Đến đây, những hận thù khổ đau trong muôn năm cũng tan biến như giấc mộng đêm qua.

Đoạn thứ tư gồm bốn câu kết. Muốn đến được chỗ chân thật, trước tiên phải đừng theo vọng tưởng. Tất cả niệm lăng xăng giờ đây lắng đọng trong biển tâm phẳng lặng trong trẻo. Chỗ này không thể dùng lời nói diễn tả, chỉ riêng mình nhận được chứ người khác khó có thể hiểu nổi. Niềm vui đó thầm thầm nhưng vô cùng an lạc.

Mong tất cả quý vị nghe hiểu và lãnh hội những điều tôi chia sẻ. Chúng ta cùng cố gắng tiến tu lợi mình lợi người, xứng đáng bổn nguyện người xuất gia tu hành cầu giác ngộ giải thoát và cứu độ chúng sanh.

CHỦ TRƯƠNG TU HỌC LAO ĐỘNG TẠI CÁC THIỀN VIỆN

Thiền viện Thường Chiếu
Xuân Bính Dần - 1986

Hôm nay ngày đầu xuân, tôi về Thường Chiếu thăm chư Tăng Ni và tất cả Phật tử, được quý vị mừng tuổi chúc Tết, tôi rất hoan hỷ. Nhân đây tôi có ít lời gọi là nhắc nhở nhân buổi đầu năm. Những lời này có giá trị nhắc nhở trên phương diện sống, tu làm sao cho thích ứng với cuộc sống hiện tại, mà cũng có lợi ích ngay cho đời tu của chính mình. Vì vậy tôi không nói chuyện xa vời hay những lời chúc mừng rỗng, mà tôi muốn chúc thực tế. Đó là nhắc lại lập trường và chủ trương của tôi tại các thiền viện cho tất cả Tăng Ni và Phật tử biết rõ, để trong cuộc sống tu hành vừa thích ứng vừa có lợi lạc.

Từ ngày mở thiền viện đến giờ, tôi thường nhắc Tăng Ni ở các thiền viện phải biết rõ mục đích của mình là gì? Làm thế nào để thích ứng với hoàn cảnh hiện tại và đúng tinh thần tu hành của thiền viện. Hôm nay tôi nhắc rõ lại điều này một lần nữa, để tất cả Tăng Ni hiểu rõ đường lối của mình mà đi cho

đúng. Nếu không nhắc thì lâu ngày có thể quên trọng trách của mình thành sai lệch, không khéo chẳng những không lợi cho mình mà lại có hại là khác.

Đường lối của thiền viện có ba điểm, đó là: tu, học và lao tác.

Điểm thứ nhất: Người tu phải lấy sự tu làm trên, đời chúng ta là tu sĩ thì tu là việc cứu cánh chứ không phải phương tiện. Nhưng muốn được tu yên thì cần phải có điểm thứ hai là học.

Điểm thứ hai: Muốn tu được thì phải học, không học làm sao hiểu mà tu. Cho nên điểm số một là tu, điểm số hai là học, vì nhờ có học mới biết đường lối tu. Nhưng nếu có tu, có học mà không có cơm ăn, áo mặc... cũng không được. Cho nên tới điểm thứ ba là phải lao động sản xuất.

Điểm thứ ba: Lao động sản xuất trước là làm cho mình có ăn, mà cũng có sự đóng góp với xã hội.

Đó là ba điểm cần thiết mà tôi nhắc cho tất cả Tăng Ni nhớ. Như vậy, bổn phận của tu sĩ chúng ta hiện giờ không phải chỉ tu thôi, mà phải học và lao động nữa.

Thế nên điều đầu tiên cần phải nhớ, tu hành là trách nhiệm tối thượng của mình. Song song trách nhiệm ấy, cần thấu rõ con đường chúng ta tu

là để lợi mình và lợi người, do đó phải học hiểu cho rõ đường lối tu. Là người tu thì không lý do gì mà chúng ta tu mù, không thấy rõ đường lối Phật tổ chỉ dạy, như lâu nay người ta hay nói "tu mù luyện quán". Cho nên dù công tác bề bộn, hoàn cảnh nhiều phức tạp, nhưng tôi mong tất cả Tăng Ni trong các thiền viện, đều phải dành một ít thời giờ nhất định để học đạo lý. Học hiểu thì sự tu của chúng ta mới có đường lối rõ ràng và giáo hóa đồng bào Phật tử đúng với tinh thần Phật pháp. Vì vậy, tu và học là điều không thể thiếu.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại không cho phép chúng ta chỉ ngồi yên tu học thôi, mà cần phải có lao động sản xuất nữa. Trong lao động sản xuất, làm sao mình làm nhọc thì phải thu hoạch được kết quả như đã vạch ra. Tôi thí dụ cụ thể, như mình ra công làm 10 ngày thì ít ra cũng phải thu hoạch lại số đậu, bắp, lúa thóc... xứng đáng với 10 ngày công đó hoặc trội hơn, chứ không thể làm 10 ngày rồi bỏ trôi sông, trôi biển. Như vậy thì lao động sản xuất trở thành vô ích. Do đó Tăng Ni nên nhớ, chúng ta lao động thì phải có kết quả, mới xứng với công của mình mà cũng khỏi uổng phí tiền bạc của Phật tử và mọi người thương xót giúp đỡ.

Tuy tôi nói là ba, nhưng sự thật quy lại chỉ có một. Tại sao? Bởi vì đời tu sĩ thì việc tu là chủ yếu.

Sở dĩ học là để hiểu mà tu, lao động sản xuất có cơm ăn cũng để sống mà tu. Cho nên vì tu mà học, vì tu mà lao động, không có cái nào ngoài sự tu. Người tu mà làm ngoài việc tu, tức là đã đi lệch đường lối của người tu rồi.

Tôi nhắc lại, việc tu, học và lao động sản xuất là ba điều không thể thiếu được. Tu là gốc, kế là học, rồi đến lao động sản xuất. Nhưng nhớ, chủ đích không ngoài việc tu. Nếu thiếu một trong ba điều đó thì chúng ta không tròn bổn phận trong hoàn cảnh hiện tại, nhất là không đi đúng tinh thần của thiền viện. Đó là tôi nói về ý nghĩa ba mà một.

Tôi nói rõ thêm chỗ này, không phải nói rằng làm để có cơm ăn rồi sẽ tu, mà phải tu ngay trong việc làm, chính trong lúc làm cũng là lúc tu. Tu như thế nào? Người tu niệm Phật khi cuốc một cuốc đất thì niệm một câu niệm Phật, còn người tu thiền khi cuốc một cuốc đất phải tu như thế nào?

Chúng ta thường cho rằng tụng kinh, ngồi thiền mới là giờ tu. Nghĩ thế là chưa đúng. Nếu tối tụng một thời kinh hơn nửa tiếng, ngồi thiền 2 tiếng nữa, cộng lại khoảng 3 tiếng. Ngày đêm 24 giờ đồng hồ mà chỉ tu có 3 giờ, còn 21 giờ kia thì gởi sông, gởi biển. Như vậy, thử tính xem. Một ngày tu 3 giờ, rồi một tháng, một năm cho đến 10 năm... cộng lại

tu được bao nhiêu giờ? Một ngày 24 giờ mà tu có 3 giờ, tức là mình tu chỉ hơn một phần mười thời gian thôi. Như vậy thì việc tu quá ít ỏi, không thấm vào đâu hết! Nếu cứ nghĩ chỉ có thời tụng kinh, tọa thiền mới là giờ tu, thì thật là ít ỏi thay cho sự tu hành của mình.

Tôi nhắc kỹ, chính trong khi lao động là giờ tu của mỗi người. Sáng lao động từ 8 giờ đến 10 giờ, chiều từ 3 giờ đến 5 giờ. Thế thì, trong mấy tiếng đồng hồ lao động đó cũng là mấy tiếng đồng hồ để chúng ta tu. Như vậy, người tu thiền ngay trong giờ lao động cũng chính là giờ tu.

Tôi hỏi quý vị, làm gì trong giờ lao động? Nếu trong giờ lao động chỉ lo nói cười thôi thì thật là uổng phí thời giờ tu của mình. Làm sao trong mọi công tác cuốc đất, nhổ cỏ v.v... mình đều biết rõ cái nào là vọng tưởng và lúc nào không vọng tưởng, đừng bị việc làm để cho quên lãng. Trong khi làm chăm chú vào việc làm, vọng tưởng dấy lên không đuổi theo. Được vậy thì dù làm bao nhiêu cũng không mất thời giờ tu.

Khi ngồi thiền vọng tưởng khởi lên không theo, gọi là giờ tu. Lúc làm công tác vọng tưởng dấy lên mình không theo thì đó cũng là giờ tu, chứ đâu phải đợi giờ ngồi thiền mới tu. Tu trong giờ lao động

chính là giờ tu được sáng sủa, ít gục lên gục xuống. Vừa cuốc đất làm cỏ mà vừa tu thì lợi cả hai. Vừa lợi cho công tác, vừa tu tỉnh không bị gục chút nào hết. Sự tu này mới là quan trọng.

Bởi nếu chỉ tu trong giờ ngồi thiền thì sự tu không đủ lực. Như những người hiếu ngủ (mê ngủ) thì một giờ ngồi thiền ngủ hết bao nhiêu? Có khi gục hết 15 phút hoặc nửa tiếng, thậm chí còn hơn nữa, vậy là giờ ngồi thiền tu có được gì! Giờ ngồi thiền là phải tỉnh sáng. Nếu có mờ mờ thì ráng nhướng mắt to ra, ngó lên trên hoặc ngó xa một chút cho tỉnh táo, rồi ngồi lại như cũ. Nếu không gắng làm cho tỉnh, để yên một hồi sẽ thiu thiu ngủ, vậy là không tốt, mất thời giờ vô ích.

Bởi thế nên ngày xưa Lục Tổ chủ trương tu trong sinh hoạt. Thỉnh thoảng thấy người ngồi thiền ở hành lang, ngài đi ngang kéo lỗ tai thổi phù. Ngài thổi lỗ tai để làm gì? Để cho giật mình. Như vậy, ngài khuyến khích ngồi thiền hay không khuyến khích ngồi thiền? Đương nhiên với Tổ thì đi đứng nằm ngồi... lúc nào cũng thiền, còn thấy người chấp ngồi lim dim mới thiền thì ngài không chịu. Thế nhưng đối với người tu ngày nay mà bắt chước theo như Tổ thì e chưa được, cho nên phải sắp ngồi thiền theo thời khóa đàng hoàng. Tóm lại, trong tất cả thời chúng ta đều tu. Giờ hoạt động hay giờ nghỉ

ngơi, giờ nào cũng là giờ tu chứ không phải đợi tới giờ ngồi thiền hay giờ tụng kinh mới tu, được vậy mới khỏi uổng phí thời gian tu của mình.

Tất cả Tăng Ni ở thiền viện, phải giữ đúng thời khóa tụng kinh tọa thiền. Vì thời khóa là căn bản, đó là phần vốn của mình. Còn giờ lao động, làm công tác mà vẫn nhớ tu thì đó là phần lời. Tu theo thời khóa rõ ràng là giữ vốn, lúc đi ra ngoài làm mà vẫn nhớ tu là thêm lời. Nếu Tăng Ni tu như thế thì tôi và các Phật tử đầu tư ủng hộ cho quý vị tu chắc chắn cũng vui.

Buổi tối một thời tụng kinh và một thời ngồi thiền, khuya một thời ngồi thiền. Gồm chung lại cũng chỉ có ba thời. Vậy mà còn có người thấy chán, trốn đi ngủ. Giờ lao động nói chuyện không tu, rồi giờ ngồi thiền cũng trốn không tu thì những người đầu tư giúp quý vị tu sẽ lỗ lã lớn. Lỗ thì phải khiển trách thôi, bởi người ta ra công mà tốn hao vô ích thì đâu ai chịu!

Vậy nên tôi xin nhắc lại, giờ công tác hay giờ ngồi chơi... giờ nào cũng tu, vì đó là phần lời của hành giả. Còn ba thời căn bản là vốn liếng của người tu, là trả vốn lại cho người đầu tư ủng hộ mình. Tăng Ni thường nói thương tôi, nhớ ơn tôi, vì tôi giáo dục dạy dỗ cho quý vị tu. Vậy thương tôi,

nhớ ơn tôi thì quý vị phải làm sao thực hiện bằng được điều đó, chứ không thể chỉ nói suông thôi.

Bao nhiêu năm nay tôi cố gắng chỉ dạy, hướng dẫn quý vị tu. Rồi bao nhiêu Phật tử cũng thương, ủng hộ vật này vật nọ giúp Tăng Ni có đủ phương tiện, có chùa có chỗ nơi đàng hoàng để yên tu. Tất cả cùng đầu tư vào việc tu hành của Tăng Ni, vậy ít ra quý vị cũng phải trả đủ vốn, nếu trả không đủ vốn thì tôi không bằng lòng. Do đó, người nào khéo tu phải có lời thêm, còn không khéo thì cũng phải đủ vốn mới được.

Đầu tư thì phải có lời, chứ không thể lỗ vốn được. Vì vậy, khi thấy người nào không có lý do chính đáng mà bỏ một thời kinh là tôi không vui. Người nào tới giờ đánh kiểng ngồi thiền mà trốn đi chỗ khác ngủ, tôi cũng không vui. Bởi vì tôi bị lỗ lã, thiệt thòi rồi. Do đó tôi yêu cầu tất cả Tăng Ni, nếu biết ơn tôi và biết nghĩ tới lòng tốt của Phật tử ủng hộ thì phải gắng giữ tròn vốn liếng mà thiền viện đã quy định.

Ngoài căn bản đó ra, người nào khôn ngoan thì tranh thủ tu thêm giờ. Thí dụ, đầu hôm ngồi thiền một tiếng rưỡi, ngồi đủ giờ là trả đủ vốn. Người nào ngoài giờ mà ngồi thêm nữa thì là phần lời của người đó. Thấy Tăng Ni tu có lời thì tôi vui, còn lỗ

là tôi không chịu. Nói theo thế gian, ai đầu tư mà thấy lỗ cũng muốn rút vốn. Như vậy, tôi đã bỏ công lo cho Tăng Ni tu mà thấy quý vị làm không đúng thì sao? Chắc chắn tôi không vui rồi!

Thế nên, Tăng Ni thương tôi và thương Phật tử đã giúp cho yên tu thì phải giữ đúng vốn, mỗi người biết thương chính mình thì ráng làm cho có lời. Nghĩa là bất cứ ngày tháng năm nào, chuyện tu hành của mỗi người cũng không lười trễ. Giữ đúng thời khóa quy định và trong các giờ lao động hoặc nghỉ ngơi cũng vẫn nhớ tu. Không quên, không sai sót. Đó là điều tốt, là sự biết ơn cao thượng nhất.

Tôi cũng nhắc thêm, Trụ trì theo dõi giờ ngồi thiền, giờ tụng kinh của chúng, xem huynh đệ có sốt sắng đúng thời khóa chưa. Tri sự cũng phải nhìn chúng, coi trong lúc làm việc có nhớ tu không. Nếu thấy người nào trong chúng mà không làm đủ bổn phận thì cho tôi biết, để tôi nhắc nhở. Tôi không chấp nhận vào thiền viện tu mà lơ là qua ngày, làm sao để sự tu phải có tiến mới được. Đó là tôi nhắc cho nhớ chỗ chủ yếu mà tôi mong mỏi ở Tăng Ni.

Tóm lại, ba điểm trọng yếu đó là: tu, học và lao động. Ba việc này phải cân xứng, điều hòa. Tuy nói ba mà mục đích chỉ là một, tức là tất cả vì mục đích tu. Tôi tạm thí dụ: tu như hơi thở, học như uống

nước, lao động như ăn cơm. Chúng ta nghiệm kỹ sẽ thấy, một ngày mình không ăn vẫn sống, một buổi không uống tuy có khô khan một chút nhưng cũng sống, còn một phút không thở là chết. Như vậy mình là tu sĩ, nếu một phút nào quên tu thì phút đó coi như chết. Tại sao tôi nói như thế? Bởi là tu sĩ thì việc tu là hơi thở của tu sĩ, nếu quên tu thì mất hơi thở, tức là đã chết. Nên nói coi như tu sĩ chết, vì không còn tinh thần tu sĩ nữa. Chúng ta mệt mỏi có thể nghỉ một ngày lao động, hoặc bị bệnh hoạn nghỉ học một hai kỳ cũng không sao. Nhưng nếu một phút giây nào quên tu thì coi như đã mất đi mục đích của người tu sĩ rồi.

Tất cả cuộc đời của chúng ta, từ khi vào đạo cho tới ngày trăm tuổi chỉ với mục đích duy nhất là tu để giải thoát. Do đó, Tăng Ni phải luôn nhớ. Tu là hơi thở, phút nào quên thở là phút đó đã chết. Lao động, học và tu chỉ vì mục đích xuất gia cầu giải thoát; cũng như ăn, uống và thở là để duy trì sự sống của thân này vậy.

Nói kỹ như thế là để cho Tăng Ni biết rằng, tinh thần tu hành của chúng ta là lúc nào cũng phải tỉnh giác, đừng bỏ quên bổn phận tu sĩ của mình. Tôi mong rằng tất cả Tăng Ni luôn ứng dụng triệt để tinh thần này, phải nhớ rằng một phút quên tu là một phút chết. Mặc dù còn đi đứng đó, nhưng không

nhớ tu thì cũng như đã chết rồi. Hằng nhớ tu như vậy, mới xứng đáng là người tu ở trong ngôi Tam bảo. Chẳng những không uổng một đời tu, mà cũng không phụ lòng kính mến của Phật tử. Nếu thiếu sót thì quả là sự hụt hẫng lớn lao trong đời tu của mình.

Mong rằng tất cả Tăng Ni sang năm mới, với lòng thương kính Thầy, quý trọng Tam bảo và biết ơn tất cả tín đồ Phật tử thì ráng làm tròn nhiệm vụ một người tu, không để phút giây nào quên bổn phận của mình. Đó là sự mong mỏi của tôi.

SÁNG VIỆC LỚN

Năm Bính Dần - 1987

Hôm nay là ngày Tất niên năm Bính Dần, bắt đầu sang năm Đinh Mão, tất cả chúng ta phải ôn lại việc cũ để chừa bỏ những điều dở và chuẩn bị cho năm tới được tốt đẹp sáng sủa hơn. Đó là bổn phận của tất cả Tăng Ni và Phật tử chúng ta.

Đề tài chúng tôi nói hôm nay nghiêng về người xuất gia, nếu là cư sĩ quý vị cũng lấy đây làm kinh nghiệm, còn Tăng Ni thì phải cố gắng thực hiện cho kỳ được những gì tôi nhắc nhở.

Ngài Trần Tôn Túc, đệ tử lớn của tổ Hoàng Bá, sư huynh của tổ Lâm Tế có nói:

Đại sự vị minh như táng khảo tỷ,
Đại sự dĩ minh như táng khảo tỷ.

Dịch:

Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ,
Việc lớn đã sáng như đưa ma mẹ.

Đây là câu mà tất cả Tăng Ni và Phật tử phải nghiền ngẫm để ứng dụng cho xứng đáng với tinh thần người tu. Tất cả chúng ta tu đều mong rằng

một ngày nào sẽ sáng được việc lớn. Nếu việc lớn đã sáng, việc tu của chúng ta đã đủ, đã xong rồi hay chưa? Qua câu nói của ngài Trần Tôn Túc, chúng ta thấy rất rõ: Việc lớn chưa sáng, chúng ta phải cố gắng nỗ lực tiến tu để sáng; nếu việc lớn đã sáng rồi, không phải ngang đó chúng ta dừng lại mà còn phải tiếp tục nữa.

Cổ đức có nói:

Vị đáo vô tâm tu yếu đáo,
Ký đáo vô tâm vô dã hưu.

Dịch:

Chưa đến vô tâm cần phải đến,
Đã đến vô tâm, vô cũng thôi.

Khi chưa được vô tâm, chưa sáng được việc lớn, chúng ta cần phải tiến tu để được sáng, được vô tâm. Nhưng khi đã được vô tâm rồi, chữ "vô" cũng thôi, chớ không phải vô tâm rồi ngay đó là đủ. Muốn khai triển đầy đủ ý nghĩa này, chúng tôi xin tuần tự nêu ra những điều dở, những điều hay để tất cả Tăng Ni và Phật tử ứng dụng tu hành cho khỏi sai lầm.

Trước tiên chúng tôi nói các bệnh của người tu Phật hiện nay. Bệnh thứ nhất là khinh lờn. Người tu chúng ta khi mới bước chân vào đạo, cư sĩ cũng như xuất gia, lúc đầu phấn khởi hăng hái, coi như

việc đạt đạo ở trước mắt, không xa. Nhưng qua năm thứ hai năm thứ ba, những phấn khởi những hăng hái buổi ban đầu giảm dần, rồi khinh lờn, rồi coi thường. Vì vậy người xưa thường nhắc: "Nhất niên Phật tại tiền, nhị niên Phật thăng thiên". Nói theo Sư ông chúng tôi, Sư cụ Khánh Anh: "Tam niên Phật xa lơ xa lắc". Năm đầu mới vào đạo, chúng ta thấy việc đạt đạo không khó, nhưng qua năm thứ hai năm thứ ba hay nhiều năm nữa, tinh thần phấn khởi hăng hái buổi ban đầu giảm xuống lần lần, rồi đạo càng ngày càng xa, nhất là trong giới tu sĩ.

Người tu sĩ khi mới xuất gia có ý nguyện nhất định phải giải thoát ngay trong hiện đời. Nhưng khi xuất gia được vài ba năm hơi quen rồi, thỉnh thoảng cũng có chuyện hơn thua, chuyện phải quấy, tâm ban đầu yếu đi từ từ, có khi quá yếu đến nỗi bị rầy chê. Đó là vì chúng ta không giữ được tâm ban đầu. Phật tổ thường dạy người tu phải nhớ tâm ban đầu. Nếu chúng ta giữ được nó thì đạo không xa, việc giải thoát không khó, còn quên thì đạo càng ngày càng xa, việc giải thoát càng ngày càng khó.

Trong kinh A Hàm, Phật có nói: Người mới xuất gia giống như cô dâu mới về nhà chồng, đối với cha mẹ chồng, chị em chồng, thảy đều quý nể, khép nép cung kính. Nhưng ở đôi ba năm có con cái rồi, đối với cha mẹ chồng coi không ra gì, ăn hiếp luôn

chị em chồng, cả đến người chồng cũng không vị nể. Người tu cũng vậy. Khi mới vào đạo cạo tóc xuất gia, đối với hòa thượng, thượng tọa thì khép nép cung kính, đối với các sư huynh thì nể nang dễ dạy. Nhưng ở đến một năm hai năm ba năm sau thấy các hòa thượng, thượng tọa có khi quên cúi đầu, cho đến khi sai bảo không vâng làm nữa. Vì bệnh khinh lờn này nên việc tu không tiến được. Vì vậy Phật bảo chúng ta phải nhớ tâm ban đầu.

Các kinh thường dạy: Các thầy Tỳ-kheo, mỗi sáng phải nhớ rờ đầu một lần. Rờ đầu để nhớ mình đã cạo tóc xuất gia, không còn nghĩ đến chuyện gì ở đời nữa, nếu không, lâu ngày rồi quên mình là người xuất gia. Phật dạy chúng ta phải nhớ trên đường tu đừng có niệm khinh lờn. Nếu có niệm khinh lờn thì ban đầu tu thấy tiến, nhưng sau rồi lùi, lùi cho tới không biết bao giờ tiến được nữa. Đó là bệnh thứ nhất của người tu.

Bệnh thứ hai là bệnh tự mãn. Tự mãn là được ít mà cho là đủ. Có những người tu học được ít bộ kinh, tụng được hai thời công phu, bái sám rành rẽ, coi như bao nhiêu đó là đủ cho mình làm Phật sự, rồi hài lòng tự mãn với cái mình đã được, lấy đó làm sở trường mà không cố gắng nỗ lực tiến tu. Như vậy tự khép mình trong phạm vi hẹp hòi để rồi chịu cả một đời tu không tiến nổi.

Thiền sư Thanh ở Dũng Tuyền dạy chúng rằng: "Tôi ở trong đây 49 năm còn có khi tẩu tác, các ông chớ nói to, người kiến giải thì nhiều, người hành giải thì ít, muôn người không có một. Kiến giải ngôn ngữ cần biết suốt, nếu thức tình chưa hết sẽ bảo đi trong luân hồi vậy".

Ngài là một thiền sư đã ngộ đạo, ngài nói đã ở 49 năm trên núi Dũng Tuyền còn có khi tẩu tác, tức là tâm chạy bậy như trâu hoang, huống nữa là những người mới vào đạo một năm hai năm ba năm, coi như mình xong việc, ăn to nói lớn tưởng như là thánh, đó là điều không nên. Ngài dạy: "Người kiến giải thì nhiều, người hành giải thì ít", tức là người thấy hiểu thì nhiều mà hành được thì ít. Trong muôn người hiểu, chưa có được một người hành. Ngài nói như vậy, không phải cấm không cho chúng ta có kiến giải. Ngài dạy kiến giải ngôn ngữ cần phải biết suốt, phải thông nhưng nếu thức tình chưa hết sẽ đi trong luân hồi.

Người xưa biết được bệnh này nên nhắc nhở khiến chúng ta biết rõ trên đường tu không phải đơn giản, không phải một sớm một chiều là xong việc, không phải thấy biết là rồi, mà còn phải hành, phải sống được với nó nữa, đó là điều thật thiết yếu. Hiện nay cũng có một ít Tăng Ni nghe hiểu, hiểu rồi cứ ăn to nói lớn tưởng đó là hay, không ngờ vẫn

còn thức tình, đến khi chết vẫn đi trong luân hồi. Cho nên chúng ta phải khéo cố gắng vượt qua các lỗi đó mới được.

Bệnh thứ ba là bệnh thụ hưởng. Có một số người tu được một thời gian 5 năm, 10 năm, thọ giới làm Trụ trì, coi như mình xứng đáng là người lãnh đạo tín đồ, rồi tự hài lòng. Từ sự tự hài lòng đó sanh ra thụ hưởng tức là nghĩ tới ăn chơi vui đùa, chạy theo dục lạc mà không nghĩ tới việc tiến tu. Đó là điều rất nguy hiểm cho đạo. Chúng ta tu cốt làm sao dứt sạch các phiền não, mà phiền não phát xuất từ dục lạc. Nếu chúng ta còn thụ hưởng dục lạc thì phiền não làm sao sạch được. Vì vậy nên người nào tu hành mà nặng về hưởng thụ, người đó thế nào cũng bị dục lạc làm chủ. Bị dục lạc làm chủ thì đời này không thể tiến được, mai kia cũng khó trả nợ áo cơm. Cho nên có bài kệ:

Học đạo bất thông lý,
Phục thân hoàn tín thí.
Trưởng giả bát thập nhất,
Kỳ thọ bất sanh nhĩ.

Dịch:

Học đạo chẳng thông lý,
Đem thân đền tín thí.

Trưởng giả tuổi tám mốt,
Cây kia chẳng sanh nhĩ (nấm).

Bài kệ này thuật lại việc một Tỳ-kheo tu hành tương đối tốt. Có một trưởng giả thấy vậy quý kính, mỗi ngày dâng cúng tứ sự rất đầy đủ. Nhưng vị Tăng không thông được lý đạo, chưa sáng được việc lớn, nên khi chết trở lại đền nợ bằng cách thân thành cây, mỗi ngày mọc nấm cho trưởng giả ăn. Tới khi trưởng giả 81 tuổi cây mới thôi mọc nấm.

Như vậy để thấy rằng nếu tu mà không sáng được đạo, không dứt được thức tình, dù có cố gắng cũng chưa giải thoát được. Nếu chúng ta thụ hưởng càng nhiều thì họa càng lắm. Vị Tăng này tuy tu tốt, mà vẫn phải trả nợ hoa báo. Đó là trả nợ nhẹ, làm cây sanh nấm cho người ăn, hết nợ mới thôi. Nếu nặng nợ hơn, chúng ta phải mang thân xấu xí hơn nhiều, đi trong lục đạo để đền nợ của đàn-na thí chủ.

Vì vậy chúng ta phải nhớ rằng trên đường tu không phải chỉ có một hai thời khóa tụng, không phải chỉ thành Trụ trì là xong việc mà tu cốt làm sao thấy được đạo, sống với đạo, mới mong thoát ly sanh tử chớ không phải là việc đơn giản. Đó là điều thiết yếu. Chúng tôi mong tất cả Tăng Ni và Phật tử nhớ để nỗ lực tiến tu, đừng hài lòng, đừng tự mãn, rồi phải chiêu họa đời sau.

Phần thứ hai nói đến: *Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ.* Tại sao ngài Trần Tôn Túc lại nói như thế? Những người con khi đưa đám cha mẹ mình, lúc đó gương mặt thật âu sầu ảo não, tâm hồn buồn bã khắc khoải vô cùng. Cũng như vậy, đối với người tu chúng ta chưa sáng được việc lớn, ngày nào tháng nào năm nào, cũng ôm ấp trong lòng băn khoăn khắc khoải, niệm niệm quyết chí tiến tu. Cái gì mình chưa hiểu phải suy tìm cho hiểu, cái gì mình chưa thông phải ráng học hỏi cho thông. Nếu việc lớn chưa sáng mà cứ vui chơi hết ngày hết tháng, thì không mong gì đạt được sở nguyện. Việc lớn chưa sáng, chúng ta lúc nào cũng phải ôm ấp, lo âu, trăn trở trong lòng, phải nỗ lực cố gắng tu hành để đạt cho kỳ được mới thôi. Như vậy mới khả dĩ tiến được, mới xứng đáng một người xuất gia theo Phật.

Nếu chúng ta không làm đúng lời Phật tổ dạy thì rất uổng một đời tu, lại còn làm cho thiên hạ chê cười khinh bỉ, đạo lý cao siêu của Phật trở thành vô giá trị. Thế nên việc lớn chưa sáng chúng ta phải luôn luôn nỗ lực tiến tu, không có quyền nghĩ rằng mình tu cho có chừng để rồi đời sau tu nữa. Chúng ta phải quyết chí sáng được việc lớn ngay trong đời này, nếu chưa xong ít ra cái mê cũng mòn cũng mỏng, để sau này tiếp tục tu một cách dễ dàng.

Xưa có những thiền sư mỗi khi chiều xuống, xét lại mình chưa tiến được bao nhiêu, các ngài rơi lệ, còn chúng ta mỗi khi chiều xuống thì vui cười hỉ hả. Chúng ta có tiến không mà vui cười? Tại sao các ngài không tiến thì khóc, còn chúng ta không tiến lại cười? Tâm niệm người xưa và tâm niệm chúng ta ngày nay khác nhau ở chỗ nào? Nếu thật tình quyết chí cầu giải thoát, mà mình không đạt được điều mong mỏi, làm sao vui, làm sao thảnh thơi cười đùa!

Người xưa đã nhiệt tình khi nhớ tới việc tu hành của mình, một ngày mất đi mà không tiến là các ngài đau khổ xót xa đến độ phải rơi nước mắt. Chúng ta ngày nay dù không bằng được người xưa, ít ra mỗi ngày qua mình cũng nao nao tự hỏi tại sao mình hèn nhát, tu không tiến. Một ngày tu không tiến còn rơi nước mắt, một tháng tu không tiến chắc phải khóc òa lên! Còn một năm tu không tiến quý vị nghĩ nên làm sao? Nếu một năm qua kiểm lại mình tu không tiến được bước nào, thật là đau lòng hổ thẹn, không thể nào an ổn được. Tu cốt phải tiến, không phải đứng một chỗ, đứng một chỗ có nghĩa là lùi, huống nữa có nhiều người còn bước lùi nữa, việc đó thật là quá tệ.

Do đó hôm nay là ngày cuối năm, chúng ta tự kiểm lại thấy qua một năm, tu không tiến được bước nào, phải lập nguyện cho mạnh, lập chí cho vững để vươn lên, không để yếu hèn như năm cũ

nữa. Như vậy mới xứng đáng là người tu có trọng trách làm lợi mình, lợi người, tự giác, giác tha. Đó là điều chúng tôi mong mỏi nhất.

Phần thứ ba là: *Việc lớn đã sáng như đưa ma mẹ.* Tại sao? Vì có vị tưởng rằng một khi ngộ được lý đạo, ngang đó là thành Phật, thành tổ. Thật sự chưa phải. Sau đây là bài kệ chúng tôi thường nhắc:

Đốn ngộ tuy đồng Phật,
Đa sanh tập khí thâm.
Phong đình ba thượng dũng,
Lý hiện niệm du xâm.

Đốn ngộ tuy đồng Phật tức là thấy được đạo, Phật với mình không khác. *Đa sanh tập khí thâm* tức là nhiều đời tập khí sâu dày, nóng giận phiền não hồi xưa còn ghi đậm nét trong thói quen của mình. Bây giờ tuy ngộ được lý đạo nhưng khi chạm việc cũng còn giận còn nóng. *Phong đình ba thượng dũng,* như ngoài biển gió dừng rồi mà sóng vẫn còn vỗ ầm ầm.

Lý hiện niệm du xâm, đối với đạo lý thì thấy được lẽ thật rồi, nhưng niệm vẫn còn dấy lên hoài, làm mờ tối tánh giác của mình. Khi ngồi lại nó cứ tràn vào, lấn mãi, quấy động cả giờ ngồi thiền. Như vậy đừng tưởng rằng ngộ được lý đạo là xong việc, mà còn phải nỗ lực tiến tu, làm sao trong tất cả giờ

những niệm đó không quấy nhiễu, không làm mờ tánh giác của mình, mới khả dĩ hợp với đạo. Nếu ngang đây mà hài lòng tự mãn là bệnh lớn.

Kinh Trung A Hàm ghi: Một hôm có ngoại đạo tới hỏi Phật: "Thưa Cù-đàm, những đệ tử của Ngài đã ngộ đạo có đến Niết-bàn hết hay chăng?". Phật trả lời: "Có người đến Niết-bàn, có người không đến". Ngoại đạo lấy làm lạ hỏi: "Tại sao đã ngộ đạo rồi, có người được đến Niết-bàn, có người lại không đến?". Phật ví dụ: "Như có người bị mũi tên độc bắn vào tay, thầy thuốc được mời tới mổ lấy tên ra, khử độc băng bó kỹ càng và bảo ráng giữ gìn đừng cho nhiễm trùng. Nhưng người đó nghĩ rằng tên độc đã nhổ ra, dùng thuốc khử độc rồi, còn lo sợ gì nữa. Ngang đó tha hồ xông pha, vết thương bị nhiễm trùng, bệnh trở nặng rồi chết. Người thứ hai cũng bị tên độc và cũng được nhổ tên ra, khử trùng xong băng bó cẩn thận và cũng được dặn dò như trước. Người này biết giữ gìn không dám để nhiễm trùng, vết thương lành lần lần rồi khỏi hẳn. Như vậy hai người cùng bị tên độc, cùng được mổ lấy tên ra, khử độc như nhau, tại sao một người chết, một người lành?".

Phật nói: "Cũng như vậy, những người tu ngộ đạo rồi mà ngang đó biết nghe lời Phật gìn giữ đạo hạnh càng ngày càng trong sáng thì sẽ đến Niết-bàn. Những người ngộ đạo rồi, tự mãn làm những việc

trái với đạo lý, lần lần bị nhiễm rồi thối đọa. Như vậy chúng ta đừng tưởng ngộ rồi là xong. Vì đa sanh tập khí thâm, tuy ngộ đạo rồi mà tập khí vẫn còn, nếu lân la với thói quen cũ thì bị nhiễm. Nên nói "việc lớn đã sáng như đưa ma mẹ", chúng ta phải luôn luôn nỗ lực tu, không phải ngang đó mà dừng.

Có vị Tăng hỏi thiền sư Truyền Sở ở núi Thanh Phong:

- Việc lớn đã sáng, vì sao như đưa ma mẹ?

Ngài đáp:

Chẳng gặp gió xuân hoa chẳng nở,
Đến khi hoa nở lại thổi rơi.

Hai câu này cũng giống hai câu:

Chưa đến vô tâm cần phải đến,
Đã đến vô tâm, vô cũng thôi.

Đợi có gió xuân hoa mới nở. Đừng tưởng hoa nở là xong, mà còn phải nhờ gió thổi cho hoa rụng luôn mới là xong việc. Người xưa rất cẩn thận dè dặt khi chỉ dạy chúng ta cách tu hành.

Thiền sư Tử Thuần ở Đơn Hà có làm bài tụng:

Gia sơn quy đáo mạc nhân tuần,
Kiệt lực dần hôn phụng nhị thân.

Cơ tận công vong ân nghĩa đoạn,
Tiện thành bất hiếu xiển-đề nhân.

Dịch:

Gia sơn về đến chớ dần dà,
Gắng sức sớm hôm dưỡng mẹ cha.
Cơ hết công quên ân nghĩa dứt,
Bỗng thành bất hiếu người xiển-đề.

Gia sơn về đến chớ dần dà nghĩa là người tu như kẻ trở về quê hương, hy vọng thiết tha nhất là về tới nhà. Về tới nhà còn phải *gắng sức sớm hôm dưỡng mẹ cha*, chẳng phải về đến nhà để chơi suông. Nuôi dưỡng mẹ cha rồi còn nghĩ mình là con có hiếu, là kẻ có công cũng chưa được, nên nói: *Cơ hết công quên ân nghĩa dứt*, tới đó điều kiện công ơn nuôi dưỡng cha mẹ không còn thấy nữa.

Bỗng thành bất hiếu người xiển-đề. Tại sao câu kết lại lạ lùng như vậy? Xiển-đề là âm tiếng Phạn dịch nghĩa là bất tín, tức là không đủ lòng tin. Ở đây xiển-đề chia ra ba loại:

1. Người phạm tội ngũ nghịch.

2. Người đối với Tam bảo không có lòng tin.

3. Người như ngu như ngây không còn thấy có Phật để kính, không còn thấy có chúng sanh để

xem thường. Người này thấy Phật với chúng sanh bình đẳng cũng gọi là xiển-đề.

Như trên đã nói:

Chẳng gặp gió xuân hoa chẳng nở,
Đến khi hoa nở lại thổi rơi.

Nếu còn thấy mình là người đắc đạo, là người ngộ đạo là chưa xong. Nếu ngộ đạo thật sự mà còn thấy mình đắc đạo, ngộ đạo là chưa rồi, huống nữa chưa ngộ đạo mà còn tự xưng ta là người thấy đạo, ngộ đạo, thì nên nghĩ người ấy như thế nào?

Vì vậy trong kinh Kim Cang có đoạn: "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp". Tới chỗ rốt ráo pháp chân chánh còn phải buông xả, huống là phi pháp. Lời Phật dạy giống như cái bè đưa mình qua sông, tới bờ rồi bè cũng bỏ, như vậy mới rồi việc. Nếu mình tu tới đó rồi hài lòng tự mãn thì không thể nào tránh khỏi việc ôm chặt chiếc bè không lên bờ được. Đó là ý nghĩa bài tụng của ngài Đơn Hà Tử Thuần.

Thiền sư Thanh Long, nhân ý này nói một bài tụng:

Bần tử dụ trung tằng chỉ chú,
Linh phinh tân khổ uổng tha đà.
Khúc thùy phương tiện thân phân phó,
Triếp mạc nhân tuần xử tả khoa.

Dịch:

Trong dụ kẻ nghèo từng chỉ rõ,
Lang thang cay đắng luống trôi qua.
Được bày phương tiện vì giao phó,
Thôi chớ lơ là khiến mất xa.

Ngài Thanh Long nhắc chúng ta, người tu chẳng khác nào kẻ cùng tử trong kinh Pháp Hoa. Trong thời gian lang thang nơi xứ lạ quê người, cùng tử chịu muôn ngàn cay đắng. Khi tìm được lối trở về đến nhà, qua được những cay đắng rồi vẫn chưa xong việc. Còn phải: *Được bày phương tiện vì giao phó*. Trưởng giả dùng phương tiện dẫn cùng tử về nhà trao kho tàng sự nghiệp. Khi được trao sự nghiệp rồi, *thôi chớ lơ là khiến mất xa*, còn phải giữ gìn bảo quản cho sự nghiệp được lâu dài bền vững.

Ví dụ chàng cùng tử trong kinh Pháp Hoa chỉ cho chúng ta khi sáng được việc lớn, mà không chịu nỗ lực cố gắng nữa thì một ngày nào đó, chúng ta cũng bị rơi trở vào chỗ chưa sáng. Vì vậy khi sáng được việc lớn rồi, cần phải nỗ lực cố gắng cho đến bao giờ viên mãn công hạnh mới là xong việc.

Tất cả người tu Phật chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng thấy được đạo là xong việc mà phải hành đạo và hằng sống được với đạo. Mình và đạo không

hai mới là thật sự giải thoát, giải thoát ngay trong đời này, chớ không phải đợi tới khi chết mới giải thoát, thì quá mơ hồ xa xôi.

Để kết luận, chúng tôi xin lặp lại hai câu:

Chưa đến vô tâm cần phải đến,
Đã đến vô tâm, vô cũng thôi.

Nếu chúng ta còn mờ tối chưa thấy được đạo, cần phải nỗ lực cố gắng học hành tham vấn. Khi đến chỗ vô tâm rồi, chính cái *vô* chúng ta cũng phải buông, mới đến chỗ mình và muôn vật không hai. Nếu còn đeo cái *vô*, thì vô tình chúng ta lại rơi vào nước chết.

Nếu đã qua một năm mà tu không tiến, chúng ta hối hận muốn kéo năm cũ lại để tu hành thì không thể được, vì vậy đành phải để nó trôi qua. Nhưng năm tới chúng ta phải làm sao cho xứng đáng không phụ tinh thần xuất gia cầu giải thoát của chính mình. Năm cũ qua rồi, chúng ta đã hỉ hả vui chơi, năm mới sắp đến, chúng ta cũng hỉ hả vui chơi không lo tu hành, e rằng một đời tu của chúng ta trở thành số không.

Hôm nay chúng tôi nhắc lại lời dạy của ngài Trần Tôn Túc để cho tất cả quý vị, người tại gia cũng như xuất gia tự xét lại mình có tu tiến hay

không. Nếu đã tiến tu thì năm tới cũng phải cố gắng để khá hơn. Còn nếu người nào cảm thấy qua một năm mà không tiến chút nào, thì ngang đây chuẩn bị cho năm tới phải nỗ lực phát nguyện mạnh mẽ để đền bù lại những thiếu sót của một năm qua và xứng công trong năm tới. Như vậy mới không uổng một đời tu của mình. Đó là điều mong mỏi của chúng tôi trong tháng cùng năm hết này.

HÒA QUANG ĐỒNG TRẦN

Năm Đinh Mão - 1988

Đề tài chúng tôi giảng hôm nay là *Hòa quang đồng trần*. *Hòa quang* là hòa ánh sáng, *đồng trần* là đồng với bụi bặm, tức là trộn lẫn ánh sáng vào với bụi bặm. Tại sao chúng tôi giảng đề tài này? Gần đây một số Tăng Ni cũng như Phật tử có bệnh: thấy mình trong sạch, thấy mình tu nhiều, thấy mình tốt hơn mọi người. Vì thấy như vậy nên trở thành bệnh hoạn. Trong cách thấy đó chia ra hai thứ bệnh:

Bệnh thứ nhất, chính mình không trong sạch mà tưởng mình trong sạch, rồi cho mọi người là bẩn thỉu nhơ nhớp, chỉ có ta trong sạch thôi. Nếu không trong sạch mà tưởng mình trong sạch, đó là bệnh quá lớn. Tại sao vậy? Bởi vì mình không biết điểm khuyết điểm dở của mình, mà chấp điểm khuyết điểm dở của bạn bè huynh đệ. Như vậy tự mình không sửa được, lại còn oán trách những người xung quanh. Người mang bệnh này, bản thân đã không tu tiến được, còn làm cho huynh đệ phiền não. Đó là bệnh rất nặng, rất đáng chê trách.

Đức Phật và chư Tổ thường dạy chúng ta, người tu tại gia hay xuất gia phải thấy được lỗi của mình và quên lỗi của người khác. Nếu chúng ta không trong sạch mà tự thấy mình trong sạch, đó là không thấy lỗi mình. Đừng thấy lỗi người, mà chúng ta cứ thấy người này xấu người kia dở, đó là chúng ta trái hẳn với lời Phật tổ dạy. Ai mang bệnh này là một bệnh trầm trọng nhất, khó tiến trên đường tu. Người mang bệnh này có bằng lòng ai đâu! Vì thấy mình trong sạch, mọi người đều xấu dở, cho nên không bằng lòng ai hết.

Bệnh thứ hai, mình thật sự trong sạch rồi chê mọi người nhơ nhớp xấu xa. Lẽ ra mình trong sạch biết mình trong sạch, người khác nhơ nhớp xấu xa thấy họ nhơ nhớp, xấu xa, đó là thấy đúng lẽ thật, vì sao lại nói là bệnh? Vì khi chúng ta trong sạch, thấy mình trong sạch rồi cho mọi người nhơ nhớp xấu xa thì chúng ta muốn gần họ hay không? Mình sạch quá mà gần người dơ xấu thì bị nhiễm làm sao, vì vậy không muốn gần ai. Nếu không muốn gần ai thì làm sao sống được với người xung quanh. Đó là bệnh.

Trên đường tu, chúng ta cố gắng trong sạch bản thân rồi, thấy mọi người đều nhơ xấu nên muốn tránh. Muốn tránh mọi người thì đi đâu đây? Vô núi chăng? Vô núi không ở được thì đi đâu nữa? Vô rừng. Vô rừng không ở được thì đi đâu nữa? Chẳng

lẽ lên mây xanh? Chính vì nhìn thấy người xấu xa nhơ nhớp mà chúng ta không thể hòa được, rồi tự khu biệt mình. Sống giữa rừng người mà giống như ở sa mạc, nhà Phật gọi đó là bệnh chấp tịnh.

Vào đầu thế kỷ thứ 3 ở Trung Hoa có ông Khuất Nguyên là quan Tam Lư đại phu nước Sở, học rộng có tài nhưng vì thấy mình trong sạch quá nên không hòa được với mọi người, khinh rẻ mọi người. Vì vậy ông làm mất lòng vua Sở, bị vua Sở đày xuống Giang Nam. Ở Giang Nam, ông có quen với một ngư phủ là ẩn sĩ có tài. Khi hai người nói chuyện với nhau, ngư phủ phục Khuất Nguyên về văn học, Khuất Nguyên nể ngư phủ là người thấu đáo việc đời.

Một hôm thấy Khuất Nguyên tỏ vẻ buồn bực khổ não, ngư phủ mới hỏi: "Ngài vì sao đến nông nỗi như vậy?". Khuất Nguyên trả lời: "Người đời đục cả chỉ mình ta trong, người đời say cả, chỉ mình ta tỉnh, vì thế mà ta bị đày tới đây". Khuất Nguyên thấy người đời đục cả chỉ mình ông trong, người đời say cả chỉ mình ông tỉnh. Bởi ông trong, ông tỉnh nên ông bị đày! Khi đó ngư phủ mới nói: "Người đời đục thì ngài cũng không nên giữ mình trong sạch, người đời say thì ngài cũng nên uống vài chén cho say luôn thể".

Nghe nói thế Khuất Nguyên bực bội: "Ông nói sao vậy? Không thể nói trắng thành đen hay đen thành trắng được, đá không thể nói là ngọc, ngọc không thể là đá được. Cho đến người trượng phu không thể là kẻ tiểu nhân, kẻ tiểu nhân không thể là trượng phu. Ông nói như vậy thật là lộn lạo!". Ngư phủ bảo: "Ngài đã một lòng cứu nước, cứu dân, lẽ ra phải trà trộn vào đám tiểu nhân, dần dần cảm hóa họ. Ngài định thay đổi cuộc đời, phải dấn thân vào chỗ tối tăm làm cho sáng. Cớ sao lại cho cuộc đời là bẩn thỉu, người đời là nhơ nhớp?". Khuất Nguyên đáp lại: "Kẻ đã tắm gội thay quần áo, không thể lại nhảy xuống bùn". Ông cho rằng mình như người tắm gội sạch rồi, mà bắt nhảy xuống bùn, ông không thể làm được. Khi ấy ngư phủ thấy không thể khuyên được nên than bằng những câu hát:

Nước sông Thương Lang trong thay!
Nước sông Thương Lang đục thay!
Nước trong thì ta giặt dải mũ,
Nước đục thì ta rửa chân.

Hát xong, ông chèo thuyền đi. Khuất Nguyên vì quá trong sạch, không chịu đựng nổi, phải ôm viên đá gieo mình xuống sông Mịch La tự tử, nhằm ngày mùng 5 tháng 5. Người dân Trung Hoa ăn Tết ngày mùng 5 tháng 5 để tưởng nhớ ngày Khuất Nguyên trầm mình chết.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy Khuất Nguyên bị bệnh gì? Bệnh chấp tịnh. Vì ông trong sạch nên không muốn hòa với những người nhơ nhớp xấu xa. Nếu không hòa thì mình sống được không? Cuối cùng phải tự tử! Như vậy Khuất Nguyên và ngư phủ, ai là người biết sống hơn? Ông ngư phủ là người biết sống. Nếu nước trong thì mình giặt dải mũ, nếu nước đục thì mình rửa chân. Đòi hỏi nước trong, khi nước đục mình sẽ không dùng được việc gì.

Trở lại việc đạo, đức Phật đã dạy, nếu chúng ta tu hành được thanh tịnh sáng suốt, thì phải thương và nghĩ tới những chúng sanh đang mê lầm, chìm đắm trong biển khổ, lao mình vào đó để cứu độ chúng sanh. Được như vậy mới là người thật tình vì Phật pháp. Nếu cứ nghĩ mình trong sạch, còn thiên hạ xấu xa nhơ bẩn, rồi không muốn gần họ. Không gần với họ thì chính mình tự cô lập mình, không làm lợi gì cho ai được. Trong chúng ta nếu ai đã lỡ bị "bệnh trong sạch", phải sửa bỏ để vui vẻ hòa nhịp với mọi người.

Chúng tôi vừa chỉ thuốc trị bệnh, nhưng không khéo thuốc cũng thành bệnh. Tại sao? Hòa mình với người là khi mình trong sạch, đem trong sạch ra hòa với những người nhơ nhớp để giáo hóa, chuyển hướng họ trở thành trong sạch như mình. Đó là dùng thuốc trị bệnh. Nếu mình chưa trong

sạch mà muốn hòa với người thì kết quả sẽ ra sao? Hòa quang đồng trần, quang là ánh sáng, là trong sạch, trần là bụi bặm, là nhơ nhớp. Mình sáng, mới đem ánh sáng lại chỗ nhơ nhớp để chuyển nó thành sáng. Nếu mình đang là bụi, đang là nhơ nhớp mà hòa với nhơ nhớp nữa thì kết quả sẽ như thế nào? Thuốc trở thành bệnh.

Vì vậy khi dùng thuốc trị bệnh chúng ta phải dè dặt. Nếu mình thật thanh tịnh, phải thương người chưa thanh tịnh, hòa với họ để giáo hóa họ. Chớ thở than rằng mọi người xấu quá làm sao giáo hóa được, mọi người mê quá làm sao cho họ tỉnh được. Mình đã tỉnh, phải tìm mọi cách làm cho người mê được tỉnh; mình đã sạch, phải tìm mọi cách làm cho người nhơ được sạch. Như vậy mới đúng tinh thần của người học đạo, mà cũng chính là nghĩa tự giác, giác tha trong nhà Phật.

Nếu thấy người quá xấu xa, chúng ta thở dài chán nản, không bằng lòng ai hết, đó là bệnh. Để trị bệnh này, chúng ta không học gương Khuất Nguyên, mà phải học gương ngài Bồ-tát Thường Bất Khinh. Bồ-tát gặp ai cũng bái và nói: "Tôi không dám khinh các ngài vì các ngài đều sẽ thành Phật". Dưới mắt của Bồ-tát Thường Bất Khinh, ai cũng có thể thành Phật. Như vậy có người nào đáng để mình khinh chê đâu. Đáng chê chăng là tự chê

mình không có tài, không có phương tiện chuyển hóa người từ mê thành giác.

Bồ-tát Thường Bất Khinh lúc nào cũng lạc quan, vì ngài thấy mọi người đều sẽ thành Phật. Noi gương ngài, chúng ta gặp ai cũng phải kính nể vì tin rằng ai rồi cũng sẽ thành Phật. Với niềm tin đó, chúng ta cố gắng chuyển hóa mọi người để cùng thành Phật với mình. Dù người không bằng lòng, có đánh mắng, chúng ta vẫn cam chịu và giữ vững niềm tin. Chúng ta cố gắng làm lợi mình, lợi người trong mọi hoàn cảnh. Đó mới đúng tinh thần của người học đạo.

Tranh Thiền tông Thập Mục Ngưu Đồ hay Mười Bức Tranh Chăn Trâu, bức thứ tám là không còn người không còn trâu, bức thứ chín là lá rụng về cội, chim bay về tổ, nước chảy về nguồn, danh từ nhà thiền gọi là nhập Phật giới. Từ chỗ không ngã không pháp (bức tranh thứ tám) bước qua một chặng nữa mới thể nhập được Pháp thân thanh tịnh tròn đầy của chúng ta, gọi là nhập Phật giới (bức tranh thứ chín). Khi chúng ta thể nhập được Pháp thân thanh tịnh rồi, nếu hài lòng ẩn trú trong cảnh tịnh đó là chưa đủ công đức giáo hóa lợi tha. Vì vậy sau khi nhập Phật giới rồi liền phải bước vào ma giới (bức tranh thứ mười).

Trong mười bức tranh chăn trâu, bức thứ mười vẽ một thiền sư đóng cửa am trên núi, tay cầm gậy, tay xách xâu cá chép với bầu rượu đi xuống chợ, gọi là "Nhập triền thùy thủ", tức là buông thõng tay vào chợ. Chính chỗ đó trong nhà thiền gọi là vào ma giới. Khi được thanh tịnh rồi, chúng ta phải lăn mình vào trong chợ đời để cảm hóa chúng sanh, hòa mình với mọi người còn đang mê muội còn đang xấu xa, mà không bị lầm lẫn, không bị hoen ố. Trong nhà thiền còn dùng danh từ là "đầu tro mặt đất", tức là chúng ta bị bụi bặm nhem nhuốc vì làm lợi ích chúng sanh, chớ không phải chính mình bị bụi bặm làm nhơ nhớp. Giai đoạn này gọi là "hòa quang đồng trần", tức trộn lẫn ánh sáng trong bụi bặm.

Ánh sáng và bụi bặm tuy hòa lẫn, nhưng là một hay là hai? Ánh sáng không là bụi bặm được, ánh sáng bao giờ cũng là ánh sáng. Như vậy chúng ta phải thể nhập được Phật giới rồi mới đi vào ma giới. Nếu chưa vào Phật giới mà đi vào ma giới sớm quá, kết quả sẽ ra sao? Vì vậy sau khi ngộ đạo rồi, ngài Huệ Khả mới đi vào chợ đời, đến quán rượu, nhà hát v.v... Các Phật tử thấy vậy hỏi ngài: "Hòa thượng tu hành, sao lại đến nơi này?". Ngài đáp: "Ta thử tâm ta, có liên hệ gì đến ông!". Đây là lúc ngài vào ma giới.

Chúng ta phải thấy rõ là khi nào nên vào ma giới, khi nào không nên. Như huynh đệ hiện nay

chưa thấy đạo mà vào ma giới là bệnh. Khi chúng ta nhập được Phật giới rồi mới nói đến việc vào ma giới. Nhiều người chưa biết Phật giới, muốn vào ma giới sớm quá, bắt chước các bậc đạt đạo vào chợ đời, ngồi quán rượu và nói "tôi đây vào ma giới, buông thõng tay vào chợ". Đó là những người dùng ngôn ngữ nhà thiền, ngôn ngữ Phật tổ để che đậy lòng tham dục của chính mình, chớ không phải người tu chân thật.

Rõ được bệnh, chúng ta phải biết dùng những loại thuốc nào, đúng lúc, đúng lượng mới mong hết bệnh. Nếu không biết cách dùng thuốc, bệnh không hết mà lại tăng thêm. Trên đường tu hành chúng ta phải biết nên làm gì ở mỗi giai đoạn. Đang lúc nỗ lực tiến tu, buông bỏ các phiền não xấu xa, dù có ai rủ vào ma giới, mình cũng không dám vào, vì việc tu chưa xong. Khi nào chúng ta thật tình thanh tịnh, hoàn toàn không còn nhiễm ô nữa, lúc ấy có ai rủ vào ma giới, chính là lúc mình vào. Phải biết mình cho thật rõ, việc làm mới có lợi ích.

Chúng tôi vừa chỉ cho quý vị biết đâu là thuốc, đâu là bệnh, dùng thuốc đúng thời thì có lợi, nếu sai thời thì có hại. Vì vậy người tu phải rất thận trọng. Có nhiều người ban đầu tu hành rất hay, sau trở thành dở, vì sử dụng thuốc không đúng thời.

Nói vào ma giới, chúng tôi xin dẫn bài kệ Nhập Trần của Tuệ Trung thượng sĩ như sau:

Nhập Trần

Thiều thiều khoát bộ nhập trần lai,
Hoàng sắc mi đầu đỉnh đỉnh khai.
Bắc lý ưu du đầu mã phúc,
Đông gia tán đản nhập lư thai.
Kim tiên đả sấn nê ngưu tẩu,
Thiết sách khiên trừu thạch hổ hồi.
Tự đắc nhất triêu phong giải đống,
Bách hoa nhưng cựu lệ xuân đài.

Dịch:

Vào Vòng Cát Bụi

Vào vòng cát bụi nhịp chân đưa,
Vàng óng đầu mi rực rỡ đùa.
Xóm bắc rong chơi gieo bụng ngựa,
Nhà đông vui bước nhập thai lừa.
Roi vàng đánh đuổi trâu bùn chạy,
Dây sắt lôi về cọp đá thua.
Bỗng được một hôm băng giá hết,
Trăm hoa như cũ rộn xuân xưa.

Trúc Thiên dịch

Ngài Tuệ Trung thượng sĩ là một cư sĩ tại gia, mà đã nói được những câu siêu thoát như vậy! Sau đây là ý nghĩa của bài kệ:

Vào vòng cát bụi là vào ma giới. *Vào vòng cát bụi nhịp chân đưa,* là chỉ hình ảnh vị hòa thượng tay xách xâu cá chép đi vào chợ (tranh Thiền tông thứ mười).

Vàng óng đầu mi rực rỡ đùa, tuy đi vào cát bụi nhưng đầu mi đầu mày của ngài vẫn rực rỡ, óng ánh chớ không nhem nhuốc đen tối. Câu này nói lên nghĩa hòa quang đồng trần, đem ánh sáng đến chỗ tối tăm (chớ không phải đem cái tối vào bóng tối).

Xóm bắc rong chơi gieo bụng ngựa, đến xóm bắc để nhập vào trong bụng ngựa thọ thai. *Nhà đông vui bước nhập thai lừa,* nhập vào thai lừa ở bên nhà đông.

Hai câu này ý nói: Khi vào trong vòng cát bụi, không chọn nơi tốt, không tránh nơi xấu, nơi đâu cần làm lợi ích chúng sanh, các ngài cũng đến được. Không chọn lựa, không chê nơi xấu dở, các ngài vào những chỗ ấy để làm gì?

Roi vàng đánh đuổi trâu bùn chạy,
Dây sắt lôi về cọp đá thua.

Cầm roi vàng đánh con trâu đất, nó cũng chạy mất. Nắm dây sắt kéo con cọp đá, cọp đá cũng phải đầu hàng. Trâu đất có biết chạy không? Cọp đá có phục ai không? Tại sao ở đây lại nói đánh trâu đất chạy, lôi cọp đá thua? Ý nói khi đến được thể thanh tịnh sáng suốt tròn đầy, chúng ta lăn mình vào cuộc đời để giáo hóa chúng sanh. Lúc ấy diệu dụng không phải tầm thường, cho nên trong nhà thiền thường nói nắm đất hóa thành vàng, khuấy nước biển thành đề hồ, tô lạc. Khi con người đạt đến mức đó rồi, dù ở trong cảnh xấu xa bẩn thỉu cũng không bị vướng mắc, hay bị che lấp mờ lối đi. Hình ảnh đánh trâu đất chạy, lôi cọp đá thua là để chỉ diệu dụng không thể lường được của người đạt đạo.

Đến hai câu kết:

Bỗng được một hôm băng giá hết, công dụng giáo hóa được viên mãn, tức là băng giá đã hết. *Trăm hoa như cũ rộn xuân xưa,* lúc đó là một mùa xuân đầy đủ trăm hoa như thuở nào.

Đại ý bài kệ nói khi chúng ta lao mình trong cát bụi tuy làm những việc rất tầm thường, rất xấu xa mà đầy đủ diệu dụng, chớ không bị nhiễm, không bị ô uế. Làm tròn những việc ấy rồi, chúng ta cũng trở về với thể thanh tịnh sáng suốt như thuở nào, tức là trở về chỗ mùa xuân ngàn đời, đầy đủ trăm hoa không thiếu loại nào.

Trên đường tu nếu ai cũng thể hiện được tinh thần đạt đạo thì cuộc đời đẹp biết dường nào! Đâu còn phải than vắn thở dài, thiên hạ xấu quá tôi không thể giúp gì cho họ được, trái lại ta thấy mỗi chúng sanh đều có thể giáo hóa được. Chúng ta nỗ lực tiến tu để đến chỗ viên mãn thanh tịnh. Được thanh tịnh rồi, chính trong chỗ ô uế, xấu xa chúng ta dùng những diệu dụng không lường cảm hóa họ. Được như vậy, chúng ta an nhiên tự tại an trú Niết-bàn, thể nhập Pháp thân, trở về mùa xuân tràn đầy hoa thơm cỏ lạ.

Để kết luận, tất cả quý vị nên nhớ chúng ta có hai bệnh. Một là bệnh chưa thanh tịnh mà tưởng mình thanh tịnh, rồi chê hết mọi người, đó là bệnh nan y. Ai bị bệnh này, phải sám hối một ngày bốn lần, chớ một hay hai lần cũng chưa hết bệnh được.

Hai là nếu thật tình tu hành chín chắn, giữ giới trong sạch, ngôn ngữ hành động đều thanh tịnh, tâm niệm sáng suốt, rồi nhìn thấy mọi người còn dở, còn xấu quá nên muốn tách rời họ, muốn tránh xa họ để sự thanh tịnh của mình được trọn vẹn, đó cũng là bệnh.

Vì sao? Vì trên cuộc đời này, chúng ta đều có sự liên hệ với nhau. Nếu chúng ta chỉ thấy riêng có một mình, không chịu kết chung với mọi người

để chuyển hóa họ, đó là chúng ta tách rời mình ra khỏi nhân loại, ra khỏi chúng sanh. Tách riêng ra như vậy, e rồi chúng ta rơi xuống biển sâu, không đứng trên thế gian, không đứng trên mặt đất được. Vì vậy chúng ta ráng đừng bị bệnh thanh tịnh này.

Một bệnh nữa là bệnh chưa thanh tịnh mà xưng là thanh tịnh rồi xông pha mọi nơi. Càng xông pha càng nhiễm ô, rốt cuộc một ngày nào đó mình làm kẻ tệ hơn tất cả thiên hạ, không phương cứu chữa.

Chúng tôi mong rằng tất cả Tăng Ni và Phật tử biết tu phải ráng tỉnh sáng, biết đúng thời, đúng lúc dùng thuốc trị tâm bệnh của mình. Sạch được những bệnh trong tâm rồi, một ngày kia mới có thể làm tròn bổn phận của người xuất gia, của người tu theo đạo giác ngộ giải thoát. Đó là điều mong mỏi cuối năm của chúng tôi. Mong tất cả quý vị nỗ lực cố gắng.

Ý NGHĨA BÀI THƠ VỀ QUÊ

Năm Nhâm Thân - 1992

Nhân tôi đọc bài Tứ Sơn Kệ của vua Trần Thái Tông, hai câu kết thúc ngài nói:

Vĩnh vi lãng đãng phong trần khách,
Nhật viễn gia hương vạn lý trình.

Đọc qua chữ Hán tôi rất thấm, nên có cảm hứng liền làm bài thơ Về Quê. Các vị không biết chữ Hán, nghe qua khó hiểu nên có lẽ không thấm như tôi. Hai câu ấy tạm dịch sang tiếng Việt là:

Lang thang làm khách phong trần,
Quê nhà ngày một muôn lần cách xa.

Ngài Trần Thái Tông nói, cứ mỗi một lần sanh ra là chúng ta cách xa quê hương của mình một chút. Trong dòng luân hồi đó, sanh tử miên man vô tận, cứ thế càng nhiều lần sanh thì càng xa cách quê hương. Quê hương đó nói theo đạo Phật là Phật tánh hay chân tâm, nói theo từ ngữ của Thiền tông là bản lai diện mục v.v...

Tại sao càng đi càng cách xa? Vì những tâm niệm vọng tưởng dấy khởi làm mình cách xa. Chúng

ta khởi niệm duyên theo ngoại cảnh rồi chạy theo ngoại cảnh đó, hết cảnh này dẫn đến cảnh khác, cứ thế mà chạy mải miết trong sanh tử. Mỗi lần chết đi rồi sanh lại, sanh lại rồi chết đi, chết chết sanh sanh... mãi mãi không cùng tận, nên nói dòng luân hồi không biết bao giờ hết.

Tất cả chúng ta, mỗi lần được sanh ra là mừng lắm. Nhưng kiểm điểm lại xem, từ hồi mình có mặt ở thế gian này cho tới 70, 80 tuổi rồi đến tắt thở, mình được cái gì? Sanh ra thân này lo nuôi dưỡng cho nó được mau lớn, đến trưởng thành lập gia đình, rồi lo con cái v.v... cứ thế lo lắng đủ thứ, loay hoay thì già, chết.

Sanh ra để tử, sống để rồi chết, không ai thoát được lẽ đó. Mỗi lần sanh là mỗi lần đưa tới cái tử, vậy mà mình cứ thích sanh. Sanh tử liên miên như thế, đương nhiên mỗi đời mình sẽ tạo thêm không ít nghiệp. Đường sanh tử càng dài, nghiệp chồng chất càng nhiều, càng nặng. Do đó trôi mãi trong dòng sanh tử, không biết tới đâu là cùng.

Dòng sanh tử có khi tốt, có khi xấu. Không phải ai sanh tử cũng tốt, có người gặp cảnh tương đối nhẹ nhàng ấm no, có người ra đời bị tật nguyền yếu đuối hoặc thiếu thốn... Người được an ổn cũng là an ổn tạm thời thôi, vì bản chất của nó là không thật.

Làm khách phong trần tha phương, càng đi càng xa quê nhà. Mỗi lần chúng ta sanh ra là một lần tạo thêm nghiệp và càng xa rời bản tâm chân thật. Người tu thức tỉnh trở về quê hương phải làm sao mỗi ngày tiến gần hơn với chính mình. Về tận nhà mới xong việc. Đời này nếu chưa chấm dứt dòng sanh tử, ít ra cũng bớt khổ nhiều. Muốn được vậy thì đừng chạy theo vọng tưởng, danh lợi, tài sắc của thế gian. Vọng tưởng chỉ là cái áo phong trần nhiều bụi bặm, ngang đây rũ sạch để trở thành con ông trưởng giả ngồi trong nhà cai quản sự nghiệp.

Ngài Trần Thái Tông nói sanh, tức là cất bước ra đi từ quê hương của mình, lần đi lần xa. Tôi thì nói ngược lại, về quê tức là trở về quê hương của mình. Bởi còn tiếp tục đi trong sanh tử là người không biết tu, nên mới thả trôi theo sanh tử. Càng thả trôi thì càng ngày càng xa. Từ trên nguồn trôi lần lần xuống sông, từ sông dần ra biển rồi tan mất, không còn gì nữa.

Cho nên còn đi trong sanh tử thì dòng đau khổ triền miên không dứt, nếu quay trở về quê tức là trở về chỗ hết sanh tử, thì sẽ chấm dứt đau khổ. Quê hương này là chỗ chân thật, ai ai cũng có chứ không riêng một cá nhân nào. Có mà không biết, hoặc biết mà không cố gắng quay bước trở về thì quê hương tuy còn đó mà không thể nào về tới được.

Nhờ trong thời gian ngồi yên tu hành, tôi cảm thấy quê hương của mình mà tôi quyết định trở về. Về được rồi tôi cảm thấy có nguồn an lạc, nên mới làm ra bài thơ Về Quê này.

Nhân loại ơi! Chúng ta lầm lẫn,
Bỏ quê nhà cất bước tha hương.
Mỗi bước đi xa cách cố hương,
Trước mắt thấy dẫy đầy nguy hiểm.
Giông tố thổi thuyền con khó vững,
Trên đường rừng cọp sói chực hờ.
Núi cheo leo, hố sâu thăm thẳm,
Sẩy chân liền mất mạng tan thân.
Bạn đồng hành phản trắc, khó lường,
Mới thân đó, thành thù sau đó.
Hận nhau rồi, dao súng sẵn chờ,
Giết hại được không lòng thương xót.
Trước mắt bủa giăng đầy cạm bẫy,
Ngưỡng đầu chờ chông nhọn chịt chằng.
Lao lách giỏi, chân sầy máu đổ,
Kẻ lơ là mất mạng như chơi.
Về đi thôi! Nhân loại mến yêu,
Hãy dừng lại, chớ nên tiến bước.
Bởi một bước, thịt rơi máu đổ,
Ta dại gì lao mãi khổ đau.

Mái nhà xưa êm ấm muôn đời,
Chờ con trẻ, cha già mỏi mắt.
Mẹ thân yêu trông ngóng con về,
Gặp được trẻ thỏa lòng mong đợi.
Đây sự nghiệp kho tàng đầy dẫy,
Tha hồ con thụ hưởng vui chơi.
Trước sân nhà, hoa nở ngạt ngào,
Sau vườn cũ, trái oằn chín mọng.
Đâu còn nữa những ngày đau khổ,
Để sau lưng các thứ hiểm nguy.
Về quê rồi tình nghĩa thiếu chi,
Nhìn nhân loại như mình nào khác.

Bài thơ có hai phần: Phần đầu nói về dòng trầm luân của con người khi ra đi, phần thứ hai là con đường trở về quê mình. Tôi đọc từng đoạn và giải thích:

Nhân loại ơi! Chúng ta lầm lẫn,
Bỏ quê nhà cất bước tha hương.

Tôi thấy rằng không phải chỉ cá nhân mình lầm lẫn mà cả nhân loại đều lầm lẫn, ở trong cái lầm lẫn đó tạo nghiệp sanh tử không dừng, không tỉnh. Bởi chúng ta lầm lẫn nên bỏ quê nhà cất bước tha hương. Quê hương là chỗ an lành mà mình lại bỏ đi, càng đi càng tới chỗ xa lạ thì càng khổ.

Mỗi bước đi xa cách cố hương,
Trước mắt thấy dẫy đầy nguy hiểm.

Mỗi bước mình đi thầm dụ cho mỗi đời mình sanh ra. Mỗi đời sanh ra là tạo thêm nghiệp nên xa cách với quê hương cũ, tức là chỗ chưa từng sanh diệt. Ra đi rồi thì trước mắt dẫy đầy nguy hiểm, không thể kể xiết.

Bốn câu mở đầu cho thấy hình ảnh người bắt đầu rời quê hương đi xa. Kế đến tả cảnh khổ trong lúc ra đi.

Giông tố thổi thuyền con khó vững,
Trên đường rừng cọp sói chực hờ.
Núi cheo leo, hố sâu thăm thẳm,
Sẩy chân liền mất mạng tan thân.

Khi chúng ta ra đời không làm chủ được mình, giống như một chiếc thuyền con thả trôi ra biển. Không một ai biết mình ra đời để làm gì, cho tới cuối đời sẽ ra sao? Trong biển lớn mênh mông, thuyền con ra khơi bị giông tố dập dồn, sóng gió thổi trôi không làm chủ được. Có khi trôi chỗ này, có lúc lạc hướng kia, mất phương hướng không biết lối để trở về. Đó là sự hiểm nguy của người đi sông.

Người đi bộ thì sao? *Trên đường rừng cọp sói chực hờ.* Nếu đi bộ thì cọp sói chực chờ muốn ăn

thịt mình. Con người sống ở nhân gian chịu không biết bao đau khổ, nên Phật nói đau khổ của chúng sanh không làm sao lường hết được.

Một hôm tôi thấy con kỳ nhông ở trên bụi kiểng chực kiếm mồi, bất thần con chim sả xà xuống đớp ngang hông rồi bay mất. Tưởng kỳ nhông nằm trên bụi kiểng kiếm mồi thong thả, không ngờ sau một tiếng kêu nó đã bị tha tới đâu không biết.

Cũng vậy, nhân loại này có ngày nào không giết hại nhau đâu, hết nhóm này hại nhóm kia, đến nhóm kia hại nhóm nọ, cứ thế mà tàn sát lẫn nhau. Trong cuộc sống có những người sẵn sàng giúp đỡ mình, có những người lúc nào cũng muốn hại mình. Thế nên cuộc sống của chúng ta là cả một sự đau khổ, giống như người đi trong rừng cọp sói chực chờ sẵn, lúc nào cũng hồi hộp lo âu.

Người thế gian đa phần đặt quyền lợi của mình lên trên, mong được phần mình chứ ít nghĩ cho người, mà được phần mình tức nhiên phần người phải thiệt thòi, đó là một sự thật rõ ràng. Vì vậy dù đi thuyền hay đi bộ đều gặp nguy hiểm, không yên ổn.

Núi cheo leo, hố sâu thăm thẳm,
Sẩy chân liền mất mạng tan thân.

Chúng ta sống trong cuộc đời này giống như người leo núi, trên là vách đá cheo leo, dưới là hố sâu thăm thẳm, nếu sẩy chân rớt xuống thì tan thân mất mạng. Nói gì đến leo núi, gần nhất là mình đang ngồi trên xe, nếu lái xe sẩy tay lạc bánh thì rầm, nát thân.

Cuộc sống của chúng ta không có gì bảo đảm hết, mà người ta cứ tưởng là mình sống đến 70, 80, 90 năm. Nhưng bất ngờ không lường trước được, giờ này đang bình yên, giờ sau chưa chắc đã bình yên. Cái chết chực sẵn bên mình mà ít ai thấy, chỉ cần một chút sơ sẩy là mạng sống không còn nữa. Đó là tả cảnh khổ của con người sanh trên cuộc đời.

Bây giờ nói đến tình người. Tình người ở đây gồm cả tình đồng đạo, tình bạn bè thân thuộc.

Bạn đồng hành phản trắc, khó lường,
Mới thân đó, thành thù sau đó.

Câu này tôi đắc ý nhất. Bạn đồng hành tức chỉ cho những người cùng đi chung đường với mình, thí dụ như bạn cùng tu hoặc bạn thân ngoài thế gian. Ngày nay thấy đó là bạn thân, nhưng mai kia trở thành thù, không sao lường được. Khi giúp đỡ được thì thân, hết giúp đỡ thì hết thân. Lúc có tiền của nhiều thì thân, lúc suy sụp thì hết thân. Nhờ cậy được thì thấy là người tốt, nhờ cậy không được thì

coi như kẻ xấu, oán giận thành thù. Nên nói mới thân đó thành thù sau đó.

Hận nhau rồi, dao súng sẵn chờ,
Giết hại được không lòng thương xót.

Oán hận rồi thì không còn lòng thương xót nhau nữa. Thù rồi thì dao cũng được, súng cũng được, làm sao giết được người đó thì thôi. Ngay cả người thân cùng sống trong một gia đình, như vợ chồng bình thường thương yêu nhau, nhưng nếu người chồng hoặc vợ phản trắc hay trái ý thì liền giết chết, không chút thương xót. Anh em ruột thịt trong nhà, tiền của chia không đều dẫn đến thưa kiện giết nhau, bà con thân thuộc vì chút lợi tham cũng có thể tìm cách giết hại để chiếm đoạt.

Tóm lại, bốn câu này nói lên hai phần: phần thứ nhất là lòng người phản trắc không lường được, phần thứ hai là khi phản trắc thù hận rồi thì không còn lương tâm nữa. Chuyện bình thường của thế gian là vậy.

Trước mắt bủa giăng đầy cạm bẫy,
Ngưỡng đầu chờ chông nhọn chịt chằng.
Lao lách giỏi, chân sầy máu đổ,
Kẻ lơ là mất mạng như chơi.

Trong cuộc sống này không biết bao nhiêu là cạm bẫy giăng sẵn cho mình, ít ai tránh khỏi. Những cạm bẫy đó có cái giải thích được, có cái không dám giải thích, vì cạm bẫy của thế gian rất vi tế, khó nói hết.

Cạm bẫy lường gạt rất nhiều hình thức, đời hay đạo đều có. Như một số người mang hình thức người tu đi vận động cất chùa, tới chỗ này chỗ nọ xin quyên góp, rốt cuộc thì chùa không có. Như vậy có gạt không? Hoặc trường hợp khi người thân mất, nhờ thầy coi ngày giờ giùm, thầy nói tuổi đó chết như vậy phải đọa địa ngục ngạ quỷ, phải có bao nhiêu tiền để lập đàn chay cầu cúng mới cứu khỏi. Như vậy có lường gạt không? Trong đạo mà vẫn còn lường gạt huống nữa ở ngoài đời. Ngoài đời thì nhiều vô kể.

Sống tới tuổi này, tôi nhìn lại thấy cạm bẫy đầy hết, đủ thứ mánh khóe để lường gạt nhau. Như muốn cho người ta làm một việc khó thì đặt phần thưởng theo thứ họ thích. Phần thưởng đó thấy như công bằng, mà sự thật là vì việc khó làm quá, mình không thể làm được. Nghe thưởng người ta ham nên lao vào làm, khi gặp nguy hiểm họ phải tự chịu.

Phần thưởng là gợi lòng tham của người, họ lao vào nguy hiểm và gánh chịu hậu quả. Trên thế gian

này nếu ngẫm kỹ thì thấy người ta lường gạt nhau dẫy đầy, nên nói đầy cạm bẫy. Thế nhưng đâu phải chỉ có cạm bẫy thôi, mà còn *ngưỡng đầu chờ chông nhọn chịt chằng.* Mình bước đi từng bước mà chông nhọn chờ chực sẵn, không khéo giẫm lên thì nguy hiểm đến cả tính mạng. Ở đời mọi nguy hiểm dàn trải như vậy.

Lao lách giỏi, chân sầy máu đổ. Người khéo thì lao lách né tránh, chiều uốn để qua những hiểm nguy. Nhưng dù cho khéo cách mấy cũng sầy chân, đổ máu chứ không yên ổn, còn *kẻ lơ là mất mạng như chơi.* Người ngu ngu khờ khờ thì mất mạng như chơi, vì bị người ta xúi dục làm những điều hư hại, rồi tan thân mất mạng. Cảnh khổ của người cất bước ra đi lìa khỏi quê nhà, đầy hiểm nguy như thế.

Về đi thôi! Nhân loại mến yêu,
Hãy dừng lại, chớ nên tiến bước.
Bởi một bước, thịt rơi máu đổ,
Ta dại gì lao mãi khổ đau.

Về đi thôi nhân loại mến yêu. Đây là lời nhắn nhủ, kêu gọi nhau hãy quay về quê hương của mình. Không phải một người mà tất cả nhân loại, những người đáng thương đáng mến của chúng ta. Ngay bây giờ phản tỉnh lại đi, hãy trở về đừng bước thêm

nữa. Trở về chính là lời khuyên nhau, ráng tu hành để giải thoát sanh tử. Giải thoát được mới không còn đau khổ, sanh tử.

Hãy dừng lại, chớ nên tiến bước. Dừng lại là chỉ cho giải thoát. Tại sao mình phải dừng lại? *Bởi một bước, thịt rơi máu đổ.* Chỉ một đời hiện tại thôi, từ lúc chúng ta ra đời đến giờ biết bao nhiêu lần khổ sở, cuối cùng thì thịt nát xương tan, có gì thật sự là của mình đâu.

Vậy thì *ta dại gì lao mãi khổ đau*, không lẽ mình ngu khờ cứ lao đầu theo cái đau khổ đó hoài. Chấp nhận tiếp tục sanh tử là lao đầu trong đau khổ, nên ta phải thông minh sáng suốt, dừng lại đừng tiến bước thêm trên con đường sanh tử, như vậy mới hết khổ đau.

Mái nhà xưa êm ấm muôn đời,
Chờ con trẻ, cha già mỏi mắt.
Mẹ thân yêu trông ngóng con về,
Gặp được trẻ thỏa lòng mong đợi.

Khi mình dừng lại được rồi thì sao? *Mái nhà xưa êm ấm muôn đời.* Đúng ra thì dùng chữ "biết bao", nhưng tôi để chữ "muôn đời", vì chữ "biết bao" nói sự việc nhiều, còn chữ "muôn đời" là chỉ cho vĩnh viễn, tức là vĩnh viễn không còn sanh tử nữa.

Chờ con trẻ, cha già mỏi mắt. Cha già là chỉ cho hình ảnh ông trưởng giả trong kinh Pháp Hoa. Trưởng giả đang trông chờ con mình, một chàng cùng tử lang thang. Cũng vậy, chúng ta là những kẻ cùng tử lang thang, để cha già ở nhà chờ đợi.

Mẹ thân yêu trông ngóng con về, gặp được trẻ thỏa lòng mong đợi. Cha là chỉ cho Phật, mẹ là chỉ cho các vị Bồ-tát. Phật và Bồ-tát là những bậc luôn luôn thương xót, lúc nào cũng trông cho chúng sanh tỉnh ngộ, không còn mê lầm tạo nghiệp sanh tử nữa.

Bốn câu trên đã nói rõ tinh thần của người biết trở về mái nhà xưa, với quê hương của mình. Tình quê hương đầm ấm nhất, đó là cha mẹ thương con, trông chờ con. Cũng vậy, Phật và Bồ-tát lúc nào cũng mong chúng ta giác ngộ, được giải thoát như các ngài.

Đây sự nghiệp kho tàng đầy dẫy,
Tha hồ con thụ hưởng vui chơi.
Trước sân nhà, hoa nở ngạt ngào,
Sau vườn cũ, trái oằn chín mọng.

Bốn câu này diễn tả cảnh đã về tới nhà, được gặp lại cha mẹ của mình. Cha mẹ thấy con trở về, vui mừng *đây sự nghiệp kho tàng đầy dẫy, tha hồ con thụ hưởng vui chơi.* Như ông trưởng giả có bao nhiêu gia tài thảy đều giao hết cho con, kho tàng của cha mẹ đầy dẫy nay trao lại cho mình, tha hồ thụ hưởng.

Trước sân nhà, hoa nở ngạt ngào; sau vườn cũ, trái oằn chín mọng. Trong nhà kho tàng đầy đủ, bên ngoài thì hoa nở trái chín, tất cả sự tốt đẹp thảy đều đầy đủ. Một khi chúng ta biết quay trở về nguồn cội của chính mình, gặp Phật, Bồ-tát rồi thì ngang đó cuộc đời chúng ta an lành, tự tại, tất cả mong mỏi đều mãn nguyện.

Đâu còn nữa những ngày đau khổ,
Để sau lưng các thứ hiểm nguy.
Về quê rồi tình nghĩa thiếu chi,
Nhìn nhân loại như mình nào khác.

Đâu còn nữa những ngày đau khổ, để sau lưng các thứ hiểm nguy. Nếu về tới nơi chốn của mình rồi thì những ngày đau khổ trước, bao kiếp số lang thang trong trầm luân sanh tử không còn nữa. Mọi thứ hiểm nguy bỏ lại sau lưng, không còn dàn trải trước mặt chúng ta.

Về quê rồi tình nghĩa thiếu chi, nhìn nhân loại như mình nào khác. Trở về quê hương an ổn rồi thì tình nghĩa đong đầy, tròn đủ, không còn khoảng cách cũng không có hận thù như trước. Vì thế chư Phật, Bồ-tát trông thấy chúng sanh như con. Không một đức Phật nào mà không thương chúng sanh, không một Bồ-tát nào không nguyện độ chúng sanh.

Câu chót là câu tôi đắc ý, *nhìn nhân loại như mình nào khác*. Đến đây rồi mình nhìn thấy chúng sanh giống như mình không khác chút nào. Không khác đây có hai nghĩa. Một là vì mình có tâm từ bi, nên thương người như thương mình không khác. Hai là nhìn lại mình có tánh giác hay bản lai diện mục, thì biết nhân loại ai ai cũng vậy, tức là mọi người đều có tánh giác như nhau. Đó là tâm nguyện của tôi gởi gắm qua bài thơ Về Quê này.

Quý vị có muốn về quê chưa hay còn muốn đi lang thang tiếp tục? Về hay chưa, đó là quyền của quý vị.

HOÀI BÃO CỦA TÔI

Ngày 02/01/ Canh Thìn - 06/02/2000

Hôm nay là ngày Tết Nguyên đán năm Canh Thìn, tôi về đây được Tăng Ni tụ hội tại Tổ đường này làm lễ Khánh tuế, đồng thời cũng yêu cầu tôi có những lời nhắc nhở trong ngày đầu năm, quý vị nương đó tinh tấn tu hành, chóng đạt được đạo quả. Tôi nhận lời và sẽ có những điều nói lên cho quý vị nhận ra, hiểu rõ để ứng dụng tu.

Năm này đối với tôi thì tuổi đã khá cao, sự sống của tôi còn được lúc nào thì mừng lúc ấy, chớ không có gì bảo đảm lâu dài. Bởi vậy những gì tôi đã ấp ủ từ lâu, mong muốn thực hiện thì ngày nay tôi sẽ nói rõ ra cho tất cả Tăng Ni nhận hiểu. Mai kia nếu quý vị thấy được đạo lý chân thật và tinh tấn tu hành, có hiệu quả thì quý vị cố gắng thực hiện những gì tôi đang ôm ấp và chỉ dạy cho quý vị hôm nay. Vì vậy buổi nói chuyện này, tôi để tên là *Hoài bão của tôi*.

Hoài bão của tôi tức là những nỗi ấp ủ, trông chờ, mong đợi, thực hiện cho được. Những điều đó tôi ôm ấp đã lâu rồi, nhưng chưa có cơ hội để trình bày rõ ràng cho Tăng Ni thấy biết và hiểu rõ.

Nói tới hoài bão của tôi thì tất cả ai cũng lạ, nghĩ đó là cái gì quý vị chưa từng nghe, chưa từng biết. Nhưng thật sự hoài bão tôi đã trưng bày cho tất cả thấy, tất cả biết rồi, nhưng chưa hiểu được thâm ý của tôi. Như vậy, khi nói tới hoài bão thì tôi liền đặt ra một câu hỏi để quý vị nhớ. Tại sao tôi đặt tên thiền viện này là thiền viện Thường Chiếu? Nếu quý vị hiểu được tên thiền viện Thường Chiếu tức là đã cảm thông được hoài bão của tôi.

Chữ Thường Chiếu, tôi thường hay nói có hai ý. Ý thứ nhất là đứng về phương diện lịch sử. Thường Chiếu là hiệu, tên của một thiền sư cuối đời Lý. Thiền sư này ở tại chùa Lục Tổ, tức ngài chịu ảnh hưởng hay được kế thừa hệ phái Vô Ngôn Thông. Nhưng chùa Lục Tổ lại là chùa của hệ Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Như vậy trong đời ngài hai hệ phái thiền truyền trên đất nước Việt Nam là hệ Tỳ-ni-đa-lưu-chi và hệ Vô Ngôn Thông tới đây đã hòa hội thành một. Chỗ của ngài ở và truyền đạo chính là nơi hòa hội. Cho nên tôi thấy danh hiệu của ngài xứng đáng kế thừa, xứng đáng hòa hội những phái thiền Việt Nam trở thành một, để lưu truyền sau này. Đó là nói về ý nghĩa của lịch sử. Nhưng đây chỉ là phần nhỏ, chưa phải là hoài bão của tôi.

Hoài bão của tôi thì nằm ngay hai chữ Thường Chiếu. Thường là luôn luôn, là mãi mãi. Chiếu là

soi sáng. Luôn luôn mãi mãi soi sáng, đó là Thường Chiếu. Khi thành lập thiền viện Thường Chiếu đồng thời có thiền viện Viên Chiếu. Lúc đó, hai thiền viện ra đời trước ở vùng này. Tôi đặt bên Ni là Viên Chiếu, cũng mang hai ý nghĩa. Một là tên một thiền sư đời Lý và một ý nghĩa khác nữa, Viên là tròn, Chiếu là soi sáng.

Thường Chiếu là đứng về mặt thời gian, chiếu mãi, soi sáng mãi, không ngừng, không đứt đoạn. Đó là ý nghĩa Thường Chiếu. Đứng về chiều thời gian, nó liên tục cho tới không biết đâu là cùng. Đó là Thường. Nhưng nếu thường như vậy, có thể bị khu biệt trong một khu vực nào, một ngôi chùa nào miễn thường là được. Cho nên tôi đòi hỏi thêm một điều nữa là phải viên. Viên là tròn. Tròn tức là đứng về mặt không gian trùm khắp. Như vậy Thường Chiếu là mãi mãi lâu dài, Viên Chiếu tức là trùm khắp hết. Đứng về mặt thời gian thì mãi mãi không cùng, đứng về mặt không gian thì bao trùm không thiếu.

Như vậy thì nguyện vọng, tâm tư của tôi có thể là tham. Tôi muốn Phật pháp hay là con đường của Thiền tông, ngọn đuốc của nhà thiền sẽ soi sáng, soi sáng mãi không dừng, không tắt. Chẳng những soi sáng một nơi mà soi sáng trùm hết. Đó là mong đợi, là ấp ủ trong lòng tôi. Ngày nay Thường Chiếu đã

thành hình, Viên Chiếu cũng thành hình, cộng thêm ba Chiếu nữa cũng thành hình. Những nơi tôi dùng từ "Chiếu" ở sau là đều nói lên ý nghĩa soi sáng.

Quý vị mới thấy tâm tư tôi ấp ủ, mong mỏi một ngày này. Hiện tại tôi làm được bao nhiêu cũng như tôi thắp một ngọn đuốc. Từ ngọn đuốc đó, đứng về hai mặt, chiều dài thì ngọn này sắp tắt, ngọn khác nối tiếp theo. Ngọn khác tắt thì ngọn sau nối tiếp theo, mãi mãi không cùng không tận. Đó là thường. Nhưng chỉ một ngọn này tắt tiếp một ngọn khác thì chỉ là chiếu ở một khu vực nhỏ thôi. Mà tôi không muốn như vậy, tôi muốn làm sao một ngọn đuốc được mồi với 10 ngọn đuốc, 20 ngọn đuốc. Rồi 10 ngọn, 20 ngọn sẽ mồi được ba bốn chục ngọn. Mãi mãi từ một khu vực nhỏ lan dần lan dần cho tới khắp nơi, chỗ nào, chốn nào cũng sáng hết. Đó là hoài bão của tôi. Quý vị thấy có tham không? Nếu tham cho tôi thì tham, nhưng tham cho quần chúng, tham cho mọi người, chắc không phải là tham.

Tại sao tôi lại đặt nặng chữ "Chiếu" như vậy. Bởi vì trong kinh Phật đã dạy: "Các ngươi phải tự thắp đuốc lên mà đi, thắp lên với chánh pháp". Phật dạy, mọi người chúng ta phải thắp sáng ngọn đuốc của mình lên. Nhưng ngọn đuốc của mình phải mồi ở đâu mới sáng, mới cháy. Mồi với chánh pháp của Phật, chánh pháp của Phật là những ngọn đuốc

đang cháy sáng. Chúng ta muốn ngọn đuốc mình sáng thì phải mồi từ chánh pháp, nó sẽ sáng. Đó là lời Phật dạy trong kinh.

Chư Tổ trong nhà thiền thì luôn luôn dùng từ chuyên môn là "Truyền đăng tục diệm". Truyền đăng tức là trao đèn, tục diệm là nối đuốc. Chư Tổ dạy chúng ta phải trao đèn, phải nối đuốc để cho ánh sáng liên tục không dừng. Như vậy đức Phật đề cập tới thắp đuốc lên mà đi, chư Tổ cũng luôn luôn dạy chúng ta phải tiếp nối, phải trao truyền bằng những ngọn đèn, những cây đuốc để hướng dẫn người sau.

Tại sao đạo Phật lại đặt nặng cây đèn ngọn đuốc. Bởi vì nói tới đạo Phật, nói tới đức Phật thì chúng ta phải hiểu ngay Phật là giác ngộ. Đức Phật là một con người đã được giác ngộ. Đạo Phật là phương pháp dạy chúng ta giác ngộ, hay là con đường đưa chúng ta đến chỗ giác ngộ. Mà giác ngộ là sáng. Nói tới giác ngộ là nói tới sáng suốt. Như vậy giác ngộ được tượng trưng bằng những ánh sáng của đèn, ánh sáng của đuốc và luôn ánh sáng của mặt trời mặt trăng. Nói tới giác ngộ là nói tới trí tuệ, nói tới ánh sáng. Như vậy thì chúng ta truyền bá đạo Phật là truyền bá sự giác ngộ, truyền bá trí tuệ, chớ chúng ta không bao giờ truyền bá những cái mờ tối, những cái âm u được.

Đạo Phật là giác ngộ, là trí tuệ, cho nên được tượng trưng bằng đèn bằng đuốc. Nếu không có giác ngộ, không có trí tuệ là không có đạo Phật. Vì thế cái hệ trọng của người tu Phật như thế nào? Chúng ta tu phải có giác ngộ, phải mở sáng con mắt trí tuệ. Có trí tuệ rồi thì chúng ta mới chỉ, mới dạy lại những người khác mở sáng con mắt trí tuệ được. Nếu chúng ta mù tối mà dạy người được sáng thì không có chuyện đó. Trong tay chúng ta không có một cây đuốc mà muốn đốt đuốc để dắt dẫn người khác đi ra khỏi đường mê, được không? Muốn dẫn người ta ra khỏi chỗ tối tăm mù mịt thì trong tay mình phải có sẵn một ngọn đuốc sáng. Mình có đuốc sáng thì mới dìu dắt người ra khỏi chỗ u tối được.

Như vậy tu theo đạo Phật mà không đặt nặng vấn đề giác ngộ, không đặt nặng mở sáng con mắt trí tuệ, thì chưa phải đạo Phật. Ý nghĩa rõ ràng như vậy. Nhưng gần đây chúng ta thấy người tu hơi lơ là, không đặt nặng trí tuệ. Bởi không đặt nặng trí tuệ nên chúng ta càng tu càng đi xa với đạo. Đó là vì mình không nhắm đúng trọng tâm mà Phật đã nhắm. Đức Phật đi tu, thành Phật là do giác ngộ. Từ giác ngộ Ngài mới đi truyền đạo, nếu Ngài không giác ngộ thì không có đạo Phật.

Nói tới đạo Phật mà không nói tới giác ngộ là một thiếu sót lớn. Cho nên chúng ta phải thấy rõ

trách nhiệm của mình là làm sao cầm được ngọn đuốc sáng trong tay, để dẫn người từ chỗ mê lầm ra chỗ tỉnh giác, từ chỗ tối tăm đến chỗ sáng suốt. Đó mới là việc bổn phận của mình. Nếu làm cái gì khác chỉ là việc phụ, chớ không phải chánh.

Ở đây, tôi dùng chữ "Chiếu" là soi sáng. Lấy cái gì để soi sáng? Tức phải thắp đèn, phải mồi đuốc. Thắp đèn mồi đuốc mới có thể soi sáng được. Đó là trọng tâm. Bởi vì tất cả chúng ta đã nguyện trọn đời tu để được thành Phật. Thành Phật tức là được giác ngộ viên mãn. Nếu tu một năm, hai năm, ba năm tới năm mười năm mà không giác ngộ tí nào hết, là tu đúng sở nguyện của mình chưa? Đó là câu hỏi mà tất cả quý vị phải tự đặt ra.

Nếu càng tu càng mù mịt, càng tu càng không biết được cái gì là gốc của sự giác ngộ hết thì chưa phải là tu theo Phật. Dù thờ Phật, lạy Phật, cúng Phật hằng ngày mà ở trong tâm mê muội thì chưa phải là tu theo Phật. Cho nên đối tượng của sự chiếu soi là mê lầm. Cũng như đối tượng của ngọn đèn, cây đuốc là bóng tối. Sở dĩ chúng ta mồi đèn, thắp đuốc là vì tối. Do tối mới mồi đèn thắp đuốc. Cũng vậy, vì muốn phá tan vô minh mê lầm muôn đời muôn kiếp của con người, nên chúng ta mới tu theo Phật để được giác ngộ. Chỉ có giác ngộ, dùng trí tuệ phá tan hết những thứ mê lầm, vô minh. Đó là gốc của sự tu.

Biết bao nhiêu người đi tu Phật, họ làm những điều rất tốt, thương người, cứu vật đủ hết. Nhưng thương cứu mà chưa sáng chưa giác, đó cũng là một người mù dẫn một người mù thôi, không đi tới đâu hết. Cho nên chúng ta cương quyết tu là phải sáng, phải giác ngộ. Như vậy còn chỗ nào tối tăm, chúng ta phải thắp đèn, đốt đuốc rọi cho sáng.

Sự tối tăm của thế gian là nhờ đèn nhờ đuốc mà phá tan. Nhưng muốn phá sự tối tăm của con người thì phải nhờ gì? Nhờ trí tuệ, nhờ giác ngộ. Trí tuệ, giác ngộ mới phá tan được cái tối tăm mê lầm của con người. Con người tối tăm mê lầm cái gì, chỗ nào? Đó là một câu hỏi để chúng ta tự gạn tự xét. Chúng ta có phải là người đang mê lầm, đang tối tăm không? Chắc ít ai dám nói mình là người mê lầm, tối tăm. Nhưng thật sự tất cả chúng ta đều là người mê lầm. Không ai chẳng mê lầm cả.

Bây giờ tôi đi thứ tự, trước hết là cái mê lầm trong Phật giáo. Đã nói tu là giác ngộ, cho nên nói tới người tu, lý đáng ít nhiều cũng phải giác, chớ không được mê. Nhưng bây giờ, chúng ta thấy rất đáng thương có nhiều nơi, nhiều chùa tu chỉ là tin, chớ không có trí. Cúng Phật, Phật ban phước. Lạy Phật được công đức. Làm cái gì cũng nhờ Phật ban phước, nhờ Phật độ cho. Bị tham sân si quấy nhiễu, sống bực bội khổ sở, lên chùa thắp hương cầu nguyện Phật gia hộ cho

con hết phiền não. Cái gì cũng Phật hết. Mình không có tu, chỉ xin Phật, cầu Phật cho thôi.

Như vậy là tu bằng trí tuệ hay bằng lòng tin? Nếu bằng lòng tin thì không phải là trí. Mà không phải trí thì không có giác. Không có giác thì sao? Thì mê. Nhiều khi tôi rất buồn, Phật tử của chúng ta cứ ỷ lại vào chư Tăng Ni. Nếu có bệnh thì nhờ thầy cầu an, nếu chết thì nhờ thầy cầu siêu. Cứ cúng tiền cho thầy cầu an, cầu siêu. Như vậy là hài lòng, cho là tu kỹ rồi đó.

Tôi đặt câu hỏi lại: Nếu Phật tử bệnh, nhờ thầy cầu an, thầy bệnh nhờ ai cầu an? Chắc nhờ bác sĩ. Như vậy tại sao Phật tử bệnh không nhờ bác sĩ cho rồi. Nếu thầy bệnh, thầy tự cầu an được, hoặc Tăng Ni có đức cầu cho mình hết bệnh, thì Phật tử mới bắt chước làm theo. Đằng này thầy bệnh rước bác sĩ, mà Phật tử bệnh rước thầy cầu an. Tin được không, làm việc đó có trí tuệ không? Đó là tôi nói khi sống. Còn lúc chết, nếu cầu được siêu thì chắc ngày xưa đức Phật đi cầu liên miên, phải không? Vì Ngài độ chúng sanh mà. Quý vị đọc lịch sử Phật, thấy có đám ma nào đức Phật đi cầu siêu không? Chưa từng thấy. Phật từ bi đáo để, muốn độ hết chúng sanh mà Ngài không cầu. Bây giờ chúng ta từ bi hơn Phật sao? Rõ ràng chúng ta hướng dẫn Phật tử chỉ biết cầu mà không biết tu.

Trong kinh Phật dạy quá rõ. Người tạo nghiệp lành sẽ được đến cõi lành. Người tạo nghiệp ác phải đọa vào cõi ác. Không phải người khác cầu cho mà mình được. Chỉ có thể giúp khi mình sắp từ trần, chư Tăng hoặc chư Ni hướng dẫn nhắc nhở cho mình tỉnh. Điều đó có ích. Tôi đọc A Hàm, nhớ vị cư sĩ được đức Phật khen ngợi là người cúng dường rất thâm hậu cho chư Tăng là ông Cấp Cô Độc. Khi ông gần tịch, có cho người đến báo tin với Phật. Ông dặn người báo tin xin Phật cho phép ngài Xá Lợi Phất tới thăm ông. Phật cho phép ngài Xá Lợi Phất tới thăm. Tới nơi, ngài không lập đàn cầu an mà chỉ hỏi:

- Trưởng giả lúc bình thường tu những pháp gì. Trưởng giả có giữ được năm giới không ?

Ông trả lời:

- Con giữ trọn vẹn năm giới.

- Trưởng giả có tu được sáu pháp không? (Sáu pháp tức là bố thí, trì giới v.v...).

- Dạ, con tu pháp đó được rồi.

Ngài cứ nhắc lại những gì mà ông đã hứa, đã tu cho ông nhớ. Rồi kết luận: "Trưởng giả đừng ngại, ông sẽ đi con đường lành, không có gì phải lo sợ hết". Sau đó ngài Xá Lợi Phất ra về, không có tụng bài kinh nào. Đó là đạo lý chân thật.

Chúng ta bây giờ cứ lo tụng kinh mà không biết cầu được hay không. Ngày xưa, chỉ có trường hợp bệnh nặng hoặc gần chết, chư Tăng tới nhắc nhở bình nhật mình tu pháp gì. Nhắc những điều đó cho nhớ và hỏi lại xem mình có nhớ hay không v.v... Như vậy là đủ rồi. Đó là lòng tin hay trí tuệ? Khi mình nhận giới pháp của Phật, học những bài kinh của Phật, nhắc lại cho mình nhớ. Đó là mở sáng trí tuệ. Còn người không nói gì hết, cứ tụng kinh rồi phục nguyện, đó là đặt nặng về cầu nguyện và lòng tin. Chúng ta tu Phật, dạy Phật tử tu Phật mà không dạy cho họ sáng suốt, không dạy cho họ có trí tuệ. Như vậy là trái hẳn với đạo Phật.

Kế đó là cái mê lầm từ mỗi người chúng ta. Tất cả chúng ta hiện giờ đang mê lầm hay đã giác ngộ? Chắc rằng 100% là nhận mình mê lầm, chưa ai dám nói mình giác ngộ. Mình mê lầm cái gì? Ở đây, tôi nêu lên thứ tự cho quý vị thấy.

Bài pháp đầu tiên đức Phật dạy tại vườn Lộc Uyển là Tứ diệu đế. Đế là lẽ thật, là chân lý. Tuy nói Tứ diệu đế, nhưng câu hỏi đầu tiên đức Phật đặt ra với các thầy Tỳ-kheo hay nhóm ngài Kiều Trần Như là: Tất cả chúng ta có khổ không? Nhiều người nói sống vui, đâu có khổ, mà thật tình chúng sanh đang khổ.

Thế nào là khổ? Sanh, già, bệnh, chết; bốn thứ này có ai khỏi không? Nếu chúng ta quên khi sanh khổ thì bây giờ già đến, có khổ không? Trước khi già, mấy cái răng rụng đã khổ rồi, tới đủ thứ yếu đuối, chân mỏi, gối dùn... Tất cả đều không an ổn. Nên già là khổ. Đến bệnh có khổ không? Khổ không nghi ngờ. Chết có khổ không? Không biết có khổ không, nhưng trên đời ai cũng sợ chết hết. Như vậy sanh, già, bệnh, chết là cái khổ sẵn của tất cả con người. Dù vua chúa cũng phải như vậy, không ai thoát khỏi những cái khổ đó. Kế đến cộng thêm ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, ngũ ấm xí thạnh, chung lại là tám thứ khổ. Như vậy con người sống khổ hay là vui? Khổ. Nhưng chúng ta có chấp nhận cái khổ đó không, hay tìm cách khỏa lấp cho quên.

Hiện nay Tăng Ni có nhiều phương tiện, nếu ở những nơi dễ dễ, sau khi tụng thời kinh xuống, mở tivi xem một hồi rồi đi ngủ. Sáng thức dậy làm công kia việc nọ. Hay khuya thức dậy tụng một thời công phu, rồi làm ít công việc. Tối lại rảnh thì mở tivi xem. Như vậy có khổ không? Coi đủ thứ chuyện vui mắt quá, đâu có khổ. Tại sao người ta bày ra những trò chơi như đá bóng, ca kịch... đủ thứ để làm gì? Để thiên hạ vui chơi mà quên cuộc đời là đau khổ, quên con người đau khổ.

Như người ta chế ra nào là nước hoa này nước hoa nọ, xà bông này xà bông kia cho thơm, để làm gì? Tại biết mình hôi quá, khó chịu quá nên chế những thứ đó để khỏa lấp bớt mùi hôi, chớ có gì lạ. Không muốn để những cái dở cái xấu lộ ra, nên chế những cái đó. Cũng vậy, cuộc đời là khổ, nếu để mình ngồi suy ngẫm thì thấy khổ quá, nên người ta thường hay tìm những cái vui để khỏa lấp đi nỗi khổ. Đó là việc làm của thế gian. Rõ ràng người ta đã thấy cuộc đời là khổ. Nếu không thấy cuộc đời là khổ thì cần gì tạo các thứ vui giả tạm đó làm chi. Hiểu rõ như vậy, chúng ta mới thấy rằng lẽ thật của con người là đau khổ, không chối cãi được. Đó là Khổ đế.

Nhưng nhà Phật có cái nhìn khác. Đức Phật thấy tận nguồn gốc khổ từ đâu ra. Cho nên khi nói khổ rồi, mọi người chấp nhận thì Phật liền đề ra nguyên nhân của khổ, chớ không phải ngẫu nhiên. Nguyên nhân là gì ? Là Tập đế, tức là nhóm họp những nguyên nhân tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... Các thứ này tụ họp lại, tạo thành quả khổ. Khổ là quả, tập là nguyên nhân tạo thành quả khổ. Đức Phật dạy phải mở mắt trí tuệ, quan sát kỹ kiếp người là khổ hay vui. Quan sát, nhận chân ra lẽ thật là có trí tuệ. Nếu không chịu quan sát, không chịu tìm kiếm, cứ để lòng tin vào đạo thôi thì làm sao có trí tuệ.

Trí tuệ là quan sát, là nhận định đúng như thật. Nếu chỉ biết quả khổ mà không tìm ra nguyên nhân thì trí tuệ đó chưa dùng được, chưa hữu ích. Cho nên Phật dạy phải xem xét cho tường tận nguyên nhân của khổ là gì. Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... là gốc, là nhân tạo ra khổ.

Tham có nhiều thứ. Nhưng cái tham gốc mà từ chuyên môn trong nhà Phật gọi là ái ngã. Ái là tham ái. Ái ngã là số một. Tất cả chúng ta có ai không thương mình đâu. Trăm người như một đều thương thân này. Thương thân này là ái ngã. Vì thương thân này nên nó già buồn, nó bệnh buồn, nó chết sợ. Như vậy cái buồn, cái sợ là khổ. Khổ tại vì sợ mất thân. Nếu mình không thương thân này, coi nó như đồ chơi, như rơm như rạ, như cỏ như rác thì nó còn nó mất, mình có sợ không ? Thấy cọng cỏ héo, cọng cỏ khô mình có sợ không? Nó là đồ bỏ, có đáng gì mà sợ.

Con người sở dĩ khổ đau là vì ái ngã, thương thân này quá. Thương thân này thì thân này bị già, bị bệnh, bị chết là khổ. Nếu chúng ta dứt được ái ngã thì cái khổ còn không? Không. Từ ái ngã, cho thân mình là quý là tốt, nên ai xúc phạm tới liền nổi sân. Thân mình, mình thương mình quý nó nên ai khinh, ai chê thì tức giận. Như vậy từ ái ngã là tham, rồi tới sân... đủ thứ si mê theo đó. Chúng ta quan sát được như vậy, thấy tường tận như vậy. Đó là có trí tuệ.

Nhờ thắp đuốc trí tuệ soi kỹ biết nguyên nhân dẫn tới đau khổ, chúng ta dẹp bỏ những nguyên nhân đó thì hết đau khổ. Cho nên đế thứ ba là Diệt đế. Diệt là gì? Là tịch diệt, chấm dứt nguyên nhân gây khổ. Tham, sân, si, mạn, nghi... dẹp sạch rồi thì hết đau khổ. Hết đau khổ là được quả Niết-bàn hay cũng gọi là Diệt đế. Nhờ Diệt đế mà chúng ta an ổn. Muốn diệt nguyên nhân của khổ, không phải ngẫu nhiên diệt được, phải có phương pháp, cho nên Phật chỉ dạy pháp tu là Đạo đế, tức là phương pháp diệt khổ.

Như vậy bài pháp đầu tiên đức Phật có dạy lòng tin không? Hoàn toàn không. Ngài dạy chúng ta phải quan sát. Quan sát từ hiện tượng thân này để kết luận lại nó là đau khổ. Rồi Ngài chỉ nguyên nhân gây ra đau khổ để chúng ta quan sát kỹ các nguyên nhân ấy. Kế chỉ mình những phương pháp diệt nguyên nhân đau khổ. Diệt hết nguyên nhân đau khổ thì được giải thoát hết khổ, gọi là Niết-bàn. Kiểm lại hoàn toàn không có chút nào gọi là lòng tin, mà là trí tuệ.

Như khi chúng ta bị sốt rét run rẩy, tới bác sĩ khám. Bác sĩ biết đây là bệnh rét, run rẩy là hiện tượng đau khổ. Nhưng cái run rẩy đó có nguyên nhân. Là gì? Bác sĩ phải tra cứu xem bệnh này do loại vi trùng gì, làm cho run rẩy. Biết được vi trùng

là từ quả phăng tới nhân. Biết được vi trùng rồi phải tìm thuốc. Thuốc nào giết được vi trùng đó. Tìm thuốc xong, chỉ bệnh nhân chích hoặc uống. Uống vô mới chết vi trùng. Đó gọi là diệt. Hết vi trùng rồi là mạnh. Mạnh tức là Niết-bàn, là thảnh thơi.

Đường lối của Phật dạy cụ thể, thực tế làm sao, không có gì huyền hoặc, mê tín. Chúng ta bây giờ không chịu tu như vậy, không chịu quan sát, không chịu tìm hiểu mà cứ đặt lòng tin. Tin ở Phật ban, Phật cứu, Phật độ mà không nghe lời Phật, quan sát để chiếu soi kỹ, rồi ứng dụng cách Phật dạy để tiêu trừ những thứ mê lầm của mình. Tiêu trừ được mê lầm thì mới hết khổ. Cho nên người tu thì đông, mà chưa chắc có vị nào hết khổ.

Chúng ta tu phải nắm vững, hiểu tường tận cái gì làm cho con người đau khổ. Những nguyên nhân ấy diệt được rồi thì khổ theo đó hết. Phật nói thân này nhơ nhớp, bất tịnh là để phá ái ngã. Như kinh Kim Cang, Bát Nhã v.v... Phật nói thân này như huyễn như hóa là để phá cái ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu thấy rõ thân nhớp nhúa, duyên hợp tạm bợ đúng như thật. Thấy tường tận như vậy thì hết ái ngã. Hết ái ngã thì mọi cái khổ theo đó hết. Như vậy có phải là quán chiếu không?

Quán chiếu tức là soi sáng. Soi sáng lại mình, thấy tường tận con người mình, thấy được nguyên nhân nào làm cho mình đau khổ. Thấy tột cùng, đó là quán chiếu. Quán chiếu thì trí tuệ phát sáng. Thấy đúng như thật về thân, thấy đúng như thật về tâm là chúng ta có trí tuệ. Ngược lại, không chịu quán chiếu mà cứ cầu xin Phật thì làm gì có trí tuệ.

Vì muốn nhắc nhở cho Tăng Ni biết rõ cách tu của đạo Phật, nên tôi đặt tên các thiền viện có chữ Chiếu. Phải soi sáng, đừng mê lầm nữa. Như vậy mà có người nào chịu chiếu chưa? Cũng còn thích xin, chứ chưa có chiếu. Đó là chưa chịu mở sáng con mắt trí tuệ. Chúng ta mê lầm về thân, mê lầm về tâm.

Từ ngày tu nhận chân được lẽ thật về tâm của mình, tôi mới thấy chúng ta có cái mê lầm nặng nề về tâm. Tâm mình là cái gì? Đa số đều nói cái nghĩ suy hơn thua, phải quấy, tốt xấu v.v... là tâm mình. Nếu thế thì khi những cái đó vắng mặt, nó không hiện ra chẳng lẽ mình mất tâm? Như những phút giây ta ngồi thiền, không có nghĩ suy hơn thua, phải quấy, lúc đó có tâm không? Nếu không tâm thì làm sao biết, làm sao thấy vọng tưởng, làm sao biết nó đang chạy nhảy. Biết mình có vọng tưởng, nó đang chạy nhảy thì còn có một cái gì thầm kín bên trong nữa. Chớ không phải những cái hơn thua, phải quấy, tốt xấu v.v...

Thế mà lâu nay chúng ta chỉ lấy cái nổi, tức là tâm phân biệt chia chẻ sự vật tốt xấu, phải quấy, hơn thua v.v... cho là tâm mình. Rồi theo đó tạo nghiệp, cái gì ưa thích thì giành với nhau. Ai cũng muốn được, đó là tham. Người ta được, mình không được thì giận. Giận là sân. Từ tâm phân biệt hơn thua phải quấy mà tạo thành nghiệp tham, sân, si... đủ thứ. Đã nhiều nghiệp rồi thì cái khổ theo đó cũng vô cùng.

Cho nên Phật dạy chúng ta phải nhìn lại tâm của mình, đừng bị những thứ đối đãi, hơn thua, tốt xấu v.v... làm chủ. Phải buông xả nó để trở về cái chân thật. Khi chúng ta nhận, sống được với cái chân thật, đó là tu. Nếu chạy theo cái hơn thua phải quấy thì không bao giờ chúng ta tu được.

Nếu mình thấy thân này là tạm bợ, sống dai chết yểu không quan trọng, quan trọng ở chỗ mê lầm hay tỉnh giác. Người tỉnh dù chết yểu cũng vẫn tốt. Người mê dù sống đến muôn tuổi cũng không ra gì, không có giá trị. Thiền sư Huyền Giác sống có bốn mươi mấy tuổi thôi mà tới ngày nay, chúng ta vẫn học với ngài. Như Chứng Đạo Ca, chúng ta phải học thuộc lòng những câu ngài nói. Trong khi người thế gian sống cả trăm tuổi mà không có gì hay, không có gì sáng, chúng ta có học không? Đó, để thấy giá trị của con người là giác ngộ, thức tỉnh,

chớ không phải mê lầm. Vì vậy, đạo Phật cốt mở sáng con mắt trí tuệ cho chúng ta.

Tất cả quý vị có thấy mình đang mê lầm không? Nếu còn ái ngã là còn mê lầm. Chúng ta đã tu đã học đã hiểu mà còn ở trong mê lầm, huống nữa là người thế gian. Họ chưa biết tu, chưa biết học, không mê lầm sao được. Chúng ta ngày nay ráng tu ráng nghiền ngẫm, chiếu soi lại mình để thức tỉnh. Tỉnh rồi thì ta có ngọn đuốc sáng. Từ ngọn đuốc sáng đó ta soi chiếu cho mọi người, để ai ai cũng được tỉnh. Nếu tất cả đều tỉnh thì thế gian này sẽ giống cõi Cực Lạc. Không còn ái ngã nên không còn tham, không còn sân, không còn si. Tham sân si không còn thì sống trên thế gian này an vui biết mấy. Con người đâu còn làm khổ nhau.

Ngày nay các nước văn minh trên thế giới, học làm những chuyện rung trời động đất, nhưng con người có hết khổ không? Tiến bộ chừng nào con người lo sợ nhiều chừng nấy. Hồi xưa, đánh giặc gặp nhau có gươm có giáo, gặp mặt thì đâm chém. Bây giờ ở đâu đó bấm nút là thiên hạ tan nát hết. Thế thì cái tiến bộ của khoa học chưa phải làm cho con người hết khổ. Rõ ràng ngày nay nhiều tai họa do con người tạo nên không thể lường hết, chưa bao giờ nhân loại thật sự an ổn. Cho nên đạo Phật dạy chúng ta tu để dẹp tan tham sân si. Con người hết tham sân si là hết khổ.

Chúng ta tu là phải thấy, phải biết được lẽ thật. Đó là gần với đạo. Vì vậy tôi mong những ai đã tu thì ráng mở sáng trí tuệ ra và luôn luôn đem trí tuệ đó soi sáng cho người khác. Đó là tự giác, giác tha, là con đường tu hành của Bồ-tát. Có Bồ-tát nào mê không? Bồ-tát tức là hữu tình giác hay là giác hữu tình. Một chúng hữu tình được giác ngộ, rồi đem sự giác ngộ đó đến cho mọi người, đó là giác hữu tình. Như vậy Bồ-tát là giác. Còn Phật thì sao? Phật thì giác hạnh viên mãn. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Ngày nay có một số người lầm lẫn, thấy ai làm việc bố thí nhiều, cho tiền của nhiều, liền nói người đó tu hạnh Bồ-tát. Làm việc thiện là tu hạnh Bồ-tát hay làm cho người ta giác ngộ là tu hạnh Bồ-tát? Rõ ràng trong kinh đã định nghĩa Bồ-tát là hữu tình giác và giác hữu tình. Mình là một con người, là một chúng sanh được giác ngộ, gọi là hữu tình giác. Đem sự giác ngộ đó để giáo hóa cho người cùng được giác ngộ là giác hữu tình. Như vậy mới là Bồ-tát.

Ý nghĩa tôi đặt chữ Thường Chiếu, Viên Chiếu là hạnh gì? Hạnh Bồ-tát. Đó là thắp sáng ngọn đèn trí tuệ của mình, rồi soi sáng cho mọi người. Hoặc cho người mồi ánh sáng với đèn tuệ của mình, đó là phá cái mê lầm cho chúng sanh. Mình giác, người cùng giác, gọi là tự giác, giác tha. Mình giác rồi thấy ai mê mình mới thương, mới cố tìm cách giúp

đỡ cho họ được giác. Hiểu thấu đáo lẽ thật của đạo, chúng ta mới không lầm.

Như bố thí có ba cách: tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí đi trước là vì người đang đói không có cơm ăn, giảng kinh họ nghe họ không hiểu, không chịu nghe. Cho nên tạm dùng tài thí trước rồi tới pháp thí. Pháp thí là giúp cho người ta tỉnh, tỉnh rồi chỉ cho họ cách tu vượt qua mọi khổ đau. Hết khổ đau thì không còn sợ hãi, đó là vô úy thí. Như vậy tài thí tuy Phật đặt trước, nhưng nó không quan trọng bằng pháp thí. Ba môn tài thí, pháp thí, vô úy thí thì pháp thí là trên hết, Phật dạy hết sức rõ.

Người tu mà không giác thì lấy gì bố thí cho người. Quý vị mê lầm không chịu sáng, không thấy được lẽ thật của đạo thì dạy ai. Mình mê thì không thể dạy cho người ta giác được. Cho nên ai đã là người tu thì phải cố gắng mở sáng mắt trí tuệ, nhìn thấy đúng như thật, để chỉ dạy cho người. Đó là chỗ chân thật.

Qua tên Thường Chiếu này, quý vị thấy chỗ ấp ủ của tôi thế nào? Tôi muốn quý vị phải tự thắp đuốc lên cho sáng, rồi mồi ngọn đuốc sáng của mình cho nhiều người. Đem đến nơi này, đem đến nơi kia, bủa sáng cho mọi người hết mê lầm. Mọi người hết mê lầm tức là cứu khổ chúng sanh. Ánh sáng đó không

chỉ có một thời gian ngắn 10 năm, 20 năm hay là ba bốn mươi năm, mà là ngọn đuốc này sẽ tiếp nối ngọn đuốc khác. Người khác gần tắt thì có người khác nối theo, tiếp tục đến vô cùng, để cho thế gian không còn mờ tối nữa. Đó là mong mỏi, sự ấp ủ của tôi.

Ánh sáng này chẳng những một nơi, mà tất cả nơi đều được chiếu soi. Được vậy thì cuộc đời không còn mê tối, chúng sanh sẽ không còn đau khổ nữa. Đó là sở nguyện, là trông chờ mà tôi gởi gắm cho tất cả quý vị. Quý vị có chịu nhận trách nhiệm đó không? Tôi giao, tôi gởi mà quý vị không nhận, đó là lỗi của quý vị. Tất cả chúng ta ai ai cũng có trách nhiệm. Nếu khả năng mình không thể như ánh sáng mặt trời bủa khắp thiên hạ, hay ánh sáng mặt trăng tỏa chiếu một vùng trời, thì ít ra cũng là một ngọn đèn, một cây đuốc. Không được sáng như đèn điện, ít ra cũng là ngọn đèn cầy hay cây đèn dầu nhỏ nhỏ, nhất định phải có ánh sáng.

Ý nghĩa tôi đặt tên cho ngôi thiền viện này, từ khi đặt chân lên mảnh đất Thường Chiếu, tôi đã mơ ước, đã trông đợi ôm ấp hoài bão ấy. Từ đó cho tới ngày nay, tôi không biết ngọn đèn tôi sẽ tắt lúc nào, nên mong quý vị hãy cố gắng, hãy thắp ngọn đuốc của mình, đốt ngọn đèn của mình lên cho cháy, để tiếp tục sáng mãi. Khi ngọn đèn tôi tắt thì những ngọn đèn của quý vị sẽ nối nhau sáng lên.

Tôi chỉ là một ngọn mà thôi, tới quý vị là trăm ngọn ngàn ngọn, không phải một ngọn như tôi nữa. Như vậy mới đúng ý nghĩa Thường Chiếu, Viên Chiếu. Đó là lời nhắc nhở đầu năm, cũng là đặt trách nhiệm cho tất cả quý vị đi đúng đường, làm đúng bổn phận của mình, đừng để sai lệch. Đó là mong mỏi trông chờ của tôi đối với tất cả Tăng Ni. Tôi nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho tất cả chúng ta đều là những người được "Truyền đăng tục diệm" mãi mãi.

GIẢM MỘT TUỔI ĐỜI TĂNG MỘT TUỔI ĐẠO

Xuân Nhâm Ngọ - 2002

Hôm nay là ngày đầu xuân năm Nhâm Ngọ, tôi về đây Tăng Ni làm lễ mừng tuổi chúc thọ. Tôi từng nói qua một năm là tuổi thọ rút ngắn lại một tuổi, cái chết đuổi gấp sau lưng, có gì mà mừng! Nhưng bây giờ tôi thấy ý nghĩa mừng tuổi vẫn có giá trị. Tại sao?

Chúc thọ tức là cầu chúc được sống lâu. Người đời có ai bảo đảm mình sống tới bao lâu, nhất là đọc lời Phật dạy: "Mạng sống trong hơi thở". Sống ngày nay không bảo đảm ngày mai. Như vậy tuổi thọ hay sinh mạng của chúng ta mỏng manh, tạm bợ vô thường, không có gì bảo đảm. Cho nên qua một năm, đến ngày đầu xuân, mọi người đều mừng rằng cha mẹ mình, thầy mình đã sống thêm được một tuổi, không bị vô thường cướp mạng sống trong năm qua, còn kéo dài đến được năm mới. Đó là ý nghĩa mừng sống thêm được một tuổi.

Tăng Ni và Phật tử nên hiểu rằng, đời sống của chúng ta luôn luôn bị quỷ vô thường rình rập, chúng

có thể chụp bắt mình bất cứ lúc nào, con người luôn đứng trước những hiểm họa. Vì vậy qua một năm là mừng mình được thêm một tuổi. Nhưng cái mừng ấy phải cộng chung với đức hạnh của chúng ta.

Một năm qua không phải chỉ để thêm tuổi thọ, mà chúng ta phải làm được cái gì cho đạo, cho mình, để đạo đức tăng trưởng, sự tu hành thêm phần tỉnh giác, sức tự chủ cao. Một năm như thế mới thật sự xứng đáng. Nếu chúng ta mừng thêm một tuổi mà sống vô ích, vô nghĩa thì cái mừng đó không có giá trị gì. Đó là điều Tăng Ni phải nhớ tự kiểm lại, đừng để qua một năm mà công phu chưa tới đâu, đến ngày nhắm mắt đạo đức vẫn không thêm chút nào thì thật uổng phí một đời tu.

Chúng ta là người tu, tự chọn cho mình một con đường thật cao quý tốt đẹp. Bỏ cả gia đình riêng tư, từ giã cha mẹ quyến thuộc để đi con đường tự giác giác tha. Tuy nhiên, không tự giác thì làm sao giác tha được. Cho nên qua một năm mà chúng ta vẫn giậm chân một chỗ, đạo đức không tăng tiến thì thật đáng buồn! Phải làm sao năm này, năm tới, chúng ta vươn lên cho xứng đáng hơn chứ không nên để trôi qua một cách vô ích. Đó là tôi nói ý nghĩa mừng tuổi, tức mừng sống thêm một năm, cũng mừng chúng ta đã làm điều tốt đẹp cho mình, cho mọi người trong một năm qua.

Hôm nay Tăng Ni, Phật tử đều hoan hỷ chúc cho tôi thêm tuổi thọ dài lâu, đó là lòng tốt của quý vị. Nhưng đối với tôi, ai cũng có duyên nghiệp riêng của mình. Làm tròn bổn phận rồi, hết duyên ra đi là một niềm vui. Nếu kéo dài tuổi thọ tới tám chín mươi hay một trăm, chỉ sống để mà sống, e rằng làm nặng thêm cho người xung quanh. Sống như vậy thêm một tuổi cũng vô nghĩa. Chúng ta phải làm sao thêm một tuổi là tăng trưởng đạo đức, thêm một tuổi là tăng trưởng trí tuệ, thêm một tuổi là đem hết sức mình giúp cho mọi người cùng được an vui, tỉnh giác. Thêm tuổi thọ như thế mới xứng đáng, mới không hổ thẹn. Nếu thêm tuổi thọ cho dài lâu mà chỉ làm mối nợ, bắt người khác phải hầu hạ, lo cơm áo cho mình, không làm được trò trống gì thì sống thêm cũng là vô nghĩa.

Tôi mong tất cả Tăng Ni cũng như quý Phật tử có mặt hôm nay phải thấy rõ giá trị cuộc đời của mình. Không phải chúng ta ở địa vị cao sang, ăn ngon mặc đẹp v.v... là có giá trị. Giá trị chính ở chỗ nội tâm mình luôn tỉnh sáng, đối với mọi người luôn chia sớt san sẻ. Với lòng từ bi, chúng ta đem lại cho mọi người sự giác ngộ an vui. Cuộc sống ấy mới có ý nghĩa, có giá trị. Đừng lẩn quẩn vì một hai lý do không ra gì, để rồi một cuộc đời trôi qua hoàn toàn vô ích vô nghĩa, đó là điều đáng buồn.

Với tôi, tuổi thọ dài ngắn không quan trọng mà quan trọng ở chỗ chúng ta biết dùng nó trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp. Làm sao ta hằng tỉnh hằng giác và khuyên mọi người cùng được tỉnh giác. Người xuất gia tự vui với bổn phận của mình chứ không phải sống chỉ để mà sống. Người đời vì miếng ăn chỗ ở mà giành giật, chống đối nhau, oán hờn nhau, sự sống đó thật vô nghĩa, còn tệ hơn là chết nữa. Mong rằng chúng ta không rơi vào tình trạng bi thảm ấy.

Mọi người phải ý thức được giá trị sống của mình, sống bằng đạo đức, sống bằng giác ngộ từ bi, như vậy mới đáng sống. Sống một năm đáng một năm, sống hai năm đáng hai năm. Chúng ta không nên xem thường mà phí bỏ giá trị của mình. Nếu người tu cứ thả trôi cuộc đời mình theo danh lợi, không tự biết vươn lên, không biết tỉnh giác, thì mọi người sẽ gièm pha, chê trách Phật pháp có những con người sống vô nghĩa, vô giá trị.

Vì vậy, mong rằng sang năm mới này, tất cả Tăng Ni đều thấy rõ mỗi một ngày qua là một ngày quý báu, nên không dám thả trôi để năm tháng qua đi một cách lãng phí, sống xứng đáng là người cầu giải thoát, giác ngộ. Đó là điều thứ nhất tôi muốn nói.

Điều thứ hai, tôi xin nhắc lại cho tất cả Tăng Ni biết rõ trách nhiệm của mình. Như tôi đã nói, chỉ còn một năm nữa là tôi phải nghỉ, tính từ hôm nay thì chỉ còn 364 ngày. Một ngày qua là gần đến chỗ tôi nghỉ ngơi một ngày. Thế thì khi tôi nghỉ, quý vị sẽ làm gì để gánh vác Phật sự tôi trao lại, đó là một trọng trách tôi xin nhắc cho tất cả Tăng Ni nhớ.

Từ buổi ban sơ tôi lên núi lớn Vũng Tàu cất một cái thất lá để tên Pháp Lạc Thất. Một mình tôi tự vạch ra lối tu, tự cố gắng nỗ lực công phu, không có bạn, không có người cùng chí hướng. Việc làm đơn độc của tôi cay đắng vô cùng, đã mấy lần khóc trước bàn Phật. Tôi nghĩ rằng mình tu sao cứ gặp trở ngại, đang muốn tiến lại phải dừng.

Ban đầu tôi dùng pháp tu Tứ niệm xứ quán thân bất tịnh, thấy kết quả rõ ràng. Trong kinh có dạy, khi quán tới chỗ thấy thân này quá gớm ghê, chán ngán nó đến muốn tự tử, thì phải chuyển qua quán tịnh. Tôi quán tới lúc thấy chán ngán thân này quá, liền chuyển qua quán tịnh.

Ban đầu, tưởng xẻ xương trán, quán từ xương ngà ngà đến xương trắng, chừng nào cái xương đó sáng ngời có hào quang thì pháp quán tịnh thành công. Tôi theo cách ấy, nhưng quán cái xương trên trán một lúc, tôi nhức đầu bưng bưng chịu không

nổi, thế là phải thôi. Trong kinh cũng dạy xẻ ngay sống mũi, khán xương ở sống mũi. Tôi cũng làm thế một thời gian rồi cũng bị nhức đầu chịu không nổi, đành bỏ. Trong kinh lại dạy quán ngay ngực, tưởng xẻ da bày xương trắng ở ngực, quán chừng nào cái xương đó phát hào quang thì thành công. Tôi quán liên tục đến lúc ngực đau nhói không chịu nổi, lại bỏ.

Bấy giờ tôi không biết làm sao nữa, chỉ còn lạy Phật khóc thôi. Không có thầy bạn chỉ dẫn, tu một mình gặp trở ngại không biết làm sao. Tôi khóc mấy lần như vậy. Sau này được duyên tốt chuyển qua tu Thiền tông, thấy rõ con đường của chư Tổ dạy, tôi mới có niềm vui. Tuy nhiên điều đó không phải một sớm một chiều tôi làm được ngay, mà cũng phải cay đắng khó khăn lắm mới được.

Khi đã nắm được hướng đi của Thiền tông rồi, năm 1970 tôi mở cửa thất lập tu viện Chơn Không, có 10 huynh đệ tới ở tu với chúng tôi. Tôi phải tự mò mẫm để tìm lối đi, rồi mới hướng dẫn một số ít huynh đệ cùng tu từ đó cho đến ngày nay. Bây giờ, chư Tăng Ni hiện đang tu thiền theo sự hướng dẫn của chúng tôi, trong cũng như ngoài nước tương đối đáng kể.

Tôi nói điều này là để tỏ bày cùng tất cả Tăng Ni sự nỗ lực của tôi. Từ con số không, tôi gắng hết

sức mình, mở mang hướng dẫn cho nhiều người biết đường lối tu hành là chuyện thật khó khăn vô cùng. Chưa kể gặp những duyên trắc trở bên ngoài, chúng tôi cũng phải cố gắng vượt qua để làm tròn sứ mệnh người đi đầu của mình.

Ngày nay Tăng Ni đông, thiền viện nhiều, trong và ngoài nước đều có. Thiết nghĩ làm việc này không phải tài sức của tôi, mà do tâm tôi tha thiết vì đạo nên được như thế. Nhờ bền chí quyết tâm nên ngày nay mọi việc tốt đẹp vượt cả sự mong cầu.

Thế thì còn 364 ngày nữa tôi nghỉ, việc này ai lo? Ai phải tiếp tục? Đó là vấn đề. Tôi nghĩ rằng tất cả Tăng Ni có mặt tại đây đều phải lãnh trọng trách. Chẳng lẽ gầy dựng, tạo lập được như vậy rồi, khi tôi nghỉ mọi việc theo đó bại hoại sao? Chắc rằng Phật pháp không cho phép điều đó.

Vậy muốn mai này khi tôi nghỉ, Tăng Ni có thể đứng ra gánh vác Phật sự lớn lao thì bây giờ phải làm gì? Quý vị có thể sống ngày qua ngày tháng qua tháng như vậy gánh vác Phật sự được không, hay phải nỗ lực, quyết tâm trong thời gian một năm này? Làm sao sống cho xứng đáng, tu cho có kết quả, khiến mọi người tin mình, hiểu mình và thấy được những cái hay của mình, quý vị mới có thể tiếp nối những gì tôi để lại.

Chúng ta muốn làm việc lớn, không phải bỗng dưng nó đến với mình dễ dàng. Nó đòi hỏi mình phải có đủ khả năng, đủ tài đức, đủ ngôn ngữ hướng dẫn chỉ dạy mọi người. Được vậy việc lớn mới thành công. Nên tôi báo trước từ hôm nay, quý vị phải lo chuẩn bị. Không một Tăng Ni nào được nghĩ rằng mình không có trách nhiệm, đã có sư huynh này sư tỷ kia gánh vác. Đừng nghĩ như vậy. Ai cũng phải tự thấy mình có bổn phận, phải chung lo góp sức với các sư huynh, sư tỷ. Phải thấy con đường thầy tổ gầy dựng mở mang rất khó khổ, đến đây chúng ta có bổn phận tiếp nối gìn giữ, mở mang ngày càng rộng lớn hơn.

Muốn thế sự tu hành của quý vị ngày càng phải đắc lực. Nếu cứ thả trôi cầm chừng thì mai kia khi tôi buông tay, sự nghiệp này sẽ rã từ từ. Như vậy tội lỗi quý vị thật lớn vô cùng! Cho nên tôi ân cần nhắc nhở Tăng Ni phải chuẩn bị trước. Một năm qua rất mau, quý vị phải ráng làm sao hiểu cho thấu những gì Phật dạy Tổ dạy, làm sao đạo lực mình ngày càng tăng trưởng, gieo được lòng tin nơi Phật tử xung quanh. Đừng bao giờ coi thường việc gì, phải tự kiểm điểm mình sao cho thật xứng đáng. Như vậy mới kham gánh vác Phật sự. Đó là chỗ tôi mong mỏi.

Tại sao tôi bắt quý vị phải đi đúng hướng? Bởi vì nếu hướng đi tôi vạch ra sai thì tự nó đã tan

hoại rồi. Nhưng ngày nay, từ con số không đã có những thành tựu lớn, chứng tỏ đó là hướng đi hợp thời, nên chúng ta phải nuôi dưỡng, làm cho tăng trưởng. Tôi tin chắc rằng nếu tất cả quý vị trung thành, chân thật, đi đúng đường hướng tôi chỉ dạy thì Phật pháp của đất nước mình sẽ được mở rộng hơn. Chẳng những mở rộng trong nước mà còn có thể lan rộng ra xứ ngoài.

Trước kia tôi là người nhiều mặc cảm. Sống trong thời đất nước bị lệ thuộc, tôi thấy dân mình khổ sở vô cùng, bị khinh miệt, bị sỉ nhục đủ điều. Tới khi vào đạo, tôi thắc mắc tại sao xứ sở mình đã có đạo Phật từ thế kỷ thứ 2 thứ 3, mà ngày nay Tăng Ni cứ phải qua nước này nước kia học, còn đạo Phật nơi xứ mình thì không biết gì?

Việt Nam có Thiền tông hơn ngàn năm, trong khi đó Tăng sĩ Việt Nam phải đi xứ ngoài học. Những người ngoại quốc muốn tìm học thiền đều sang các nước khác, đến Việt nam không có gì để học. Đạo Phật Việt Nam đã có gốc, có chỗ tựa vững vàng từ thuở nào, chúng ta là con cháu lại phủ phàng bỏ quên, cứ tìm học nơi khác. Như vậy có tủi nhục không?

Cho nên tôi muốn Phật giáo Việt Nam có một chỗ đứng thật vững vàng. Làm sao cho người nước

ngoài khi tìm hiểu đạo Phật, thấy Tăng sĩ Việt Nam rất đáng quý kính, không thể coi thường. Ngày nay, tuy chưa làm được bao nhiêu, nhưng tôi thấy rõ sự cố gắng của mình cũng có kết quả đôi phần. Những người nước ngoài tìm tới các thiền viện chúng ta học thiền. Họ còn muốn giúp mình lập thiền viện ở nước ngoài. Đây là một vài tia sáng đáng mừng cho đạo Phật Việt Nam nói chung, cho Thiền tông Việt Nam nói riêng.

Tuy nhiên, việc làm của tôi chỉ là một chặng đường ngắn, chuyện dài lâu về sau là trách nhiệm của Tăng Ni hiện giờ. Quý vị phải thấy cái hay đẹp của chư Tổ Việt Nam. Các ngài đã tu, đã chứng ngộ, ngày nay chúng ta cũng phải ứng dụng tu cho có kết quả như thế, rồi đem cái hay đẹp đó chỉ dạy lại cho con cháu, cho những ai ở ngoài muốn hiểu, muốn biết Phật giáo nước mình. Như vậy mới làm rạng rỡ tông môn, mới xứng đáng là người tu sĩ của Phật giáo Việt Nam. Nếu chúng ta tu mà không biết mình tu tới đâu, tu ra sao thì đâu đủ tư cách hướng dẫn ai. Là Tăng Ni Việt Nam mà hỏi đạo Phật Việt Nam dạy gì, tu như thế nào cũng không biết, đó là một tủi nhục lớn!

Con đường tôi chuẩn bị cho quý vị đi là con đường rất xa rất dài, Tăng Ni phải cố gắng sao cho đủ nghị lực, đủ khả năng để tiến lên. Không được

để cho sự nghiệp của thầy tổ gầy dựng mai một, không được để cho cỏ mọc rêu phủ, khiến con đường Thiền tông bị mọi người lãng quên. Tôi mong tất cả Tăng Ni hiểu rõ trách nhiệm mình, nắm vững và thực hiện cho bằng được, đừng lơ là như trước kia.

Hôm nay, trước khi trao trách nhiệm lớn cho Tăng Ni, tôi đã chuẩn bị tinh thần cho quý vị trước. Quý vị không còn ỷ lại, không trông chờ ai, mà mỗi người phải tự thấy bổn phận của mình, cùng đứng ra chung vai gánh vác việc lớn, đó là điều thứ hai tôi muốn nói.

Điều thứ ba, tôi nhắc lại những cái hay của đạo Phật cho Tăng Ni hiểu rõ để đừng lầm lẫn. Đây là điểm lâu nay chúng ta còn phân vân, chưa phân định rõ ràng. Người đời thường gọi những nhà trí thức là học giả, bác học. Hàng trí thức, học giả, bác học được người đời quý trọng. Chúng ta ở trong đạo, có phải là người trí thức không? Nếu không là người trí thức thì là người gì, có danh từ nào dành cho chúng ta không? Đây là vấn đề cần phải nắm vững.

Trong đạo Phật, không chú trọng trí thức mà chú trọng trí tuệ, không nói học giả mà nói hành giả, không nói nhà bác học mà nói người được trí tuệ vô lậu. Trí thức là do ý thức nhanh nhẹn, khéo léo so sánh phân biệt, đối chiếu rành rõ, khiến người

nghe dễ nhận dễ hiểu. Học giả thì góp nhặt, tích lũy những hiểu biết hay lạ của người khác cho đó là kiến thức của mình. Những nhà bác học nghiền ngẫm, tìm kiếm rộng rãi trong các ngành triết học, khoa học... nghiên cứu phát minh thêm những sáng tạo mới.

Như vậy, những nhà trí thức, học giả và bác học nhắm thẳng vào ý thức sanh diệt, tìm tòi lượm lặt từ bên ngoài, chứa nhóm thành kiến thức của mình, rồi sử dụng trở lại những kiến thức ấy. Tất cả những hiệu dụng đó đều nhắm vào điều kiện vật chất, lo cho thân này cảnh này đời sống này mỗi ngày mỗi sung túc, tốt đẹp, giàu có hơn. Đó là lo trên phương diện sanh diệt, được rồi sẽ mất.

Ngược lại người học Phật lấy trí tuệ làm gốc. Trí tuệ trong đạo Phật có chia ra hai phần: một là trí tuệ hữu lậu, hai là trí tuệ vô lậu.

Trí tuệ hữu lậu là gì? Là văn, tư, tu. Văn tức là học. Học cái gì? Học những lời chân thật Phật chỉ dạy về lẽ thật của con người, lẽ thật của cuộc đời. Chúng ta học để thấy được chân lý của con người và của muôn vật. Khi học rồi, chúng ta nghiền ngẫm cho tới nơi tới chốn, hiểu rõ tường tận vấn đề, đó là tư. Sau đó ứng dụng tu hành bằng cách thấy đúng như thật chân lý Phật đã dạy, tâm không nhiễm,

không dính mắc các pháp sanh diệt bên ngoài, đó là tu. Việc tu học này còn ở trong vòng sanh diệt nên gọi là trí tuệ hữu lậu, tức còn rơi rớt trong luân hồi sanh tử.

Trí tuệ vô lậu là gì? Là giới, định, tuệ. Giới là phương tiện ban đầu để câu thúc, không cho tâm phóng túng. Từ giới sanh định, từ định sanh tuệ. Trí tuệ này không do học mà có, do chúng ta ứng dụng tu. Đức Phật đã thấy nơi mọi chúng sanh sẵn có tánh giác. Chúng ta không cần tìm kiếm bên ngoài mà phải xoay nhìn lại mình, dẹp bỏ những lăng xăng của ý thức cho tâm được an định. Tâm an định, ý thức lăng xăng lắng xuống thì trí tuệ chân thật của chính mình, cũng là tánh giác của chúng ta sẽ hiện bày tròn đủ.

Người tu học bỏ ra, còn người đời học thu vào. Hai bên khác nhau chỗ đó. Người thế gian góp nhặt những kiến thức của kẻ khác để làm phong phú thêm hiểu biết của mình. Ngược lại, người tu đạo loại bỏ hết những lăng xăng của tâm thức, tâm được an định thì tánh giác hiện bày. Được trí tuệ vô lậu, chúng ta sẽ không còn rớt lại, không còn chìm trong luân hồi sanh tử nữa.

Hằng ngày chúng ta ngồi thiền là để làm gì? Đó là một phương pháp để nhận lại trí tuệ sẵn có

nơi mình. Thật ra, trí tuệ vốn sẵn tự sáng, đạo Phật gọi đó là ông Phật chính mình. Giác ngộ là Phật, tức từ tánh giác đó sáng ra chứ không từ đâu khác.

Người thế gian đi chỗ này chỗ kia học bao nhiêu năm, lấy bằng cấp này bằng cấp nọ, lượm lặt của người làm của mình, nhưng không có gì thật là của mình hết. Người tu gạt bỏ tất cả những thứ bên ngoài, để cho tâm trong sáng, rồi tự nó thấu suốt tất cả, đó là cái thật của mình. Cái thật này ai cũng có, mà lâu nay chúng ta bỏ quên, vì bỏ quên nên trở thành kẻ khờ dại ngu si đi trong luân hồi muôn kiếp. Ngày nay nếu biết trở lại sống với cái chân thật nơi mình thì dòng luân hồi ngang đây chấm dứt.

Như vậy, sự tu học của chúng ta là việc làm phi thường, thế gian không bì kịp. Song nhiều khi chúng ta lại xem thường, ham học cái sanh diệt của người, mà quên nhận lại cái không sanh không diệt của chính mình. Đức Phật Bổn Sư Thích Ca ngồi dưới cội bồ-đề đến đêm 49 thì giác ngộ. Khi giác ngộ viên mãn, Ngài tuyên bố thành Phật và nói: "Ta học đạo không có thầy". Ai dạy cho Ngài được giác ngộ? Chính vì tâm an định nên Ngài tự sáng ra, không do ai dạy.

Tăng Ni có ai vô phần về việc này không? Mọi người đều có phần. Có phần tức có đủ điều kiện để

giác ngộ. Thế nhưng chúng ta cứ thả trôi, để bao nhiêu thứ phiền não che phủ, khỏa lấp, rồi cứ thế mà đi mãi trong luân hồi. Ngày nay đủ phước đủ duyên, chúng ta biết được phương pháp ứng dụng tu thì phải ráng nỗ lực tu hành, mới xứng đáng là bậc xuất trần thượng sĩ. Đó là điều tôi muốn nhắc cho Tăng Ni nhớ, đừng xem thường những giờ tu của mình.

Khi ngồi yên lặng không phải là tiêu cực, vô ích mà là để buông bỏ những mê mờ đang che phủ tánh giác. Khi mê mờ lặng dứt thì tánh giác sáng ngời, chừng đó chúng ta mới thấy chỗ cứu cánh của Phật dạy vượt hơn mọi giá trị thế gian. Những vị giảng hay chưa hẳn là giải thoát vì mới có trí tuệ hữu lậu, chưa phải là trí tuệ do định sanh.

Vì vậy trên đường tu, phải đi từng bước thứ tự rõ ràng mới tới kết quả viên mãn. Nếu chỉ tu lơ là cho có hình tướng, rồi cũng ăn cũng mặc, cũng vui chơi bình thường như người đời thì đời tu không có giá trị gì. Nên biết tâm chí tu hành của chúng ta hết sức siêu việt, chứ không phải tầm thường, vậy mà có nhiều người vì sự ăn, sự mặc mà phiền não suốt đời, tạo bao nhiêu thứ phiền lụy cho mọi người xung quanh. Thật là đáng tiếc, thật là đáng thương!

Có nhiều Phật tử được chư Tăng giáo hóa, hiểu được ý nghĩa cao siêu của người tu, họ quá quý nên gặp chư Tăng liền đảnh lễ. Nhiều người địa vị xã hội rất cao hoặc tuổi tác trưởng thượng đáng ông bà cha mẹ, mà lạy chư Tăng còn nhỏ tuổi không hề thấy khó chịu, vì họ quá quý lý tưởng của Phật tổ dạy, quá quý sự tu hành siêu việt. Vậy mà chúng ta không chịu tu, khi họ lạy mình có xấu hổ không?

Nếu người ta đảnh lễ mà tâm mình đang chạy ngược chạy xuôi xóm này xóm kia, lúc đó có tội không? Quý vị phải nhớ, đừng tưởng người ta lễ là mình mừng. Chính đó là điều khiến chúng ta càng xấu hổ khi thấy sự tu của mình chưa ra gì. Nhận người đảnh lễ thì phải trả xứng đáng, chứ không thể nào nhận mà không trả. Nếu ta nhận sự cung kính cúng dường của người mà không trả lại được bằng đạo đức, bằng sự tu hành chân chánh thì đời sau phải làm tôi đòi để trả nợ cũ. Họ sai bảo hoặc leo lên lưng cỡi chứ không phải chuyện chơi.

Tôi nhắc nhở để cho Tăng Ni đừng tự xem thường mình. Phải làm sao khai thác cho được cái cao siêu quý báu của mình, để khỏi tủi hổ làm người xuất gia mà không có chút gì cao thượng, không chút gì xứng đáng. Thực tế Tăng Ni đâu phải vì thiếu cơm ăn áo mặc mà vào chùa, đâu phải vì khổ đau quá chịu không nổi mà vào chùa. Chúng ta vô

chùa là có lý tưởng, bỏ hết những gì phàm tục, tìm cái cao siêu trong đạo, nếu không tu thì một đời trôi qua uổng biết chừng nào!

Hôm nay nhân ngày đầu năm, tôi có vài điều nhắc nhở, tất cả Tăng Ni, Phật tử nghe hiểu, ráng ứng dụng tu để xứng đáng với sở nguyện của mình. Chúng ta bỏ cha mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc đi tu, thì phải làm sao cho xứng đáng là người tu, chứ đừng mượn hình thức tu mà tâm vẫn phàm tục. Người tu phải làm sao đền đáp được công ơn cha mẹ, thầy tổ, đàn-na thí chủ, không thể tu cầm chừng qua ngày qua tháng, rốt cuộc chỉ là một thầy tu rỗng, lại mang nợ thiên hạ, điều đó thật đau xót!

Mong tất cả quý vị nghe rồi cố gắng tu cho được trí tuệ vô sư viên mãn.

CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC

Buổi nói chuyện hôm nay không mang tính cách một bài giảng, chỉ là những lời nhắc nhở, chia sẻ cùng Tăng Ni về kinh nghiệm tu hành. Đồng thời thông qua các bài thơ kệ của chư vị Tổ sư, tôi nói lên cảm nhận sâu sắc của mình đối với con đường Phật đạo.

Trước hết nói về thực trạng tu hành phổ biến trong tùng lâm. Phần nhiều người tu mắc phải hai căn bệnh lớn, thứ nhất là lười biếng, thứ hai là tinh tấn quyết tử.

Triệu chứng của bệnh lười biếng là tu lơ mơ. Ngày ăn hai ba bữa, tu hành qua loa, làm việc Tam bảo vừa chừng. Hình như tu để trả nợ chứ không tính tới giải thoát. Đó là bệnh thật đáng trách. Triệu chứng của bệnh tinh tấn quyết tử là dụng công quá sức đến mức ngã quỵ, sanh ra thối tâm Bồ-đề. Tu chưa được gì hết mà muốn chết tới nơi.

Trong hai trường hợp, một là thả trôi, hai là quyết tử đều không đưa đến kết quả. Cho nên đức Phật dạy, người tu phải áp dụng lý trung đạo. Như người lên dây đàn, không quá căng cũng không quá dùn thì tiếng đàn mới hay.

Chúng ta tu luôn luôn phải chuẩn bị cho mình tư lương. Ngoài vốn liếng đủ trả nợ đàn-na thí chủ, phải có chút ít công đức cho bản thân mình. Lúc nào cũng thấy đường trước sáng rỡ để lạc quan tiến tới, chứ đừng thấy tối mò dễ sanh bi quan chán nản. Đau khổ của con người từ vọng tưởng điên đảo mà ra. Vọng tưởng điên đảo nhiều thì khổ đau nhiều, vọng tưởng điên đảo ít thì khổ đau ít. Chúng ta tu là đang cố gắng giảm vọng tưởng điên đảo. Cố gắng không có nghĩa là chạy cho mau, mà phải đi đều đặn bước nào vững bước nấy, không nên bỏ nửa chừng hoặc cách quãng.

Tôi cảm nhận rõ một điều rằng, trên đường tu mình luôn được Phật tổ gia hộ. Cho nên những việc tôi làm dường như ít công phu mà kết quả lại tốt. Do đó tôi mong tất cả Tăng Ni ý thức mình là người nhiều nghiệp chướng phải ráng thành tâm sám hối, tinh tấn tu hành thì nghiệp sẽ nhẹ dần. Đừng tự khoe khoang, ỷ lại mình có sẵn Phật tánh rồi nghênh ngang. Tu như vậy lâu ngày tổn phước không có lợi.

Sự thật trên đường tu nếu quyết tâm sẽ tiến không nghi ngờ, nhưng quyết tâm cũng phải đúng cách đúng hướng. Chúng ta rất có phước nên mới được xuất gia tu hành trong thời đại ngày nay, được an ổn yên tu, khỏi cần lo thiếu thốn khó khăn. Con

đường phía trước quá tốt mà không ráng đi thì chẳng biết nói sao. Những ai có tinh thần tu hành phải ý thức bổn phận của mình, đừng đi lệch lạc sai hướng uổng phí một đời.

Cuộc sống thế gian đầy dẫy cạm bẫy nhưng ít người biết đến, chỉ lo cho cái sống, tới chừng ngã ra chết đành phó thác cho số phận. Số phận đi theo nghiệp mình đã tạo. Do vì không biết điều này nên người ta tạo nghiệp xấu, lúc sắp chết kinh hoàng sợ hãi. Người tu dù chưa tiến tới chỗ giải thoát trọn vẹn, ít ra cũng chọn con đường sáng. Được vậy khi sắp nhắm mắt, chúng ta yên lòng vì biết rằng con đường phía trước tốt đẹp hơn hiện tại.

Người biết tu là bước đi trên con đường cao đẹp. Đức Phật đã chỉ dạy chúng ta phương pháp đi tới chỗ an lành muôn thuở, chứ không phải tạm bợ sơ sài. Chúng ta được duyên lành đi trên con đường tu tập giải thoát. Đó là lối đi sáng sủa, an lạc chứ không phải con đường đen tối, mù mịt.

Đa số người thế gian cho rằng tu là bất hạnh, vì không được hưởng thú vui ngũ dục, hạnh phúc trần gian. Họ không ngờ chính vì theo đuổi hạnh phúc trần gian mà con người phải chau mày nhăn mặt. Nhìn bên ngoài thấy người nào cũng tỏ ra tươi tắn, vui vẻ, nhưng đi sâu vào từng hoàn cảnh mới

thấy họ khóc nhiều hơn cười. Cuộc đời không có gì đảm bảo hạnh phúc, một khi lỡ bước chân vào chỉ còn cách cắn răng chịu đựng, chứ khó bề thoát ra.

Người tu không đua đòi, không đuổi theo dục lạc thế gian tưởng như thiệt thòi, không ngờ đó là con đường thanh thản nhẹ nhàng an vui. Tuy nhiên muốn đến được chỗ an vui miên viễn, phải cật lực công phu, trải qua biết bao điều bất như ý, mới có thể hoàn thành tâm nguyện.

Bức tranh thứ nhất trong Mười Bức Tranh Chăn Trâu chú mục đồng không hề thảnh thơi. Trâu hoang cắm đầu chạy, trong khi sức thằng chăn chỉ bằng một phần mười sức con trâu. Muốn chinh phục trâu hoang, kềm giữ nó lại là một việc hết sức cực khổ. Thằng chăn phải dùng trí khôn ngoan, sử dụng mọi phương tiện nào roi, dây dàm... để xỏ mũi, quất mông sẽ điều phục được nó. Nếu thằng chăn khờ khạo, tay không mà đuổi theo trâu chắc chắn không thể điều phục nổi.

Người đời vui sướng thả tâm theo dục lạc, mãn nguyện vì đang được hưởng hạnh phúc. Người tu không hưởng thụ dục lạc, mà xoay lại chăn con trâu hoang của mình. Đó là hai quan niệm khác xa nhau. Người mới chăn trâu giai đoạn đầu tuy khó khăn, nhọc nhằn, nhưng khi xỏ được mũi trâu,

lôi cổ nó theo mình thì từ đó về sau sẽ nhẹ nhàng, thảnh thơi hơn.

Bức tranh thứ sáu trong Mười Bức Tranh Chăn Trâu là giai đoạn hơn phân nửa trên đường tu. Tới đây, hành giả đã điều phục được con trâu hoang, thong thả thảnh thơi trở về nhà:

Kỵ ngưu dĩ lệ dục hoàn gia,
Khương địch thanh thanh tống vãn hà,
Nhất phách nhất ca vô hạn ý,
Tri âm hà tất cổ thần nha.

Cưỡi trâu thong thả trở về nhà,
Tiếng sáo vi vu tiễn vãn hà,
Một nhịp một ca vô hạn ý,
Tri âm nào phải động môi à.

Tri âm ở đây là biết mình. Chúng ta chịu khó nỗ lực chăn con trâu cho thuần thục, nhất định mai kia được thảnh thơi, an nhàn. Trên đường về cố hương chỉ toàn an vui hạnh phúc, không còn chút khổ đau của kiếp người.

Nội dung bức tranh chăn trâu thứ sáu bên Đại thừa khác hơn:

Lộ địa an miên ý tự như,
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu,

Sơn đồng ổn tọa thanh tùng hạ,
Nhất khúc thăng bình lạc hữu dư.

Đất trống ngủ yên ý tự an,
Chẳng cần roi mũi mãi thanh nhàn,
Tùng xanh dưới cội mục đồng nghỉ,
Một bản thanh bình rất hân hoan.

Giờ đây trâu nằm yên ổn trên đất bằng, mục đồng thảnh thơi ngồi chơi dưới cội tùng, ngắm trời mây, nghe gió thổi mát mẻ và hát bản nhạc thanh bình. Thật an ổn! Muốn được vậy, chúng ta phải nỗ lực trải qua rất nhiều giai đoạn khó khổ. Ban đầu vất vả trăm phần, dần dần còn hai ba chục phần, cuối cùng tự tại thong dong. Con đường tu hành sáng sủa và đầy ý nghĩa, thế nhưng nhiều người đi hơi mỏi chân đã muốn rẽ qua lối khác. Đáng tiếc thay!

Tuy nhiên sự tu không đơn giản, để được thành công phải trả giá bằng mồ hôi nước mắt và tâm huyết cao tột. Nhiều lúc ngồi thiền đau chân phát khóc, bị quở rầy buồn tủi, đó chỉ là những thử thách ban đầu. Nếu chúng ta cố gắng nỗ lực, mai kia nhất định an hưởng cảnh thanh nhàn, tự tại. Dù trong đạo hay ngoài thế gian, muốn có quả vui trước phải gia công khó nhọc. Thích ăn trái mít ngon, đầu tiên đem hạt mít ươm trồng, kế đến cung cấp đầy đủ phân nước và chịu khó nhổ sạch cỏ tạp. Người đời

lầm tưởng bước chân vào đạo sẽ được sống trong cảnh Cực Lạc, thiên đường tại thế. Không ngờ, tu hành phải ra sức công phu dày dặn cực khổ mới được an lạc. Con đường xuất gia cao thượng đầy ý nghĩa, đòi hỏi chúng ta phải cần mẫn, không lười trễ hay thối chí.

Tác phẩm Tuyết Đậu Tụng Cổ bao gồm một trăm công án do thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển tuyển tập. Công án thứ năm, thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn dạy chúng: "Cả quả đất vo lại lớn bằng hạt lúa hạt gạo, ném đến trước mặt. Chẳng hiểu, thùng sơn, đánh trống phổ thỉnh xem".

Thiền sư Tuyết Đậu tụng:

Ngưu đầu một,
Mã đầu hồi,
Tào Khê cảnh lý tuyệt trần ai,
Đả cổ khán lai quân bất kiến,
Bách hoa xuân chí vị thùy khai?

Dịch:

Đầu trâu mất,
Đầu ngựa về,
Trong vắt Tào Khê gương chẳng nhơ,
Đánh trống đến xem, anh chẳng thấy,
Trăm hoa xuân đến nở vì ai?

Thiền sư Tuyết Phong nói, cả đại địa vo lại bằng một hạt gạo, ném ra trước mặt. Ngài đã thoát khỏi mọi đối đãi lớn nhỏ của thế gian, tâm không dính chút bụi trần. Sở dĩ chúng ta chưa được như ngài vì còn nặng hơn thua, phải quấy, được mất. Phiền não theo đó dấy khởi khiến tâm bị nhiễm ô.

Thiền sư Tuyết Đậu hạ cú: *Đầu trâu mất, đầu ngựa về*. Thật là một câu vô nghĩa! Tuy nhiên ẩn sâu trong đó hàm ý tâm không còn dính mắc trần cảnh, không khởi ý niệm và tình thức duyên theo pháp trần. *Tào Khê cảnh lý tuyệt trần ai*, nghĩa là trong cái gương của Tào Khê không dính một mảy bụi. Gương này dụ cho tâm trong sáng dứt sạch đối đãi, hơn thua, phải quấy. Nó luôn sẵn có trong mỗi chúng ta.

Đả cổ khán lai quân bất kiến, đánh trống mời thiên hạ đến xem, nhìn trong gương không ai thấy một mảy bụi, cũng không thấy gương như thế nào. *Bách hoa xuân chí vị thùy khai*, trăm thứ hoa trên núi đua nhau nở vào mùa xuân một cách tự nhiên, chứ không nở vì ai. Cũng thế, khi tâm chúng ta thanh tịnh, muôn vật đều hiện tiền rõ ràng trước mắt. Công án này nhấn mạnh điểm cốt yếu trong sự tu, không kẹt hai bên, được tự tại.

Qua công án thứ sáu. Một hôm thiền sư Vân Môn bảo đại chúng: "Ngày 15 về trước chẳng hỏi, ngày 15 về sau nói cho một câu xem?". Ngài tự đáp thế:

"Mỗi ngày đều là ngày tốt". Công án này hay ở chỗ nào? Hiện tại chúng ta sống đây nhưng luôn để tâm chạy về quá khứ hoặc hướng tới tương lai, thành thử sống như không sống. Bởi vậy ngài Vân Môn phải lên tiếng nhắc nhở. Nhân đây, thiền sư Tuyết Đậu tụng:

Khứ khước nhất,
Niêm đắc thất,
Thượng hạ tứ duy vô đẳng thất,
Từ hành đạp đoạn lưu thủy thanh,
Túng quan tả xuất phi cầm tích.
Thảo nhung nhung,
Yên mịch mịch,
Không Sanh nham bạn hoa lan tịch,
Đàn chỉ kham bi Thuấn-nhã-đa.

Dịch:

Bỏ đi một,
Nắm được bảy,
Trên dưới bốn phương không đồng bậc,
Thong dong đạp bặt tiếng suối reo,
Phỏng xem vẽ được chim bay dấu.
Cỏ xanh rì,
Khói trắng bạc,
Không Sanh bên núi hoa rơi loạn,
Khảy tay làm thảm thần Hư không.

Bỏ đi một, nắm được bảy nghĩa là tâm không còn mắc kẹt quá khứ vị lai, sống ngay với hiện tại. *Trên dưới bốn phương không đồng bậc*, đối với thời gian và không gian, tâm không một niệm phân biệt là bình đẳng nhất như. Được vậy thì *thong dong đạp bặt tiếng suối reo*. Nghe tiếng suối reo ầm ầm bên sườn núi, mình có thể thong thả đạp bặt âm thanh đó. Tiếng suối có hình dáng gì mà đạp bặt? Ngay đây nếu tâm chúng ta vô niệm, không còn hướng về quá khứ vị lai, sẽ có diệu dụng không lường. Đó là điều đặc biệt của bản tâm.

Phỏng xem vẽ được chim bay dấu, thấy chim bay trong hư không, có thể vẽ được dấu chân của nó. Câu này ngầm chỉ khi tâm dứt sạch niệm tưởng sẽ có diệu dụng vi tế vô cùng. Đẹp hơn nữa là hình ảnh *cỏ xanh rì, khói trắng bạc*. Cỏ xanh như nhung, khói trắng như bạc dụ cho tâm thể trong sáng thanh tịnh, sạch hẳn phiền não tối tăm.

Không Sanh bên núi hoa rơi loạn, câu này xuất phát từ tích truyện ngài Tu-bồ-đề ngồi yên trong núi được Thiên Đế Thích rải hoa tán thán cúng dường. Chừng nào tâm tới được chỗ nhất như rỗng không, không cần nói không cần làm nhưng mọi thứ xung quanh vẫn cảm thông và thấy được.

Khảy tay làm thảm thần Hư không, Thuấn-nhã-đa là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là thần

Hư không. Dùng hư không làm thể, thân tâm không vướng mắc, hào quang Phật mới hiện. Ngài Tu-bồ-đề là vị đệ tử giải không bậc nhất của đức Phật. Khi tâm an nhiên tự tại, mọi diệu dụng tràn đầy trước mắt. Những hình ảnh trong các bài kệ tụng hàm chứa ý nghĩa một tương lai tươi sáng trên con đường tu hành.

Đến đây tôi dẫn lời dạy của chư vị thiền sư Việt Nam. Có vị Tăng hỏi thiền sư Chân Không:

- Khi sắc thân bại hoại thì thế nào?

Ngài liền đáp:

- Xuân khứ xuân lai nghi xuân tận,
Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân.

Xuân đến xuân đi ngỡ xuân hết,
Hoa nở hoa tàn vẫn là xuân.

Đẹp làm sao! Dù mùa xuân có đến đi nhưng tâm xuân không bao giờ thay đổi. Người hỏi băn khoăn khi sắc thân này bại hoại sẽ như thế nào? Với thiền sư Chân Không, sống đẹp chết cũng đẹp, sanh tử như hòn bọt còn mất trong biển cả. Dù hợp hay tan nó vẫn nằm trong biển. Cũng thế, sanh tử không hai, như mùa xuân miên viễn. Khi chúng ta có mặt trên trần gian hay lúc vắng bóng, tâm chân thật vẫn hiện hữu không thiếu vắng.

Một vị Tăng hỏi thiền sư Viên Chiếu:

- Kiến tánh thành Phật nghĩa thế nào?

Ngài trả lời:

- Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,
Phong xuy thiên lý phức thần hương.

Cây héo xuân về hoa nở rộ,
Gió đưa ngàn dặm nực hương mầu.

Mùa xuân tươi sáng, trong thanh đầy dẫy khắp hư không. Người chưa nhận ra Phật tánh mới thấy thân này có sanh diệt khổ đau. Người kiến tánh rồi thấy thân này tàn hoại giống cây khô, gặp thời tiết nhân duyên đến lại nở hoa thơm ngát. Cũng vậy, tuy thân tầm thường nhớp nhúa không ra gì, nhưng nếu biết tu tập vẫn có thể ngộ đạo. Đó là con đường chúng ta phải tiến tới.

Vị Tăng khác hỏi thiền sư Viên Chiếu:

- Thế nào là bản ý của chư Phật?

Ngài đáp:

- Xuân chức hoa như cẩm,
Thu lai diệp tự hoàng.

Xuân dệt hoa như gấm,
Thu sang lá tự vàng.

Quá đẹp! Mùa xuân đến hoa nở rực như vải gấm thêu bông. Mùa thu sang lá vàng rụng, lẽ tất nhiên. Cũng vậy, bản tâm của chư Phật là như như, không còn một niệm trần len lỏi trong ấy.

Chúng ta đang bước trên lộ trình giải thoát đầy an lạc và hạnh phúc. Hãy mau mau cất bước đừng chần chờ. Một ngày sống là một ngày giá trị và ý nghĩa. Làm sao hoàn thành tâm nguyện tự lợi lợi tha, xứng đáng là đệ tử của đức Phật. Mong tất cả cùng cố gắng.

QUÊN MÌNH THEO VẬT

Đề tài buổi nói chuyện hôm nay là *Quên mình theo vật*. Nhắc lại gốc tích, năm 1951 tôi học tại chùa Phật Quang tức là Phật học đường ở Bang Chang, Trà Ôn. Thầy tôi dạy kinh Lăng Nghiêm đến chỗ thất xứ trưng tâm, ngài A-nan hỏi Phật: Thế nào là tâm của con? Bảy chỗ Phật hỏi, A-Nan nói đều sai. Ngài lúng túng không biết cái gì là tâm của mình, nên Phật chỉ tâm cho A-nan biết.

Ngày xưa tôi đọc đến đây, học kỹ trong lúc Thầy dạy, tối lại 2 giờ đêm thức dậy đốt đèn, ngồi ở cái bàn trong nhà lá, đọc đi đọc lại đoạn đó tôi xúc động khóc. Sáng ra tôi bạch với Thầy: Con đọc đoạn đó sao xúc động quá, con khóc. Thầy nói: Tốt. Vậy thôi. Từ đó về sau thấm sâu tận xương tủy mà tôi không quên được. Bây giờ kể lại chư Tăng nghe rõ coi thấm bao nhiêu?

Trong đoạn kinh đó, khi được Phật hỏi, A-nan chỉ tâm đều không đúng, nên ngài hỏi lại Phật: Bạch Thế Tôn, thế nào là tâm, xin chỉ cho con. Phật đưa tay lên hỏi A-nan: Ông thấy không? A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, con thấy. Phật để tay xuống hỏi: Ông thấy không? A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thấy. Ngài A-nan bị Phật quở.

Bây giờ tôi đưa tay lên, hỏi thấy không thì trăm người như một đều nói thấy. Tôi để tay khuất xuống, hỏi thấy không thì nói không thấy. Đó là chuyện bình thường của phàm tình. Nhưng đức Phật muốn chỉ cho A-nan biết cái gì là tâm của mình, nên đưa tay lên để hỏi thấy không, lúc đó vừa nhìn thấy tay Phật, đương nhiên trả lời là thấy; nhưng để tay xuống hỏi thấy không thì nói không. Ai cũng trả lời như vậy thôi.

Nhưng Phật quở, khi ta đưa tay lên ông thấy là thấy tay của ta. Khi để tay xuống, nói không thấy. Như vậy ông cho thấy cái tay là thấy hay cái tay là cái thấy của ông? Cái tay là cái bị thấy, đưa tay lên ông nói thấy, để tay xuống ông cũng thấy, nhưng thấy không có tay. Đưa lên hỏi thấy không nói thấy để xuống khuất thì nói không thấy. Sự thật mình lầm to.

Tay Phật đưa lên thì thấy tay Phật, tay Phật để xuống là thấy không tay Phật, nhưng cái thấy mình cũng vẫn thấy, thấy mà không có tay Phật đưa lên. Như vậy, khi đưa tay lên Phật hỏi thấy không mình nói thấy, khi Phật để tay xuống hỏi thấy không thì mình phải trả lời sao cho hợp lý? Nghĩa là mình thấy không có tay ở vị trí đó, chứ không phải không có cái thấy của mình. Tay Phật đưa lên thấy có, khi tay để xuống thấy không, là quên cái hay thấy của

mình mà chỉ nhớ vật bị thấy. Nhận vật bị thấy mà quên cái hay thấy của mình. Tay đưa lên để xuống là vật bên ngoài, còn cái hay thấy là cái của mình. Tay đưa lên thấy, để xuống nói không thấy là quên mình theo vật.

Người đời không bao giờ hiểu được lẽ đó, họ chỉ thấy hình ảnh sự vật cho là thấy, còn không thấy hình ảnh sự vật cho là không thấy. Nhưng sự vật hình ảnh là vật ở ngoài, còn cái thấy là chính của mình. Cái thấy không thiếu vắng lúc nào mà mình quên nó, chỉ nhớ cảnh có cảnh không mà nói có thấy không thấy. Nhận cảnh là mình, quên mất mình, đó là điều hết sức sai lầm. Ở thế gian ít khi nghe được những lời này, không ai chỉ cho mình biết, vào trong đạo rồi đức Phật chỉ mới thâm trầm làm sao, sâu sắc làm sao!

Như vậy, cái thấy là cái thường hằng của mình, còn cảnh vật thì đổi thay, khi có khi không. Không thể nào đem cái hay thấy của mình ném đi, chỉ nhận cảnh vật bên ngoài là mình, đó là một sai lầm lớn. Trong đoạn kinh này, Phật chỉ cái hay thấy là tâm A-nan. Tại sao cái hay thấy là tâm? Bởi vì thấy là biết, tâm là cái biết. Cái thấy đó là tâm của mình mà mình quên.

Đến đoạn kinh thứ hai, Phật bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông, rồi hỏi A-nan: Ông nghe

không? - Dạ nghe. Tới khi tiếng chuông bặt dứt, Phật hỏi: Ông nghe không? - Không nghe. Phật cho đánh chuông lần thứ hai rồi hỏi, ông cũng trả lời y như vậy. Phật quở: Ông quên mình theo vật.

Như vậy, khi đánh tiếng chuông "boong" mình nghe, tiếng chuông bặt là nghe hết tiếng chuông, nhưng vẫn nghe. Nếu không nghe thì làm sao biết bặt không có tiếng chuông? Bặt tiếng chuông nói không nghe thì cái nghe bay theo tiếng chuông mất rồi!

Tiếng chuông là âm thanh bên ngoài, cái hay nghe là tâm mình ở trong. Khi đánh chuông mình nghe được âm thanh của tiếng chuông, khi tiếng chuông bặt rồi mình nghe không có tiếng chuông chớ không phải không nghe. Lâu nay chúng ta quen có âm thanh thì nói có nghe, không âm thanh thì nói không nghe. Mình có cái hay nghe, mà hay nghe thì có biết. Nghe tiếng chuông biết tiếng chuông, nghe tiếng trống biết tiếng trống, sao không biết được?

Cái tâm sẵn của mình ở tai mà mình không biết, nhận cái khác làm tâm, bỏ quên cái thường hằng. Phật quở A-nan lần thứ hai là quên mình theo vật. Cuối cùng A-nan đầu hàng không biết nói sao cho đúng. Cho nên Phật mới chỉ tột lý cho A-nan.

Bây giờ xét thật kỹ thói quen của mình đang lầm như vậy. Muốn biết tâm mình có hiện tiền hay

không thì nhờ ở mắt ở tai. Vừa có tiếng động là nghe, vừa có cảnh là thấy, nghe thấy không đợi suy nghĩ. Cái sẵn nghe là biết, thấy đó là biết, là tâm không sanh diệt của mình. Nghe rồi khởi phân biệt, thấy rồi khởi suy nghĩ. Cái phân biệt suy nghĩ đó là cái sau, cái giả. Còn cái thật đi trước sẵn sàng hết mà mình bỏ quên.

Người xuất gia tu là để giải thoát sanh tử luân hồi. Nhưng cái gì giải thoát đây? Mình tu rồi có chết không? Người tu cũng chết là tử, chết rồi sanh lại là sanh. Như vậy mình đặt mục tiêu cho cả cuộc đời là thoát ly sanh tử, mà không biết cái gì thoát ly sanh tử là điều tệ hại trong giới tu sĩ.

Phật muốn chỉ ngay nơi mình, có cái tạo nghiệp để luân hồi sanh tử, có cái sẵn có hằng giác hằng tri mà không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp cho nên ra khỏi sanh tử. Chính mình ra khỏi sanh tử, không phải ai đem mình đi.

Khi suy nghĩ thì chúng ta suy nghĩ cái gì? Suy nghĩ hai bên hay dở, tốt xấu, phải quấy, hơn thua. Nếu suy nghĩ cái hay thì mình thích, cái dở thì mình không ưa, cái tốt thì mình chịu, cái xấu thì mình không bằng lòng. Vừa khởi suy nghĩ thì tâm thương ghét buồn giận khởi lên. Như vậy thương ghét buồn giận là cái gì mà nó dẫn mình đi? Tâm thương ghét buồn giận đó là tâm tạo nghiệp. Tạo

nghiệp thì dẫn mình đi trong sanh tử. Vậy cái hay thấy hay nghe này tạo nghiệp gì? Thấy thì thấy, nghe thì nghe, mà không khởi suy nghĩ phân biệt thì đâu có tạo nghiệp? Tâm đó là tâm chân thật của mình, còn tâm kia là tâm hư dối tạo nghiệp. Từ đây cho tới lúc nhắm mắt mà cứ tạo thương ghét buồn giận hoài thì bảo đảm đi trong lục đạo luân hồi. Nếu giảm bớt được tâm đó, làm tăng trưởng tâm không sanh diệt thì mình đã sống với tâm giải thoát

Không cần tìm giải thoát ở đâu, giải thoát là không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp thì không dẫn mình đi luân hồi sanh tử. Tạo nghiệp là sức mạnh lôi mình đi trong sanh tử. Phật thường dạy những người sắp chết phải luôn nhớ Phật hoặc nhớ những điều lành hay những bài kinh, đừng nhớ những người mình thương hay ghét. Bởi vì đó là lúc ra đi theo nghiệp dẫn, dẫn mình tới chỗ nào mà mình chú ý.

Hằng ngày khi ngồi lại tu, chúng ta thấy sao vọng tưởng mạnh quá, nó lôi mình chạy hoài. Có khi nào được nửa giờ mà không có vọng tưởng không? Chắc là chưa có. Nếu vọng tưởng hoài như vậy thì nhắm mắt sẽ đi đâu, và tu có tiến hay không?

Ngày nay vào thiền viện được quý thầy dạy chừa bỏ vọng tưởng, đừng chạy theo nó. Trước kia

chưa học ngồi thiền thì không biết nó là vọng tưởng. Cứ nói mình nghĩ thế này, nghĩ thế kia không biết nó là vọng tưởng, vì không ai giản trạch cho hiểu cái nào là thật, cái nào là giả. Vọng tưởng là giả, còn tâm thật của mình là cái chân thật ở sáu căn. Ngồi tu cứ thấy vọng tưởng, không thấy cái thật. Nhưng đặt câu hỏi lại, ai biết được vọng tưởng?

Vọng tưởng không thể biết vọng tưởng, có cái biết được vọng tưởng, vọng tưởng dấy lên, vọng tưởng lặng xuống, trong đó thầm có cái biết. Vì vọng tưởng liên miên nên mình chỉ nhớ vọng tưởng, thật ra trong khi vọng tưởng dấy lên thấy là vọng tưởng nên bỏ. Thấy được vọng tưởng, bỏ được vọng tưởng thì có cái biết ngầm trong đó rồi. Nếu đó chỉ là một đám vọng tưởng với nhau thì không ai biết ai, nó cứ ào ào ra hoài. Đằng này mình thấy được nó, biết được nó, dù chặn chưa được, dẹp chưa hết nhưng vẫn có chủ nhân ở trong.

Việc tu của mình cao thượng, siêu thoát ngầm mà người thường không biết. Nếu chạy theo vọng tưởng thì suốt đời tạo nghiệp luân hồi sanh tử. Bây giờ biết vọng tưởng không theo, chặn đứng nó lại thì có một lực ngoài vọng tưởng, đó là sức mạnh của tâm.

Chúng ta có một phần chạy theo vọng tưởng, một phần nhận chân ra cái sai lầm mà chừa bỏ.

Nhưng bỏ hoài mà không hết thì có buồn không? Trong nhà thiền có câu "Bất phạ vọng khởi, duy khủng giác trì", nghĩa là không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm. Khi nó dấy lên biết vọng không theo. Như vậy, một niệm vọng khởi là chúng sanh, biết được vọng khởi là Phật. Giác mới biết được nó, mê không biết được nó. Có một chúng sanh thì có một vị Phật, không có gì thiệt thòi. Một trăm lần vọng dấy lên, một trăm lần giác thì mình có tiến, còn để vọng tưởng lôi thì mình không thua. Đây là mình đang chống cự, dẹp cái mê để cái giác hiện. Vọng dấy lên là mê, biết nó là vọng thì giác, chỉ sợ vọng kéo đi nửa giờ mà theo hoài không hay thì mới đáng buồn. Cho nên chỉ sợ giác chậm, không sợ vọng khởi, đó là khéo tu không chạy theo vọng tưởng điên đảo.

Vọng tưởng là tạo nghiệp, tạo nghiệp thì luân hồi sanh tử. Tâm hằng biết, không khởi niệm phân biệt, đó là tâm chân thật không sanh diệt của mình. Nếu sống được trở về với tâm thật đó, khi nhắm mắt không bị nghiệp dẫn, thì giải thoát sanh tử, nhập Niết-bàn. Không phải nói mình tu cứ tu, tới đâu hay tới đó. Phải thấy rõ cái gì để mình theo, cái gì để mình dẹp bỏ. Bây giờ mình là một chiến sĩ đang chiến đấu với đám giặc đẩy mình đi luân hồi, để mình dừng lại. Thật ra nó chỉ là vọng tưởng không thật, biết không thật thì đâu cần phải chiến

đấu gì, còn không biết thì thua nó. Biết rồi thì nó mất, vì vọng là hư dối.

Chúng ta chỉ cần nội tâm thường tỉnh, thường giác. Vọng tưởng dấy lên không theo là đủ rồi. Vọng tưởng giả dối mà hay rủ mình đi, mình nhẹ dạ nên rủ là chạy theo. Như khi đang ngồi sực nhớ chuyện nhà, nó rủ chạy về nhà; nhớ tới huynh đệ nó cứ rủ mình đi tìm để thăm, không cho mình dừng. Không dừng là không yên, không yên thì tâm chân thật không hiển lộ. Như vậy nơi mình có cả hai, một bên là tạo nghiệp hư dối, một bên hằng biết chân thật, giải thoát sanh tử. Không biết điều này thì tu uổng công.

Nghiệp do vọng tưởng dẫn rất mạnh. Nó gợi lại những gì mình thương ghét, buồn giận, liên miên trong tâm, không được yên. Vì vậy phải cương quyết la rầy, đừng cho nó dẫn mình đi thì mới chiến thắng được nó. Hai bên sanh diệt và không sanh diệt đã rõ, nhưng cái không sanh diệt bị cái sanh diệt lấn. Cho nên nói, mình có viên ngọc quý trong túi mà bỏ quên không xài, phải đi ăn mày là vậy.

Người tu Phật hiểu được lý thiền rồi là mình đang làm một việc phi thường. Thế gian thường sống theo vọng tưởng, bây giờ ngược lại, dẹp tan vọng tưởng để trở về cái thật của mình. Cái đó người

thế gian không ai biết, không ai hiểu mà mình biết, mình làm, không phải việc phi thường là gì? Nhưng người ta thấy mấy thầy ngồi im lìm, có khi ngủ gật nữa, liền đặt câu hỏi: Tội gì phải ngồi?

Việc phi thường mà mình xem thường, nên cái ngủ làm chủ mình. Cho nên, khi bắt đầu ngồi thiền phải cả quyết rằng mình đang làm việc phi thường, đang là chiến sĩ ra trận, không thể lôi thôi được. Còn không, để êm êm một hồi là ngủ tuốt. Hãy mạnh dạn, can đảm mới qua được cơn ngủ. Không vọng tưởng thì hôn trầm ngủ gục, đó là hai bệnh của người tu thiền. Muốn cho vọng tưởng giảm, hôn trầm mất thì phải cương quyết. Đây là cuộc chiến đấu oanh liệt, chứ không phải thường.

Tu mà biết mới thấy quan trọng, còn không biết thì thấy như bị bắt buộc ngồi, không biết ngồi để làm gì. Cứ như vậy mà thả trôi cho nó ngủ lên, ngủ xuống. Thời giờ ngồi tu của mình là thời giờ vàng ngọc, mà mình đem chôn vùi đi, không có giá trị gì hết.

Khi tới giờ đánh kiểng ngồi thiền, thì mình hăm hở vào ngồi, coi như bắt đầu một cuộc chiến đấu oanh liệt, khả dĩ thắng được hôn trầm, vọng tưởng. Còn không, hai chú đó quay mình riết thì tu một năm, hai ba năm lừ đừ không ra gì hết. Cho nên phải hiểu, phải thấy cho tường tận việc tu của mình.

Nhiều khi tôi cố gắng nói cho tất cả biết những điều quan trọng, nhưng khi tôi nói qua rồi quý vị cũng quên, trở lại thói cũ, vẫn ngồi lim dim, một lúc rồi gục. Cứ như vậy hoài nên mệt mỏi, hơi chán, không có tâm cương quyết làm việc phi thường. Cho nên, người tu là một chiến sĩ oanh liệt, đâu phải vô đây để thả hồn theo mây theo gió. Nếu cứ thả trôi như vậy uổng đi thời gian quý báu. Đó là điều cần phải nhắc, cần phải biết.

Tu để giải thoát, nhưng đặt câu hỏi giải thoát cái gì thì mình lúng túng không biết. Bây giờ chỉ rõ rằng, chúng ta có khả năng giải thoát sanh tử, cái đó sẵn nơi mình, chỉ cần dẹp vọng tưởng thì nó hiển bày. Khi nhắm mắt xuôi tay thì nó làm chủ để ra khỏi vòng sanh tử. Rõ ràng như vậy, chính mình là người cứu mình, chứ không ai cứu mình được. Chúng ta phải tự biết, rồi điều chỉnh lại làm sao cho tiến hơn, đừng có lôi thôi.

Đức Phật muốn chỉ cho ngài A-nan thấy nơi mắt, nơi tai có cái hằng biết, không sanh tử, không lúc nào thiếu mà người đời kể cả người tu đều quên. Nhìn thấy cái gì thì chúng ta đi theo cái đó mà không nhớ lại cái mình hay thấy. Do cái nguy hiểm này mà hiện nay người tu sẽ đi xuống địa ngục không ít. Đây là chỗ tôi xúc cảm.

Tôi muốn nhắc lại, Phật chỉ tánh thấy nơi mắt, tánh nghe nơi tai cho ngài A-nan, ngài A-nan liền đặt câu hỏi: Bạch Thế Tôn, như vậy cái gì là cội nguồn của giải thoát Niết-bàn, cái gì là cội nguồn của trầm luân sanh tử? Khi đó đức Phật im lặng không trả lời, mà mười phương chư Phật đồng thanh nói rằng: Này A-nan! Sáu căn của ông là gốc luân hồi sanh tử, sáu căn của ông là gốc giải thoát sanh tử.

Tại sao ngài A-nan hỏi mà đức Phật không trả lời, lại mười phương chư Phật đồng thời trả lời? Điều này để chứng minh rằng, không phải riêng đức Phật Thích Ca chỉ sáu căn là gốc luân hồi sanh tử, sáu căn là gốc giải thoát Niết-bàn, mà mười phương chư Phật đồng chỉ như vậy. Tu được thành Phật từ nơi sáu căn, không có đường nào khác, cho nên mười phương chư Phật đồng thời trả lời, còn đức Thích Ca im lặng.

Đoạn trên của kinh chỉ nói hai căn mắt và tai, không nói các căn kia là mũi, lưỡi, thân và ý. Vì mắt, tai là cái nổi nhất, dễ thấy nhất, các căn kia hơi thầm lặng nên khó thấy.

Bây giờ đặt câu hỏi, ở mũi có cái biết thường xuyên không? Có mùi thơm thì biết thơm, có mùi hôi thì biết hôi, còn không có mùi gì thì biết không có mùi. Lâu nay khi không có mùi thì chúng ta

nói không biết mùi. Lúc không nghe mùi là lúc đó không có mùi chứ không phải không biết.

Ở lưỡi cũng vậy, có vị ngon biết có vị ngon, có vị dở biết có vị dở, không ăn uống không có vị thì biết không có vị. Cũng biết thường xuyên, nhưng vì nó sâu kín bên trong, khó chỉ, còn tai với mắt thì dễ chỉ hơn.

Thân cũng vậy, có xúc chạm biết xúc chạm, không xúc chạm biết không xúc chạm, lúc nào mà không biết. Còn ý duyên với các căn kia, khi nào cần chú ý tâm thì nó dấy lên đi theo phụ, phụ rồi đem bóng dáng các cảnh về nhốt ở trong thành pháp trần. Khi ngồi thiền không thấy ai, không có chuyện gì xảy ra thì nhớ lại những hình bóng, đó là pháp trần, là những bụi bặm lượm lặt từ sáng đến chiều.

Chúng ta ai cũng có đủ sáu căn, thể của sáu căn là một. Trong kinh Lăng Nghiêm Phật nói "Nhất tinh minh sanh lục hòa hợp". Chỉ có một cái trong sáng mà sanh ra sáu hòa hợp. Tâm thể đó vốn là một tinh minh trong sáng, chia ra sáu hòa hợp ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tâm thể đó còn gọi là chân tâm hay Phật tánh tỏa ra ở sáu chi nhánh mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi chết thì tánh biết ở sáu chi nhánh không bị hoại, cùng hòa về một là chân tâm Phật tánh, thoát ly sanh tử luân hồi.

Như vậy, sự tu hành của mình phải biết gốc từ sáu căn, từ sáu căn mà tạo nghiệp thì luân hồi sanh tử, từ sáu căn biết quay trở về thì sẽ thoát ly sanh tử. Ai cũng có sáu căn, tức là có sáu lối trở về cái chân thật. Khi sáu căn hoại, cái chân thật đó tức Phật tánh hay chân tâm, không hoại. Trên đường tu, luân hồi sanh tử rõ ràng mà giải thoát sanh tử cũng rõ ràng, ở nơi mình chứ không ở nơi ai. Thế nên không phải một đức Phật mà mười phương chư Phật đồng thời nói lên như vậy. Trong kinh Viên Giác, Phật cũng nói sáu căn là gốc của luân hồi sanh tử, sáu căn là gốc giải thoát sanh tử.

Trong kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác, đức Phật nói rõ sáu căn là gốc của luân hồi sanh tử. Cho đến Thiền tông, Ngũ Tổ ở Hoàng Mai dạy chư Tăng tu thiền, cũng khuyên Phật tử tại gia tụng kinh Kim Cang. Có nhiều người thắc mắc, tại sao ngài lại dạy tụng kinh? Vì ngài tâm đắc ở kinh Kim Cang. Khi Lục Tổ được cho vào thất, ngài đem kinh Kim Cang ra giảng, tới đoạn Tu-bồ-đề hỏi Phật: "Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm?". Phật dạy: "Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". Không nên sanh tâm dính mắc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó là chỗ an trụ của tâm Phật, tâm Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe tới đây Lục Tổ liền thấy mình có sẵn tâm đó, cho nên nói:

Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh,
Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt,
Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ
Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động,
Đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp.

Ngay đây Ngũ Tổ biết đã thấy lẽ thật nên trao y bát. Như vậy, trong kinh Phật dạy, cho đến các vị Tổ dạy thiền, căn bản không khác. Người tu thiền thực hiện những gì Phật dạy trong kinh, không phải bỗng dưng đặt ra một lối tu riêng. Nhưng người thế gian không biết, họ cho rằng tu là phải tụng kinh. Nhưng ở thiền viện ít tụng kinh, chỉ tụng một bài Bát Nhã ngắn thôi.

Từ kinh Kim Cang, Viên Giác, Lăng Nghiêm... Phật đều nhắm thẳng vào sáu căn để chỉ dạy. Tới Lục Tổ thấy rõ nếu sáu căn không vướng mắc sáu trần, là gốc để thành Phật. Cho nên sau này ngài dạy lại các đồ đệ. Đường lối của Thiền tông rõ ràng như vậy.

Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch ở Trung Hoa là Tổ tông Quy Ngưỡng, tới hỏi đạo hòa thượng Trung Ấp. Ngài Trung Ấp ngồi trên giường thiền, ngài Ngưỡng

Sơn đảnh lễ xong thưa: "Bạch Hòa thượng, thế nào là Phật tánh?". Ngài Trung Ấp nói: "Tôi sẽ vì ông nói một thí dụ. Có cái lồng sáu cửa, trong đó nuôi một con khỉ. Ở ngoài có con khỉ khác tới kêu chéo chéo, con khỉ ở trong cũng đứng dậy kêu chéo chéo. Tới mỗi cửa kêu, ngoài kêu thì trong ứng, đều đều như vậy". Ngài Ngưỡng Sơn nói: "Bạch Hòa thượng, nếu con khỉ ở trong ngủ thì sao?". Ngài Trung Ấp từ giường thiền bước xuống tới vỗ vai ngài Ngưỡng Sơn nói: "Chúng ta thấy nhau rồi!".

Con khỉ bên trong ngủ, thì bên ngoài có kêu cũng không dính dáng gì. Đó là để chỉ cho Phật tánh. Phật tánh hiện khi nào ý thức không chạy theo hòa hợp sáu căn. Khi tiếp xúc với ngoại cảnh mà không chạy theo thì Phật tánh hiện tiền. Khi nói khỉ ngủ rồi là ngài biết "thứ thiệt" nên vỗ vai nói "chúng ta thấy nhau rồi". Như vậy nhà thiền nói không khác kinh điển để chỉ cho chúng ta thấy cái tu gốc từ sáu căn.

Có nhiều người thắc mắc, sáu căn nhiễm sáu trần, làm sao gỡ đây? Luôn luôn mắt thấy sắc liền phân biệt đẹp xấu, tai nghe tiếng liền phân biệt hay dở. Mắt thấy, tai nghe, lưỡi nếm, mũi ngửi mùi... liền có phân biệt. Cái dễ thấy nhất là con mắt. Như người nam nhìn thấy một người nữ xinh đẹp, vừa nhìn đã phân biệt đẹp như thế này, đẹp như thế kia.

Cái phân biệt đó đưa mình tới chỗ dính mắc. Nếu thấy cô đó như cô đó thôi, có sao thì mặc kệ không phân biệt gì nữa thì không dính mắc, còn thấy mà phân biệt đẹp thì dính cứng. Như vậy vướng mắc là từ phân biệt.

Chúng ta biết cái gốc là do niệm dấy lên phân biệt, đó gọi là vọng tưởng, vọng thức. Từ những niệm đó có thương, có ghét, có buồn, có giận... Giả sử thấy một người nữ, dấy niệm phân biệt, người đó đẹp thấy dễ thương là đã vướng mắc. Muốn gỡ cái vướng mắc đó thì phải làm sao? Phải học ở đức Phật, khi các thiếu nữ do Ma vương hóa hiện thật đẹp tới dụ dỗ Ngài, Ngài nói: "Đãy da hôi thúi. Đi, ta không dùng". Thấy người đó bên ngoài thì đẹp nhưng chỉ là đãy da chứa toàn đồ nhơ nhớp. Thấy tột được lẽ thật đó thì nó hết dụ mình. Đó là gỡ cái vướng mắc.

Tất cả bệnh của chúng ta Phật đều dạy cách trị, nhưng vì chúng ta không ứng dụng. Nếu thấy một người đẹp ở trước mặt nhớ lời Phật dạy đó là đãy da hôi thúi, mà sự thật là như vậy. Bên ngoài chỉ bọc lớp da, bên trong toàn chứa những thứ gớm ghiếc. Người có đẹp mấy mà khạc ra hoặc hỉ mũi cũng thấy gớm, vì biết đó là một đãy da hôi thúi, không có gì quý trọng. Thấy đúng lẽ thật thì vọng tưởng hết, nếu cứ tưởng theo cái điên đảo của chúng sanh thì vọng tưởng không bao giờ hết. Đó là gỡ mắt thấy.

Thấy hoa đó đẹp quá nhưng mai mốt rồi cũng tàn, không có gì là thật là thường còn, tạm qua rồi mất. Nhờ trí tuệ thấy các pháp đúng như thật nên không nhiễm, không dính. Đó là ở mắt. Ở tai, nghe âm thanh êm dịu thì thấy thích, thích nghe những bài ca tiếng hát. Những âm thanh đó là vô thường qua rồi mất, đừng để ý nó thì thôi, không bị dính mắc. Đến mùi thơm, mùi hôi qua mũi mình cũng vậy. Mùi thơm qua rồi một chút cũng mất. Tất cả đều là vô thường không có gì quan trọng. Từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mình đều biết rõ, những pháp trần đó đều không thật chỉ là tạm bợ.

Ngày xưa, Phật dạy các thầy Tỳ-kheo, thấy những người nữ dễ thương, tâm bất an thì phải quán bất tịnh. Quán bất tịnh có hai cách. Bên Ấn Độ có Thi Lâm là chỗ để thây người chết không chôn. Tới đó quán để thấy thân con người nhơ nhớp để mình chán gớm. Nếu không ở gần Thi Lâm thì quán thân mình nhơ nhớp từ đầu đến cuối. Đó là để gỡ những cái vướng mắc do sáu căn gây ra.

Thiền sư thường dùng câu "thấy như mù, nghe như điếc". Thấy mà không vướng mắc không chú tâm, thấy như không thấy cho nên nói thấy như mù, nghe mà không quan tâm nên nói nghe như điếc. Như vậy có quyền thấy nghe đủ hết, sáu căn có quyền biết hết, nhưng không vướng mắc vì không

chú tâm, không để ý. Nghe qua rồi bỏ, thấy qua rồi bỏ, đó là tinh thần của nhà thiền.

Tu quán là tinh thần của kinh điển, dạy cho mình gỡ lần. Nếu tu theo Thiền tông, ai cứng cỏi thì "thấy như mù, nghe như điếc". Thấy nghe tất cả nhưng không vướng mắc. Chúng ta tu là phải biết đường lối mình tu như thế nào để được giải thoát, nếu làm lệch đi thì phải trầm luân.

Tu là phải cương quyết làm cho được những gì mình biết. Người xuất gia phải là một chiến sĩ oanh liệt. Người xưa có câu "Xuất gia giả, phi tướng tướng chi sở năng vi", người xuất gia không phải tướng văn tướng võ có thể làm được, mà là người cương quyết phi thường, thế gian không bỏ được nhưng mình bỏ được. Vì vậy hãy nêu ý chí mãnh liệt, lúc nào cũng quyết thắng không chịu thua thì khả dĩ mới thành công. Đừng nghĩ đời mạt pháp tu sơ sơ được rồi. Mình quyết tu thì có ngày thành công, ít nhiều cũng thành công.

Đó là lẽ thật tôi muốn chỉ cho quý vị thấy để biết mà tu. Nhiều khi chúng ta tu mà không biết, nên cứ tính ngày tính tháng tính năm. Năm nay tôi tu được 5 năm 7 năm, thọ Tỳ-kheo được hai ba tuổi rồi. Đó là tính với mình chứ tính với Phật thì không được. Phải cương quyết, nhất định phải tiến, không lôi thôi được.

Đó là tôi nói rõ từ kinh qua thiền, cho thấy gốc của thiền là ở kinh, nhưng đi sâu một chút thì thấy không có sự cách biệt. Vậy Thiền tông phát xuất từ đâu? Vị Tổ đầu tiên là ngài Ca-diếp, ngài ngộ cái gì mà làm tổ? Trong hội Linh Sơn, đức Phật muốn thử xem ai lãnh hội được điều Ngài muốn chỉ, Ngài đưa cành hoa sen lên nhìn từng người. Ai cũng ngơ ngác nhưng khi nhìn tới ngài Ca-diếp thì Ca-diếp mỉm cười, Phật liền ấn chứng cho.

Đưa cành hoa sen lên, đưa mắt nhìn, ngài Chân Nguyên gọi là "tứ mục tương cố". Ca-diếp nhìn Phật cười có nghĩa là con hiểu thầy rồi, đức Phật liền thọ ký. Khi thọ ký Phật nói: "Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, trao cho Ca-diếp". Ngày xưa đọc câu đó tôi thấy như thần chú, không hiểu nổi, nhưng bây giờ hiểu rõ như ban ngày. Chánh pháp nhãn tạng là kho con mắt, thật tướng mà vô tướng là không có tướng mà không lúc nào vắng, nay trao cho Ca-diếp. Thật quá rõ ràng, từ cái nhìn của mắt mà Phật thọ ký cho làm tổ. Từ trước tới sau một mạch thủy chung. Còn không, nói Thiền tông sao quái gở quá, không nói gì hết chỉ đưa cành hoa lên nhìn cười rồi thọ ký.

Tới ngài A-nan, A-nan hỏi ngài Ca-diếp: "Thế Tôn ngoài truyền y bát cho sư huynh còn truyền cái gì nữa không?". Ngài Ca-diếp gọi: "A-nan!". A-nan:

"Dạ". "Cây phướn trước chùa ngã". Tại sao "cây phướn trước chùa ngã"? Lâu nay mình không hiểu, nhưng kêu liền dạ, là cái đó đó, ứng thinh trả lời không suy nghĩ. Câu kia chỉ để đánh lừa thôi. Ngài A-nan liền ngộ. Như vậy rõ ràng truyền ở mắt, ở tai.

Chúng ta có đủ tai mắt nhưng không dám dùng, không dám nhận nó mà theo tam bành lục tặc dẫn chạy tới chạy lui cả ngày không rảnh. Thật ra chúng ta có đủ tất cả những cái hay, cái tốt, cái siêu thoát, không thiếu bao giờ. Cho nên đạo Phật thực tế không thể tưởng, không phải dạy mình đi tìm cái gì ở đâu xa mà khai thác cái sẵn nơi mình. Cái sẵn ở mình chịu khó khai thác là được mà không chịu, cứ đòi về Cực Lạc để gặp Phật, còn Phật của mình ở đây lại bỏ quên. Cho nên tất cả kinh đều nói, chúng ta có viên ngọc quý mà không biết dùng.

Như vậy, việc tu của mình mới nhìn thấy như mơ hồ, không cụ thể vì không làm lợi ích cho ai, nhưng đi sâu mới thấy việc làm phi thường. Giả sử có bị ai cười, mình cũng cười thôi, vì biết họ không hiểu. Việc làm của mình không phải là việc trẻ con mà siêu thoát phi thường, người tầm thường không hiểu cũng phải thôi, không trách gì họ.

Tất cả chư Tăng phải có cái thấy thấu đáo, không nên tu một cách hững hờ, để hết ngày hết tháng rồi tính với Phật. Nhiều khi tôi thấy một

mùa An cư không thấm vào đâu hết, cũng lật bật rồi qua, không có gì. Việc quan trọng là mình quyết tâm tu, tu cho được, tu cho đến nơi.

Chúng ta nhìn lại trong sử Phật, sử Thiền tông không khác chút nào. Như tướng quốc Bùi Hưu đến hỏi ngài Hoàng Bá: "Hình ở đây, cao tăng ở đâu?". Ngài Hoàng Bá gọi: "Bùi Hưu!". Bùi Hưu: "Dạ". Ngài hỏi: "Ở đâu?". Ông liền ngộ.

Như vậy, cái thuật chỉ thẳng ở mắt ở tai, nhà thiền dùng rất nhiều. Ngài Quy Sơn, khi có ai tới hỏi đạo, ngài đưa phất tử lên. Không biết tại sao đưa phất tử? Hiểu được gốc ngọn của người tu thiền, từ kinh điển qua đức Phật tới chư tổ, cho tới ngày nay trọng tâm nhắm thẳng vô đó.

Tu thiền có thực tế bằng tụng kinh cầu nguyện cho người không? Tụng kinh cầu nguyện là tốt, nhưng không ai dám bảo đảm kết quả. Còn tu thiền là khơi lại cái chân thật đang bị khuất trong ta, gỡ những mối rối ràng buộc, để mai kia chúng ta có con đường đi, giải thoát sanh tử rõ ràng. Không phải tu chỉ để có hình thức tụng kinh ngồi thiền thôi, mà ngoài giờ ngồi thiền chúng ta cũng phải luôn luôn nhớ ứng dụng. Được như vậy thì việc tu mới tới nơi chốn, còn chờ giờ ngồi thiền tụng kinh mới tu thì ít quá.

Trong 24 giờ mà ngồi thiền có sáu tiếng, tụng kinh khoảng một tiếng, còn những giờ khác để làm gì? Phải thật làm những gì mình đang nguyện làm. Nhiều khi mình dối mình nhiều lắm, ai tới khen thầy ở đây tu hành tinh tấn mình cũng vui, nhưng thật ra cũng có những giờ nói dóc, cũng có những giờ vọng tưởng. Nhiều khi ngồi ở đây mà tâm chạy ra ngoài Bắc trong Nam đủ chỗ.

Cho nên chúng ta phải khéo, luôn luôn điều chỉnh mình, vừa có ý niệm sai lầm, có ý nghĩ gì ngoài chuyện đạo đức thì chặn đứng lại. Tu như vậy khả dĩ ngày nào đó mình sẽ có những lợi ích lớn, còn không thì không có lợi ích. Nên nhớ tất cả chúng ta không ai có đầy đủ phước, muốn gì được nấy, muốn thành Phật liền thành Phật, muốn thành thánh liền thành thánh, mà phải dụng công tu hành cực khổ, phải hy sinh cả cuộc đời mới có thể làm được. Tôi nói để chư Tăng biết rõ trọng tâm của sự tu. Các huynh đệ bây giờ tu còn có người nhắc nhở, còn tôi tu mới khó, không ai nhắc nhở.

Tôi có cái bệnh là làm gì phải làm tới nơi, làm cho được, không chịu làm để mà có làm thôi. Cho nên khi thấm nhuần được lý thiền, từ buổi ban sơ cho tới lúc chuyên tu, tôi thấy lợi ích cụ thể rõ ràng đối với bản thân tôi, có những bước tiến không ngờ, nên tôi nghĩ huynh đệ ai tu cũng quyết tâm như tôi

thì chắc rằng sẽ có sự tiến bộ. Vì những việc sẽ tới mình không biết trước, có thể cứ tu rồi bỗng dưng nó đến, nhất định quyết tâm thì được.

Từ con số không, không biết gì về thiền, tôi lần mò ra mà tu được. Tôi tìm trong kinh sách, gom lại để làm chứng cho mấy huynh đệ học biết, thật không phải là chuyện dễ. Việc làm của tôi, lúc mới đầu ít có người hưởng ứng, càng lâu thì được nhiều người ủng hộ. Như vậy mới thấy quyết tâm của mình, dù khó mấy cũng làm được. Nếu chưa ai thông cảm mà mình làm cho đúng, đừng tranh luận hơn thua, chỉ lo tu thôi, thì có một ngày người ta sẽ hiểu mình.

Từ đầu ở Chơn Không không có gì mà gầy dựng tới bây giờ. Nói về hình thức, với số Tăng sĩ vượt bậc, nói về tâm của người Phật tử và những người không phải Phật tử, đối với đường lối tu của mình, từ không biết gì, từ chống đối, nhưng bây giờ biết thì họ thương. Đó không phải là chuyện dễ, ngồi gẫm lại thật là cay đắng, không phải thường.

Như qua bên Mỹ, nếu không bị mấy lần biểu tình thì chắc người ta cũng không biết tôi nhiều. Thiên hạ biết tôi nhiều là qua câu nói của tôi. Người ta hỏi: "Có những người chống đối Thầy, Thầy nghĩ sao về những người đó?". Tôi trả lời: "Tôi từng nói,

trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm thôi". Qua câu nói này, mà nhiều người quý mến tôi. Chỉ vì người ta chưa thông cảm nên có chuyện, thông cảm rồi thì là anh em.

Phàm làm việc gì với tâm chỉ lo nghĩ cho đạo, không oán thù giận hờn, không phiền trách ai hết thì mọi việc đều tốt, từ dở biến thành hay. Cho nên quyết tâm là việc quan trọng, phải có lòng rộng rãi tha thứ cảm thông, đừng chấp nê. Đó là điều thực tế để huynh đệ thấy rằng, mình đừng thù oán với ai. Có bị người mắng chửi là vì họ chưa hiểu mình. Mình không ghét không thù mà họ chửi mình là lý do gì? Do họ hiểu lầm, từ từ họ sẽ thông cảm.

Người chân chánh tu hành, dù ở hoàn cảnh nào, trường hợp nào, cũng ráng ẩn nhẫn bỏ qua, đừng quan trọng mình, để rồi sanh thù oán. Nhờ tâm đó mà tôi làm Phật sự được tới ngày nay. Những việc tôi làm được quá sức tưởng tượng, tôi không ngờ mình làm được như vậy. Cái không ngờ đó là do tâm, vì mình không cố chấp, không oán thù, không hại ai thì tâm từ từ thành rộng lớn.

Vì vậy tôi nhắc chư Tăng ráng tu, mai mốt làm Phật sự cũng phải có tâm như vậy. Đừng thấy người này là đối địch, nhóm kia là kẻ thù, ai sao

mặc họ, mình cứ lo tu. Người ta chưa hiểu mình, thong thả họ sẽ hiểu sau, không cần phải trả lời hơn thua gì cả. Việc mình mình cứ làm, không hổ thẹn con đường mình đã chọn, chỉ cố gắng đi cho tới nơi tới chốn.

Chúng ta tu mà nghe ai phê bình chỉ trích, bực bội chống cự lại thì rốt cuộc cũng không đi tới đâu. Điều quan trọng là làm sao sáu căn đừng nhiễm sáu trần, để giải thoát sanh tử, đó mới là việc lớn. Còn hơn thua phải quấy thế gian chỉ là trò chơi trẻ con, không có gì quan trọng. Tất cả chúng ta tu là cốt làm sao được giải thoát, không phải tu để giành hơn thua, tu để cho người ta khen.

Mục đích của tôi nói chuyện hôm nay, quý vị thấy dễ hiểu hay khó hiểu? Dễ tu hay khó tu? Thật ra, đừng mặc cảm người ta làm được mình làm không được. "Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ", người ta trượng phu, mình cũng trượng phu. Đừng nói người có tài, còn mình bất tài, vì ai cũng làm được. Biết như vậy, nhớ như vậy, thì trên đường tu sẽ được kết quả tốt.

TRÒN ĐỒNG THÁI HƯ

Hôm nay là buổi giảng bất thường, khuya này tôi ngồi thiền sực nhớ câu trong Tín Tâm Minh:

Viên đồng thái hư
Vô khiếm vô dư
Nhân do thủ xả
Sở dĩ bất như.

Ngày xưa giảng dạy thì giảng dạy, nhưng tôi chưa bao giờ dám thấy tâm mình đồng thái hư. Khuya này ngồi nhớ lại câu đó rõ ràng thấy tâm mình tròn đồng thái hư.

Lâu nay chúng ta có quan niệm tâm mình là cái hay suy nghĩ hơn thua, phải quấy, được mất... Nhưng không ngờ đó chỉ là vọng tưởng, không phải tâm mình. Chúng ta có lỗi lớn là tu Phật, Phật thường dạy có chân tâm Phật tánh mà không bao giờ chịu trở về, cứ chạy theo vọng tưởng, cho đó là tâm mình, bỏ gốc chạy theo ngọn. Tu như vậy thì muôn năm cũng không giác ngộ. Theo vọng tưởng cho đó là tâm mình thì làm sao thấy được tâm? Không thấy được tâm làm sao giác ngộ?

Đó là điều bản thân tôi nhiều năm nghiên cứu nhưng chưa trực tiếp nhận ra, chưa hài lòng với cái thấy biết lâu nay. Bây giờ bỗng dưng thấy rõ cái tâm chân thật của mình tròn đồng thái hư. Tôi hỏi mấy chú:

- Làm sao tin tâm mình tròn đồng thái hư? Nó lúc nào cũng suy nghĩ lăng xăng, làm sao đồng thái hư được?

- Bạch Hòa thượng, không có một biên giới, không có nơi để trụ, không có phương cõi nào để chứa được nó cả, cho nên nói nó đồng thấy hư.

- Còn có ý gì khác?

- Bạch Thầy, theo con thì trong lúc ngồi thiền, tâm con bặt hết vọng tưởng, sống với cái thanh tịnh vô niệm, con cũng thấy được trùm khắp tất cả hư không, vắng lặng hết, con biết đó là chân tâm của mình trùm khắp hết.

- Vắng lặng trong tâm hay ở ngoài?

- Dạ nó vắng lặng, trùm khắp hết chứ không phải ở trong tâm.

- Làm sao trùm được, có tưởng không?

- Dạ không, con cứ nhìn nó rồi thấy nó trùm hết chứ không tưởng nghĩ gì cả.

- Thấy nó trùm hết, cái đó tôi không tin. Nó mà thấy được thì hết trùm rồi.

- Nói thấy là phương tiện, thật ra chỉ là cảm nhận thôi.

Đây là yếu quyết của người tu. Chúng ta tu ai cũng cố gắng để tìm hiểu, nhưng có những vấn đề tìm không ra, đợi có thời gian tu rồi tự nó phát ra, nhận ra, không phải suy nghĩ mà tìm được. Đó là vấn đề lâu nay tôi thấy nhưng chưa khẳng định. Khuya này ngồi thiền, tôi thấy tâm mình tròn đồng thái hư. Tôi tự đặt câu hỏi lại, tròn đồng thế nào, ra sao, rồi tự giải quyết. Thấy vui trong lòng, không còn nghi ngờ lời Phật tổ dạy, vì vậy tôi nói cho Tăng Ni biết để tu, không nghi ngờ.

Lâu nay chúng ta cứ nghĩ cái hay suy nghĩ, phân biệt, hiểu biết là tâm mình. Cái suy nghĩ phân biệt là động hay tịnh, hình tướng ra sao? Có việc thì nghĩ, qua việc thì mất. Cái nghĩ đó chợt sanh chợt diệt, không phải là cái chân thật mà mình cứ bám vào nó, cho rằng tâm tôi suy nghĩ cái này phải cái kia không phải. Tâm suy nghĩ đó chỉ là tâm sanh diệt, không phải tâm chân thật.

Trong kinh Phật nói tín tâm, là tin được tâm chân thật của mình. Tâm chân thật không có hình tướng, không sanh diệt, không bao giờ hư hoại. Cái

gì có hình tướng có sanh diệt thì có giới hạn. To như quả núi cũng có giới hạn của quả núi, cái không hình tướng thì không có giới hạn. Như hư không trong nhà này, chúng ta vào thì thấy có người, chúng ta đi ra thì hư không trở lại là hư không. Nếu phá vỡ cái nhà thì nó đồng với hư không bên ngoài, không có ranh giới. Nếu có ranh giới thì thấy hư không trong nhà nhỏ, hư không ở ngoài lớn. Hư không không hai, ở trong nhà thì nói là hư không trong nhà, trong Chánh điện thì nói hư không trong Chánh điện. Mỗi nơi chúng ta đặt một tên riêng, hư không là hư không, không có riêng.

Đó là bên ngoài, bây giờ trở về nội tâm của mình. Lâu nay đa số đều thừa nhận cái suy nghĩ biết phải quấy, hay dở là tâm mình. Nếu suy nghĩ là tâm mình thì tâm đó có giới hạn, không bền chắc, có tướng mạo, không thường còn. Nó chỉ là vọng tưởng hư dối, nhưng khi có chuyện cãi nhau tranh hơn thua thì nói: "Tôi nghĩ vậy là đúng". Cho cái nghĩ đó là tâm mình, tâm mình nghĩ vậy là đúng, người khác nghĩ khác là không đúng, rồi cãi nhau. Suy nghĩ không phải chân lý, chỉ là cái suy tưởng rồi phát ra thôi. Vì chân lý là bất sanh bất diệt, còn cái suy nghĩ là tướng sanh diệt tạm thời.

Chúng ta sống theo vọng tưởng chứ không sống với tâm chân thật. Như vậy, khuyên quý vị ngồi

thiền để làm gì? Vì tâm vọng tưởng cứ lao xao trong đầu nên ngồi lại cho yên, lặng cái đó, để tâm chân thật hiện ra. Chúng ta tu bao nhiêu năm rồi tâm chân thật chưa nhận ra, tâm vọng tưởng cứ lăng xăng mãi, phải không?

Mục đích tọa thiền là để lặng tâm vọng tưởng. Tâm vọng tưởng lặng thì tâm chân thật mới hiển hiện. Nhận được tâm chân thật thì giác ngộ. Đây là con đường đi của mình, lẽ ra mình phải đi cho tới nơi. Nhưng quý vị thấy, chúng ta tu được bao nhiêu trong đời sống của mình? Có khi người đã năm, sáu mươi tuổi cũng chưa thấy mục tiêu mình nhắm đến. Nhất là người nhỏ, vô ngồi tu thì gục lên gục xuống, vô học thì nói năng om sòm, như vậy chừng nào thấy được tâm? Còn cãi lẽ thế này thế kia, lăng xăng lộn xộn thì thấy được tâm mình chưa? Phải quấy hơn thua không phải là tâm mình. Tâm chân thật không tướng mạo, không sanh diệt, tròn đồng thái hư. Hư không thênh thang, không bờ bến, không tướng mạo nên không sanh diệt, tạm dụ cho thể tâm chân thật không bờ mé.

Hiện giờ chúng ta đang sống với tâm nào? Đều là tâm sanh diệt. Nghĩ cái này, tưởng cái kia, tính cái nọ cả ngày. Đó là những tướng sanh diệt đến đi, có giới hạn. Ngồi thiền để cho lắng yên, dừng tâm sanh diệt đó. Chúng ta tu để giác ngộ, nhận ra được

cái chân và cái giả. Cái chân mình biết là tâm chân thật, cái giả mình biết là tâm hư dối.

Tâm chân thật bao giờ cũng hiện tiền, tại sao chúng ta không biết? Vì bận đuổi theo vọng tưởng. Nghĩ cái này chưa xong nghĩ cái khác. Suy tính, phân biệt, hơn thua, phải quấy, tốt xấu đủ thứ, luôn luôn không yên. Ngồi thiền để lặng bớt sanh diệt nhưng vọng tưởng cũng chen vô.

Cái thật của mình luôn luôn sẵn có mà bị vọng tưởng làm cho ẩn khuất. Hết nghĩ cái này sang nghĩ cái khác liên miên. Thật là đáng buồn thay. Sự tu hành nói thì nghe dễ, cạo tóc mặc áo nhuộm, ăn chay ở chùa thấy như khó mà dễ, còn cái mình phải thực hiện trong đời tu của mình thì thật là cay đắng.

Chúng ta phải tập ngồi thiền làm sao ít ra hai tiếng cũng cho mình một tiếng lặng lẽ. Một tiếng loạn và một tiếng yên thì trong sự tu mới thu thập được kết quả. Chúng ta phải tiệm tiến, tiến lần lần. Ai khỏe mạnh, phước đức nhiều thì tiến nhanh; ai yếu đuối, phước đức ít thì tiến chậm hơn, nhưng phải tiến, không được dừng. Nếu cho rằng mình tu không tiến, ngồi thiền lộn xộn hoài, thôi bỏ không ngồi, được không? Tuy không tiến nhiều, nhưng cố gắng kềm giữ, cũng được phần nào. Tuy phần ít nhưng mình cố gắng mãi thì lần lần lên nhiều. Nếu

được một phần ít rồi tự mãn hoặc buông xuôi thì không được.

Chúng ta ngồi thiền có hai bệnh quan trọng. Hôn trầm và loạn tưởng, hàng phục nó gần như cả đời. Từ lúc cạo tóc xuất gia, cho đến gần mãn đời chưa biết hàng phục xong chưa. Hàng phục xong thì bước lên quả vị thánh, từ Tu-đà-hoàn đi lần lên. Sở dĩ các ngài từ phàm thành thánh là an định tâm mê lầm vọng tưởng. Chỗ dừng được sâu cạn mà có vị trí khác nhau, hoặc Thanh văn, Duyên giác hay Phật. Thanh văn cũng có từng bậc: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, không phải dừng một lần là xong.

Vì vậy chúng ta tu tuy không đúng như sở nguyện của mình, nhưng phải cố gắng. Cố gắng bậc này không được thì có bậc khác, bậc cao không được thì bậc thấp. Mình phải tiến lên một mức nào đó thì mới xứng đáng là người tu. Người tu ngồi thiền thì buồn ngủ, hết buồn ngủ thì vọng tưởng. Ngủ gục là si, vọng tưởng là loạn. Cái si với cái loạn chen vô quậy phá mình không dừng. Chúng ta phải thắng nó, phải làm chủ nó thì tu mới tiến.

Chúng ta tu không phải tính năm tính tháng. Nói năm nay thọ Tỳ-kheo, năm tới được một tuổi hạ, năm tới nữa được hai tuổi hạ, tính người này

Tỳ-kheo được 15, 20 tuổi rồi phong chức thêm, cũng đều tính thời gian mà không tính nội tâm. Đáng lẽ khi còn Sa-di thì hỏi ngồi thiền một giờ nghĩ bao nhiêu lần? Khi lên Tỳ-kheo, hỏi loạn tưởng bao nhiêu lần? Thấy bớt loạn tưởng mới gọi là tiến, mới xứng đáng thăng chức.

Chúng ta tu giác ngộ là do bên ngoài quyết định, do thời gian nhiều năm già lớn tuổi hay do tâm yên mà đạt đạo? Tâm có an thì mới đạt đạo, còn thời gian ở chùa bao lâu đi nữa mà tâm bất an lại càng không đạt đạo. Thời nay làm Trụ trì bận tâm đủ thứ chuyện nên khó an. Chúng ta ở đây, chỉ là huynh đệ sống trong đạo theo một nếp chung thì nhẹ, dễ. Chúng ta tu trong một khung cảnh thuận lợi mà không tiến được thì qua khung cảnh khác khó mà tu tiến. Ở đây thuận lợi nhiều, có đủ điều kiện, đại chúng ở yên tu, không đi đâu, tất cả tứ sự đều do thiền viện lo, mình chỉ lo tu và học không làm gì khác. Mọi lo nghĩ của chư Tăng Ni trong thiền viện rất ít mà còn không yên được huống là nhiều.

Tôi muốn nhắc cho quý vị thấy, ở đây phần lớn do những người có trách nhiệm trong viện lo tất cả mọi việc để huynh đệ yên ở tu hành, tâm được thanh tịnh. Việc tu như vậy là dễ trăm phần. Nếu Tăng hoặc Ni ở chỗ khác phải lo ăn mặc, phải quấy đối xử với Phật tử bổn đạo thì tâm còn yên được

không? Chúng ta ở đây không cần tiếp xúc với ai, chỉ việc tu thôi, rất dễ dụng công.

Ngày xưa tôi cũng nghĩ rằng tu khó hàng phục được tâm, nhưng gần đây tôi thấy khác, tâm không khó hàng phục, muốn yên thì nó yên. Thời gian công phu của mình đã chín muồi rồi thì tự nó yên. Vì thế, người tu đừng chán nản, đừng nghĩ rằng mình suốt đời không yên. Thời gian ban đầu mới tập thì loạn trăm phần trăm, từ từ bớt loạn còn năm chục phần trăm. Đến một lúc nào đó ngồi xuống yên lặng, không bận bịu gì hết. Điều này năm nay tôi mới thấy, trải qua 50 năm được yên lặng tự nhiên. Lúc trước kềm quá mà không được yên, chỉ được chừng phần ba phần tư, tôi có hơi bi quan.

Đến đầu năm này, tôi thấy ngồi thiền vui, an ổn, không còn lộn xộn như ngày xưa. Như trái đã chín muồi, chỉ cơn gió nhẹ là rụng. Tâm mình cũng vậy, tu lâu có công phu thì dần dần thắng nó hồi nào không biết. Chính vì sự cố gắng từng phút từng giây. Cố gắng làm sao giờ ngồi thiền nhớ mình tu, ra làm công tác nhổ cỏ lặt rau cũng nhớ tu, được như vậy thì mau có kết quả. Nếu chỉ giờ thiền mới tu, buông ra thì nói chuyện ồ ạt, giỡn cười với nhau thì không có lợi bao nhiêu, tâm cứ bị xao xuyến. Tất cả phải khéo điều hòa, đi đứng nằm ngồi cũng canh chừng tâm thì việc tu mới có kết quả. Còn

buông lỏng nó thì kết quả rất chậm, huống nữa là vài tháng xin về thăm nhà, ở chừng mười bữa nửa tháng về chùa, ít tháng lại bị bệnh uống thuốc. Cứ như vậy hoài thì tu chừng nào tới nơi tới chốn? Chúng ta phải tinh tấn nỗ lực, đừng xem thường, cố gắng tiếc từng ngày từng giờ, đi đâu đó mất thời giờ thấy tiếc, như vậy mới có thể tiến được.

Người tu là người quyết chí vượt ra khỏi trần lao. Muốn vượt ra mà cứ đòi về nhà hoài là muốn vượt ra hay muốn hồi hương? Thời gian tu chưa được kết quả gì đáng kể, thời gian về nhà không được yên ổn như ở thiền viện. Về nhà phải lăng xăng việc gia đình. Cứ như vậy vui đùa nửa tháng trở về chùa thì sẽ xao động bất an, rồi thời gian bị bệnh đi chữa bệnh nữa, tu chừng nào được an định? Đó là tôi nhắc cho những vị ham xin về nhà. Ở đây có thầy thuốc có tủ thuốc, bệnh thì thầy thuốc cho thuốc uống. Nếu thiếu thuốc gì thì khán bệnh xin tiền Thủ bổn mua, chứ đâu phải khô khan mà đòi về nhà xin tiền ba má uống thuốc.

Chúng ta quyết tu thì tu, không quyết tu thì thối lui, về nhà ở với cha mẹ làm ruộng làm rẫy ăn, không có tội. Còn ở trong chùa mà không quyết tâm tu, cứ lừng chừng hết ngày tháng, uổng phí một đời thêm tổn phước. Chúng ta đi tu không phải do cha mẹ, anh em xúi giục, cũng không phải quý thầy quý cô rủ đi tu.

Do tự mình phát nguyện đi tu thì phải cương quyết. Ở thế gian, lớn lên đi học, còn làm công việc giúp ích đời. Người tu phải làm sao để mai kia hướng dẫn cứu độ, cư sĩ hoặc người xuất gia, như vậy mới xứng đáng. Tu lừng chừng thì không biết mai mốt về ở đâu. Ở trong thiền viện thì chưa đủ tư cách để dạy người, về nhà không được, ở chỗ khác cũng không xong.

Người bây giờ có bệnh, tu ở thiền viện ít lâu thấy mệt, xin về cất thất tu. Chắc gì về thất tu đàng hoàng. Ở trong chúng tu, khi lớn tuổi làm Phật sự mệt mỏi thì vô thất tu là tốt. Năm mươi tuổi trở lên vô thất tu tôi còn tin, còn mới ba mươi, hăm mấy mà vô thất tu, tôi không tin chút nào. Tôi nói thẳng như vậy, mỗi người tự nghĩ làm sao cho xứng đáng, đừng bịa rằng mình ham tu rồi về thất tu. Ở trong chúng có thầy có bạn nhắc nhở liên miên mà còn chưa tới đâu, huống gì ở một mình.

Chúng ta không đi tu thì thôi, đi tu thì chết sống ở trong đạo, không về nhà. Đi tu rồi trở về nhà, nhất là bệnh hoạn lại làm phiền cho cha mẹ. Nhiều khi cha mẹ nghèo, rồi bệnh về nằm đó, đòi hỏi cha mẹ lo, đó là việc không tốt. Người tu là không có chỗ nào để trở về, chết sống gì ở trong chùa, quyết tâm như vậy, tu mới tốt, học hỏi mới được hiểu biết nhiều. Còn cứ nghĩ về nhà thì rất yếu đuối, làm mất tinh thần đạo đức của mình.

Tăng Ni ý thức được việc tu, một ngày ở thiền viện, dù không hăng hái, không được tinh tấn lắm cũng giữ được một thời sám hối, hai thời ngồi thiền. Mình không hăng hái nhưng bắt buộc phải theo thời khóa là cũng có được ba thời tu, về nhà không được như vậy. Ở chùa có những cái lợi, vào những ngày mình yếu đuối bệnh hoạn vẫn cố gắng, chỉ khi nào quá thì thôi. Về nhà không đủ điều kiện để sách tấn mình. Tăng Ni đều phải nỗ lực tu. Chỉ tu mới cứu được mình, không ai cứu được mình cả. Ngoài cứu mình ra còn cứu cha mẹ anh em thân tộc, rồi đến Phật tử xung quanh. Trách nhiệm của người tu rất nặng. Phải cố gắng thực hiện lời hứa từ khi mới cạo tóc: "Xuất gia hoằng thánh đạo, thệ độ nhất thiết nhân".

Tất cả chúng ta ai cũng có khả năng vươn lên, chỉ có bệnh lười biếng, chậm trễ làm trở ngại, tu lâu tiến. Tôi chán nhất là mấy người tu ít bữa nói: "Tôi nhức đầu quá", trùm chăn kiếm thuốc uống, rồi bỏ thời khóa, ngủ vài ba bữa. Vậy mà cứ lai rai hoài tu đến đâu? Tôi nhắc cho quý vị nhớ, đừng để mình bệnh, để cho mình thua kém huynh đệ, cố gắng vươn lên. Tu làm sao trong 50 người, ít ra cũng 25 người xứng đáng gánh vác Phật sự, còn 25 người chậm trễ thì về chùa nhỏ. Không nên 50 người, mà cuối cùng làm Phật sự được đôi ba người thì ít ỏi quá. Hao tốn

của đàn-na thí chủ nhiều mà thu nhặt kết quả ít. Quý vị phải cố gắng vươn lên, đừng đứng một chỗ, cũng không có quyền lui sụt.

Chúng ta cố gắng tu không bao giờ thấy đủ. Tôi thấy trong thời của tôi có nhiều huynh đệ ngồi thiền tới 9 giờ xả, về nghỉ một chút, 10 giờ hơn vô ngồi nữa. Đó là ngoài giờ bắt buộc của chùa, xin ngồi thêm. Quyết chí như vậy thật là đáng nể. Việc tu là bổn phận, làm tròn sứ mệnh của người xuất gia cứu độ chúng sanh. Muốn được như vậy phải hiểu rõ mình tu để đạt cái gì. Điều cần yếu là giác ngộ chân tâm.

Nơi mỗi người có cả chân tâm và vọng tưởng, nhưng đa phần chúng ta sống với vọng tưởng mà quên mất chân tâm. Chân tâm sẵn sàng hiện tiền ở nơi mình, không thiếu một phút giây nào. Nếu nhận ra thì đi đứng nằm ngồi gì cũng tu được hết. Vì thế chúng ta đừng xem thường, sự tu không phải chỉ có thời khóa thôi mà phải thấy chân tâm sẵn ở mình. Sống được với chân tâm, nhận ra chân tâm trong mọi hoàn cảnh, giờ phút như thế mới xứng đáng thời gian tu năm mười năm của chính mình.

CÁ NHẢY KHỎI LƯỚI

Đời Tống có hai vị thượng tọa Khâm và thượng tọa Minh, một hôm ngồi trên đò qua ngang sông Hoài, thấy đoàn đánh cá đang kéo lưới vào gần bờ. Bất chợt một con cá nhảy vọt ra khỏi lưới, thượng tọa Khâm liền vỗ tay khen: "Hay quá! Giống như thiền sư". Thượng tọa Minh lại nói: "Ở ngoài lưới mới hay". Thượng tọa Khâm lại bảo: "Vậy là huynh chưa hiểu".

Thông thường chúng ta cũng hiểu giống như thượng tọa Minh, cho rằng không bị mắc vào lưới mới hay. Nhưng nếu cá ở ngoài lưới thì đâu cần nhảy, vì vậy nhảy thoát ra mới hay. Cái hay là ở trong hoàn cảnh khó khăn mà thoát ra được, nếu không có khó khăn thì không cần nỗ lực, không cần cố gắng thoát ra.

Cá nhảy khỏi lưới dụ cho việc vượt lên khỏi tập nghiệp của chính mình. Sở dĩ chúng ta tu tập là vì có phiền não, nếu không có phiền não thì đâu có gì để tu. Tuy nhiên một số người quan niệm sai lầm rằng, người nào hiền lành mới tu được, người dữ dằn thì không tu được. Nhưng chính người dữ dằn mới cần tu gấp, người hiền lành cứ thong thả tu.

Như con cá bị mắc vào lưới sắp bị bắt mới lo nhảy ra, cá ở ngoài lưới đâu có gì nguy hiểm mà phải vượt thoát. Cho nên người có đầy đủ phước duyên, việc gì cũng tốt đẹp thì có thể tu từ từ, người còn nhiều tập khí xấu dở thì càng phải lo tu gấp.

Ngày nay chúng ta thấy tất cả các chùa đều tôn trí tượng đức Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen. Nhưng trong kinh kể lại khi chưa thành đạo Ngài tu khổ hạnh, sau 6 năm tu khổ hạnh mới đến dưới cội bồ-đề, dùng cỏ cát tường trải làm tòa, ngồi thiền suốt 49 ngày đêm. Như vậy thái tử Sĩ-đạt-ta ngồi trên tòa cỏ, tu hành thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy tại sao ngày nay chúng ta làm tượng đức Phật ngồi trên tòa sen?

Khi thái tử sống trong hoàng cung, Ngài có thê thiếp, có con trai, có kẻ hầu người hạ, nghe đàn ca hát múa... Đó là lúc Ngài sống trong dục lạc. Ngày nay hoàn cảnh sống của chúng ta không đầy đủ như thái tử ngày xưa, cho nên hưởng thọ dục lạc ít hơn Ngài. Thái tử thọ dục lạc như người thế gian, nhưng Ngài khác người thế gian. Khi dạo qua bốn cửa thành gặp cảnh người già, người bệnh, người chết và một vị Sa-môn, Ngài liền thức tỉnh. Trở về cung, thái tử trằn trọc suốt đêm không ngủ. Ngài suy tư về thân phận con người: Tại sao sanh ra phải già, phải bệnh, phải chết? Giá trị của con người nằm

ở đâu? Từ đó thái tử chán cảnh dục lạc và quyết chí tìm con đường giải thoát.

Chúng ta đã thấy biết bao nhiêu người già, bao nhiêu người bệnh, bao nhiêu người chết mà có thức tỉnh không? Có thao thức mất ăn, mất ngủ không? Đây là chỗ khác giữa thái tử Sĩ-đạt-ta và người thế gian. Thái tử tuy sống trong dục lạc, nhưng khi thấy cảnh vô thường thì thức tỉnh mạnh mẽ, nhất định phải thoát ra khỏi ngũ dục, đó là ý chí xuất gia của Ngài. Còn người thế gian khi người thân lìa đời cũng buồn khổ, nhưng chỉ năm ba hôm là nguôi dần, vài ba tháng thì quên mất, rồi lại sống vui như trước.

Thái tử khi hưởng thì hưởng thật nhiều, khi tỉnh thì tỉnh thật mạnh. Chúng ta hưởng thọ dục lạc ít, nhưng tỉnh cũng nhẹ nhẹ, vì vậy không có thái độ dứt khoát ra khỏi dục lạc. Thái tử từ khi vượt thành xuất gia đến khi thành đạo, một phen ra đi thì không nhiễm lại. Đó là tinh thần tu hành của đức Phật.

Kinh Trường A Hàm và kinh Hoa Nghiêm kể lại, khi đức Phật giác ngộ hoàn toàn, nhìn xuống hồ thấy hoa sen nở, Ngài nói: Hoa sen không chỉ nở trên mặt nước, mà mầm của nó đã có từ dưới bùn nhơ, từ bùn nhơ vươn lên đến mặt nước, rồi vượt lên khỏi mặt nước, sau đó nở thành hoa đầy

đủ sắc hương. Vì vậy hoa sen có đầy đủ ý nghĩa để tượng trưng cho hình ảnh đức Phật. Khi còn là nụ, là mầm thì nằm trong bùn nhơ, dụ cho thái tử khi còn sống trong hoàng cung, ở chỗ đắm nhiễm. Tu tập là xuất phát từ chỗ ô nhiễm nhưng khéo tỉnh giác để vượt ra, vượt ra rồi thì một bề tiến mãi cho đến cùng. Như thế nhất định có ngày sẽ vươn lên khỏi mặt nước và nở hoa tinh khiết.

Hoa sen đã nở, hoa sen đang trong nước, hoa sen còn là nụ trong bùn... đều có khả năng nở hoa như nhau. Cũng vậy tất cả người thế gian dù còn trong nhiễm ô phàm tục, hay đã phát tâm tu tập... đều có khả năng giác ngộ như nhau. Không chỉ riêng hàng xuất gia mới giác ngộ, mà giới tại gia cũng giác ngộ được. Không phải chỉ người thanh tịnh mới được giác ngộ, mà người ô nhiễm cũng có quyền giác ngộ. Tất cả chúng ta nếu thức tỉnh và nỗ lực tiến tu, dứt khoát không nhiễm ô trở lại thì đều được giác ngộ.

Như vậy hình ảnh đức Phật ngồi trên tòa sen có ý nghĩa: Nếu tất cả chúng sanh đều phát tâm tu hành mạnh mẽ, thì sẽ giác ngộ thành Phật. Trong kinh Pháp Cú đức Phật có dạy:

Như giữa đống rác nhớp,
Quăng bỏ nơi đầm sâu,

Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch đẹp ý người.
Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Sáng ngời với trí tuệ.

Đức Phật dùng hình ảnh hoa sen từ bùn lầy dơ bẩn vươn lên nở hoa tinh khiết, để nhắc nhở người Phật tử. Chúng ta đều là chúng sanh phàm tục, mù tối, nhiễm trước, ô uế... Nhưng tu tập theo đức Phật thì dù ở trong ô nhiễm, mù quáng, phàm tục vẫn giữ trí tuệ sáng suốt, tỉnh thức. Đó là tinh thần tu tập của người Phật tử, chớ than thở rằng do người khác xấu, rủ rê cái này, bày biện cái kia khiến chúng ta muốn tu cũng không được.

Chính trong những hoàn cảnh xấu, hoặc khi gặp việc trái ý nghịch lòng, gặp người không tốt... là thử thách để thấy được ý chí mạnh mẽ của chúng ta. Nên nhớ hoàn cảnh khó khăn có thể làm tăng sức mạnh cho chúng ta, nhưng nó cũng có thể làm ngã quỵ những ai ươn yếu. Cho nên đệ tử Phật sống bằng trí tuệ thì dù trong cảnh ô uế cũng không nhơ nhiễm. Cứ lơ là, ươn yếu, bất giác thì cả đời tu hành cũng không đi đến đâu. Đừng than vãn hoàn cảnh xấu mà hãy phàn nàn cái yếu đuối của bản thân.

Thí dụ có người bỏ uống rượu, khi bạn bè đến mời rủ uống, họ quyết chí không uống thì không bị nghiện lại, đó là người ý chí mạnh mẽ. Nếu bị mời mà xuôi lòng uống theo thì nghiện lại liền, đó là kẻ yếu đuối.

Đức Phật khi vượt thành xuất gia, chưa thành đạo thì không trở về, Ngài quyết chí tiến lên con đường giác ngộ viên mãn mới thôi, không bỏ cuộc giữa chừng. Chúng ta lại có bệnh nửa chừng, phát tâm tu một thời gian hơi mệt liền nghỉ xả hơi, xả hơi vài tháng tiếp tục tu nữa. Thái tử nhất định tu hành đến khi thành Phật mới trở về thăm gia đình và độ cha mẹ, thân bằng quyến thuộc. Chúng ta phải học theo tinh thần mạnh mẽ dứt khoát của Ngài. Thiền sử Việt Nam có Tuệ Trung thượng sĩ làm bài kệ:

Xuất Trần

Tằng vi vật dục dịch lao khu,
Bài lạc trần hiêu thế ngoại du.
Tán thủ na biên siêu Phật tổ,
Nhất hồi đẩu tẩu nhất hồi hưu.

Dịch:

Ra Khỏi Bụi Hồng

Đã từng ham muốn phải long đong,
Ném quách mà ra khỏi bụi hồng.

Buông thõng bờ kia lên Phật tổ,
Một lần phủi giũ một lần xong.

Trúc Thiên dịch

Đã từng ham muốn phải long đong, chúng ta ở trong cõi trần tục đam mê dục lạc, nên phải khổ não long đong. Bây giờ muốn ra khỏi trần tục thì phải *ném quách mà ra khỏi bụi hồng*. Ra khỏi bụi hồng rồi thì *buông thõng bờ kia lên Phật tổ*. Na biên là bờ kia, bờ Niết-bàn, bờ giải thoát. Buông thõng tay mà đi trên bờ Niết-bàn, bờ giải thoát để tiến lên Phật tổ. *Một lần phủi giũ một lần xong*, chứ không phải phủi giũ hai ba lần mới hết.

Chúng ta dường như không chịu phủi một lần cho xong, mà cứ hôm nay một ít, mai phủi một ít nữa, vì vậy phủi hoài vẫn không xong. Tuệ Trung thượng sĩ là người phàm, khi còn làm quan trong triều đình ông cũng ra trận đánh giặc, cũng ở trong bụi hồng, cũng có vợ con thê thiếp... Nhưng khi tỉnh ngộ thì tu mạnh mẽ, dứt khoát cho đến tỉnh giác mới vừa lòng. Vì vậy ở trong cảnh bận rộn gia đình mà vẫn giải thoát, không bị trói buộc, tự do tự tại.

Vua Trần Thái Tông cũng có bài Kệ Vô Thường nói lúc mãn đêm như sau:

Vô Thường Kệ

Pháp cổ kích hồi phù thế mộng,
Phạm chung chàng phá đại gia thinh.
Du tham bắc thủ miên điềm hắc,
Bất quản đông nhan nhật chiếu hồng.
Trường dạ man man thời hữu đán,
Minh đồ mặc mặc lộ nan thông.
Kim triêu nhược bất cần hành đạo,
Tha nhật na phùng hoàng diện công.

Dịch:

Kệ Vô Thường

Đời mộng ảo trống chùa cảnh tỉnh,
Chuông chí tôn vang khắp nhà nhà.
Còn ham giấc ngủ ngon mải miết,
Chẳng quản vầng đông ánh chói lòa.
Vằng vặc đêm dài còn có sáng,
Mịt mờ lối quỷ khó lần ra.
Nay không gắng gổ tu hành đạo,
Ngày khác làm sao thấy Phật-đà.

Đời mộng ảo trống chùa cảnh tỉnh, chuông chí tôn vang khắp nhà nhà. Vào khoảng canh năm là lúc gần mãn đêm, tiếng chuông chùa được đánh lên

để cảnh tỉnh chúng ta thức dậy tu hành. Nhưng không phải ai nghe tiếng chuông tiếng trống cũng thức dậy, có người vẫn nằm ngủ vùi, nên nói *còn ham giấc ngủ ngon mải miết*. Vì thế nên không nhớ rằng chẳng bao lâu nữa vầng đông sẽ mọc, mặt trời sẽ sáng chói lòa, *chẳng quản vầng đông ánh chói lòa*. Hình ảnh trời gần sáng cũng ngầm nhắc chúng ta cứ mãi thích trong cái mê mà không nhớ để tỉnh.

Vằng vặc đêm dài còn có sáng, mịt mờ lối quỷ khó lần ra. Đêm dù có dài vằng vặc thì cũng có lúc trời sáng, nhưng nếu chúng ta cứ đắm chìm trong chỗ mê tối của đường ma lối quỷ, không chịu ra khỏi kiếp mê mờ, không chịu thức tỉnh thì đến bao giờ mới sáng? Cho nên chúng ta có phước duyên được gặp Phật pháp phải sớm lo tỉnh giác. Tỉnh giác để ra khỏi đêm dài sanh tử, nếu không tỉnh giác thì biết chừng nào mới ra khỏi sanh tử.

Trên đường tu phải có ý chí dũng mãnh, một phen tỉnh giác thì không mê trở lại nữa. Tiếng chuông chùa vang lên là bừng tỉnh, chớ mờ mờ mịt mịt để thời gian luống qua mất. *Nay không gắng gổ tu hành đạo,* nếu đời này không nỗ lực, không mạnh mẽ gắng tu thì *ngày khác làm sao thấy Phật-đà*.

Những lời nhắc nhủ này không phải của một bậc chuyên tu, mà là của một vị vua đứng đầu đất nước. Vì vậy việc tu hành không chỉ dành riêng cho

người rảnh rang ít việc mà tất cả từ vua chúa, quan dân đều tu được. Trong hoàn cảnh bao nhiêu lợi danh, dục lạc vây bủa mà nỗ lực tu tập thì vẫn thức tỉnh như thường. Đức Phật, vua Trần Thái Tông, Tuệ Trung thượng sĩ đều là những vị sống trong cảnh giàu sang, hưởng thụ đầy đủ ngũ dục, mà còn tỉnh giác tu tập. Chúng ta không có trách nhiệm nặng nề, rảnh rang biết mấy, tại sao không thể vượt thoát?

Người yếu đuối thì dù có dùng dây chuối cột trói nghiệp lại, họ cũng không đủ sức cắt đứt. Nếu người dũng mãnh thì dù cột bằng dây xích cũng bứt đứt. Cho nên không phải do sợi dây chắc hay bở, mà tùy theo sức mạnh nội tâm của mỗi người. Đây chính là điều đức Phật chỉ cho chúng ta thấy, ai cũng có khả năng tu hành giác ngộ, không phải chỉ có Phật, Bồ-tát mới tu được. Bởi vì đức Phật và Bồ-tát cũng từ những con người nhiễm ô như chúng ta, mà tu thành tựu. Cho nên phải mạnh mẽ thoát ra khỏi những trói buộc và tu hành tinh tấn thì nhất định sẽ có ngày thành Phật. Đừng đổ thừa vì cái này hay cái kia trói buộc mà không tu được.

Người xấu xa dữ dằn hay kẻ trộm cướp đều có thể tu được, chính những người này cần phải tu gấp hơn người khác. Bởi vì họ dở thì cần gấp rút vượt ra. Cho nên cá trong lưới cần nhảy gấp, cá ngoài

lưới thì cứ thong thả bơi. Người hiền lành tu thong thả cũng được, người nhiều phiền não phải tu gấp. Trong hoàn cảnh xấu dở mà chúng ta biết thức tỉnh thì đều có thể vươn lên, đừng mặc cảm cho rằng mình không tu được.

Người có hoàn cảnh tốt thì giống hoa sen đã ra khỏi bùn nhưng còn ở trong nước, chưa đủ điều kiện trổ hoa, phải cố gắng vượt lên khỏi mặt nước mới nở hoa được. Hoa sen ở trong bùn, hoa sen trên mặt nước, hoa sen ra khỏi mặt nước tuy có khác nhau nhưng kết quả đều bình đẳng như nhau. Bình đẳng từ chỗ nhơ nhớp mà có thể vươn lên thành thơm tho đẹp đẽ.

Người xuất gia dụ như hoa sen trong nước, người chưa tỉnh giác dụ như hoa sen trong bùn, đức Phật và Bồ-tát dụ như hoa sen đã nở. Trong nước và trong bùn tuy có khác nhau, nhưng khi nở thành hoa đều có hương sắc như nhau. Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả chúng ta đều có khả năng thành Phật, nhưng còn tùy thuộc vào các yếu tố nhân duyên. Nếu hoa sen còn ở trong bùn mà bị sâu đục thì không thể vươn lên mặt nước được. Hoặc hoa sen lên tới mặt nước mà bị bẻ bị cắt thì cũng không lên cao được. Hoa sen có khả năng đi tới chỗ viên mãn nở tròn trịa thơm tho, nhưng tùy thuộc vào nhân duyên. Nếu gặp duyên xấu trở

ngại có thể bị lụn bại, nếu không bị trở ngại thì sẽ thành tựu viên mãn.

Việc tu tập của chúng ta cũng có hai phần. Một phần là sức mạnh của bản thân, một lần tỉnh là tỉnh luôn không mê trở lại. Hai là nếu có đầy đủ phúc duyên sẽ không bị trở ngại làm hư hoại giữa chừng, còn phúc duyên kém sẽ bị chướng ngại cản trở. Cho nên người tu Phật có hai việc. Một là nuôi dưỡng ý chí mạnh mẽ để một phen tỉnh giác thì tỉnh luôn, rồi từ đây tiến lên chứ không dừng ngang đó. Hai là phải tạo duyên lành đối với người xung quanh, để được trợ duyên và không bị chướng ngại trên đường tu. Có người thích tu nhưng không gặp được thầy lành bạn tốt thì dễ tu sai đường, đó là do thiếu phước duyên. Đủ hai điều kiện này thì bảo đảm tu hành ngày càng tăng tiến.

THỊ PHI

Một năm qua chư Tăng chư Ni vừa tu vừa làm công tác trong tổ hợp tương, trong khi làm việc chắc chắn có những vui buồn phiền não, cũng như trên đường tu không tránh khỏi những vấp váp dở hay. Hôm nay là ngày cuối năm, chúng ta được nghỉ ngơi, chung vui sau một năm làm việc và tu hành. Nhân đêm Trừ tịch, tức đêm Giao thừa, tôi mượn lời người xưa cùng chia sẻ việc tu hành với đại chúng.

Thị là phải, phi là quấy. Thiền sư Thạch Ốc Thanh Hồng dạy chúng:

Thuyết thị thuyết phi hà nhật liễu,
Vô minh hải khoát ngã sơn cao.
Tu thân như vị thanh tam hoặc,
Phàm sự tu đương diệt nhất hào.
Nhàn tịnh quang âm không quá liễu,
Hiện thành chúc phạn nhược vi tiêu.
Ân cần thuyết hướng chư thiền khách,
Mạc bả ca-sa hoán vũ mao.

Dịch:

Bàn nói thị phi ngày nào hết,
Biển vô minh rộng núi ngã cao.
Người tu nếu chưa sạch ba nghiệp,
Gặp việc diệt không còn mảy hào.
Thong thả tháng ngày trôi mất biệt,
Hiện thời cơm cháo dễ tiêu sao!
Ân cần nhắn với chư thiền khách,
Đừng đem lông cánh đổi Tăng bào.

Bàn nói thị phi ngày nào hết, biển vô minh rộng núi ngã cao. Người hay nói phải quấy là người vô minh rộng như biển, chấp ngã cao như núi.

Người tu nếu chưa sạch ba nghiệp, gặp việc diệt không còn mảy hào. Người biết tu tâm sửa tánh nhưng chưa sạch được ba nghiệp tham sân si, phàm có việc gì xảy đến phải diệt ngay. Tức là phải khéo bỏ hết không để cho một niệm xấu, niệm ác, niệm tham nào dấy lên. Đó là cốt yếu của sự tu hành.

Thong thả tháng ngày trôi mất biệt, hiện thời cơm cháo dễ tiêu sao! Nếu chỉ nhàn rỗi để ngày tháng trôi qua thì thật vô ích. Như thế hiện thời chúng ta chỉ là những người kém đạo đức, chỉ làm ông Tăng cơm cháo, làm sao tiêu được của thí chủ, làm sao trả nợ đàn-na.

Ân cần nhắn với chư thiền khách, đừng đem lông cánh đổi Tăng bào. Câu này quá nặng, ngài nhắc chúng ta có nhiều phước duyên mới được xuất gia, mặc áo ca sa. Khi đã mặc ca-sa rồi chớ để đời sau phải mang lông mọc cánh. Đời này đã được tu thì đời sau phải tiến cao hơn chứ không được lùi lại. Đừng buông lung lười trễ trong sự tu hành, để rồi phải nợ đàn-na tín thí. Đời này là người tu mà đời sau trở thành loài cầm thú thì thật đau lòng.

Như vậy thị phi chính là gốc tạo tội. Bớt thị phi, bớt nói phải quấy thì bớt vô minh. Chúng ta khen ai là vì người đó nói phải, chê là vì họ nói quấy. Từ phải quấy tới khen chê, rồi thương ghét. Hễ thương ghét thì phiền não, mà phiền não là gốc của vô minh. Chúng ta luôn luôn thấy mình hơn người nên chỉ nhìn thấy cái xấu của người. Thấy cái xấu của họ cũng có nghĩa là tự cho mình tốt, mình hơn người. Nếu biết tu, ta chỉ nên thấy thiên hạ tốt, đừng thấy họ xấu. Nhưng thói thường, khi ngồi lại với nhau thiên hạ hay nói xấu người chứ ít nói tốt. Đó là triệu chứng của bản ngã cao như núi.

Tất cả chúng ta biết đạo lý, biết tu hành thì phải nhắc nhở nhau, những gì làm tăng trưởng bản ngã, tăng trưởng vô minh thì phải tránh. Sở dĩ chúng sanh tạo nhiều nghiệp, luân hồi mãi cũng bởi thị phi. Vì thị phi nên thương ghét. Thương

ghét nên tạo nghiệp. Thương thì theo đuổi, ghét thì ruồng bỏ. Bởi thị phi nên thấy người thấp ta cao, ai động tới cũng không dung được. Cho nên người biết tu phải khéo, đừng thị phi, công phu mới tiến.

Thật ra thị phi không có lẽ thật, tùy theo cái nhìn của mỗi người mà phân định đúng sai. Người mang kiếng xanh thì thấy sự vật màu xanh, mang kiếng hồng thấy sự vật màu hồng. Mọi sự khen chê đều theo cái thấy cá nhân, phải đâu thật phải, quấy đâu thật quấy. Thí dụ người uống nửa lít rượu là say mèm, người khác uống đến một lít cũng chưa say. Dân uống rượu sẽ khen gã uống được nhiều rượu là giỏi. Dân không uống rượu sẽ chê kẻ ấy nát rượu. Cũng như có hai tên trộm, một tên đêm nào cũng trộm đồ trót lọt, còn một tên trộm hoài không được. Tên không trộm được sẽ khen tên kia trộm giỏi. Những cái khen đó có đạo lý gì đâu. Kẻ uống rượu nên khen người uống rượu, kẻ ăn trộm nên khen người ăn trộm, người đàng hoàng lại chê. Như vậy khen chê tùy thuộc cái nhìn của mỗi người. Không phải uống rượu giỏi là cả thiên hạ đều khen, ăn trộm dở thì cả thiên hạ đều chê.

Người tu chúng ta cũng vậy, Phật tử thấy thì khen quý thầy có duyên có phúc được xuất gia, tu hành thanh tịnh, nhưng cũng có kẻ chê tu hành là tiêu cực bi quan. Rõ ràng khen chê không cố định,

vậy mà chúng ta cứ nghe khen chê rồi lệ thuộc vào nó. Được khen thì vui, bị chê thì buồn. Từ đó ta có xu hướng thích gần những người xảo trá nịnh hót, còn người ngay thẳng chân chánh, chỉ bảo những sai lầm cho mình thì lại ghét, tìm cách lẩn tránh.

Ở đây thiền viện có con chó bị ghẻ lở, một thầy thương nên mua thuốc về thoa cho nó. Bị xức thuốc đau nên hễ thấy mặt thầy là nó chạy. Con chó lấy ân làm oán vì nó ngu. Con người khôn ngoan, được chỉ bảo những thói hư tật xấu để sửa đổi thành tốt, lẽ ra phải biết ơn, sao lại bực bội ghét người giúp mình. Người chỉ lỗi thì mình ghét, người nịnh bợ nói không đúng sự thật thì lại thương. Vậy là chúng ta cũng lấy ân làm oán và lấy oán làm ân, rõ ràng mình còn quá dở, tưởng khôn mà không phải khôn.

Người thành tâm tu hành phải luôn cầu xin thầy bạn nhắc nhở những điều xấu dở cho mình sửa đổi để thành người tốt. Nếu cứ sợ, cứ tránh né người hay nhắc nhở, chỉ dạy mình là khờ khạo lắm. Đôi khi người ta khen chê cũng chỉ vui miệng nói thôi, không đúng sự thật. Thí dụ gặp kẻ quê mùa dốt nát nhưng người ta vẫn gọi là tiên sinh. Nói vậy là nói vui thôi, chứ đâu phải khen. Lời nói kia đâu thể làm cho mình trở thành tiên sinh hay biến thành quê dốt.

Chúng ta tu hành, nếu có ai nói mình đạo đức giả liền nổi sân, như vậy đúng là đạo đức giả rồi. Họ nói thì nói, chuyện của mình tự mình biết, sao cứ phải theo lời khen chê rồi vui buồn. Đó là khuyết điểm rất lớn của đa số người tu. Chúng ta phải khéo làm sao đừng để bị kẹt vào chuyện thị phi mới là người có trí tuệ.

Ngày xưa đức Phật còn tại thế, có một Tỳ-kheo ở trong rừng tu hành rất thanh tịnh. Nhiều thí chủ thương đem lương thực tới cúng, trong đó có một thiếu nữ. Cô tới lui thường xuyên nên bị tai tiếng. Vị Tỳ-kheo này buồn quá định tự tử. Khi thầy vừa đưa cổ vào thòng lọng thì bên tai nghe có tiếng nói:

- Tại sao ông muốn chết?

Ngài trả lời:

- Tôi tu hành thanh tịnh mà người ta đồn bậy, tôi nhục nhã quá nên muốn chết cho rồi.

Vị thần hỏi:

- Nếu ông chưa chứng A-la-hán mà người ta nói ông chứng A-la-hán thì ông có chứng được không?

Ngài trả lời:

- Không.

- Nếu ông không phải là kẻ cướp mà người ta nói ông là kẻ cướp, ông có phải kẻ cướp không?

- Không.

- Vậy tại sao ông thanh tịnh mà người ta nói ông không thanh tịnh, ông liền muốn chết?

Nghe xong thầy giật mình, từ bỏ ý định tự tử.

Câu chuyện trên cho chúng ta thấy mình không nên lệ thuộc vào khen chê. Nói thế không có nghĩa là xem thường lời khen tiếng chê rồi mặc tình buông lung, làm những điều sai quấy, người ta nhắc cứ mặc kệ, đổ lỳ ra không ngán sợ ai.

Chúng ta phải biết nhận định trước những lời khen chê. Nếu khen đúng lẽ thật thì nghĩ người đó khuyến khích mình tiến lên. Nếu chê đúng lẽ thật thì biết người đó răn dạy để mình sửa đổi. Với những lời khen chê có giá trị thì ta phải lưu tâm. Với những lời vô nghĩa thì bỏ qua. Cần phải hiểu thấu đáo, không nên hiểu một chiều, nghe bên đây chấp bên kia rồi sanh bệnh.

Ngài Vô Môn Huệ Khai cũng dạy:

Thị phi trường đoản nhĩ biên phong
Thiết mạc ư trung mích dị đồng
Yếu đắc bát phong xuy bất động
Phóng giao tâm địa đẳng hư không.

Dịch:

Thị phi tốt xấu gió bên tai
Trong ấy không nên kiếm dở hay
Muốn cho tám gió đùa chẳng động
Thõng buông tâm niệm đồng Không dài.

Thị phi trường đoản nhĩ biên phong. Nghĩa là nghe phải quấy, hay dở cũng như gió thổi bên tai vậy thôi.

Thiết mạc ư trung mích dị đồng. Thiết là thiết yếu, chớ ở trong đó mà tìm dị tìm đồng. Dị là khác, đồng là giống nhau. Tức là đừng ở trong đó tìm hay dở, phải quấy làm gì.

Yếu đắc bát phong xuy bất động. Cốt là làm sao tám gió thổi không lung lay. *Phóng giao tâm địa đẳng hư không.* Buông xả tâm mình đồng với hư không, đừng bận bịu tới việc khen chê.

Chúng ta lệ thuộc vào khen chê thì tâm bất an. Khi tâm bất an tám gió thổi tới sẽ bị động, nghe khen nghe chê đều động, cho nên cả ngày không an. Muốn cho tám gió thổi không động thì đối sự khen chê coi như gió thoảng bên tai. Không mắc kẹt vào thị phi thì không phiền não. Phiền não không dấy thì tâm lặng lẽ thênh thang như bầu hư không vậy. Đó là chỗ chủ yếu của người tu.

Chẳng những ngài Huệ Khai nhắc mà Lục Tổ cũng nhắc chúng ta điều này trong kinh Pháp Bảo Đàn:

Nhược kiến tha nhân phi
Tự phi khước thị tả
Tha phi ngã bất phi
Ngã phi tự hữu quá.

Dịch:

Nếu thấy lỗi của người
Lỗi mình đã đến bên
Người quấy ta chẳng quấy
Ta quấy tự có lỗi.

Tổ dạy chúng ta đừng nhìn lỗi của người. Nếu thấy lỗi của người thì lỗi mình đã ở bên cạnh rồi. Tổ dạy phải xoay lại nhìn mình để thấy lỗi mà sửa. Đó chính là công việc của người tu. Cứ lo nhìn lỗi của người thì đâu thấy được lỗi mình, không thấy được lỗi mình thì làm sao sửa. Thấy người làm sai biết rồi thì đừng làm sai như họ. Nếu người nặng nhẹ với mình là họ có lỗi, mình nổi nóng cự lại thì mình lỗi thêm, lại còn chứng minh những điều họ nói là đúng nữa.

Chúng ta còn khờ dại quá. Kẻ khác xấu cứ để cho họ xấu, việc gì ta phải chen vào cho xấu lây. Họ nói mình xấu mà cải chính, biện minh mình tốt thì

sai rồi. Nhưng chúng ta cũng đừng hiểu lầm ý Tổ rồi sống tiêu cực, ai lỗi cũng mặc không thèm nói tới. Thiền sinh phải hiểu cho đúng lời dạy của Tổ để ứng dụng tu hành.

Chẳng hạn học trò vì muốn lợi ích cho xã hội, cho dân tộc, nên khi học nó chỉ cắm đầu học, không quan tâm đến ai, không để ý chuyện hay dở xung quanh. Việc học thành tựu rồi mới lo đến chuyện làm lợi ích cho xã hội. Cũng vậy Lục Tổ vì không muốn chúng ta phí thời giờ trong thị phi nên khuyên chúng ta chỉ chuyên tâm lo việc tu hành. Nhìn phải quấy của người khác là tự làm mình động tâm, mà tâm động thì sự tu không tiến.

Chúng ta đọc lại cuộc đối đáp khi ngài Thần Hội yết kiến Lục tổ Huệ Năng.

Tổ hỏi:

- Tri thức từ phương xa nhọc nhằn đến đây, có đem được gốc theo chăng? Nếu có gốc phải biết chủ, thử nói xem?

Sư thưa:

- Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là chủ.

Tổ bảo:

- Sa-di đâu nên dùng lời đó.

Sư thưa:

- Hòa thượng ngồi thiền là thấy hay chẳng thấy?

Tổ cầm gậy đánh Sư ba gậy, hỏi:

- Ta đánh ngươi đau hay chẳng đau?

- Cũng đau cũng chẳng đau.

- Ta cũng thấy cũng chẳng thấy.

- Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?

- Chỗ ta thấy là thường thấy lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy việc phải quấy của người khác. Ấy là cũng thấy cũng chẳng thấy. Ngươi nói cũng đau cũng chẳng đau là sao? Nếu ngươi chẳng đau thì đồng cây cỏ, nếu ngươi đau thì đồng với phàm phu, ắt khởi tâm giận hờn. Trước ngươi nói thấy chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt. Ngươi không thấy tự tánh mà dám cợt với người.

Sư lễ bái sám hối. Tổ bảo:

- Nếu ngươi tâm mê không thấy nên hỏi thiện tri thức chỉ đường. Nếu ngươi tâm ngộ liền tự thấy tánh, y pháp tu hành. Ngươi đã mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì ta tự biết, đâu thế cái mê cho ngươi được. Nếu ngươi tự thấy cũng không thế được cái mê cho ta. Tại sao không tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?

Sư lễ bái hơn trăm lạy cầu xin sám hối.

Lục Tổ dạy việc chính của người tu là phản quan, tức nhìn lại mình, thấy được mình mới là điều thiết yếu. Thấy người mà quên mình thì không thể tiến tu được. Đây cũng là chủ trương của nhà thiền. Thấy được mình mới biết mình có cái dở để bỏ và sống với tâm chân thật của chính mình.

Như vậy trên đường tu, làm sao đừng mắc kẹt những thứ bên ngoài, mất thời giờ vô ích. Phải nỗ lực xoay lại mình, biết mình từng phút từng giây. Đa số người tu chúng ta hay quên mình mà chỉ lo việc người khác, nên sự tu không tiến. Cổ đức nói: "Thiên niên thiết thọ khai hoa dị, khuyến nhân từ khước thị phi nan", nghĩa là ngàn năm cây sắt trổ hoa dễ, khuyên người từ bỏ thị phi khó.

Thói thường chúng ta rất hay thị phi do vô minh và chấp ngã quá nặng nề. Phàm kẻ xuất gia phải cố gắng ngăn trừ thị phi để giữ gìn công đức tu hành và tránh ác báo về sau. Người tu hành chân chánh luôn có lập trường vững chắc, không quan tâm đến sự khen chê thương ghét bên ngoài, như lời Lục Tổ dạy: Thương ghét chẳng bận lòng, duỗi thẳng hai chân ngủ. Đó mới thật là người sống đạo.

CĂN TRẦN KHÔNG DÍNH NHAU

Hôm nay là ngày tết Trung thu của nhi đồng, chúng ta cũng tùy tục tổ chức lễ ăn Tết Trung thu. Tất cả Tăng Ni ở đây tuổi đời đa số hàng trung niên, vậy coi như mình ăn Trung thu hùn với đám trẻ. Tuy ăn theo nhưng chúng ta không vui chơi như mấy đứa con nít, mà tập sống hồn nhiên đúng với ý nghĩa thậm thâm trong nhà Phật.

Nhân ngày này, Tăng Ni có dịp xoay nhìn lại mình. Dù tuổi lớn nhưng tâm hồn vẫn trong trắng ngây thơ như đám trẻ. Ngây thơ không phải là dại dột mà chính là không tâm mưu mô, tính toán, hơn thua. Vì vậy, chúng ta dự ngày Tết của nhi đồng để gợi nhớ và sống lại với tâm hồn trong trắng của chính mình. Tuy đã sáu bảy mươi tuổi, đầu bạc da nhăn nhưng chúng ta vẫn còn ngây thơ và trong sáng. Đó là điều đặc biệt trong đạo.

Trung thu năm này khác với những năm về trước. Hồi đó tôi hay đặt câu hỏi hóc búa, nếu ai đủ khả năng trả lời đúng sẽ xứng đáng được nhận miếng bánh đầu tiên và vinh dự khai mạc buổi lễ Trung thu. Năm nay cũng vậy nhưng tôi sẽ hỏi một

câu dễ hơn. Người nào lúc bình thường siêng đọc kinh sách có thể nhớ và trả lời được.

Nói đến Trung thu là nhắc đến ánh trăng. Năm nay trời đẹp trăng sáng, cho nên tôi đặt câu hỏi liên quan tới trăng. Câu hỏi này không phải tự ý tôi đưa ra mà có trong kinh Phật. Người nào giải nghĩa xuôi câu đó chứng tỏ có khả năng nhớ giỏi hoặc chịu khó nghiên tầm.

Một hôm thầy Tỳ-kheo hỏi Phật: "Bạch Thế Tôn, người làm ác như thế nào?". Phật nói: "Người làm ác như mặt trăng". Vị Tỳ-kheo hỏi tiếp: "Người làm thiện như thế nào?". Phật đáp: "Người làm thiện như mặt trăng". Tại sao? Câu này quá dễ, ai có thể cắt nghĩa được?

(Hòa thượng Trụ trì Thường Chiếu thưa)

- Bạch Thầy! Người làm thiện như trăng đầu tháng tới rằm, còn người làm ác như trăng 16 tới 30.

(Hòa thượng Trúc Lâm bảo)

- Ừ. Chú được quyền vinh dự khai mạc miếng bánh đầu tiên. Tất cả quý vị còn lại cũng bắt đầu ăn bánh đi. Vừa ăn bánh vừa nghe tôi nói chuyện. Vui vẻ.

Như trên tôi đã nói, chúng ta ăn Tết Trung thu có hai ý nghĩa. Một là thưởng thức mùi vị của

Tết Trung thu, tức là ăn hùn với nhi đồng. Hai là thưởng thức ý vị Trung thu trong nhà đạo. Trung thu là ngày trăng tròn sáng, đây cũng là ngày vui nhất của tất cả nhi đồng. Nhân ngày này, chúng ta làm lễ ăn Trung thu, thành thử ý nghĩa buổi lễ gắn liền với hình ảnh trăng tròn.

Trở lại câu hỏi trên, khi vị Tỳ-kheo hỏi Phật người làm thiện như thế nào, người làm ác như thế nào, Phật nói người đó như mặt trăng. Tại sao? Bởi vì người làm thiện giống mặt trăng từ mùng 2 mùng 3 lần lần sáng tròn tới rằm. Tức là mỗi ngày ánh sáng mỗi tăng, đến đúng ngày rằm thì sáng quắc và tròn trịa. Cũng vậy, người ở đời nếu biết làm lành và tu tập thiện pháp thì trí tuệ, đạo đức ngày càng tăng trưởng cho đến lúc viên mãn.

Ngược lại, những người làm ác giống như mặt trăng từ ngày 16 đến 30. Ngày 16, mặt trăng hơi chớm khuyết. Ngày 17, 18 dần dần tới đêm 30, mặt trăng không còn. Cũng vậy, được sanh làm người là có phước, giống như mặt trăng ngày 16. Nếu họ không biết tu phước, chuyên làm những điều tội ác thì ánh sáng dần dần trở thành tối. Liên tục làm ác như vậy, một ngày nào đó không còn chút ánh sáng, chỉ toàn bóng tối mờ mịt. Bởi vậy người làm ác càng nhiều, nghiệp sẽ dẫn vào chỗ tăm tối là địa ngục U Minh như đêm 30.

Qua hình ảnh mặt trăng, đức Phật đã chỉ rõ hai hạng người: Một, biết hướng về thiện; và hai, chỉ lo hướng về ác. Bên đây, từ một vầng trăng lưỡi liềm ánh sáng nhỏ, dần dần tới trăng tròn, ánh sáng viên mãn. Bên kia, từ một mặt trăng vừa chớm khuyết, dần dần teo lại cho tới không còn một tia sáng. Hai con đường thiện ác quá rõ ràng. Một bên càng sáng, một bên càng tối. Dùng hình ảnh mặt trăng để nhắc tất cả Tăng Ni và Phật tử nhớ tu.

Tu là tìm đến giác ngộ chứ không phải tìm đến vô minh. Muốn tìm tới giác ngộ, mỗi ngày chúng ta phải cố gắng làm được nhiều điều thiện phước đức, đồng thời nuôi dưỡng trí tuệ tăng trưởng. Chừng nào đến được chỗ viên mãn mới xứng đáng không uổng phí đời tu của mình. Đó là ý nghĩa liên hệ tới mặt trăng.

Tôi nhớ năm rồi chúng ta ăn Trung thu trùng vào ngày khánh thành hậu đường. Đêm đó mưa tầm tã nhưng buổi lễ vẫn tương đối ấm cúng. Khi ấy tôi tuyên bố một năm sau sẽ nghỉ để làm người vô sự, mọi việc giao lại cho các vị lãnh đạo bên Tăng cũng như bên Ni. Hôm nay tròn đúng một năm như lời hứa, tôi mong rằng dù Phật sự có được xuôi buồm thuận gió hoặc gặp phải bão táp phong ba gì, quý vị vẫn vững tay lái không để bị lay chuyển, không để bị trôi giạt. Đây là điều hết sức hệ trọng, cũng là mong mỏi của tôi đối với quý vị.

Khi lãnh trách nhiệm gánh vác Phật sự, quý vị phải chuẩn bị tinh thần cởi mở, cảm thông với những người xung quanh, nhất là đàn em của mình. Sau mỗi thời kinh đều có phần Tam tự quy y. Trong đó có câu: "Tự quy y Tăng, nguyện cho chúng sanh quản lý đại chúng tất cả không ngại". Nghĩa là nguyện cho tất cả mọi người khi quản lý đại chúng không gặp chướng ngại. Đây là một vấn đề nan giải. Giả sử việc làm đó dễ dàng, mọi việc đều như ý, kêu đâu người ta làm đó thì chắc Phật tổ không dạy chúng ta nguyện như vậy.

Quản lý đại chúng sự thật không đơn giản chút nào. Tuy rằng mọi người cùng một chí nguyện xuất gia như nhau nhưng tâm tư không đồng. Người thế này, người thế nọ. Thành thử người chịu trách nhiệm quản lý đại chúng phải có tinh thần vừa cởi mở vừa cảm thông. Làm sao toàn chúng sống bên cạnh mình luôn cảm thấy được đối xử bình đẳng trong cuộc sống an lành êm ấm. Đừng để họ phải rơi vào tình trạng đau khổ, bực bội, ray rứt. Quý vị phải khéo như vậy khả dĩ mới điều khiển được số chúng đông đảo mà không bị trở ngại.

Các công tác tôi giao lại cho những người có trách nhiệm, dù chính hay phụ đều phải cảm thông cho nhau rồi chung vai gánh vác. Một mình tôi đảm đang hết những sự được mất nên hư của thiền viện,

dù có giỏi cũng không bằng giao mỗi thiền viện cho năm bảy người chung lo. Tôi hy vọng quý vị đồng tâm hiệp lực, chung sức chung lòng đóng góp để các thiền viện được mở mang tốt đẹp hơn. Đó là nhắc lại chuyện cũ và định hướng cho việc mới.

Bây giờ tôi sẽ bắt đầu nói về ý nghĩa Trung thu thông qua những lời Phật dạy trong kinh điển.

Tạp A Hàm có bài kinh số 216 nói về biển: Nói biển lớn đó là lời của người ngu nói, chứ không phải lời của bậc thánh. Bậc thánh nói mắt là biển lớn của con người và sắc kia là sóng cả. Nếu người nào chịu nổi sắc ba đào, người ấy sẽ vượt qua bờ bên kia biển cả của mắt, với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là biển cả của con người; thanh, hương, vị, xúc, pháp là sóng cả. Nếu ai kham chịu nổi pháp ba đào này, người ấy sẽ vượt qua bờ bên kia biển cả của mắt với các sóng cả, các dòng xoáy, sâu trùng độc hại và nữ quỷ La-sát.

Bậc thánh nói mắt là biển lớn của con người và sắc kia là sóng cả. Nghĩa là khi mắt phân biệt sắc sanh ra ái nhiễm đắm trước ưa thích, thân miệng ý tạo nghiệp chìm mãi trong biển khổ sanh tử. Tất cả thế gian, a-tu-la cho đến trời thảy vì tham ưa chìm đắm nên đều ở trong ấy. Đó mới thật là biển lớn, còn biển thế gian chưa phải lớn.

Tất cả chúng ta đều tưởng núi to biển cả là hơn hết mà không ngờ trầm luân sanh tử còn to hơn núi, lớn hơn biển. Bởi vì nó có thể tràn ngập khắp cả thế gian cho đến các cõi trời. Sống trên cõi trời Dục giới và Sắc giới, hết phước cũng bị đọa trở lại, tức là vẫn nằm trong sanh tử. Sở dĩ nó làm ngập chìm tất cả là do sáu căn tiếp xúc với sáu trần phát sanh ái nhiễm và đắm trước. Cũng vậy, như chúng ta thưởng thức bánh Trung thu ngon là bởi lưỡi dính với vị sanh ra ái trước. Cho nên gần tới mùa Trung thu mà không có bánh thì đòi, tức là ái nhiễm chứ gì. Đây là nguyên nhân dẫn chúng sanh đi trong luân hồi sanh tử.

Tóm lại, căn trần còn dính nhiễm là còn chìm trong bể khổ sanh tử, không biết chừng nào ra khỏi. Bởi vậy đức Phật mới nói đó là biển lớn. Chúng ta chỉ sợ biển Thái Bình sóng to chìm thuyền, mà không biết biển sanh tử còn đáng sợ hơn. Sáu căn đắm nhiễm với sáu trần là những lượt sóng nhận chìm chúng ta trong biển khổ sanh tử. Học tới đây để chúng ta giật mình tỉnh giác. Đừng chỉ thấy những cái nhỏ trước mắt mà quên cái lớn lao bên trong.

Kế đó Phật dạy thêm, bậc thánh nói mắt là biển lớn, sắc là sóng biển; tai là biển lớn, thanh trần là sóng biển; mũi là biển lớn, hương trần là sóng biển. Tóm lại, sáu căn là biển lớn, sáu trần là

sóng biển. Người nào kham nhẫn nổi các đợt sóng ba đào của sáu trần sẽ vượt qua được biển lớn sanh tử. Khỏi chết chìm trong sanh tử tức là giải thoát. Cho nên mấu chốt để đi đến giải thoát sanh tử rất đơn giản, ngay nơi sáu căn này. Chúng ta tu là tập kham nhẫn đối với sáu trần, tập làm con thuyền vượt thoát khỏi nạn chết chìm trong biển sanh tử.

Đến đây Phật toát yếu lại ý nghĩa trên bằng bài kệ:

Biển cả sóng cuồn cuộn,
Ác trùng, La-sát sợ,
Khó qua mà qua được,
Hằng xa lìa hết thảy.
Đoạn dứt tất cả khổ,
Không sanh lại đời khác,
Hằng sống với Niết-bàn,
Không còn buông lung nữa.

Sáu căn là biển, sáu trần là sóng. Nếu có biển mà không sóng thì không bị chết chìm. Cũng vậy, nếu chúng ta qua không khỏi sáu trần thì nhất định phải chết chìm trong biển khổ sanh tử. Nói tóm lại, muốn qua được bể cả sanh tử chúng ta phải làm chủ được mình, đừng để sáu trần lôi kéo. Qua được biển lớn tức là đến được Niết-bàn an lạc giải thoát.

Trong bài kinh số 247 đức Phật nói về ma. Ngài dạy, nếu Tỳ-kheo đối với mắt thấy thú vị ưa thích thì không được tự tại, vì bị trói buộc bởi bàn tay của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Lời Phật dạy đơn giản vô cùng. Nếu chúng ta để sáu trần dẫn mình đi chẳng khác nào kẻ tù bị người lính ngục dẫn vô khám. Họ đi đâu mình phải theo tò tò tới đó, không dám cãi. Cho nên ma và sóng biển đều từ căn trần này mà ra.

Đến bài kinh số 244, đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, có 6 câu móc của ma. Những gì là sáu? Mắt đắm trước sắc là câu móc của ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý đắm trước thanh, hương, vị, xúc, pháp là câu móc của ma. Như người câu cá dùng móc câu dính mồi nhử cá. Con cá vừa đớp miếng mồi, cổ liền bị móc vào lưỡi câu, giãy giụa cách mấy cũng không thoát ra được. Cũng vậy, khi chúng ta để sáu căn dính mắc sáu trần, chẳng khác nào dính phải câu móc của ma, đau khổ trong trầm luân sanh tử. Chừng nào thoát được sáu câu móc này mới an lành tự tại.

Qua mấy bài kinh trên chúng ta thấy, trọng tâm của giải thoát sanh tử và trầm luân sanh tử từ nơi sáu căn và sáu trần. Vì vậy khi tu chúng ta phải luôn luôn tỉnh giác. Nếu đợi đến lúc tụng kinh ngồi thiền mới tu, còn khi ra ngoài tiếp xúc với sắc

thanh để tâm buông lung, nhất định bị móc câu lôi đi. Vì vậy quý vị phải luôn nhớ tu, khả dĩ mới thoát được bàn tay của ma và vượt khỏi biển cả sanh tử. Đó là điều thiết yếu đức Phật nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần.

Trong kinh Lăng Nghiêm kể, khi ngài A-nan hỏi đức Phật về đầu mối của luân hồi sanh tử và đầu mối của giải thoát sanh tử. Chư Phật trong mười phương đồng thanh đáp rằng, căn bản sanh tử và căn bản giải thoát từ nơi sáu căn và sáu trần. Trong khi tu, chúng ta phải nắm thật vững trọng tâm này. Nếu không hiểu chỗ đó, nghe ai nói tu thế này linh nghiệm, tu thế kia kết quả mau, thành ra dễ bị lay chuyển và đi lạc đường mà không hay.

Lại một bài kinh khác trong Tạp A Hàm kể, tôn giả Câu-hi-la hỏi tôn giả Xá-lợi-phất, con mắt buộc sắc hay sắc buộc con mắt? Nghĩa là khi con mắt thấy hình sắc liền bị cột dính, vậy con mắt buộc sắc hay sắc buộc con mắt? Cũng vậy, tai mũi lưỡi thân ý buộc thanh hương vị xúc pháp hay ngược lại? Ngài Xá-lợi-phất đáp chẳng phải con mắt buộc sắc, chẳng phải sắc buộc con mắt. Chẳng phải lỗ tai buộc tiếng, chẳng phải tiếng buộc lỗ tai v.v... Trong khoảng giữa ấy nếu có dục tham là cái trói buộc. Như vậy, không phải sáu căn buộc sáu trần, cũng chẳng phải sáu trần buộc sáu căn. Nếu khi sáu căn

tiếp xúc sáu trần sanh dục nhiễm yêu thích, tham muốn là sợi dây trói buộc.

Đến đây ngài đưa ra một thí dụ cụ thể, ví như có hai con trâu một đen một trắng cùng mang chung cái ách kéo cày. Con trâu trắng buộc con trâu đen hay con trâu đen buộc trâu trắng? Do cái ách buộc hai con trâu chứ không con nào buộc con nào hết. Trâu đen trâu trắng đều không có lỗi, lỗi ở cái ách.

Cũng vậy, tham dục là cái trói buộc chúng ta chứ không phải căn trần. Từ tham muốn khởi nhiễm trước trói buộc và lôi dẫn mình đi trong sanh tử. Rõ ràng tâm ham muốn ưa thích là nguyên nhân dẫn đến luân hồi sanh tử. Thấy hoa đẹp cứ thấy, đừng vừa thấy hoa đẹp liền nghĩ hoa này đẹp quá, thích thú muốn sở hữu là bị trói buộc rồi.

Qua đây chúng ta thấy được ý nghĩa của sự tu. Sáu căn sáu trần không có lỗi, lỗi tại khởi phân biệt yêu và ghét. Yêu trói buộc, ghét cũng trói buộc. Vì vậy vừa khởi yêu ghét liền có tham sân dẫn đi trong sanh tử. Tóm lại trọng tâm của sự tu ngay nơi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Không dấy niệm phân biệt sanh tâm tham sân là tu.

Thí dụ, ai đó đem bình hoa thật đẹp chưng lên bàn thì mình thích. Nếu đem hoa héo chưng, mình liền nổi sân lên. Như vậy vừa thấy đẹp là nhiễm,

vừa thấy xấu là sân. Thành ra niệm phân biệt đẹp xấu luôn luôn đi liền với tham sân. Cái ăn cũng vậy. Mới nếm món gì thấy vừa ý liền khen: "Ai nấu mà khéo quá!". Mới nếm món gì không vừa ý liền chê: "Nấu dở quá, ăn gì nổi". Tất cả niệm tham sân từ sự phân biệt mà ra. Chúng ta tu phải thấy rõ đâu là mấu chốt để gỡ thì sự tu mới đạt kết quả tốt.

Một bài kinh khác trong Tạp A Hàm đức Phật dạy, khi tu phải khéo thấy được lẽ thật, chứ không phải dụng công cho nhiều. Một người ngoại đạo tới hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Các ngài tu được giải thoát chưa?

Những vị chứng A-la-hán đáp:

- Chúng tôi đã giải thoát.

- Do được Sơ thiền nên ngài giải thoát phải không?

- Không.

- Do được Nhị thiền nên ngài giải thoát phải không?

- Không.

- Do được Tam thiền nên ngài giải thoát phải không?

- Không.

- Do được Tứ thiền nên ngài giải thoát phải không?

- Không.

- Do đạt được Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ cho tới Phi tưởng phi phi tưởng xứ nên ngài giải thoát phải không?

- Không.

- Do được Diệt tận định nên ngài giải thoát phải không?

- Không.

- Tại sao các ngài nói mâu thuẫn, trước sau không giống nhau vậy?

- Do trụ ở chánh pháp nên tôi được giải thoát.

Đến đây ngoại đạo tức giận bỏ đi, rồi tới thưa hỏi đức Phật: "Tại sao đệ tử của Ngài nói trước sau mâu thuẫn. Nếu không chứng qua các tầng thiền định, làm sao giải thoát được?". Phật nói: "Phải, các đệ tử của ta nói đúng. Vì trụ trong chánh pháp nên họ được giải thoát". Trụ trong chánh pháp là ngay đây, sáu căn tiếp xúc sáu trần không nhiễm, không dính là giải thoát.

Đạo Phật không chủ trương phải chứng Sơ thiền, Nhị thiền... mới được giải thoát. Trọng tâm sự tu nằm ở chỗ khi đi đứng nằm ngồi, sáu căn đừng kẹt sáu trần là giải thoát. Không còn tâm phân biệt đắm nhiễm, tức là không còn đầu mối dẫn đi trong sanh tử.

Nếu chúng ta chỉ lo dụng công để dìm tất cả tâm thức tới chỗ như cây chết khô, cho đó là đạt định vẫn chưa phải giải thoát. Có trí tuệ thấy đúng như thật, không nhiễm không dính sáu trần là qua khỏi biển sanh tử, thoát khỏi bàn tay của ma, gỡ được cái ách trâu kéo cày. Đó là chỗ giải thoát thiết thực nhất. Hằng quán xét như vậy tức là trụ chánh pháp, giải thoát. Cho nên không cần phải đợi tiến tới địa vị thiền này thiền kia mới giải thoát.

Trong kinh Phật dạy, Tứ thiền gọi là phàm phu thiền. Tứ không là định của ngoại đạo. Cả hai pháp này đều chưa đến được chỗ rốt ráo sau cùng. Chỉ có trí tuệ nhìn đúng như thật mới có thể giải thoát thật sự. Nhưng tiếc thay trong giới tu sĩ ngày nay khi nói tới tu chỉ biết tụng kinh, niệm Phật, trì chú mà không thấy được trọng tâm tu ở chỗ căn trần không dính nhau. Bởi vậy hình thức tuy rất đẹp nhưng trong tâm không được thanh thoát, nhẹ nhàng.

Vì vậy chúng ta phải tu trong từng tâm niệm. Sáu căn vừa tiếp xúc sáu trần, luôn luôn tỉnh giác. Tu như vậy mới thật tu. Nếu đợi đến giờ gõ mõ tụng kinh, tọa thiền mới tu thì một ngày chỉ được chừng ba bốn tiếng đồng hồ thôi. Còn lại những giờ kia bị câu móc của ma dẫn. Do đó khi tu chúng ta phải làm sao biết được căn cội của sự tu mới mong giải thoát được.

Các ví dụ trong kinh A Hàm thuộc hệ Nguyên thủy và kinh Lăng Nghiêm thuộc hệ Đại thừa đều nói rõ ràng về yếu chỉ tu hành. Bây giờ tôi dẫn qua kinh Kim Cang liên quan đến chỗ ngộ đạo của Lục tổ Huệ Năng. Chủ đích toàn bộ bài kinh nằm gọn trong câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề. Muốn đạt được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, làm sao hàng phục được tâm, làm sao an trụ được tâm? Đức Phật dạy: "Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

Khi Ngũ tổ Hoằng Nhẫn giảng tới chỗ này, Lục Tổ liền ngộ đạo. Ngài thấy rõ khi sáu căn không dính sáu trần, còn cái thanh tịnh trùm khắp chứ không phải hết hẳn. Như vậy trọng tâm kinh Kim Cang Phật dạy an trụ tâm để đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khác với kinh A Hàm.

Đối với sắc trần, nhãn căn không trụ tức là không dính mắc. Căn trần không dính nhau là phát tâm Bồ-đề cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thành thử Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nằm sẵn ngay đó, khỏi cần tìm kiếm đâu xa. Sáu căn đừng dính mắc với sáu trần là thể Bồ-đề rồi. Từ thủy chí chung, giáo lý Phật dạy không khác. Trước kinh A Hàm, sau kinh Kim Cang vẫn một mực không thay đổi.

Chúng ta tu phải thấy được cái gốc đó. Nhiều người không hiểu dẫn đến tình trạng tu mà mong cái này ước cái kia. Nghe ai nói ngồi thấy hào quang hoặc bay lên hư không thì mừng rỡ và mơ ước cũng được như thế. Những chuyện kỳ đặc đó chưa phải trọng tâm giải thoát. Giải thoát là không bị dẫn trong sanh tử luân hồi. Sanh tử là vô thường, giải thoát là không bị vô thường, sống trong vĩnh cửu thường hằng. Nơi mỗi con người chúng ta sẵn có cái vĩnh cửu thường hằng. Chỉ vì mình quên, chạy theo cái vô thường để nó quay cuồng trong sanh tử muôn đời muôn kiếp không ra khỏi.

Như thế, ý chỉ Phật dạy giữa các kinh điển và dòng thiền Tào Khê một mạch thủy chung không khác. Chúng ta tu phải nắm vững được chỗ này. Tới đây tôi dẫn thêm một vị thiền sư nữa, đó là thiền sư Huệ Hải.

Có người hỏi: Làm sao để giải thoát? Ngài đáp: Căn trần không dính nhau là giải thoát. Căn trần vốn không dính nhau, chỉ vì tham sân si cột trói khiến căn trần không được tự do, thành thử không giải thoát. Cũng như hai con trâu trắng đen không bị ách cột vào cổ thì tự do tự tại. Thật hết sức đơn giản và chí lý.

Cho nên không cần tìm về Tây phương mới giải thoát. Ngay đây chúng ta có thể giải quyết được

liền, bằng cách đừng để căn trần dính nhau là giải thoát. Từ giáo lý Nguyên thủy đến kinh điển Đại thừa tới các thiền sư, yếu chỉ Phật pháp không khác. Rõ ràng như vậy. Nắm ngay gốc đó mà tu, đừng bày biện thêm cách này cách kia rối rắm. Đó là người trung thành với lời Phật dạy.

Bây giờ trở lại pháp tu của chúng ta. Chỗ này nhiều người hay hỏi về đường lối tu do tôi hướng dẫn hoặc đường lối tu của thiền viện Chơn Không hay thiền viện Thường Chiếu như thế nào? Nếu quý vị không nắm vững, e rằng khi được hỏi sẽ ngỡ ngàng, kẻ trả lời bên đông người trả lời bên tây, không thống nhất nhau. Hôm nay tôi nhắc lại thật rõ cho tất cả cùng nghe và nhớ kỹ để mai kia lỡ ai hỏi, chúng ta cũng có một lập trường và hướng đi chung. Đừng nói xiên quàng để thiên hạ cười hoặc đâm ra nghi hoặc.

Đường lối tu thiền tôi đã nói rõ trong cuốn Yếu Chỉ Thiền Tông, ở đây tôi chỉ nhắc lại trọng tâm. Lâu nay tôi từng nói tôi trung thành với hướng đi của Lục Tổ. Hướng đi đó có hai điểm tôi hết sức tâm đắc. Thứ nhất, ngài ngộ thiền khi nghe kinh Kim Cang, thấy được tự tánh mình vốn tự thanh tịnh. Như vậy kinh và thiền không hai, Tổ và Phật không khác. Bởi vì con đường Tổ đi theo đúng hướng Phật đã dạy.

Chúng ta tu theo đạo Phật, là đệ tử của Phật thì phải hiểu và ứng dụng đúng lời Ngài dạy mới xứng đáng. Đi theo hướng Phật dạy từ đó nhận ra được đạo lý thâm sâu. Điều này Lục Tổ đã thực hiện được. Ngài ngộ từ kinh Phật chứ không phải nghe đánh hét mà ngộ. Cho nên chúng ta có thể dễ dàng học theo cách tu của ngài.

Trong các kinh Nguyên thủy như A Hàm đến các kinh Đại thừa như Kim Cang, Lăng Nghiêm... Phật đều chỉ rõ sáu căn đừng dính mắc sáu trần là gốc của sự tu. Lục Tổ ngộ và thấy như vậy cho nên ngài cũng dạy chúng ta tu đừng để sáu căn dính mắc sáu trần. Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói, đi cũng thiền ngồi cũng thiền, nói nín động tịnh gì cũng thiền. Khi đi đứng nằm ngồi là cơ hội để sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Chúng ta phải có trí tuệ đừng để chúng dính mắc với nhau, đó là tu. Tu tức là thiền. Không phải đợi ngồi mới thiền, chính trong mọi hành động đều là thiền.

Khi đi không cho năm căn dính năm trần. Khi ngồi không cho pháp trần và ý thức dính nhau. Bởi lúc đi khó thấy pháp trần, chỉ thấy và dễ va chạm với sắc thanh hương vị xúc. Còn lúc ngồi pháp trần dấy lên, ý thức duyên theo nó dính mắc. Thành thử ngồi đó để dẹp pháp trần, không cho pháp trần và ý thức dính nhau. Pháp trần không tướng, ý thức

duyên pháp trần cũng không tướng. Muốn phá pháp trần, vừa dấy niệm nghĩ liền biết hư dối không theo thì nó chìm mất.

Lâu nay chúng ta thường cho cái suy nghĩ là tâm mình thật. Vừa nghĩ nhớ chuyện gì liền nuôi dưỡng rồi chạy theo nó. Bây giờ biết ý nghĩ không thật, pháp trần không thật, vừa dấy lên biết không thật, không theo là gỡ được cái ách của con trâu rồi.

Nói một cách giản đơn hơn, khi ngồi thiền hoặc khi đi chúng ta đều có trí thấy biết. Lúc đó sáu căn chưa bị cột bởi sáu trần, tức là chưa có dục tham khởi lên. Khi căn và trần tiếp xúc nhau, vừa dấy niệm liền biết không chạy theo thì không bị dục tham cột. Trường hợp ngồi thiền căn trần không tiếp xúc, chỉ có ý thức và pháp trần chúng ta cũng buông hết luôn. Nhưng khi ra ngoài, năm căn tiếp xúc năm trần, muốn không cho chúng dính nhau thì lúc mắt vừa thấy sắc, tai vừa nghe tiếng, mũi vừa ngửi mùi... dấy niệm thích quá hay ghét quá liền bỏ, đừng chạy theo. Như vậy là gỡ cột trói của năm căn và năm trần rồi.

Đi đứng nằm ngồi đều chăn giữ được như thế là tu thiền. Đây là chỗ chư Phật chư Tổ thường sống. Tóm lại gốc của sự tu là khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, phát khởi vọng niệm phân biệt đừng theo. Do

vọng niệm dấy khởi mới có phân biệt. Do phân biệt mới sanh ra tham dục hoặc sân nhuế. Vọng vừa dấy không theo, tự nó tan thì không còn gì để cột, tự nhiên được giải thoát.

Ý nghĩa chăn trâu trong nhà thiền có giá trị hết sức đặc biệt. Chăn trâu dụ cho chăn cái niệm chạy theo trần phân biệt rồi dính mắc. Nếu chăn kỹ, con trâu vừa quay đầu mình liền giựt lại bắt đi đường ngay lối thẳng. Gốc của sự tu đúng như lời Phật dạy trong kinh. Cái ách cột hai con trâu là tham dục, sân nhuế. Tham dục, sân nhuế do dấy niệm phân biệt. Nếu không theo dấy niệm phân biệt thì không bị cột trói.

Lúc ngồi thiền gỡ, trong mọi hành động sinh hoạt hàng ngày cũng gỡ. Hằng gỡ như vậy là chăn, nói cách khác là tu thiền. Tu thiền là hành theo lời Phật dạy, trụ trong chánh pháp. Không cần đợi chứng Sơ thiền hay Nhị thiền mới giải thoát. Hằng trụ trong chánh pháp là giải thoát rồi. Đây là ý nghĩa thâm sâu trong nhà đạo.

Tóm lại, trọng tâm đường lối tu của chúng ta đừng để sáu căn chạy theo sáu trần khởi phân biệt. Vừa dấy niệm phân biệt liền thắng lại không theo. Được như vậy là chúng ta hằng tu, nắm dây dàm, cầm dây cương tự tại điều khiển con ngựa ngông và

con trâu hoang. Đó là chủ trương lâu nay tôi hướng dẫn quý vị tu. Kinh điển Phật dạy và những lời chư Tổ chỉ dạy, gần nhất là Lục tổ Huệ Năng, không có gì sai biệt.

Khi tu có người đặt câu hỏi, chăn giữ tâm mệt quá, nhiều lúc đau đầu hoặc tâm lăng lăng liên tục chăn không nổi phải làm sao? Đâu có gì lạ, chỉ cần ứng dụng lời Phật dạy trong kinh thôi. Kinh Bát Nhã nói: "Chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách". Thân này do năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức kết hợp tạo thành. Năm uẩn gồm thể xác và tinh thần tức là thân và tâm. Phật nói năm uẩn không thật, không tự tánh, không chủ thể, danh từ chuyên môn gọi là vô ngã. Thân duyên hợp, không có chủ thể nên không thật. Sáu trần bên ngoài cũng duyên hợp không thật. Thân không thật, trần không thật nên không có gì đáng để chúng ta chạy theo.

Vì không chịu ứng dụng lời Phật dạy vào cuộc sống hằng ngày, cho nên chúng ta mới thấy thân thật và trần cảnh thật. Giả sử buổi chiều nghe ai nói một câu tức quá, nghĩ bụng mình tu rồi thôi ráng nhịn. Tuy ráng nhịn nhưng nó óc ách trong bụng. Đến tối xách bồ đoàn tọa cụ lên ngồi thiền, ngồi đó chứ đâu có thiền gì. Người ta nói nặng, mình phải nói lại câu nặng hơn. Đem câu này câu

kia ra so sánh, một hồi nghĩ ra quá nhiều câu nặng hơn câu của người ta. Rốt cuộc ngồi cãi nhau chứ đâu có ngồi thiền.

Bởi thấy thanh trần thật nên đánh giá câu nói đó nặng làm nhục mình, chịu không nổi. Nếu nhớ thanh trần là một trong sáu trần duyên hợp không thật thì thôi. Để nó qua như gió thổi, tội gì chứa trong bụng cho khổ. Được vậy thì con trâu của mình dễ dạy biết mấy, ngoan ngoãn nằm đó không chạy đi đâu. Tu không được là do thấy căn trần thật nên tâm không yên. Vì vậy, muốn ý thức không xao xuyến và trói buộc nhiều, bước đầu tiên phải thấy căn trần hư dối.

Cửa thiền gọi là cửa Không tức là Không môn. Muốn bước vào cửa này phải có cái nhìn thấu triệt. Trong kinh A Hàm dạy quán pháp vô ngã. Ngã là chủ thể, các pháp duyên hợp nên không có gì là chủ thể. Con người duyên hợp không chủ thể, sự vật cũng duyên hợp không chủ thể. Người và vật đều vô ngã nên không thật có. Không chủ thể tức là hư dối. Vậy có gì đâu để bám giữ? Muốn tâm yên phải có trí tuệ Bát-nhã hằng thấy thân cảnh này không thật, tức là thắng được con trâu hoang của mình. Ngược lại, nếu chăn giữ tâm mà thấy cái nào cũng thật thì không tài nào chăn nổi.

Nếu ai đó có khả năng như Lục Tổ, nghe một câu kinh biết mình có tự tánh thanh tịnh trùm khắp. Nói cách khác là thấy ông chủ hay ngộ pháp thân. Thấy được, ngộ được là nhận ra cái vĩnh cửu thường hằng bất sanh bất diệt. Nhận và sống được với cái bất sanh bất diệt rồi, mọi thứ sanh diệt chỉ là trò chơi giả dối, không có gì quan trọng. Cho nên Lục Tổ tu rất khỏe, một lần thấy tột chỗ chân thật, dù ở với phường thợ săn vẫn tu được như thường. Trường hợp này chỉ có những người nghiệp chướng nhẹ, nghe một câu kinh hoặc lời Tổ dạy liền nhận ra tâm thể chân thật, không chút ngờ vực. Còn chúng ta bây giờ sống trong già-lam thanh tịnh, trường chay khổ hạnh, canh giữ khổ sở vì chưa sống được với tâm thật của mình.

Đường lối tu của thiền viện Chơn Không, Thường Chiếu hay tất cả các thiền viện theo sự hướng dẫn của tôi, đều lấy trọng tâm chăn giữ tâm của mình, không cho vọng niệm chạy theo trần cảnh. Nói cách khác là gỡ cái ách của hai con trâu, không cho dính nhau. Đó là gốc của sự tu. Ban ngày sinh hoạt trong mọi tư thế, ban đêm ngồi thiền đều lo gỡ sáu căn không cho dính với sáu trần.

Muốn thành công được chỗ này, chúng ta phải thấy rõ bằng con mắt trí tuệ. Thân này cảnh này là tướng duyên hợp không thật, các pháp đều như

huyễn. Trọng tâm trong các kinh điển Tiểu thừa cho tới Đại thừa đều không hai. Thấy rõ căn bản gốc tu rồi từ đó mới không làm trái với lời chư Phật chư Tổ dạy.

Trên đây là những phần tôi hướng dẫn tất cả quý vị về đường lối tu. Qua đó chúng ta thấy học kinh không trở ngại, bởi vì kinh nào Phật cũng dạy cốt yếu của sự tu. Giáo lý căn bản trong kinh A Hàm gọi là Tứ pháp ấn hay Tam pháp ấn. Tứ pháp ấn là vô thường, khổ, không, vô ngã. Tam pháp ấn là chư hạnh vô thường, chư pháp vô ngã và Niết-bàn tịch tịnh. Trọng tâm trong Tứ pháp ấn hay Tam pháp ấn đều chỉ cho chúng ta thấy thân cảnh này vô thường, không chủ thể. Thấy được như vậy thì tâm mình nhẹ nhàng, bớt rong ruổi và dễ dàng gỡ được dính mắc. Nếu không thấy đúng như thật, sự tu rất cay đắng. Bởi vì luôn thấy thân thật cảnh thật nên không thắng nổi nó.

Hôm nay nhân ngày tết Trung thu của nhi đồng, chúng ta tùy tục thưởng thức chút ít hương vị bánh Trung thu mà quý Phật tử đã thương gởi tặng. Đồng thời nhân cơ hội này tôi đem lời Phật tổ dạy nhắc cho tất cả Tăng Ni và Phật tử hiểu rõ đường lối tu tôi đang hướng dẫn. Mong rằng quý vị ghi nhớ để ứng dụng, đồng thời chỉ dạy lại cho những người sau biết đi cho đúng.

Buổi nói chuyện đêm Trung thu tới đây là mãn. Tôi mong tất cả quý vị nghe hiểu rồi ứng dụng. Làm sao trên đường tu ý chí của mình quật cường trước sau như một. Đừng có nay thế này mai thế kia, nghe khen vui nghe chê thối chí. Như vậy là tự làm bại hoại con đường tu của mình và đi sai đường tôi đã vạch sẵn. Chúc tất cả cùng cố gắng để đạt được kết quả tốt đẹp.

CỘI GỐC CỦA LUÂN HỒI SANH TỬ

Trong pháp Mười hai nhân duyên: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ não. Vô minh là đầu mối của luân hồi sanh tử.

Vô minh tức là mờ mịt không sáng, động cơ thúc đẩy tâm sanh diệt tạo nghiệp gọi là hành. Hành duyên thức, nghĩa là nghiệp lôi cuốn thức vào bào thai. Thần thức gá bào thai trở thành thai nhi, gồm hai phần: tinh thần gọi là danh và vật chất gọi là sắc. Tóm lại vô minh là mấu chốt của luân hồi.

Theo kinh A Hàm, vô minh là không biết đúng như thật, hoặc không biết rõ pháp Tứ đế. Phật dạy thân này bất tịnh không thường còn mà kẻ phàm phu chấp nó thường, tức là biết không đúng lẽ thật. Ngược lại, hàng Nhị thừa do thấy đúng như thật về các pháp nên biết thân này vốn vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Kẻ phàm phu chấp thân này thường còn, sống dai, lâu bền nên ngày xưa người ta đua nhau tìm thuốc trường sanh bất tử của mấy ông tiên. Nhưng rốt cuộc ngày nay tìm một ông tiên

trên đời không có. Bởi ham sống lâu, chưa bao giờ nghĩ nay mai mình sẽ chết, nên khi vô thường đến thì sợ hãi vô cùng.

Hàng A-la-hán thấy thân này vô thường, chợt còn chợt mất không có gì cố định, cũng không hề bảo đảm. Ngày nay sống khỏe mạnh, chưa chắc ngày mai còn thức dậy, bởi vì vô thường là điều không thể lường trước được. Cho nên thấy thân vô thường là thấy đúng lẽ thật, tưởng thân thường còn dài lâu là mê muội không sáng suốt. Đó là điều vô minh thứ nhất.

Thứ hai, ai cũng nghĩ có thân này để hưởng hạnh phúc và luôn luôn mơ ước, trông đợi tương lai sẽ tươi sáng hơn ngày nay. Đó là mơ tưởng hão huyền, bởi vì cuộc đời vốn vô thường, đôi khi nó còn tối tăm, bất hạnh hơn hiện tại nữa. Người ta trông đợi hạnh phúc vì lầm tưởng cuộc đời là vui, gọi là chấp lạc. Trong giáo lý nhà Phật chia ra khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Dù cho có lạc thọ vẫn là khổ, vì nó bị vô thường chi phối, vui rồi mất, không bền lâu.

Phật nói cuộc đời là đau khổ. Thân này từ khi sanh ra tới lúc nhắm mắt, dù trăm tuổi hay bảy tám mươi tuổi không bao giờ được hạnh phúc trọn vẹn. Giả sử đủ cơm ăn áo mặc thì than vãn chuyện

con cháu khó dạy. Hoặc con cháu ngoan ngoãn thì than vãn chuyện bệnh hoạn ốm đau v.v... Đủ thứ làm người ta khổ, thành thử trong cuộc sống không bao giờ được hài lòng trọn vẹn.

Đối với cái khổ chia ly, vô thường có thể chụp bắt bất cứ lúc nào, không kể năm tháng cố định. Kẻ thì vĩnh biệt mãi mãi, người tạm xa rời vì khoảng cách địa lý. Cảnh sanh ly tử biệt xảy ra liên tục trước mắt chúng ta, lo lắng, buồn khổ luôn tồn tại song hành trong cuộc sống này. Cho nên người trí thấy cuộc đời đau khổ, đó là cái thấy của bậc giác ngộ. Người thế gian vô minh nên thấy cuộc đời là vui và thường còn. Đây là điều vô minh thứ hai.

Đức Phật thường dạy thân này vô ngã, thế nhưng chúng ta trăm người như một thường chấp nó là "ta", tức có ngã, có chủ tể. Chữ ngã đây nghĩa là thấy mình là chủ tể trọn vẹn, bền bỉ, lâu dài, cố định. Nhưng xét kỹ lại chúng ta có làm chủ hoàn toàn được thân này không, cái gì là chủ của thân? Tìm cho đáo để, không có cái gì là chủ hết. Nếu nói thể xác là chủ, người ta sẽ cho rằng cái đầu chỉ huy. Thật ra, cái đầu có bao nhiêu thứ lộn xộn ở trong, nào là tế bào, dây thần kinh... đủ thứ thì cái nào là chủ. Chỉ cần thiếu hoặc hư hại một sợi dây thần kinh thôi, cái đầu cũng bất ổn liền.

Tóm lại, tìm cái chủ trong thân này không có. Như chúng ta bị vi trùng xâm nhập mà không hề hay biết. Các cơ quan ở trong tự nó cử quân đánh nhau, mình cũng chẳng hay. Chừng nào nó thua, mình ngã bệnh, chừng đó mới biết. Nếu mình là chủ, cái gì xâm nhập phải biết và ra lệnh cho đứa này đứa kia đánh chặn. Đơn giản như việc ăn uống, mình cứ ăn nuốt vô cho đầy bao tử, rồi tự nó tiêu hóa cách nào tùy ý. Lựa cái gì để lại, thải bỏ cái gì ra cũng tự nó, mình đâu có quyền.

Đối với thân, mình không phải là chủ chỉ huy toàn bộ cấu trúc hoạt động bên trong. Nếu làm chủ, mình phải có quyền với nó, biểu không được bệnh thì không bệnh. Vậy mới đúng nghĩa người chủ. Nên nói mình làm chủ thân này là chuyện vô lý. Cái ngã, cái ta không thiệt mà chúng ta tưởng thiệt, cho nó là chủ nên chấp trước, ai động tới liền nổi giận la lối om sòm. Vô minh là lầm tưởng thân này có chủ thể cố định. Đức Phật thấy rõ bệnh của chúng sanh nên mới dạy, thân này không có chủ thể, chỉ là một mớ duyên hợp tạm bợ, không thật, vô ngã. Đây là điều vô minh thứ ba.

Thứ tư, thân này vốn không thanh tịnh trong sạch chút nào, nhưng mình luôn tưởng nó sạch. Vì vậy, vừa có người chê mình dơ là phiền não ngay. Với con mắt giác ngộ của đức Phật và các vị A-la-hán,

quý ngài thấy thân này nhơ nhớp bất tịnh. Trong kinh Phật nói nó là đãy da hôi thối, nhưng mình thích người khác khen đẹp và dễ coi. Thân không thanh tịnh mà tưởng tịnh. Đây là điều vô minh thứ tư.

Tóm lại, qua những phân tích kể trên thì nghĩa vô minh trong các bộ kinh A Hàm đã quá rõ ràng. Bởi chúng ta luôn nhận và sống với vô minh nên dòng sanh tử mãi tiếp nối không dừng. Do vô minh nên mới theo nghiệp đi thọ sanh nơi này nơi kia. Chỉ có minh như các vị A-la-hán thì ngang đó hết lầm chấp, tức là hết sanh tử, nhập Niết-bàn giải thoát.

Đối với kinh điển Đại thừa như kinh Viên Giác chẳng hạn, đức Phật dạy vô minh là chấp thân thật, chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình thật. Suy nghĩ hơn thua phải quấy chính là đầu mối của luân hồi sanh tử, không còn nghi ngờ gì hết. Thành thử cái đau khổ của kiếp người từ vô minh mà ra. Chấp thân mình là thật nên muốn hưởng thụ đầy đủ tất cả những gì nó ưa thích. Thèm ăn ngon thì lo kiếm tiền cho cái miệng. Thích mặc đẹp, vui chơi đây đó thì tìm cách thỏa mãn. Bất cứ nhu cầu nào mình cũng muốn hơn người khác, bởi vậy mới sanh ra giành giật lẫn nhau, kẻ mất người được. Từ đó đau khổ, oán hờn phát sanh. Đây là tai họa do chấp thân thật mà ra.

Thân này vốn không có gì là thật, chỉ là mớ duyên hợp chuyển biến đổi dời. Đang sống đây thì đầy đủ hơi ấm, còn thở và sinh hoạt bình thường. Tới chừng tắt thở, không còn thở, không còn cử động, coi như đồ bỏ. Vậy mà chúng ta lại dồn hết sức lo lắng và bồi đắp cho nó sung túc. Cả cuộc đời phục vụ cho cái sẽ bỏ đi, lo đáo để cuối cùng mất tất cả. Điều này không ai có thể tránh khỏi.

Vừa rồi tôi đi thăm mấy vị đang nhập thất, có một cô Ni kể rằng trong thời gian thân bệnh, cô cảm hứng làm bài thơ Tứ Xà, xin trình tôi xem:

Bốn rắn chung nhau ở một nhà,
Ông chủ lúc nào cũng điều hòa.
Thế mà nó mãi luôn cắn xé,
Làm cho tan nát để chui ra.
Ông chủ bây giờ luôn tĩnh lặng,
Mặc cho mấy đứa bây rầy rà.
Mai đây thuận gió buồm tung cánh,
Ông chủ bay xa miệng cười xòa.

Người tu Phật nên hiểu rõ như vậy. Thân này là sự kết hợp của bốn con rắn đất nước gió lửa, lúc nào chúng cũng chống cự và đối chọi nhau. Dù chúng ta cố điều hòa cách mấy, nhưng tới lúc nào đó hòa hết nổi thì chúng chui ra, mỗi đứa mỗi nơi. Bỏ thân này

mang thân khác lại cũng như vậy. Cho nên Phật nói không có cái khổ nào bằng khổ luân hồi sanh tử, triền miên từ đời này qua đời khác, chẳng biết ngày chấm dứt.

Một khi có thân khác, chưa chắc được tốt như thân này. Nhiều khi nó còn xấu xí và khổ sở hơn nữa. Vậy mà mình vẫn phải mang liên tục, muôn kiếp không ngừng. Phật nói đó là nỗi khổ lớn nhất của chúng sanh, kinh A Hàm ghi "nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước bể cả" là vậy. Từ nhỏ đến già khóc chừng bao nhiêu, cộng lại đời này đời sau cho tới muôn kiếp cũng bằng nước của sông hồ, biển cả. Phật nói chúng sanh đau khổ trong luân hồi sanh tử hơn cái khổ của đói rét. Do đó Ngài lập bày phương tiện, chỉ dạy chúng ta tu hành phá tan vô minh đen tối, chấm dứt dòng sanh tử vô cùng tận.

Tóm lại, từ chấp thân thật nên chúng ta chạy tìm kiếm mọi nhu cầu nhằm thỏa mãn sự ưa thích của nó. Thành thử cả cuộc đời chỉ loay hoay tìm cầu, rốt cuộc nó cũng tan hoại chứ không còn hoài. Thật giống như mấy đứa con nít thích ra ngoài bờ biển lấy cát xây nên lâu đài. Chỉ cần một làn sóng nhẹ ập đến là tan nát tất cả, khác nào mấy con dã tràng ưa làm hang ổ, sóng xô tiêu hết nhưng cứ làm hoài làm mãi. Người ta thường ví việc làm không đâu, chẳng có giá trị ý nghĩa gì, giống như dã tràng xe cát biển Đông.

Thường chúng ta hay chấp những suy nghĩ hơn thua, phải quấy, tốt xấu, đúng sai là tâm mình. Bởi chấp nó thật nên ai nghĩ giống mình thì vui, nghĩ khác thì nổi nóng cự lại. Trong gia đình vợ chồng cự lộn nhau cũng vì lẽ chồng nghĩ thế này đúng, vợ nghĩ thế khác đúng. Hai cái đúng đụng chạm, nhỏ là trong gia đình, lớn thì ngoài tập thể. Chiến tranh ý thức hệ cũng từ cái chấp này mà ra. Đây là nguyên nhân kết tạo biết bao khổ đau cho bản thân, gia đình và cả nhân loại.

Vọng tưởng vốn không thật, chỉ là cái bóng duyên theo trần cảnh bên ngoài. Chúng ta ngồi chơi nghĩ hết chuyện này qua chuyện khác, tới chừng kiếm lại không thấy manh mối nó ở đâu. Nhiều người chấp kinh nghiệm của mình là quý báu, từ đó tranh hơn thua, giành phải quấy. Đây là gốc của đau khổ. Tâm phân biệt sanh diệt vốn không thật, vậy mà từ sáng tới chiều nghĩ đủ thứ chuyện. Lúc thì hiền lành như Bồ-tát, lúc hung dữ như cọp sói. Thử hỏi cái nào là mình? Chỉ những ý niệm lộn xộn, tạp nhạp chứ không có cái ta thật, do tâm phan duyên với bóng dáng của ngoại trần mà phát khởi.

Con người do lầm chấp thân vô thường, tâm phân biệt làm mình nên mới sanh ra bao thứ mê lầm. Đây là nguồn gốc của vô minh, bảo đảm đi trong luân hồi sanh tử, không nghi ngờ. Dù có lạy Phật

cầu Phật cứu bao nhiêu thì sanh tử cũng không tha cho mình. Còn vô minh là còn sanh tử, lẽ thật này không ai có thể chối cãi được. Cho nên, chúng ta phát tâm tu thì phải nhổ sạch gốc vô minh, nghĩa là phải thấy thân này là tướng duyên hợp hư dối, tâm vọng tưởng vô thường cũng không thật.

Trong kinh Bát Nhã Phật dạy, soi thấy năm uẩn đều không thì qua hết thảy khổ nạn. Ngày nào chúng ta cũng tụng đọc như vậy, để huân sâu vào tàng thức và nhớ ứng dụng thực hành. Dùng trí tuệ phá vô minh, biết thân này duyên hợp hư dối không thật, không có chủ thể là bớt tạo nghiệp nhiều rồi. Hằng xét như vậy thì đi đứng nằm ngồi luôn thấy nó không thật, tức là minh.

Đối với tâm sanh diệt, ngày xưa suy nghĩ gì cũng cho đó là đúng, là hay. Bây giờ vừa khởi nghĩ liền biết nó hư dối không thật, lâu dần thuần thục không còn chạy theo nó tạo nghiệp như trước. Đó là phá vô minh lầm chấp về tâm. Phá tới chừng nào nó lặng xuống hoàn toàn thì "*mặc cho mấy đứa bây rầy rà, mai đây thuận gió buồm tung cánh, ông chủ bay xa miệng cười xòa*". Cũng vậy, khi chúng ta không còn vọng tưởng điên đảo, không lầm nhận nó làm tâm mình, tức là phá được cái chấp về tâm.

Vọng tưởng lặng rồi, lúc đó chúng ta vẫn biết, thấy biết nghe biết rõ ràng. Tu là thấy rõ vọng tưởng

không thật, tức là minh. Biết nó hư dối thì hết chấp trước, đây chính là đầu mối của giải thoát sanh tử. Phá được hai cái vô minh về thân và tâm là giác ngộ, thấy đúng như thật về con người của mình. Cốt lõi của sự tu là quán chiếu ngay nơi mình, nhận ra và hằng sống được với cái chân thật sẵn có của mình. Từ đó biết đúng như thật các pháp bên ngoài.

Nếu không hiểu được mình mà nói chuyện chân lý trên trời trên mây là nói dóc. Đường lối tu chúng ta đang thực hành là y theo lời Phật dạy, cốt dẹp trừ vô minh. Muốn trừ được cội gốc luân hồi sanh tử, chúng ta phải giác ngộ. Trong kinh Phật thí dụ, như căn nhà để tối cả ngàn năm, chỉ cần một phen thắp sáng ngọn đèn thì cái tối tan mất. Cũng vậy, chỉ có trí tuệ sáng suốt mới phá được si ám tối tăm.

Người biết tu thì không cần luyện tập thần thông, chỉ cần mở sáng con mắt trí tuệ, thấy đúng như thật về các pháp là giác ngộ. Đường lối tu của chúng ta đi thẳng tới chỗ cứu cánh là giải thoát luân hồi sanh tử. Tuy mình chưa tới được chỗ cứu cánh, nhưng biết thân không thật thì cũng tiết chế phần nào nhu cầu đòi hỏi bên ngoài. Biết tâm suy nghĩ không thật thì bớt cố chấp, tranh giành với người khác. Vừa khởi nghĩ liền dừng không theo là giảm được nhiều tác nhân gây khổ. Thành thử, muốn đến được chỗ cứu cánh phải thấu triệt thân

tâm hư ảo không thật, tức là sống với trí tuệ chân thật hiện tiền.

Bao nhiêu kinh điển Phật dạy đều đưa đến mục đích rốt ráo đó. Biết thân tâm này không thật thì không còn quan trọng nó nữa, tâm thanh tịnh tức là sống được với tánh giác. Việc làm này trong tầm tay của mỗi chúng ta, không phải việc xa vời trên trời trên mây. Ai cũng có quyền trọn vẹn, người khác không thể chen vô sai khiến mình được. Quyền dẹp vô minh và quyền được minh là của mỗi người. Những ai không chịu thực hành theo lời Phật dạy mà đòi Phật cứu là điều vô ích.

Đức Phật từng nói Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Tu là việc tất cả chúng ta đều có khả năng làm được, nhưng phải cương quyết khả dĩ kết quả mới như sở nguyện. Bấy nhiêu lời tôi nhắc nhở hôm nay cũng đủ cho quý vị thực hành đến chỗ cứu cánh rồi. Mong rằng ai nấy đều cố gắng bỏ hết vô minh, sống được với cái minh là thành công lớn trên đường tu.

PHẦN II
GIÁO HUẤN AN CƯ

PHÁP YẾU TU THIỀN

Năm Kỷ Mão - 1999

Hôm nay sắp bước vào mùa An cư năm Kỷ Mão - 1999, tất cả Tăng Ni đã câu hội về Thường Chiếu xin tôi nhắc nhở những pháp yếu để tu hành. Hôm nay tôi sẽ nói về pháp yếu tu thiền, kế đó là khuyến khích quý vị trong mùa An cư, phải cố gắng tinh tấn. Đó là hai điểm chính yếu trong buổi nói chuyện hôm nay.

Điểm thứ nhất, tôi nói rõ về pháp yếu mà hiện giờ Tăng Ni ở các thiền viện đang ứng dụng tu. Có người đặt câu hỏi, tôi dạy tu pháp "Biết vọng không theo", pháp này còn năng còn sở, nên chưa phải cứu cánh. Vọng là cái bị biết tức sở, cái hay biết vọng là năng. Hai pháp đối đãi rõ ràng, làm sao đi đến cứu cánh? Đó là nghi vấn nhiều người đặt ra.

Tất cả người tu, dù pháp môn nào bước đầu cũng có năng sở đối đãi, không bao giờ ngay bước đầu mà không có năng sở được. Chúng ta thấy vọng dấy lên biết nó là vọng hư dối, không chạy theo. Vọng này lặng thì vọng khác lại dấy lên, cứ liên miên ngày

này tháng nọ, mình biết hoài mà không hết. Như vậy sự tu có kết quả gì? Đó là nghi vấn thứ hai.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy ngài A-nan và đại chúng, nếu cho tâm suy nghĩ là mình, cứ đuổi theo nó hoài, đến khi nó lặng thì hoảng hốt tưởng như mất mình. Chấp tâm suy nghĩ loạn tưởng là mình như thế rất lầm lẫn. Phật đưa ra ví dụ, chàng Diễn-nhã-đạt-đa một buổi sáng soi gương, thấy đầu mặt rõ ràng đẹp đẽ cho là đầu mặt thật. Khi rời gương không thấy đầu mặt nữa, Diễn-nhã-đạt-đa liền ôm đầu chạy la: "Tôi mất đầu rồi! Tôi mất đầu rồi!". Nhìn vào gương thấy bóng của đầu mặt, lầm bóng cho nó là mình, đó là người điên.

Cũng vậy, nơi chúng ta, hằng ngày hằng giờ hằng phút tâm chân thật đều có mặt đầy đủ, vậy mà chúng ta cứ cho cái phân biệt, tưởng tượng là tâm mình. Khi tâm đó dừng lại thì hoảng hốt cho là mất mình rồi, có giống Diễn-nhã-đạt-đa không? Tâm suy nghĩ phân biệt là cái bóng, chợt dấy lên rồi mất chứ không thật, nhận bóng là mình thì rất mê. Khi mất cái bóng hư ảo liền hoảng hốt la lên: "Mất mình rồi!", nhưng thật tình người đang la đang chạy đó là mình, đâu phải người nào khác.

Khi chúng ta đã lầm tâm suy nghĩ phân biệt là mình thì không bao giờ biết được cái chân thật hiện hữu. Trên đường tu chúng ta phải nhận rõ cái gì là

thật mình, cái gì không thật. Muốn biết cái thật là mình thì trước tiên phải biết cái không thật. Cũng như Diễn-nhã-đạt-đa, phải biết rõ bóng trong gương không thật thì mới biết cái đầu thật. Nếu cho bóng trong gương là đầu mặt thật thì không bao giờ biết được cái đầu thật.

Chúng ta biết được vọng tưởng là cái nghĩ tưởng dối. Thiền sư Vô Nghiệp ở Trung Hoa, ai đến hỏi đạo bất cứ câu gì, ngài chỉ trả lời: "Chớ vọng tưởng!". Vọng tưởng hư dối không thật, cũng như bóng trong gương. Biết rõ nó chúng ta mới không lầm nó là mình, không cho nó lôi mình đi. Không lầm, không theo bóng thì lúc đó cái chân thật hiện tiền.

Khi biết vọng tưởng, lúc đó chúng ta đang mê hay tỉnh? Nếu mê thì lầm bóng là mình, bây giờ biết bóng là bóng thì hết mê. Diễn-nhã-đạt-đa biết cái đầu trong gương là bóng thì hết điên. Khi chúng ta biết vọng tưởng là vọng tưởng không thật thì lúc đó đang tỉnh. Tuy rằng vọng tưởng còn, cái này lặng cái khác khởi liên miên, nhưng biết nó là vọng tưởng thì chúng ta hết mê. Vọng tưởng có trăm ngàn thứ. Biết vọng tưởng là giác là tuệ, vọng tưởng lặng xuống là định, định tuệ đồng thời.

Tuy sức định này không dài lâu nhưng đó là công phu vừa định vừa tuệ. Định là chỉ, tuệ là quán, định tuệ đồng thời là đường lối tu của Lục

Tổ. Dấy niệm khởi lên biết là vọng tưởng, đó là tuệ quán, vọng tưởng dừng là định, hai cái đồng thời không cách ly. Pháp tu này thật sự là còn đối đãi, vì có vọng để quán sát, có năng có sở. Nhưng giai đoạn đầu, pháp tu nào cũng còn năng sở. Như niệm Phật, niệm Nam Mô A Di Đà Phật, niệm là sở, khởi niệm là năng. Lâu dần đi tới nhất niệm, rồi nhất tâm, niệm tới vô niệm mới hết năng sở.

Người tu thoại đầu cũng vậy. Đặt câu thoại đầu rồi theo dõi câu thoại đầu. Câu thoại đầu là sở, theo dõi câu thoại đầu là năng. Khi câu thoại đầu thành khối, khối nghi tan vỡ, lúc đó mới hết năng sở. Không phải người tu ngẫu nhiên hết năng hết sở.

Khi tổ Huệ Khả thưa tổ Bồ-đề-đạt-ma: "Tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm". Ngài bảo: "Đem tâm ra ta an cho". Tổ Huệ Khả tìm lại coi tâm đó ở đâu. Tâm không an là sở, tìm tâm là năng. Ngài tìm không được nên nói: "Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được". Tổ bảo: "Ta đã an tâm cho ngươi rồi". Khi nào sở mất, năng không còn thì đó là an tâm.

Chúng ta bước qua lĩnh vực của người tu theo mười mục chăn trâu. Giai đoạn đầu người chăn là năng, trâu là sở. Giai đoạn tìm trâu bắt trâu ở bốn mục ban đầu thì năng sở giằng co nhau, không dễ

dàng thấy trâu rồi leo lên cỡi. Cũng vậy, người tu ban đầu biết vọng tưởng là sở, tâm biết vọng tưởng là năng, nhưng phải giằng co. Biết nó là vọng tưởng nhưng nó không dừng. Như chú mục đồng nắm bắt được trâu nhưng nó lung lăng chạy tứ tung, phải nhọc nhằn mệt mỏi, dày công chăn dắt mới trị được. Muốn trị được con trâu phải có dây mũi, có roi. Xỏ được mũi nó rồi phải có roi đánh, ngừa không cho nó chạy nữa, lôi đầu nó trở lại. Con trâu hoang với thằng chăn, ai mạnh hơn? Người chăn yếu sẽ bị con trâu lôi chạy theo. Có nhiều người tu biết vọng tưởng nhưng vẫn phải chạy theo nó một chút rồi mới dừng được. Cái biết vọng tưởng còn yếu, thói quen của vọng tưởng thì mạnh, nó lôi dẫn một lúc mới dừng.

Từ thằng chăn yếu đó khôn ngoan một chút xỏ mũi được con trâu. Cột được dây dàm vô lỗ mũi nó, tuy nó mạnh mình yếu nhưng mình đã có thế, nhắm mũi kéo, bị kéo mũi đau nên nó không giật chạy, thì đó là thế mạnh của mình. Có cái roi sẵn, khi nào nó lung lăng thì đánh nó. Chúng ta có thế mạnh ở chỗ, vọng tưởng là giả là hư dối, chúng ta là người chăn, đang ở gần với chỗ chân thật. Biết nó là giả, là cuồng loạn hư dối nên chúng ta quở rầy, dần dần nó giảm. Giảm vọng tưởng, giảm cường độ lôi kéo thì từ từ mình làm chủ được.

Như vậy, tu phải năm năm, mười năm, hai ba mươi năm mới làm chủ được, không phải mới một hai năm mà làm chủ được liền. Như thằng chăn, đâu phải chỉ gặp trâu là làm chủ được nó, phải qua một thời gian mới leo được lên lưng, sau đó thảnh thơi thổi sáo. Chúng ta cứ bền chí, biết vọng tưởng đều không theo. Nếu nó mạnh phải quở trách, dùng phương tiện giới luật để kềm chế.

Thí dụ như thấy cái gì đẹp bị nó lôi, thì chúng ta dùng giới luật nhắc nhở: "Người tu không được nhiễm sắc trần"; "Muốn xuống địa ngục hay sao mà còn chạy theo những cái tệ xấu đó?". Vừa nhắc như vậy thì nó dừng. Nhắc đi nhắc lại, dần dần nó hoảng sợ. Đó là sợi dây mũi. Như vậy, khéo điều phục nội tâm mình, từ từ sẽ được an ổn.

Giai đoạn đầu thật là công phu khổ nhọc, tới giai đoạn thứ tư thứ năm, tuy còn trâu còn chăn nhưng mục đồng bắt đầu lên lưng thổi sáo. Có khi thả nó ăn cỏ, thằng chăn ngồi chơi hoặc ngủ dưới cội cây. Tuy còn năng sở nhưng vẫn được thảnh thơi. Không phải khi làm chủ thì năng sở hết liền, tới khi không còn trâu không còn chăn, năng sở mới dứt bặt.

Luận Thiền Đốn Ngộ, ngài Huyền Giác có nói, nếu người nào vọng hết rồi mà cứ chăm chăm nhìn vào chỗ vọng tưởng lặng thì cũng còn năng còn sở.

Ngài thí dụ như cái tay cầm cây như ý hoặc cây viết, tay còn cầm cây viết thì tay là năng, cây viết là sở. Nhìn chỗ vọng tưởng lặng, thì chỗ lặng là sở, nhìn là năng. Tuy không còn tướng mạo nhưng vẫn còn bóng dáng của năng sở trong đó. Cho nên, tiến lên một bước nữa thì không còn nhìn chỗ lặng của vọng tưởng, nhưng còn nhớ giữ cái biết của mình.

Có nhiều người không thấy vọng tưởng, ngồi một hồi sợ rơi vào vô ký. Nhớ cái biết, giữ cái biết thì chưa tự tại. Ngài ví dụ, tay không còn cầm cây viết nhưng nắm tay lại thì cái tay có tự tại chưa? Chưa. Vì tay còn nắm. Khi còn giữ cái biết nghĩa là còn nắm tay lại. Bây giờ buông cả giữ cái biết. Khi không nhìn chỗ vọng tưởng lặng, không giữ cái biết thì sao? Không còn cầm viết, không còn nắm tay lại thì lúc đó cái tay tự do, chứ không phải không có tay. Chỗ này hết sức thâm thúy. Người tu đến chỗ này mà không hiểu không nắm vững thì dễ lầm.

Chúng ta tu có những phút giây ngồi thiền vọng tưởng lặng, tâm an nhiên. An nhiên thì được rồi, nhưng sợ mất cái biết. Nhớ mình còn cái biết, nhớ mình đang biết là nắm tay lại. Lúc đó phải buông luôn cái nhớ, thản nhiên tự tại, mắt thấy tai nghe, tất cả đều biết, không cần giữ cái biết chỗ này. Như vậy mới là thảnh thơi tự tại. Cái biết đó mới là cái biết hợp với thể tánh chân thật của chính mình.

Niết-bàn có ba đức: Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát. Tịch diệt là Pháp thân. Lặng lẽ hết vọng tưởng là sống với Pháp thân. Nếu sống với Pháp thân lặng lẽ mà thiếu hằng tri hằng giác thì không được. Bát-nhã là lặng lẽ mà hằng tri hằng giác, đó là Pháp thân và Bát-nhã đầy đủ. Có hằng tri hằng giác nhưng cái gì đến lại dính, lại nhiễm thì không được, cho nên phải có giải thoát. Giải thoát là không dính không nhiễm.

Như vậy, Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát là một thể, nhưng công dụng có khác. Như vậy, mới gọi là chỗ chân thật tịch diệt, tri giác, không dính không nhiễm. Chúng ta tu cầu giải thoát là sáu căn đối sáu trần không dính không nhiễm. Không dính không nhiễm mà tâm vẫn lặng lẽ là Pháp thân và Giải thoát. Lặng lẽ không dính không nhiễm mà hằng giác hằng tri là đủ Bát-nhã.

Nơi chúng ta có đủ ba nhân: Pháp thân, Bát-nhã và Giải thoát. Đó là chỗ chân thật khi tu có được. Có đủ ba nhân này rồi sẽ được ba quả là: Đoạn đức, Trí đức và Ân đức. Đến được chỗ này là thành Phật.

Toàn chúng ở đây, mười mục chăn trâu, quý vị được mục thứ mấy rồi? Chắc lật bật mấy năm nay cũng còn thứ một thứ hai gì đó. Như vậy, con đường

của mình gần hay xa? Nói thẳng ra là còn xa lơ xa lắc. Mười mục mà chúng ta chỉ giỏi tới mục hai mục ba, còn giằng co nắm mũi, còn dùng roi chưa buông được. Chúng ta biết mình đến đâu để đừng lầm nhận, được ít mà tưởng nhiều. Mình tới đó thì biết là tới đó, phải nỗ lực cố gắng thì sự tu hành mới tới chỗ cứu cánh được. Mình chưa tới đâu mà hài lòng tự mãn thì không bao giờ tới cứu cánh.

Tôi nhắc cho quý vị thấy. Chúng ta tu là đi trên đường giải thoát, là con đường diệu vợi. Đi một ngày mệt thì ghé trạm nghỉ, ngày thứ hai đi tiếp. Một ngày đó tôi ví dụ là một đời. Có đi là có tiến, đi chậm thì tiến chậm, đi mau tiến mau. Đi mãi cho tới cứu cánh mới thôi, đừng tính ngày tháng, đừng tính năm này năm nọ, cứ một đường đó mà chăm bẵm đi mãi thì có ngày sẽ đến. Đức Phật đâu không bảo chúng ta rằng, Ta tu đã vô số kiếp. Nếu nói đơn giản là vô số kiếp, nói đủ là ba a-tăng-kỳ, tức số kiếp không thể tính hết. Chúng ta có hơn Phật không?

Khi nói đốn ngộ chỉ là ngộ được lý đạo. Biết mình có Pháp thân, biết mình có Bát-nhã, biết mình có Giải thoát, nhưng gỡ bỏ những trần tục đang dính nhiễm này phải rất lâu. Đời của mình loanh quanh là qua một ngày, nhớ đi nhớ lại một ngày ngồi chỉ có mấy tiếng đồng hồ, mà mấy tiếng

đó cũng không xong, ngồi đó mà dằn vặt với nó, cũng chưa được thảnh thơi. Dù chưa tới đâu nhưng luôn luôn cố gắng nỗ lực, chưa đến đích cũng vẫn cứ đi, đi mãi rồi có ngày sẽ đến. Chỉ sợ lười không chịu đi thì không đến thôi.

Ba tháng an cư của Tăng Ni là ba tháng tu hành miên mật, chín chắn. Thời gian này, Phật tử đem hết tâm hướng về Tăng Ni. Trách nhiệm của chúng ta là phải nỗ lực, không tiến nhiều cũng tiến ít, không thể lơ là được. Tu chẳng những lợi ích cho mình mà còn gầy dựng niềm tin cho Phật tử. Nếu nói an cư mà cũng như những ngày bình thường, tu hành lơ là cho qua ngày đoạn tháng, nhận đồ cúng dường của Phật tử, đó là việc xấu hổ đáng buồn.

Tất cả Tăng Ni ở thiền viện hay các am thất xung quanh phải nhớ, chúng ta không tu thì thôi, tu thì phải thực hành cho đúng, Nói cái gì phải làm cho được cái đó. Nói ba tháng an cư thanh tịnh tu hành, thì chúng ta phải cố gắng thanh tịnh cố gắng tu hành. Đừng vì lấy lệ an cư nhận Phật tử cúng dường mà không chịu nỗ lực tu hành thì đó là điều không tốt, không xứng đáng.

Tôi nghĩ rằng quý vị đã từng an cư, thì từ đây về sau nên cố gắng miên mật hơn. Làm sao qua một mùa an cư chúng ta có những bước tiến rõ

ràng, khác với khi chưa vào an cư. Được như vậy mới xứng đáng với lòng trông đợi của Phật tử, cũng xứng đáng tăng thêm một tuổi đạo, là một tuổi công đức. Mong tất cả Tăng Ni có mặt hôm nay đều phải nỗ lực tinh tấn, tiến được những bước đáng mừng, xứng đáng là người tu hạnh giải thoát, tự giác cho mình, giác tha cho người.

Đây là lời tôi nhắc nhở toàn thể Tăng Ni.

SÁCH TẤN MÙA AN CƯ

Vâng lời Phật dạy, mỗi năm vào ba tháng mùa hạ, tất cả chư Tăng Ni đều cấm túc an cư. Thời gian đó, chúng ta tụ hội lại một chỗ để học hỏi giáo lý và sách tấn nhau tu hành ngày càng tinh tấn. Đây là điều rất đáng quý. Trong suốt những năm tháng còn ở chùa, Phật học viện và thiền viện, tôi thường xuyên làm công tác giảng dạy. Ngày nay gặp gỡ quý vị, tôi cũng sẵn sàng nhắc lại những điểm cần yếu trên đường tu. Mong tất cả lãnh hội và ứng dụng tốt trong mùa an cư này và mãi về sau.

Người xuất gia tu để cầu giải thoát sanh tử. Nghiệp là đầu mối then chốt lôi dẫn chúng sanh lưu chuyển trong lục đạo luân hồi. Nghiệp phát xuất từ thân, miệng và ý. Đây là điều căn bản tối quan trọng, khi tu chúng ta phải chuyển nghiệp hoặc dứt nghiệp mới có thể giải thoát. Người tu nếu chưa thật sự giải thoát, ít nhất cũng chuyển được nghiệp. Từ nghiệp ác dẫn đọa vào ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chuyển thành nghiệp thiện sanh trong ba cõi lành: người, a-tu-la và cõi trời. Tóm lại, muốn giải thoát sanh tử phải dứt nghiệp. Đó là những vấn đề cần yếu người tu Phật phải thực hành.

Trong ba nghiệp thân khẩu ý, trọng tâm là nằm ở ý. Ý nghĩ lành, miệng nói lành thân làm lành. Ý nghĩ dữ, miệng nói dữ thân làm dữ. Ý nghiệp là gốc căn bản làm nhân cho hai nghiệp kia tạo tác tốt hoặc xấu. Vì vậy muốn dứt sanh tử phải dừng ý nghiệp. Trong kinh Di Đà đức Phật dạy, người niệm Phật hoặc một ngày hai ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn, khi lâm chung đức Phật và chư vị thánh chúng hiện trước mặt. Nhất tâm là ý nghiệp thanh tịnh, kết quả được sanh về cõi Tây phương Cực Lạc tiếp tục tu tập cho đến viên mãn.

Trong kinh A Hàm đức Phật dạy, người tu thiền Nguyên thủy quán Tứ niệm xứ. Từ một ngày cho tới bảy ngày trụ tâm nơi Tứ niệm xứ không dời đổi, nhất định nhập Niết-bàn hoặc chứng A-la-hán. Từ một ngày đến sáu ngày trụ tâm nơi Tứ niệm xứ chứng từ quả A-na-hàm trở xuống. Tóm lại dù tu Tịnh độ hay tu thiền, trọng tâm phải dừng lặng ý nghiệp mới giải thoát sanh tử.

Phật giáo Việt Nam có từ thế kỷ thứ 3, do ngài Khương Tăng Hội khởi phát. Trải dài đến thế kỷ 19, Phật giáo Việt Nam luôn là Phật giáo thiền, có rất nhiều thiền sư đắc đạo. Các tác phẩm Phật học của ngài Khương Tăng Hội mang đậm tinh thần thiền học. Trong đó có hai tác phẩm đặc biệt là Kinh An Ban Thủ Ý và Lục Độ Tập Kinh. Kinh An Ban Thủ

Ý do ngài chú sớ và đề tựa. Tuy là một bản kinh thuộc Tiểu thừa Phật giáo nhưng được giải thích theo tinh thần Đại thừa.

Lời bài tựa viết: "An Ban tức là Đại thừa của chư Phật, để tế độ chúng sanh đang phiêu trầm sanh tử". An Ban Thủ Ý là dùng hơi thở để điều phục tâm, tức là phương pháp thiền quán theo Lục Diệu Pháp Môn: sổ tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn và tịnh. Trong tác phẩm Lục Độ Tập Kinh do ngài biên tập, cả thảy tám quyển nói về sáu độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ, nội dung nói rõ tinh thần thiền học của Phật giáo.

Từ ngài Khương Tăng Hội trở về sau có rất nhiều các vị thiền sư Trung Hoa và Ấn Độ sang Việt Nam truyền bá. Như thiền sư Liễu Quán thế kỷ 19 ở Huế nổi tiếng là vị tu hành đắc đạo, lập ra hệ phái Liễu Quán. Hệ phái Lâm Tế rất phổ biến trong miền Nam. Dòng thiền này được truyền bá sâu rộng qua nhiều thế hệ kế thừa. Tuy nhiên từ thế kỷ 19 đến thế kỷ 20, đặc trưng của Phật giáo Việt Nam là Tịnh độ tông. Thành thử khi được hỏi về tông chỉ phái Lâm Tế tu hành ra sao, nhiều người không trả lời được. Tự nhận mình kế thừa chư tổ mà không biết quý ngài tu gì, truyền dạy ra sao... Đó là điều thiếu sót do không nắm vững nguồn gốc, cội rễ đường lối tu.

Lúc còn học trong Phật Học đường, tôi luôn băn khoăn tại sao chỉ một vài bộ kinh Di Đà, Quán Vô Lượng Thọ nói về Tịnh độ, còn hầu hết bốn bộ A Hàm phần nhiều đều nói về thiền. Các tổ Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam đều tu thiền mà ngày nay chúng ta không biết gì hết. Thậm chí khi nghe nói đến thiền, nhiều người cho rằng "coi chừng tu thiền điên". Thật ngạc nhiên! Vì vậy tôi thao thức phải tìm cho ra nguyên nhân tại sao người ta quan niệm như vậy. Cuối cùng tôi rút ra bài học: Không phải tu thiền điên, chỉ không biết tu thiền mới điên. Bởi không học không hiểu nên tu đại tu bướng, nghe ai chỉ đâu liền bắt chước theo thành ra điên. Đây là điều nguy hại cho Phật pháp.

Ai chẳng biết đức Phật tu thiền thành đạo dưới cội bồ-đề. Dưới Phật là ngài Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất cho đến 1.250 vị đệ tử cũng theo Phật tu thiền và chứng quả A-la-hán. Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng 500 vị Tỳ-kheo-ni khác nghe tin Phật sắp Niết-bàn, quý bà rủ tới xin Phật cho chúng con nhập Niết-bàn trước, Phật đồng ý. Quý ngài nhờ tu thiền chứng được đạo quả, sanh tử tự tại.

Sau này chư vị tổ sư truyền thừa từ thủy tổ Đại Ca-diếp đến vị thứ 28 là tổ Bồ-đề-đạt-ma. Ngài sang Trung Hoa làm Sơ tổ và tiếp tục truyền thừa đến vị thứ sáu là tổ Huệ Năng. Ngày nay các chùa

đều thờ chư tổ vậy mà đa số không biết tu thiền, vô tình đánh mất gốc gác tổ tiên. Thật đau lòng!

Khi nghiên cứu kinh điển, tôi đọc hết hơn 200 quyển kinh A Hàm chừng ba lượt. Qua hệ Pali của hòa thượng Minh Châu dịch, tôi cũng đọc hết. Khi khảo sát kỹ và đối chiếu so sánh, tôi biết được hệ A Hàm Phật dạy đường lối tu theo thiền Nguyên thủy. Sang các kinh Đại thừa như Viên Giác, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm... Phật đều dạy tu thiền. Nếu chúng ta không biết tu thiền thì không thể lãnh hội được yếu chỉ trong những bộ kinh đó.

Thí dụ, kinh Pháp Hoa phẩm Tùng Địa Dũng Xuất nói, chư Bồ-tát phương khác phát nguyện xin Phật cho thọ trì, truyền bá kinh Pháp Hoa ở cõi này nhưng Phật không đồng ý. Bỗng dưng quả đất rúng động, từ trong lòng đất nứt vọt ra vô số Bồ-tát đi nhiễu quanh Phật xin Ngài cho phép thọ trì truyền bá kinh Pháp Hoa ở cõi này, Phật đồng ý. Đọc tới đây tôi ngơ ngẩn, lạ quá! Tại sao từ đất Bồ-tát vọt lên nhiều như vậy? Lâu nay mình chỉ nghe nói dưới lòng đất là địa ngục, chẳng lẽ Bồ-tát dưới địa ngục lên? Phật có thiên vị không mà Bồ-tát ở đây xin thì cho, Bồ-tát nơi khác xin không cho? Đó là những điều tôi băn khoăn không hiểu. Tới chừng nghiên cứu và lãnh hội được yếu chỉ thiền, tôi bật cười. Thật là chúng ta bị lừa!

Kinh Pháp Hoa hầu hết là ẩn dụ mà mình cứ tưởng thật. Bồ-tát dịch là hữu tình giác, một chúng sanh giác ngộ. Bồ-tát từ phương xa đến muốn duy trì kinh Pháp Hoa nhưng Phật không bằng lòng. Điều này hàm ý cái giác bên ngoài đến chỉ cho Hữu sư trí, không phải trí chân thật. Yếu chỉ toàn bộ kinh Pháp Hoa cốt khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Bồ-tát dưới lòng đất vọt lên hàm ý trong thân tứ đại này luôn có sẵn tánh giác lưu xuất, tức là trí vô sư bất sanh bất diệt. Trí tuệ này mới bảo hộ được tri kiến Phật của chính mình.

Thế nào là hữu sư trí và vô sư trí? Thí dụ người mới vào đạo phải học Tam tuệ học: văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Văn là học với các bậc thầy giảng dạy, mở mang được trí tuệ. Tư là tư duy, nhờ học lời Phật tổ từ đó suy ngẫm chín chắn, xét nét kỹ càng. Đem sự hiểu biết, kiểm nghiệm này ứng dụng gọi là tu tuệ. Cho nên Tam tuệ học thuộc về hữu sư trí. Còn Tam giải thoát môn tức là ba môn giải thoát: giới, định, tuệ trong đó tuệ chỉ cho vô sư trí. Nhân giữ giới được đức hạnh, đức hạnh là nhân tố tốt để tu thiền định. Thiền định tâm tư lóng lặng thanh tịnh nên trí tuệ phát sanh. Vì vậy muốn được trí tuệ vô sư phải khéo tu thiền định.

Ngày xưa tôi nghĩ kinh Đại thừa chỉ để trên trang thờ chứ không làm gì được. Sau này càng tu

càng hiểu mới thấy những lời Phật dạy trong kinh hay đáo để, giúp cho mình thấu suốt đường lối tu hành. Các bộ A Hàm định nghĩa vô minh là thấy biết sai lầm, không đúng như thật. Ngược lại, thấy biết sự vật, con người và tất cả mọi thứ trong vũ trụ này đúng như thật gọi là minh. Phật nói thân ô uế, bất tịnh còn chúng ta luôn thấy nó sạch sẽ, tốt đẹp, nếu bị chê liền buồn giận cự lại. Từ thấy biết sai lầm sanh ra mê lầm chấp ngã. Đó là cội gốc của vô minh.

Trong kinh Viên Giác, Phật dạy vô minh là vọng nhận tướng tứ đại làm thân mình, chấp cái duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình. Kinh Kim Cang nói: "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai". Tất cả những gì có hình tướng đều hư dối, duyên hợp, không thật. Thấy đúng như thật các tướng chẳng phải tướng và không chấp thật là giác.

Ai cũng biết thân giả do nhân duyên hội hợp, đủ duyên tụ thiếu duyên tán. Chúng ta ngồi đây thấy như chơi mà thật ra các bộ phận trong thân đều đang làm việc. Nội tứ đại luôn luôn nhờ ngoại tứ đại phụ trợ, thân mới hoạt động và tồn tại. Lỗ mũi mượn không khí bên ngoài đem vào rồi trả ra liên tục. Chỉ cần thở ra không hít lại là chết ngay. Một lát mượn tách nước, lát sau mượn chén cơm,

xong lại trả ra. Mượn trả êm xuôi không có gì trục trặc, đi đứng tự tại là hạnh phúc. Thật đơn giản! Cho nên giá trị thật cuộc sống hiện giờ của chúng ta quả rất tầm thường.

Hầu hết chúng ta đều cho suy nghĩ, phân biệt là tâm mình và chấp nó là tôi. Vậy thì khi ngồi chơi không nghĩ gì hết, cái tôi phải không còn. Đằng này nó vẫn nguyên vẹn không mất, cho nên suy nghĩ không thể là tôi được. Thấy rõ thân này tạm bợ vay mượn, chúng ta sẽ sống nhẹ nhàng thảnh thơi tự tại hơn. Biết tâm lăng xăng vọng tưởng hư ảo giả dối thì không còn cố chấp. Không chấp thân tứ đại giả hợp là thật, không chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật; đó là giác ngộ. Hết sức dễ dàng! Lâu nay chúng ta thường quan niệm giác ngộ là phóng hào quang sáng cả bầu trời. Không ngờ giác ngộ là thấy được lẽ thật nơi mình, nơi người và tất cả các pháp.

Thiền tông dạy yếu chỉ "Phản quan tự kỷ" cốt phá chấp về thân và tâm để tìm cho ra cái chân thật của chính mình. Trong sử kể lại rằng, thiền sư Huệ Khả được Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma người Ấn Độ truyền tâm ấn. Ngài là người Trung Hoa đầu tiên ngộ lý thiền và trở thành Nhị tổ. Một hôm ngài bạch với tổ Đạt-ma:

- Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm.

Tổ Đạt-ma bảo:

- Ngươi đem tâm ra đây, ta an cho.

Nghe Tổ nói, ngài sững người liền quay lại tìm tâm. Tìm một hồi không thấy, ngài thưa:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không thể được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Ngày trước tôi đọc câu này chừng trăm lần nhưng không hiểu gì hết. Sao kỳ lạ! An lúc nào? Cho cái gì để an? Tâm đâu có hình tướng mà bảo đem ra. Ngài Huệ Khả vâng lời Tổ xoay lại xem cái tâm lăng xăng như thế nào, nhìn lại tự nó mất vì đó là bóng dáng giả dối. Thật là pháp an tâm mà không có pháp.

Pháp tu trong nhà thiền nhanh gọn và thẳng tắt. Khi không còn nghĩ suy vọng tưởng, tâm vẫn biết. Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật chia ra vọng tâm và chân tâm. Vọng tâm là cái lăng xăng phân biệt hư dối. Chân tâm là cái biết hằng hữu không bao giờ vắng mặt nơi mỗi chúng sanh. Nhìn vật không khởi nghĩ, nghe tiếng không phân biệt mà

vẫn biết. Tiếng người biết tiếng người, tiếng chuông trống biết tiếng chuông trống. Cái biết đó luôn hiện hữu, chỉ vì chúng ta quên rồi chạy theo vọng tâm cho đó là mình. Chừng nào tâm vọng lặng rồi, tâm chân thật sẽ hiện tiền, không cần tìm kiếm đâu xa.

Sau khi ngộ đạo, Lục Tổ được Ngũ Tổ truyền y bát và tiễn về phương Nam. Mấy ngày sau, vài trăm người đuổi theo muốn cướp y bát. Trong số đó có ngài Huệ Minh trước là tướng quân bậc tứ phẩm sau đi tu, chạy trước mọi người đuổi kịp Lục Tổ. Tổ để y bát trên bàn thạch nói: "Y này là biểu tín có thể dùng sức mà tranh sao!", rồi vào lùm cỏ ẩn. Biểu tín là vật để người khác thấy mà tin, cho nên người ngộ đạo rồi được thầy tổ ấn chứng và trao y bát, làm chứng cho người ta không nghi ngờ.

Ngài Huệ Minh chạy tới thấy y bát mừng quá, cúi xuống ôm lên nhưng không được. Biết chắc có điều gì siêu việt phi thường, ngay đó tâm giành giật của ngài bặt dứt, mới kêu rằng: "Cư sĩ, cư sĩ! Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì y mà đến". Tổ bảo: "Ông đã vì pháp mà đến thì nên dứt sạch các duyên, chớ sanh một niệm, tôi sẽ vì ông nói". Ngài Huệ Minh im lặng giây lâu, Tổ bảo: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?". Ngay đó ngài Huệ Minh liền đại ngộ. Tâm nghĩ thiện ác, phải quấy

làm khuất mất bản lai diện mục, chừng nào dừng được niệm tưởng thì bản lai diện mục hiện tiền. Hết sức đơn giản! Tu thiền là quay lại phăng tìm cái chân thật chứ không phải tìm cái gì xa lạ bên ngoài.

Gần đây người Tây phương có khuynh hướng nghiên cứu đạo Phật, nhất là thiền. Năm 1994 tôi qua Nhật Bản, trên chuyến tàu cùng đi có mấy người nước ngoài, hỏi thăm mới biết họ sang đây học thiền. Sau này người ta qua Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan tìm hiểu thiền khá đông. Tự nhiên tôi có mặc cảm, tại sao Thiền tông ở Việt Nam đã có trước Nhật Bản 500 năm mà mãi tới thế kỷ 19 người ta vẫn không tìm học.

Đường lối tu thiền rất thực tế, có thể nói đây là một môn khoa học tâm linh chứ không phải chuyện xa vời. Tu Tịnh độ hướng về cõi Cực Lạc bên ngoài, tu thiền xoay lại bên trong. Phật dạy trong các kinh A Hàm, còn tham sân si biết còn tham sân si, hết tham sân si biết hết tham sân si, đó là thiền. Thiền tông dạy xoay lại để nhận chân nơi mình có cái chân thật gọi là bản lai diện mục, Phật tánh. Cho nên chúng ta phải có con mắt giản trạch, muốn biết cái thật trước hiểu rõ cái giả. Nếu chấp cái giả làm thật thì muôn đời không biết cái thật. Pháp tu biết vọng không theo chúng ta đang thực hành rất thực

tế. Phương pháp này thích hợp với thời đại ngày nay, cụ thể, không mê tín, không tưởng tượng.

Đạo Phật tuy có nhiều pháp môn, nhưng cái nào thích hợp với hoàn cảnh đương thời thì chúng ta cố gắng khai thác tìm hiểu để truyền bá. Thế hệ mai sau sẽ tiến bộ và hiểu biết khoa học hơn ngày nay. Nếu cha mẹ dạy đi chùa cúng lạy cho có phước, nó không tin thì vô tình Phật giáo không còn thích hợp. Bởi vậy người xuất gia phải biết gầy dựng nền tảng đạo Phật vững chắc, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và tương lai, làm sao cho ngọn đèn Phật pháp sáng mãi trên đời.

Tôi mong thế hệ Tăng Ni trẻ kế thừa làm Phật sự được vuông tròn và tốt đẹp, đưa Phật giáo phát triển kịp với thời đại khoa học, đừng để bị suy thoái. Tôi luôn cố gắng nỗ lực hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử cũng như những người mộ đạo thấy đúng chân lý của Phật pháp. Mong sao Phật giáo Việt Nam phát triển rộng khắp, để các bạn bốn phương tìm về nghiên cứu những điểm hay của tổ tiên chúng ta, nhất là Phật giáo đời Lý - Trần, từng được cả thế giới quý trọng.

Vừa rồi một vị giáo sư dạy về tâm lý học đang chuẩn bị làm luận án tiến sĩ, đến thiền viện Trúc Lâm ở lại một tuần. Bà học hỏi đạo lý biết được

Phật pháp cao siêu, nền tâm lý học Tây phương không bì nổi. Qua đó mới thấy Phật giáo Việt Nam có rất nhiều điều quý báu, cho nên thế hệ Tăng Ni trẻ ráng tu tập thấu đáo, để thật sự Phật đạo thật sự có ý nghĩa.

Đời chúng tôi sắp mãn mà chưa làm được bao nhiêu, tất cả đều trông cậy vào quý vị. Mong rằng buổi nói chuyện hôm nay quý vị ghi nhớ và ứng dụng, làm sao cho Phật pháp được hưng thịnh lâu bền. Đó là chỗ mong mỏi của tôi.

CỐT TỦY ĐẠO PHẬT

Nhân mùa An cư, tôi có đôi lời nhắc nhở Tăng Ni tinh tấn tu hành để đạt kết quả tốt. Có như vậy mới mong tích lũy đầy đủ đức hạnh, xứng đáng thêm một tuổi hạ. Tuy trong số những người tu hành, có người tiến chậm, có người tiến nhanh, nhưng tôi tin rằng sự nỗ lực của tất cả quý vị đều sẽ đạt được kết quả. Cho nên, tôi đem hết những kinh nghiệm một đời tu hành của mình chỉ dạy cho tất cả cùng tu.

Ngày nay, đạo Phật có rất nhiều tông phái. Tuy vẫn tu theo lời Phật dạy, nhưng mỗi tông thực hành theo một phương pháp riêng. Vì vậy, người sơ cơ không nắm vững cốt tủy của đạo Phật, thường dễ sanh nghi ngờ, không biết tu theo đường lối nào. Một khi đã nắm vững cốt tủy của đạo Phật, chúng ta mới không còn e ngại và không gì có thể làm thối chuyển được. Đó là trọng tâm của việc tu hành, không phải đường lối riêng tư của một cá nhân nào. Cho nên, chúng ta phải phân tích từng bước để nhận định cho tường tận những lời Phật dạy.

Khi còn tại thế, Phật dạy tu theo Phật giáo Nguyên thủy, thực hành quán Tứ niệm xứ: quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán

pháp vô ngã. Hoặc tu theo Tứ pháp ấn - bốn chân lý vô thường, khổ, không và vô ngã của tất cả các pháp - làm tiêu chuẩn để xác định kinh điển nào của Phật dạy. Từ việc quán vô thường, khổ, không, vô ngã mà trí tuệ tăng trưởng. Trí tuệ tăng trưởng thì đạo lực cũng tăng trưởng. Khi ấy phiền não sẽ lắng sạch, tâm an định. Hành giả trải qua những tầng thiền định như Tứ thiền, Tứ không, cuối cùng là Diệt thọ tưởng định. Như vậy muốn đạt đến chỗ cứu cánh, người tu theo giáo lý Nguyên thủy phải tiến lên từ từ.

Tứ niệm xứ, hay Tứ pháp ấn là dùng trí tuệ nhận định đúng như thật về bản thân mình, về các pháp xung quanh, không còn sai lầm mờ mịt nữa. Nhờ vậy trí tuệ tăng trưởng, những niệm khởi và những vọng tưởng dần dần tiêu mòn, tâm được an định. Khi tâm an định đến chỗ tột cùng thì hành giả sẽ nhập Diệt tận định, tức là dứt sạch tất cả những niệm tưởng.

Như tầng bậc tu chứng cuối cùng trong Tứ không là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Phi tức là chẳng có, gọi Phi phi tưởng tức là không có tưởng mà không phải không có tưởng. Đến đây cái tưởng thô hoàn toàn sạch nhưng vẫn còn cái tưởng vi tế. Đến khi nào mọi cái tưởng lặng sạch hoàn toàn thì mới đạt đến Diệt tận định, hành giả sẽ chứng quả A-la-hán, cũng gọi là Niết-bàn vô sanh. Đến được

Niết-bàn vô sanh thì tất cả niệm lự từ thô đến tế không còn một chút nào. Cho nên những vị tu theo hệ Nguyên Thủy phải đạt được Diệt tận định mới chứng A-la-hán, giải thoát sanh tử, chứng nhập Niết-bàn vô sanh.

Nếu người dùng phương pháp niệm Phật thì phải đặt lòng tin lên trên hết. Tin tuyệt đối vào đức Phật Di Đà, tin tuyệt đối vào cõi Cực Lạc. Nhờ có lòng tin nên mới chí thành niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn, không còn những nghĩ tưởng dấy động nữa tức là vô niệm. Khi ấy sẽ thấy đức Phật Di Đà hiện tiền đón rước về cõi Cực Lạc. Cho nên nếu thiếu lòng tin thì sẽ không có kết quả.

Khi nhập Diệt tận định là không còn một niệm tưởng nào nên được Niết-bàn. Niệm Phật nhất tâm vô niệm thì được về Cực Lạc. Như vậy Niết-bàn và Cực Lạc tuy tên khác nhau nhưng đều từ nhân vô niệm mà thành tựu. Tuy cách thực hành của hệ phái Nguyên thủy và pháp môn niệm Phật có khác, nhưng cuối cùng đều được Niết-bàn.

Giáo lý Mật tông thường dạy hành giả trì chú. Trì chú muốn đạt được sự mầu nhiệm, linh diệu thì phải đủ lòng tin. Tin rằng được sự ủng hộ của chư thiên, hộ pháp và tin sự mầu nhiệm của câu chú. Một khi tụng chăm chỉ thì sẽ không còn chỗ nào bám vào để khởi suy nghĩ. Lâu ngày sẽ được Tam

mật tức là thân mật, khẩu mật, và ý mật. Thân ngồi bắt ấn, miệng tụng chú, ý duyên theo câu chú nên được nhất tâm, không còn niệm nào khác. Khi ấy sẽ thấy đức Phật Đại Nhật với vô lượng hào quang, đầy đủ trí tuệ sáng suốt đến tiếp độ.

Đó là cái hay, cái khéo trong giáo lý Phật dạy. Dù dạy quán chiếu đúng như thật để phát triển trí tuệ, hoặc chỉ dùng câu niệm Phật với lòng tin đầy đủ, hay dùng câu thần chú linh thiêng trì tụng miên mật, rốt cuộc cũng đi tới chỗ vô niệm, vô sanh. Mỗi pháp môn có sự linh nghiệm hay kết quả riêng, nhưng rốt cuộc cũng đi đến cùng một chỗ như nhau.

Song hiện tại có những người lại hiểu và ứng dụng pháp tu một cách lệch lạc. Ví như trì chú đến chỗ linh thiêng, mầu nhiệm, lại đem ra trị bệnh. Đốt hoặc tụng câu chú vào nước lã cho bệnh nhân uống. Người niệm Phật tính từng chuỗi, từng câu mà không cố gắng đi đến chỗ nhất tâm. Đến các pháp quán của thiền Nguyên thủy thực hành cũng không chuyên tâm. Đó là điểm yếu của người tu Phật ngày nay, tự làm cho con đường giải thoát của chính mình bị gián đoạn, không đến được chỗ cứu cánh là ra khỏi sanh tử như lời Phật dạy.

Vậy đường lối tu hành của Thiền tông thì sao? Giống và khác với những phương pháp trên như

thế nào? Lục Tổ chủ trương Thiền tông lấy vô niệm làm tông, lấy vô tướng làm thể, lấy vô trụ làm gốc. Đó là đi thẳng vào chỗ vô niệm, vô tướng và vô trụ.

Thế nào là vô niệm? Phải tu làm sao đến chỗ không còn một niệm nào dấy khởi. Không còn một niệm dấy khởi là yếu chỉ của Thiền tông. Cho nên nói "dĩ vô niệm vi tông" tức là lấy vô niệm làm tông. Vậy phải tu bằng cách nào để đạt đến chỗ vô niệm? Có hai cách:

Một là phản quan tự kỷ, tức nhìn lại chính mình, thấy rõ từng niệm khởi, biết rõ nó hư dối buông xả không theo. Song không thể trong một lúc có thể buông hết được, phải từ từ buông dần. Lâu ngày nó tự lặng, tự dứt, khi ấy tâm sẽ tự đạt đến chỗ vô niệm. Vô niệm cũng là vô sanh, là Niết-bàn nên Lục Tổ chủ trương lấy vô niệm làm tông. Người tu thiền Nguyên thủy quán thân này vô thường, khổ, không, vô ngã, cũng là trí tuệ. Tu pháp môn nào cũng phải có trí tuệ mới nhận ra bản chất những niệm tưởng là hư dối, vọng chấp.

Trước đây do không có trí tuệ, niệm khởi chúng ta cho đó là mình rồi chạy theo nên tạo nghiệp. Đến đây Lục Tổ chỉ rõ hơn thể vô niệm không tướng, nên lấy vô tướng làm thể. Bởi không hình tướng nên nó sáng suốt, trùm khắp. Trong bài kệ trình với Ngũ

Tổ, ngài nói "bản lai vô nhất vật", tức là xưa nay cái đó không phải một vật, làm gì có hình tướng. Vì vậy lấy vô tướng làm thể.

Hai là không trụ nơi sáu trần, tức là lấy vô trụ làm gốc. Khi Lục Tổ nghe giảng kinh Kim Cang, đến chỗ ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Người phát tâm vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao để an trụ tâm? Phật trả lời: Tâm đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều không có chỗ trụ. Trụ tức là dính, là kẹt. Không trụ nơi sáu trần tức là tâm không dính không kẹt, nên an trụ ở chỗ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngay đó Lục Tổ ngộ. Thật đơn giản, không có gì phức tạp cả.

Như vậy, đối với sáu trần không dính, không kẹt mà hằng giác hằng tri đó là tâm Vô thượng Bồ-đề. Đường lối tu hành của Thiền tông là luôn dùng hai cách tu: khi ngồi yên lặng thì phản quan; khi đi đứng làm việc thì không dính với sáu trần. Đó là hai cách thực hành thiết yếu của người tu thiền.

Cho nên các vị tổ sư hay dạy nghe như điếc, thấy như mù. Nghe như điếc là dù nghe người thị phi mà không dính mắc. Thấy cảnh hay người đẹp xấu mà mình không khởi niệm thì tuy thấy cũng như mù. Trong kinh thường dạy, chúng ta thấy

nghe ví như cái gương, hình ảnh đến thì hiện, hình ảnh qua thì mất, không dính gì với gương hết. Dù có đối duyên xúc cảnh mà tâm vẫn vô niệm. Đạt đến vô niệm là đã đến Niết-bàn rồi!

Đường lối tu thiền mà Lục Tổ chủ xướng thật rõ ràng, cụ thể. Tuy chỗ tột cùng so lại không khác với đường lối tu hành của các tổ hay các môn phái khác, nhưng khác ở chỗ không chỉ đạt đến vô niệm vô sanh, mà còn nhận được tánh giác hiện tiền, gọi là Phật tánh. Đối với hành giả tu theo thiền Nguyên thủy chỉ đến chỗ hết niệm và được vô sanh thôi. Cho nên đó là yếu tố rất kỳ đặc của Thiền tông.

Kiểm lại những phương pháp tu từ thiền Nguyên thủy, Tịnh độ, Mật tông cho tới Thiền tông đều có điểm chung là muốn đạt đến chỗ cứu cánh thì phải vô niệm. Như vậy chủ trương vô niệm của Lục Tổ là chỉ thẳng, nói thẳng cho chúng ta biết trọng tâm tu hành cầu giác ngộ, không gì khác hơn là phải buông xả hết những niệm tưởng.

Nghe đến buông xả niệm tưởng có nhiều người khờ khạo cho rằng đến đó là không còn gì hết, nên Lục Tổ mới chủ trương lấy vô tướng làm thể. Tuy không tướng mạo nhưng là thể chân thật bất sanh, bất diệt của chính mình. Muốn đạt được như vậy thì trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi đừng để

tâm dính mắc với sáu trần, tức là giác ngộ viên mãn. Chúng ta cốt làm sao hiểu rõ và ứng dụng cho được đường lối tu hành này thì con đường giác ngộ không xa.

Mở đầu con đường vào Thiền tông là phải dùng trí tuệ để phản quan, cuối cùng đến chỗ sáu trần không dính mắc. Nhưng làm sao để sáu trần không dính mắc? Trong kinh Kim Cang Phật dạy, muốn không dính mắc với sáu trần thì chúng ta phải quán: "Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện". Tức là phải thấy rõ bản chất của tất cả pháp hữu vi như là giấc mộng, như vật huyễn hóa, như điện chớp, như sương mù... không có gì là thật. Đã thấy tất cả các pháp không thật thì làm sao dính mắc được? Bấy giờ ta vẫn cứ tự tại đi trong đám sương mù, không ngăn ngại, không sợ hãi vì biết nó hư giả.

Nhờ biết vọng tưởng hư dối, không phải tâm chân thật nên không bị nó lôi dẫn, từ đó dễ dàng buông xả. Muốn phản quan thì phải dùng trí tuệ chiếu soi nội tâm mình. Muốn buông xả sáu trần cũng phải dùng trí tuệ chiếu phá tất cả các pháp không thật để không dính mắc. Được như vậy chúng ta sẽ giác ngộ giải thoát không nghi ngờ. Nếu cố chấp muốn nắm giữ rồi tự kẹt trong phương tiện thì không bao giờ giải thoát được.

Như vậy trọng tâm Phật dạy không gì khác hơn là tu cho đến vô niệm mới được giải thoát. Muốn được vô niệm thì phải dùng trí tuệ quán chiếu. Giáo lý Nguyên thủy dạy quán Tứ niệm xứ, Thiền tông thì quán chiếu tất cả pháp không thật có, như huyễn hóa, vọng tưởng trong tâm cũng thế. Đó là cách tu thiết yếu của hành giả theo Thiền tông.

Nhiều vị thắc mắc tại sao chúng ta phải tu thiền, trong khi các vị trước chúng ta tu niệm Phật cũng tốt. Vì thời đại mỗi lúc mỗi khác. Trước kia con người dễ đặt lòng tin vào thế giới khác. Chỉ cần nói có cảnh Cực Lạc, có đức Phật Di Đà cứu độ thì họ tin ngay. Nhưng người thời nay chịu ảnh hưởng khoa học rất sâu đậm, việc gì chưa xác thực thì chưa tin. Nên chúng ta phải dùng đường lối tu thiền để chỉ dạy. Phương pháp này sử dụng trí tuệ, nhờ phản quan tự kỷ và chiếu phá sáu trần mà hết mê được ngộ, mới có thể đạt đến cứu cánh Niết-bàn.

Phản quan là lối tu buông xả hết những niệm hư dối để trở về nguồn tâm chân thật hiện tiền mà chúng ta đã sẵn có. Chiếu phá sáu trần là biết rõ các pháp không thật, do duyên hợp, hư dối nên không dính mắc. Điều đó thật dễ hiểu nên đã được khoa học thừa nhận. Vì dễ hiểu nên tất nhiên mọi người thấy có thể tu được. Họ cũng tin rằng nếu thực hành theo đường lối Thiền tông thì tâm sẽ được an

ổn trong hiện đời, không đợi đến kiếp sau. Bởi vậy đường lối tu hành của Thiền tông rất là thực tế.

Đứng về nội tâm hay cả ngoại cảnh chúng ta đều phải thực hành buông xả những thứ hư dối và tạm bợ để sống trở về cái chân thật của chính mình. Như vậy tâm chân thật của chính mình thật có hay không? Khi buông hết niệm khởi và vọng tưởng rồi chúng ta còn lại gì? Đó là mối nghi mà ta phải can đảm nhìn nhận để thấy, thì đường tu mới không thối chuyển.

Chúng ta phải thấy rằng cái suy nghĩ phải quấy, hơn thua là cái biết sanh diệt liên tục không dừng. Nó vô thường, tạm bợ không thật. Khi ngồi thiền không hôn trầm, tất cả những ý niệm lặng hết, quý vị còn biết không? Biết thật rõ ràng không có một niệm, đó là cái biết hiện tiền, tỉnh sáng, là giác, là tri. Cho nên nói cái đó luôn hiện hữu hằng tri hằng giác.

Vậy trong lúc niệm khởi lăng xăng cái hằng tri hằng giác ấy có hay không? Không những khi niệm lặng, mà trong lúc niệm đang khởi, thì cái hằng tri hằng giác vẫn hiện tiền. Vì chúng ta chỉ nhớ niệm nên quên lãng cái tri giác chân thật của chính mình. Cho nên Diễn-nhã-đạt-đa khi nhìn vào gương nhận cái bóng trong gương là đầu mình, quên mất đầu thật vẫn hiện tiền dù gương đã úp lại.

Cũng vậy, khi chúng ta dấy niệm nghĩ suy rồi chạy theo nó, quên mất cái biết chân thật của mình, chớ không phải nó không có. Tất cả lời Phật dạy trong kinh đều nhằm chỉ cho chúng ta cách buông xả niệm. Khi niệm dứt sạch thì cái chân thật hiện đầy đủ, không phải từ đâu đến, không do ai ban cho. Kinh Pháp Hoa thường nói chúng ta có viên ngọc quý mà bỏ quên, nhà thiền gọi là cỡi trâu đi tìm trâu.

Do không nhận cái chân thật nên bị trôi lăn theo vọng niệm, tạo nghiệp luân hồi. Biết rõ niệm khởi là bóng dáng hư ảo liền dừng lại không theo thì cái chân thật hiện đủ không thiếu. Người nhận được cái chân thật thì con đường sanh tử dừng lại. Như vậy chúng ta có đầy đủ cả hai phần: giả dối và chân thật. Tu là buông xả cái hư dối để nhận lại cái chân thật. Đó là giác ngộ, là trở về chân như.

Hiểu như vậy rồi chúng ta mới thấy các vị tổ trong nhà thiền thường có những hành động hoặc lời nói kỳ đặc để hành giả bặt hết suy nghĩ, tức là sống trở lại với chính mình. Những câu nói đó gọi là hoạt ngữ. Câu nói nào làm cho mình suy nghĩ, dấy niệm lăng xăng đó là tử ngữ.

Ví như có người hỏi: Thế nào là Phật? Đáp: Phật là giác ngộ. Lại hỏi: Giác ngộ là sao? Ta liền giải thích là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn...

đó là tử ngữ. Nếu hỏi: Thế nào là Phật? Đáp: Ba cân gai. Quý vị có suy nghĩ được không? Chỉ biết nghe "ba cân gai" thôi. Đây là hoạt ngữ, là xảo thuật của chư tổ. Nếu hành giả thấy được chỗ đó rồi thì ngộ đạo. Hoặc hỏi: Thế nào là Phật? Có ngài không nói gì hết mà cho một gậy bặt suy nghĩ. Chỗ lặng thinh không suy nghĩ đó là Phật sống, không phải Phật chết. Thường thì chúng ta quen chạy theo Phật chết mà quên Phật sống. Nên chư tổ không muốn nói, chỉ đánh, nạt, hét để hành giả nhận ra ông Phật sống của mình.

Ngài Đức Sơn sau khi ngộ rồi, chỉ thốt lên một câu: Từ đây về sau con không bị đầu lưỡi các vị hòa thượng lừa nữa. Nếu người chưa xong việc sẽ nghĩ các ngài gạt mình mà không biết các ngài dùng diệu thuật giúp mình. Như khi Lâm Tế hỏi Hoàng Bá: Thế nào là đại ý Phật pháp? Hoàng Bá đánh một gậy. Bởi vì cốt tủy của đạo Phật nằm ở chỗ vô niệm. Nếu còn suy nghĩ đại ý Phật pháp là thế này thế kia, tức còn vọng niệm lăng xăng. Ngài Hoàng Bá đánh một gậy, ngài Lâm Tế liền bặt suy nghĩ, đó là đã đạt đến chỗ đại ý Phật pháp. Thật đặc biệt!

Đức Phật cùng chư tổ đã dùng đủ phương tiện để giáo hóa mà giờ này chúng ta vẫn còn mê lầm. Nếu biết được cái đó mình có sẵn, chỉ cần gỡ những thứ giả dối, tạm bợ bên ngoài là nó hiện tiền, thì

việc tu để giải thoát không phải là chuyện khó. Nếu cứ đeo đẳng cái giả dối tạm bợ mà muốn cầu giải thoát thì muôn kiếp ngàn đời cũng không giải thoát được.

Chúng ta phải thấy rõ cốt tủy của đạo Phật mới tin tưởng mình có thể tu được, đạt được giải thoát, không còn nghi ngờ. Dù tu ba vô số kiếp cũng không sợ. Nhưng tiếc một điều, người biết như thế thì rất ít mà người nghi ngờ lại nhiều. Do đó mà tu không tiến. Điểm chính yếu của đạo Phật vốn không hai, nhưng vì chúng ta quá si mê, cứ ngỡ là đang sống trong cái chân thật, nhưng lại bị ảo tưởng hư dối lừa gạt.

Tôi muốn tất cả quý vị phải can đảm nhìn thẳng, biết đúng như thật, tự cởi bỏ điên đảo vọng tưởng của chính mình để đi đến chỗ vô niệm, vô sanh và đạt Niết-bàn an lạc. Như vậy mới xứng đáng là người tu sĩ chân chánh. Không nên mắc kẹt trong những thứ tạm bợ giả dối, uổng đi một đời tu hành. Đó là sự trông đợi, mong mỏi của chúng tôi.

CHỦ ĐÍCH CỦA ĐẠO PHẬT

Người tu theo đạo Phật, dù xuất gia hay tại gia phải nắm rõ đường hướng mục tiêu, từ đó đi đúng pháp Phật dạy, đừng sai lệch khiến Phật pháp suy đồi, khách bàng quan chỉ trích. Cho nên chúng ta phải biết mục đích đạo Phật dạy mình điều gì, khả dĩ sự tu mới có giá trị. Nội dung chủ đích của đạo Phật khá rộng và nhiều vấn đề, ở đây tôi chỉ nêu lên những nét đại cương thiết yếu là trí tuệ và từ bi.

Trí tuệ là giác ngộ, từ bi là cứu độ chúng sanh. Bậc cổ đức xưa từng dạy "phước tuệ lưỡng toàn phương tác Phật", tròn đủ hai thứ phước tuệ mới có thể làm Phật. Phước chỉ cho lòng từ bi cứu độ chúng sanh, tuệ chỉ cho trí tuệ giác ngộ giải thoát. Trong kinh thường nói phước tuệ giống như hai cánh của con chim, thiếu một cánh chim không thể bay được. Cho nên trí tuệ và từ bi là nhân tố tối quan trọng xây dựng nền tảng đạo Phật.

Sách xưa nói rất nhiều về hình ảnh ông Bụt. Cô Tấm trong chuyện Tấm Cám là người lương thiện, những lúc gặp hoạn nạn khóc sướt mướt, có Bụt hiện ra cứu giúp. Ca dao tục ngữ xưa có câu "đất

vua, chùa làng, phong cảnh Bụt" hoặc "hiền như Bụt" v.v... Bụt là danh từ chỉ cho đức Phật.

Đạo Phật có mặt trên đất nước Việt Nam từ thế kỷ thứ 3, do các vị sư Ấn Độ theo thuyền buôn sang Việt Nam sinh sống và hành đạo, do đó dân ta được học Phật trực tiếp từ quý ngài. Chữ Phật nguyên tiếng Phạn là Buddha, Bud là giác, dha là người. Phật nói đủ là Phật-đà, Trung Hoa dịch là giác giả tức người giác ngộ. Vì chữ Bud phát âm gần với chữ Bụt cho nên người dân miền Bắc xưa gọi Phật là Bụt.

Vào đời Lý - Trần, văn hóa Việt Nam mới bắt đầu hình thành nên kinh sách chưa phổ biến nhiều. Các sứ thần được vua cử sang Trung Hoa thỉnh kinh, thành thử tạng kinh được truyền vào Việt Nam mang hình thức chữ Hán, nên chữ Phật-đà phát xuất từ chữ Phật bên Trung Hoa. Đó là hai điểm quan trọng làm sáng tỏ ý nghĩa sự xuất hiện hai danh từ Bụt và Phật trên đất nước Việt Nam.

Đạo Phật là con đường chân chánh đưa chúng sanh tới chỗ giác ngộ viên mãn, giác ngộ rồi sau mới khởi từ bi giáo hóa chúng sanh. Trong sử kể, sau khi thành đạo, đức Phật đi khắp xứ Ấn Độ giáo hóa quần sanh. Từ đó đến nay trải qua gần 26 thế kỷ, sự truyền bá của đạo Phật lan rộng khắp các

quốc gia trên thế giới. Từ Ấn Độ truyền sang các nước lân cận, rồi tới Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam... Phật giáo đi tới đâu chịu ảnh hưởng phong tục tập quán của địa phương đó, nên có những đặc điểm khác nhau. Tuy nhiên Phật giáo chủ trương "Tùy duyên bất biến", dù bị hoàn cảnh chi phối nhưng bản chất giác ngộ và từ bi không bao giờ thay đổi.

Tất cả giáo lý nhà Phật đều đề cao sự giác ngộ, căn bản là Tam tuệ học: văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Muốn có trí tuệ, trước phải học hiểu gọi là văn tuệ. Học hiểu rồi phải có nhận định phán đoán, gọi là tư tuệ. Tư là tư duy, xét nét một cách kỹ càng, chín chắn. Tư rồi chưa đủ mà phải ứng dụng tu tập gọi là tu tuệ. Giáo lý căn bản thứ hai là Tam vô lậu học: giới, định, tuệ. Giới là những phương tiện kềm chế sự loạn động, đưa tới tâm an định, xây dựng nền tảng đạo đức chân chánh cho người học Phật. Tâm an định thì trí tuệ sáng suốt. Đó là lý do đạo Phật đặt trí tuệ, giác ngộ lên trên hết.

Đạo Phật nói về lý vô thường, nhân duyên, nhân quả y cứ trên trí tuệ. Người học Phật nếu không khai phát trí tuệ sẽ không đủ điều kiện nối tiếp tuệ mạng Phật pháp. Nhà Phật thường nói "truyền đăng tục diệm", đăng là đèn, diệm là đuốc. Mồi đèn nối đuốc là hình ảnh tượng trưng cho ánh

sáng trí tuệ luôn tỏa sáng. Đó là ý nghĩa truyền bá Phật pháp cũng là chủ đích trong nhà Phật.

Đạo Phật lấy trí tuệ làm nền tảng, nếu trí tuệ lu mờ đạo Phật sẽ bị suy giảm. Hiện nay có rất nhiều hình thức đi sai với đạo Phật. Thứ nhất, coi ngày coi giờ; thứ hai, trong chùa thờ cúng tứ tung, nào là ông Táo, Ngọc Nữ... Tất cả đều là tập tục của thế gian, không phải đạo Phật chân chánh.

Xuất xứ của việc coi ngày coi giờ dựa vào lịch Tàu chứ không phải lịch Phật. Lịch Tàu do mấy ông Tàu viết bằng chữ Hán, các ông đồ Nho ngày xưa chuyên dùng nó để coi ngày giờ tuổi tác cho người dân, lâu dần thành ra thói quen. Từ thời Pháp thuộc trở về sau nhà Nho hết được trọng dụng, nên mấy cuốn lịch Tàu chỉ có thầy tu học chữ Hán mới biết đọc. Lòng tin của dân chúng từ xưa đến nay luôn đi theo truyền thống gia tộc. Trước kia ông bà cha mẹ làm gì cũng coi bói, giờ không coi trong lòng lo sợ bất an.

Hiện nay không còn được mấy ông đồ biết chữ Hán, thành thử trông cậy vào lòng từ bi của quý thầy cô trong chùa. Cất nhà coi, xây mộ coi... hết chuyện này đến chuyện kia. Thầy đâu thể từ chối đành phải giở lịch coi giùm, lâu dần thành thói quen. Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương và kinh

Di Giáo, Phật không chấp nhận cho Tăng Ni làm những việc đó. Chỗ này chúng ta phải phân tích cho tường tận để hiểu rành mạch và tránh đừng đi vào con đường bất chánh.

Phật giáo là đạo của dân tộc, dân gian quen gọi những ngôi cổ tự nơi mình sinh sống là "chùa làng", hoặc thi ca có câu "mái chùa che chở hồn dân tộc"... Chùa là nơi bảo vệ người dân được bình an, khỏi lo sợ kinh hãi trước các thế lực của quỷ thần hoặc tai họa bất trắc. Gặp việc gì khó khăn hay nguy hiểm, họ đều đem vô chùa nhờ cứu giúp, quý thầy cô từ bi nên không thể từ chối. Điều này đạo Phật không chủ trương, vậy mà cho rằng đạo Phật mê tín, thật quá oan uổng.

Ngày nào đó dân trí văn minh tiến bộ, người dân không coi ngày giờ thì thầy cô cũng không coi giùm nữa. Do nhu cầu hiện nay của dân chúng, tới thầy này mượn không được phải kiếm thầy khác. Nhiều khi thấy người ta đi xa tội nghiệp, buộc lòng quý thầy cô ráng giúp nên bị mang tiếng bày ra mê tín dị đoan. Đây là vấn đề thứ nhất.

Ngày xưa, ở những ngôi chùa quê thường có cây bồ-đề hoặc cây đa, cây sao cổ thụ. Dưới gốc cây người ta thường để ông Táo rồi thắp hương lễ lạy. Trong các ngôi chùa quê thường thờ thêm Tề Thiên

Đại Thánh, Lê Sơn Thánh Mẫu... Những tập tục lạ lùng đó phát xuất từ đâu? Người nông dân nọ đi cày ruộng gặp cục đá trơn láng cho là ông Tà, thấy có duyên với mình lượm đem về nhà. Để ở nhà lâu ngày sợ phá con phá cháu, muốn bỏ mà sợ ông quở. Thôi thì gởi gốc đa trong chùa, mỗi tối nhờ thầy đốt cho cây hương. Thầy từ bi nên bảo bọc giùm, vì vậy tối nào cũng ra cắm hương ngoài gốc đa. Ngày nay Phật tử hành hương bắt chước, cắm nhang tùm lum kiểu đó.

Trước có gia đình ông cha là thầy pháp, trong nhà thờ ông Tề ông Táo... Sau khi cha chết, người con không muốn tiếp tục nghề thầy pháp, muốn bỏ mà sợ mấy ông phá. Cuối cùng họ nghĩ cách gởi vô chùa, thầy thương xót nhận rồi làm cái bàn để lên, tối thắp nhang giùm. Lẽ ra thầy nhận xong đốt đi cho rồi nhưng không dám đốt, vì sợ mai mốt gia đình họ có chuyện gì chạy tới kiện, không biết nói sao. Đó là lý do tại sao chùa chứa đủ thứ, những gì người ta sợ không dám để ở nhà, đem vô chùa hết.

Gần chùa Phật Quang - Bang Chang nơi tôi tu ngày xưa cũng có cây đa cổ thụ, dưới gốc cây là miếu Bà Chúa Xứ. Sau thời gian đi học ở xa về, tôi thấy trong chùa đặt bàn thờ để tên Bà Chúa Xứ. Tôi ngạc nhiên hỏi thầy Trụ trì tại sao lại như vậy, thầy kể sau một trận bão lớn cây đa bị ngã sập luôn

cái miếu, nhưng dân chúng không có tiền cất lại. Bà Chúa Xứ đạp đồng lên nói với mấy người hàng xóm rằng, nếu không cất lại miếu phải năn nỉ thầy Trụ trì cho gởi bà trong chùa. Người dân sợ bị trừng phạt này kia nên kéo nhau tới xin thầy Trụ trì lập bàn thờ cho bà ở nhờ, hằng ngày thầy đốt nhang giùm. Rốt cuộc chỉ có chùa mới bao bọc được tất cả những nỗi sợ sệt, lo âu của người dân.

Thành thử chùa trở thành nơi bảo vệ tinh thần cho đồng bào xóm làng. Tóm lại chuyện thờ tứ tung trong chùa nói lên tinh thần đùm bọc nhân dân địa phương chứ không phải điều xấu. Đúng theo tinh thần đạo Phật, trong chùa chỉ nên thờ Phật, Bồ-tát, A-la-hán là đủ. Chừng nào dân trí văn minh hơn, có thể đốt hết tượng ông Tề ông Táo, không khó khăn gì. Đó là vấn đề thứ hai.

Vấn đề thứ ba nói về nghi lễ cúng kính trong nhà chùa. Vào những dịp lễ lớn như cúng tế cô hồn, chúng ta thấy quý thầy đội mũ mang hia lên đàn coi bộ rất oai. Nghi thức này bắt nguồn từ đâu? Ngày xưa đức Phật không hề đội mũ mang hia, tại sao bây giờ đệ tử Ngài lại như vậy? Chỗ này chúng ta phải truy nguyên về quá khứ mới thấy được sự ảnh hưởng rất lớn của văn hóa địa phương đối với đạo Phật.

Các nghi lễ của người Ấn Độ rất đơn giản, nhất là cảnh đám ma trông thật tức cười. Thây người chết được người ta bó sơ sài rồi để trên một chiếc võng. Xỏ cây đòn gánh hai đầu, người trước người sau gánh đi tòn ten vậy thôi. Cực kỳ sơ sài chứ không rình rang như ở Việt Nam. Lý do nào khiến phong tục văn hóa Việt Nam trở nên cầu kỳ như hiện nay? Nền văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa. Văn hóa Trung Hoa lại chịu ảnh hưởng của Khổng giáo và Lão giáo. Tang lễ, hiếu đễ của Khổng giáo quá rườm rà kỹ lưỡng cho nên bày ra đủ thứ. Điều này ảnh hưởng đến văn hóa Phật giáo nước ta trên một vài lĩnh vực.

Nhiều Phật tử thấy đám bên mình làm đơn giản không rình rang như bên kia, họ sanh tâm buồn tủi sợ bị chê bai. Từ nhu cầu đó, mấy thầy bắt đầu chế ra nghi thức hơi cầu kỳ hơn. Lý đáng trong nhà Phật chỉ cầu siêu trong vòng 49 ngày là đủ, nhưng sau này tùy thuận theo Nho giáo có thêm lễ tiểu tường, đại tường. Trong các buổi lễ lớn, mấy thầy chế ra nghi thức dâng hương dâng hoa để người dân đỡ buồn. Đó là một số đặc điểm trong nghi lễ.

Thời xưa, vua chúa Trung Hoa cũng như Việt Nam kính trọng những bậc thầy đức hạnh nên phong quý ngài làm quốc sư. Trong các buổi đại triều, quý

ngài phải có mặt thường xuyên. Nếu bá quan người nào cũng mũ áo chỉnh tề, còn thầy đầu trần chân đất coi bộ không được. Cho nên triều đình chế ra mũ hiệp chưởng hình búp sen cho quý ngài đội, nhà vua phong tặng thêm tử y quấn quanh mình. Mục đích mang hia, đội mũ, quấn y đỏ vừa dễ coi vừa trang trọng như mấy quan viên vậy. Những tập tục này dần dần trở thành thói quen. Về sau mỗi khi có lễ lượt lớn, quý thầy phải đội mũ mang hia lên ngồi trên đàn cao đúng với nghi lễ cổ xưa. Đó là những hình thức đi cửa sau vào đạo Phật, chứ không phải chủ trương của Phật giáo.

Trước những vấn đề đó, đòi hỏi chư Tăng Ni phải có trách nhiệm giáo hóa người dân hiểu được giáo lý đạo Phật và từ bỏ hết những tập tục trái với chân lý. Thường thường mỗi lần cất chùa tôi không coi ngày giờ, miễn có điều kiện cứ làm chừng nào xong thì thôi. Đi đâu hoặc làm Phật sự gì, đúng lúc cần làm cứ làm, không coi ngày giờ gì hết.

Gần đây tôi hay nói nửa đùa nửa thật, nếu cha hoặc mẹ chết nhằm ngày trùng, đó là vinh hạnh hay đau khổ cho chúng ta? Nhớ lúc cha mẹ còn sống, mỗi khi đi đâu mình luôn đòi theo. Bây giờ cha mẹ chết vào đúng ngày trùng sẽ về dẫn hết cả nhà cùng đi. Đó là vinh hạnh vì mọi người được đoàn tụ nơi khác. Vậy mà nói tới ngày trùng ai cũng hoảng

không dám chôn, giả sử chôn rồi phải mượn thầy ếm. Thật là mâu thuẫn! Chúng ta thương cha mẹ không hết mà lúc cha mẹ chết lại ếm không cho về. Ở lại tới bảy tám người mà đi chỉ có một, họ muốn về dẫn theo người khác cho có bạn đỡ cô đơn, sao không cho? Nếu không muốn cha mẹ về thì đừng cúng, bày ra cúng thử hỏi cúng cho ai? Thật vô lý!

Ngày xưa Thầy tôi, hòa thượng thượng Thiện hạ Hoa - Viện trưởng viện Hóa đạo, mất vào ngày 20 tháng chạp, Giáo hội quy định đến ngày 25 thiêu. Bất thần không biết vị thầy nào coi ngày coi giờ chạy vô báo tin: "Không được, 25 là ngày trùng. Nếu thiêu ngày đó, hoặc là anh em trong gia đình phải chết, hoặc là đệ tử phải chết". Giáo hội hơi lo ngại nên mở một cuộc họp với người thân trong gia đình và đệ tử của ngài. Lúc đó tôi là trưởng tử, bên gia đình có sư bà Bảo An là chị của Hòa thượng, và thầy Trụ trì chùa Phật Quang - Bang Chang là anh của Hòa thượng. Khi Giáo hội nêu ra vấn đề và hỏi ý kiến mọi người, tôi thưa sư bà Bảo An:

- Thưa Sư bà, Sư bà có sợ chết không?

Sư bà nói:

- Không. Tôi 70 tuổi rồi, muốn chết thế cho thầy Thiện Hoa mà chết không được. Có gì đâu mà sợ.

Tôi gật đầu nói:

- Được rồi, Sư bà không sợ chết, con rất mừng.

Tôi chạy qua hỏi thầy Phật Quang:

- Thưa Thầy, Thầy có sợ chết không?

Thầy đáp:

- Không. Tôi ốm đau hoài sống làm gì, chết sớm chừng nào tốt chừng nấy.

Tôi mừng nói:

- Dạ được rồi.

Lúc ấy cả Sư bà, thầy Phật Quang và tôi đều không sợ chết, nên tôi mạnh dạn thưa thẳng với các vị tôn đức trong Giáo hội:

- Xin Giáo hội cứ cử hành nghi thức thiêu, vì gia đình và đệ tử chúng con không ai sợ chết hết.

Đến ngày 25, Hòa thượng được thiêu và không ai chết chóc gì cả. Qua đây mới thấy việc coi ngày giờ không thực tế chút nào.

Mỗi lần cất nhà người ta phải đi coi ngày, nhiều lúc nhằm ngày sát chủ sợ không dám cất. Tôi dám nói rằng, nhà nào cất bằng xi-măng sắt thép và đổ bê-tông đều sát chủ hết. Bởi vì bảy tám chục năm sau nó mới hư, trong khi người cất ở chừng hai ba chục năm đã chết mất rồi. Trừ mấy cái lều lụp xụp

phải chịu mưa nắng hoặc giông bão thổi mạnh liền tan hoại ngay. Cho nên ngày nào cất cũng được, đừng sợ sát chủ làm gì cho mất công. Bây giờ có tiền không chịu cất liền, đợi sang năm hết tiền muốn cất không được nữa.

Lịch Tàu căn cứ theo xứ sở Trung Quốc nên không có gì bảo đảm cho chúng ta. Ngay cả việc dự báo thời tiết cũng vậy, trong khi ba miền Bắc Trung Nam nhiệt độ khác nhau mà đem so sánh với bên Tàu thì làm sao giống được. Đó là điều sai lầm thứ nhất. Điều sai lầm thứ hai, giờ Trung Quốc sớm hơn giờ Việt Nam hai tiếng, vậy lấy đâu làm chuẩn để định giờ tốt giờ xấu. Nếu y cứ vào đây cho là khuôn mẫu thành ra lạc hậu, lỗi thời. Đó là hình thức mê tín, tin những điều không đúng sự thật. Căn cứ trên thực tế khoa học, những mê tín này sai 100%.

Người chưa đủ lòng tin với Phật pháp, không hiểu lý nhân duyên, nhân quả rất dễ rơi vào tình trạng mê tín này. Chúng ta học Phật phải truy nguyên tận nguồn gốc, đừng hời hợt thấy xưa bày sao nay làm y vậy. Phật dạy tu phải chánh tín tức là tin một cách chân chánh đúng lẽ thật. Trước hết, tin sâu lý nhân quả. Không bao giờ tạo nhân lành lại có kết quả xấu; không bao giờ tạo nhân ác lại có kết quả tốt. Nếu lựa ngày lành để làm những việc xấu mong không có kết quả xấu, chắc rằng

mấy người ăn trộm ăn cướp sẽ lựa ngày tốt để xuất hành. Chuyện nhân quả rõ ràng không sai chạy, cho nên trước sau gì họ cũng bị ở tù. Tin nhân quả là chánh tín, tin vào ngày giờ là mê tín.

Tăng Ni có trách nhiệm giải thích cho Phật tử hiểu việc coi bói là hình thức sai lầm, không đúng lẽ thật, làm sao đời sống ngày càng văn minh hơn. Đây là truyền bá chánh pháp đúng như chánh pháp. Đạo Phật là đạo trí tuệ và giác ngộ. Tăng Ni có bổn phận hướng dẫn người dân đến với đạo Phật bằng chánh kiến, thấy đúng như thật về các pháp. Giản trạch cho họ hiểu về lý nhân quả nghiệp báo, đừng đi sâu trong mê tín dị đoan, xóa dần những hủ tục tà kiến trong dân gian. Được vậy là góp phần làm cho ngôi nhà Phật pháp ngày càng sáng tỏ, phù hợp với tinh thần văn minh, khoa học của nhân loại ngày nay. Đây là điều hết sức thiết yếu, đòi hỏi sự nỗ lực của chư Tăng Ni và Phật tử.

Giáo lý nhân duyên, vô thường, nhân quả của đạo Phật là những triết lý cao siêu chân thật, không ai chối cãi được. Hiện nay người dân trí thức luôn đặt niềm tin vào khoa học, họ cho rằng cái gì khoa học phát minh là có thật. Vậy đạo Phật có liên hệ thực tế với khoa học như thế nào? Như ngọn đèn điện phát sáng là do sự va chạm của hai lằn điện âm và dương. Từ đó người ta giải thích được nguyên

nhân tại sao sấm sét phát ra ánh sáng. Ngày xưa dân gian quan niệm do thiên lôi trừng phạt những đứa con bất hiếu, trên trời xuất hiện lằn sét. Sau này khoa học chứng minh hiện tượng đó do điện âm dương trong hư không chạm nhau. Như vậy khoa học y cứ trên lý nhân quả.

Người xưa thấy ai nổi cơn rét run, cho rằng người ấy bị bà thủy quở. Ngày nay y khoa truy ra nguyên nhân do vi trùng sốt rét. Lúc ấy bác sĩ chỉ cần chích thuốc hoặc cho bệnh nhân uống thuốc, vi trùng sẽ chết và bệnh rét run sẽ hết. Cho nên các ngành khoa học đều thừa nhận lý nhân quả là hợp pháp. Nói tới khoa học là nói tới phân tích, từ nhân phăng tới quả, từ quả truy tìm ngược lại nhân, từ đó mà có các phát minh sáng chế.

Nhân quả là chân lý căn bản trong cuộc sống hiện tại, là một lẽ thật trên thế gian, không sự vật nào thoát ngoài sự chi phối của nó. Ai chẳng biết cái cây lớn lên từ hạt giống chứ không phải trời sanh ra. Trong cuộc sống tương quan, nếu chúng ta đối xử tốt với mọi người sẽ được mọi người mến thương lại. Nếu chúng ta xử xấu với mọi người, mọi người sẽ chê ghét lại. Đó là lẽ đương nhiên, không ai có thể chối cãi được. Vậy mà nhiều người học Phật lại tin vào ngày lành tháng tốt, chết trùng yểm đối, không xét theo lý nhân quả.

Lẽ thật trong đạo Phật luôn rõ ràng và công bình, tạo nhân thế nào sẽ nhận lấy quả tương ứng không sai chạy. Tự bản thân mỗi người là chủ nhân tạo nghiệp và lãnh thọ quả báo nghiệp mình từng tạo. Cho nên hạnh phúc hay khổ đau không do đấng thiêng liêng nào áp đặt. Hiểu lý nhân quả rồi chúng ta sẽ có đủ lòng tin và can đảm đối diện trước mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Giáo lý nhà Phật do đấng giác ngộ chỉ dạy nên những gì Phật nói ra đều là chân lý. Chúng ta học Phật phải thấu triệt điều này, đừng để mê muội cố chấp, tự gây phiền não khổ đau cho mình và người, không xứng đáng là đệ tử của đức Phật.

Phật nói tất cả sự vật có hình tướng trên thế gian đều vô thường. Một khi hiểu được lý vô thường và biết ứng dụng vào cuộc sống, chúng ta sẽ bớt khổ rất nhiều. Người đang tươi trẻ đầy nhiệt huyết, một thời gian sau lật bật thấy mình già, lâu lâu đau một trận, tới ngày nào đó nghe tin mình sắp chết. Lý đáng khi già bệnh chết đến mình rất sợ, nhưng nhờ hiểu lý vô thường tâm bình an không lo lắng.

Ngài Tuệ Trung thượng sĩ thời Trần tuy là một cư sĩ Phật tử nhưng vẫn tu hành thâm chứng được lý đạo. Thời gian cuối đời ông nằm nghỉ tại Dưỡng Chân trang. Thấy ông nhắm mắt sửa soạn tịch, cả gia đình òa lên khóc. Ông mở mắt kêu lấy nước súc miệng rửa mặt rồi ngồi tỉnh táo nói: “Sanh tử là lý

thường nhiên, tại sao các ngươi làm động chân tánh của ta?". Quá hay! Chết sống là lẽ thường, không ai thoát được, cứ để người ra đi yên lòng, đừng rộn ràng quấy nhiễu chân tánh của họ. Người nào lúc ra đi vui vẻ chấp nhận cái chết đến, tâm bình ổn nhẹ nhàng nhất định sẽ được sanh cõi lành.

Cận tử nghiệp là thời điểm vô cùng quan trọng, nếu khi đó tâm sợ sệt, sân hận hoặc đau buồn sẽ bị đọa vào các đường ác. Cho nên Phật dạy, khi cha mẹ hoặc người thân trong gia đình sắp chết, không cho con cái khóc nhiều vì sợ họ xót xa quyến luyến. Tốt nhất là tụng kinh, niệm Phật giúp cho tâm hồn người sắp mất an ổn, thảnh thơi ra đi. Điều thiết yếu này người Phật tử phải biết.

Khi không có quý thầy cô ở gần, phải mời bạn đạo tới hộ niệm giúp tâm trí người lâm chung được sáng suốt. Tối kỵ nhất là lúc cha mẹ gần tắt thở, con cái xúm nhau chia của cải, gây gổ om sòm khiến cha mẹ nổi sân đọa vào trong đường ác. Đối với hai thứ thương yêu và sân hận, tuyệt đối phải dè dặt cẩn thận. Khi ấy thân người bệnh nhọc nhằn, đau đớn khổ sở nên không tự làm chủ được. Mọi người xung quanh phải nhất tâm niệm Phật, trì kinh để họ nương theo cho tỉnh táo sáng suốt ra đi được an lành. Đó là lúc quan trọng quyết định cho con đường tái sanh. Được vậy là Phật tử hiểu đạo.

Trải qua thời gian lâu xa, giá trị của đạo Phật vẫn luôn sáng tỏ và giữ được vị trí tôn quý trong lòng nhân loại. Sự thâm chứng của đức Phật đã để lại kho tàng giáo lý rất thực tiễn và khoa học. Thời đức Phật cách nay gần 26 thế kỷ, lúc đó đâu ai biết ngoài thế giới chúng ta đang sống có muôn trùng thế giới khác. Sau khi giác ngộ thành Phật, Ngài thấy hằng hà sa số thế giới nhiều như số cát sông Hằng, trong một bát nước lại có vô số vi trùng.

Nếu không có khoa học chứng minh điều này, chắc chúng ta không thể tin nổi. Đạo Phật là đạo giác ngộ, do giác ngộ chân lý của vạn pháp nên Bồ-tát Sĩ-đạt-đa thành tựu được quả vị Phật. Lúc còn là thái tử, một hôm Ngài đi dạo bốn cửa thành, chấn động khi chứng kiến cảnh sanh già bệnh chết của con người mà quyết tâm tìm cho ra con đường giải thoát cho mình và nhân loại.

Sau khi vượt thành đi xuất gia, Ngài tìm học với các vị tiên nhưng không thỏa mãn được chí nguyện. Cuối cùng Ngài đến ngồi dưới cội bồ-đề nhập định suốt 49 ngày đêm, được giác ngộ. Ngài thấy rõ manh mối tại sao chúng sanh bị luân hồi trong vòng sanh tử và phương pháp giải thoát một cách tường tận, không nghi ngờ.

Đức Phật ngồi tu dưới cội bồ-đề được giác ngộ thành Phật. Do tâm định tĩnh nên Ngài sáng được

trí tuệ vô sư, chứ không phải do học hiểu từ bên ngoài. Ngài thấy tường tận tột cùng chân lý, những điều thế gian chưa bao giờ biết tới. Trí tuệ đó sẵn có trong mỗi chúng sanh, bởi mê lầm che lấp nên bị bỏ quên. Đức Phật cũng là một con người như chúng ta, với tâm kiên quyết tu hành chiến thắng tất cả nội ma ngoại chướng, tâm Ngài hoàn toàn an định. Bởi tâm an định nên trí tuệ phát sanh. Tiến trình này chính là tu tập ba môn học Giới Định Tuệ.

Giải thoát chỉ có được sau khi đã giác ngộ. Như người uống rượu say sưa, ụa mửa liên miên, dần dần sanh bệnh đau gan. Nghe bác sĩ giải thích bệnh do uống nhiều rượu, muốn trị lành bệnh phải bỏ rượu. Anh ta nghe lời liền bỏ rượu, dần dần thoát được cơn ghiền và cuối cùng hết bệnh. Đó là minh chứng muốn giải thoát trước phải giác ngộ.

Trường hợp thứ hai, một thanh niên khỏe mạnh không lo làm ăn, tối ngày đi trộm cắp. Sau này anh bị công an bắt bỏ tù, được những người có trách nhiệm giáo hóa: "Tại sao người mạnh khỏe đầy đủ tay chân như anh không chịu đi làm kiếm tiền, lại trộm cắp phải tù tội khổ sở như vậy?". Nghe xong anh tỉnh ngộ, hứa ngang đây không tái phạm nữa.

Tóm lại muốn bỏ được tất cả nghiệp khổ, nghiệp xấu thì trước phải giác ngộ. Cũng vậy, tu mà không giác ngộ nguyên nhân đau khổ và nhân tố đưa đến

giải thoát thì không thể giải thoát được. Giác ngộ rồi mới có thể gỡ hết những nhân duyên trói buộc lôi cuốn chúng ta trong trầm luân.

Từ bi trong đạo Phật là cứu khổ chúng sanh, người học Phật cần yếu phải hiểu chín chắn nghĩa từ bi, khả dĩ đi đúng đường hướng Phật chỉ dạy. Ngoài thế gian, người học trò đang trong độ tuổi cắp sách tới trường phải học hết tiểu học rồi tiến lên trung học và đại học. Miệt mài cắm đầu học cho giỏi để sau này làm lợi ích gia đình và quê hương xứ sở. Thật quá tốt!

Trong đạo cũng vậy, người tu sĩ Phật giáo luôn luôn phải trau dồi giới định tuệ ngõ hầu thành tựu đạo nghiệp cho mình, làm Phật sự lợi lạc quần sanh. Nhất là trong ba tháng an cư, Tăng Ni tụ hội về các tụ điểm an cư cùng sách tấn, hỗ trợ nhau tu học cho đạt kết quả tốt. Nương theo sự hướng dẫn chỉ dạy của các bậc thầy đi trước, Tăng Ni học hiểu và cố gắng ứng dụng hành trì. Thành quả có được chính là tư lương sau này trở về trú xứ của mình làm Phật sự.

Bổn phận của người xuất gia rất lớn, trước phải tu học cho đàng hoàng, thâm hiểu tường tận giáo lý, thực hành lời Phật dạy đúng với con đường chân chánh. Từ đó hướng dẫn, giản trạch cho Phật tử biết đâu là thiện ác, chánh kiến tà kiến, trí tuệ si mê.

Làm sao giúp họ tránh tạo những điều xấu dở, phát huy trí tuệ, xa dần hủ tục mê tín dị đoan, siêng năng tu tạo thiện nghiệp ngõ hầu hết khổ được an vui.

Trong lúc Tăng Ni tập trung an cư kiết hạ một chỗ, thấy dường như không làm lợi gì cho ai nhưng không phải. Thực tế đây là thời điểm khá quan trọng để Tăng Ni vun bồi đạo hạnh và trí tuệ, làm tiền đề cho sự nghiệp hoằng pháp, trôi tròn bổn phận người xuất gia tự lợi lợi tha viên mãn.

Tóm lại, người xuất gia phải làm sao phát triển trí tuệ sáng suốt, ngày càng tiến gần chỗ giác ngộ viên mãn. Thứ đến phải thực hành lợi tha, giúp đỡ mọi người xung quanh đều được an lạc, vui tươi. Thực hành tốt hai điều then chốt: giác ngộ và từ bi, là hoàn thành bổn phận người xuất gia, đi đúng chủ đích của đạo Phật.

Hôm nay nhân mùa An cư, tôi chia sẻ những điểm thiết yếu trong đại cương Phật pháp. Mong quý thầy cô cố gắng thực hành tốt để lợi mình lợi người. Đừng để ba tháng trôi qua nhọc nhằn mà không thu lượm được kết quả gì. Quý Phật tử luôn trông đợi thầy cô tu hành đạt thành quả tốt để sau này giáo hóa lại họ. Đó cũng là sự mong mỏi của tôi.

GIÁC NGỘ VÀ MÊ LẦM

Hôm nay nhân mùa An cư kiết hạ, quý Phật tử trở về thiền viện phát tâm cúng dường và xin được nghe một thời pháp. Tôi sẽ nói về ý nghĩa giác ngộ và mê lầm để nhắc nhở, sách tấn tất cả quý vị.

Nói đến đạo Phật tức là nói đến sự giác ngộ. Trong các sách xưa của người Việt Nam cũng như các sử liệu từ đời Trần trở về trước, tổ tiên mình đều gọi đức Phật là Bụt. Hiện nay hầu hết chúng ta đều gọi ngài là Phật. Vậy cách gọi nào đúng? Tôi sẽ giảng để quý vị nắm vững nguồn gốc các danh xưng về đức Phật, đồng thời hiểu được ý nghĩa rõ ràng về mê và giác.

Ngày xưa các vị sư từ Ấn Độ theo tàu buôn của người Ấn đến vùng Luy Lâu thuộc miền Bắc Việt Nam để truyền đạo. Do người Ấn trực tiếp truyền cho người Việt nên những từ trong nhà Phật phần nhiều phát âm theo tiếng Ấn đúng với nghĩa của nó. Chữ Phật nguyên tiếng Phạn là Buddha, theo tiếng Hán của người Trung Hoa đọc là Phật-đà. Như vậy chữ Bụt phát âm theo chữ “Bud” gần hơn. Còn chữ “dha” là người, chúng ta tôn trọng nên gọi là ông, do đó Buddha là ông Bụt. Vì vậy phát âm

Phật xa hơn so với chữ Bụt, nhưng tại sao ngày nay chỉ dùng chữ Phật mà không dùng chữ Bụt như ngày xưa.

Nguyên chữ Buddha, người Trung Hoa dịch là Giác giả. Giác là giác ngộ, giả là người; Giác giả là người giác ngộ. Nhưng sang tới Việt Nam, chúng ta lại phát âm là Phật-đà. Vì vậy chữ Phật-đà là phiên âm chứ không phải dịch nghĩa. Phật là gọi tắt chữ Phật-đà, muốn nói lên ý nghĩa giác ngộ của đạo Phật. Tại sao chữ Bud là giác, chữ dha là người, người giác ngộ dễ quá mà chúng ta không chịu dịch ra chữ Việt, cũng như người Trung Hoa không chịu dịch ra chữ Hán, mà lại để nguyên âm? Vì dịch ra sẽ không nói hết ý nghĩa của nó.

Ở đây tôi nói về chủ đề giác và mê nên phải giải rõ lý do này. Nhắc tới đạo Phật hay đức Phật tức là nói tới sự giác ngộ. Chúng ta tự xưng mình là Phật tử nghĩa là con của bậc giác ngộ. Vì vậy gọi Phật tử cũng chính là nhắc tới sự giác ngộ. Từ "giác ngộ" nếu hiểu quá cạn sẽ không đúng với chỗ giác ngộ của đức Phật. Giả sử thấy ai đó trước đi ăn trộm, ăn cắp, uống rượu, làm đủ thứ xấu. Sau họ được người khác giáo dục, dạy bảo nên bỏ trộm cướp rượu chè, chúng ta liền bảo người đó giác ngộ rồi. Giác ngộ ấy còn cách rất xa với sự giác ngộ của Phật, chỉ là biết chừa bỏ lỗi lầm thôi. Giác ngộ như vậy là quá cạn

cợt. Cho nên đức Phật giác ngộ ra sao, giác ngộ cái gì là điều chúng ta phải tìm hiểu kỹ.

Khi đức Phật ngồi tu dưới cội bồ-đề, vào đêm thứ 49 từ đầu hôm tới canh hai Ngài chứng được Túc mạng minh. Nghĩa là nhớ rõ tất cả dòng sanh tử từ vô lượng kiếp như mới ngày hôm qua, biết vô số kiếp về trước của mình một cách rõ ràng. Phật kể lại trong kinh rằng: "Ta nhớ vô số kiếp về trước rõ ràng như nhớ việc mới xảy ra hôm qua". Đó là giác ngộ về số phận con người từ vô lượng kiếp trở lại đây như thế nào. Thấu suốt được kiếp quá khứ của con người, giải quyết được nghi vấn con người có mặt ở đây không chỉ một lần mà đã vô số kiếp.

Từ canh hai tới canh ba, Ngài chứng được Thiên nhãn minh thấy rõ ràng tường tận những cái vi tế, những thứ xa xôi và nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh. Ngài nhận rõ con người sau khi chết bị nghiệp lành, nghiệp dữ do mình tạo dẫn đi trong luân hồi lục đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi người, a-tu-la, cõi trời. Chết rồi theo nghiệp mà đi chứ không phải chết là hết. Trong kinh Phật kể lại: "Ta nhìn thấy chúng sanh luân hồi trong lục đạo, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ đi qua người đi lại một cách rõ ràng, không có nghi ngờ gì hết".

Đức Phật thấy tường tận nghiệp sẽ dẫn chúng sanh đi luân hồi nơi này nơi nọ, không chút nghi ngờ. Ngay cả những chúng sanh rất nhỏ như vi trùng Ngài cũng có thể thấy được. Cho nên khi nhìn vào bát nước thấy tám muôn bốn ngàn vi trùng, Phật dạy chư Tăng Ni nếu không có đãy lọc nước thì khi uống phải đọc bài kệ:

Phật quán nhất bát thủy,
Bát vạn tứ thiên trùng,
Nhược bất trì thử chú,
Như thực chúng sanh nhục.

Phật lại thấy trong hư không có vô số thế giới không thể kể hết. Vì thế trong kinh thường nói "hằng hà sa số thế giới" tức là thế giới nhiều như cát sông Hằng ở Ấn Độ. Bây giờ tôi nói thế giới nhiều như cát sông Đồng Nai. Sông Đồng Nai chưa bằng một phần ba sông Hằng, thử tưởng tượng cát sông Đồng Nai chừng bao nhiêu? Không thể tưởng tượng nổi. Vậy mà Phật thấy tường tận trong hư không này thế giới nhiều không thể đếm hết. Như vậy cách đây hơn 25 thế kỷ, đức Phật đã thấy tường tận nghiệp chúng sanh, vi trùng và cả thế giới vô số. Cái thấy đó gọi là Thiên nhãn minh, chứng thực chứ không phải suy luận mà thấy.

Đến canh năm khi sao mai vừa mọc, ngài chứng được Lậu tận minh, thấy tường tận nguyên nhân con người tại sao phải chịu luân hồi sanh tử, làm sao dứt được luân hồi sanh tử. Vì thế sau khi thành đạo, Ngài thuyết bài pháp đầu tiên là Tứ diệu đế. Trong đó Khổ đế là quả hiện tại, khổ này không tự có, do nhân Tập đế gây nên. Muốn hết quả khổ phải tiêu diệt nguyên nhân, tiến đến Niết-bàn an lạc thanh tịnh tức là Diệt đế. Phương pháp tu tập để hết khổ được vui là Đạo đế. Cho nên Đạo đế là nhân tiêu diệt mầm sanh tử. Mầm sanh tử hết thì được giải thoát.

Sự giác ngộ của đức Phật thật siêu việt, vượt lên trên tất cả. Ngài thấu suốt được mầm sanh tử của chúng sanh do đâu mà có. Tiêu diệt mầm sanh tử thì được giải thoát. Nếu còn mê muội tạo nghiệp sẽ bị dẫn đi trong các đường xấu. Nếu tỉnh giác tu hành sẽ được sanh trong các đường lành. Đó là cái thấy tường tận của Phật chứ không phải do suy luận tưởng tượng.

Khi đức Phật thành đạo, Ngài thấy chúng sanh trên thế gian này do nguyên nhân nào phải đi trên đường khổ, do nguyên nhân nào tiến được trên đường lành. Thấy rõ ràng như vậy nên Ngài mới dạy chúng ta tu. Nếu tạo duyên tốt nghiệp tốt sẽ được đi đường lành. Nếu tạo duyên ác nghiệp ác sẽ

bị đi đường khổ. Ngày nay quý vị biết chọn đường lành tránh đường dữ là giác chút chút rồi, không còn mê hoàn toàn. Đó là thức tỉnh thứ nhất.

Đức Phật dạy, tất cả chúng sanh trên thế gian này đều bị luật vô thường chi phối. Khi còn làm thái tử, Ngài dạo bốn cửa thành thấy cảnh sanh, già, bệnh, chết liền thức tỉnh đi tu. Ngày nay quý vị cũng thấy cảnh sanh, già, bệnh, chết; tuy không thức tỉnh mạnh như Phật nhưng cũng thức tỉnh đôi chút. Vì vậy không còn đắm mê chuyện danh lợi thế gian, bớt lăn xả trong chỗ làm giàu cầu danh cầu lợi mà giành thời giờ tu tập, làm lành lánh dữ. Đó là thức tỉnh thứ hai.

Thứ ba, quý Phật tử biết ăn trộm ăn cướp làm khổ người khác là tạo nhân đau khổ, thấy người nghèo thiếu chúng ta giúp đỡ là tạo nhân an vui. Làm cho người vui mình sẽ được vui. Làm cho người khổ mình phải chịu khổ. Thấy rõ nhân tốt nhân xấu, tránh làm dữ siêng làm lành là cũng tỉnh phần nào rồi. Như vậy chúng ta đều có tỉnh, tuy không nhiều nhưng cũng được ít phần. Nếu không phân tích chỗ này, chúng ta cứ nghĩ mình còn mê chưa giác. Đó là những bước tiến đầu tiên trong sự tu hành.

Bây giờ tới sự thức tỉnh lớn hơn một chút. Tại sao Phật tử lại ngồi thiền? Bởi vì biết nội tâm mình

có những thứ hư giả, lâu nay nó chi phối và che phủ, khuất lấp cái chân thật. Chúng ta ngồi lại để dẹp bớt cái giả thì cái thật hiện ra. Biết rõ như vậy nên mỗi ngày giành nửa giờ hoặc một giờ ngồi nhìn lại thấy tâm hư dối dấy lên, bỏ không theo. Biết cái hư giả là dối tức có tỉnh, dối tưởng là thật tức đang mê. Như vậy quý Phật tử đang làm việc tỉnh giác chứ không phải chuyện thường.

Đứng về mặt thế gian, đối với luật vô thường của cuộc đời, với nhân quả khổ vui quý vị đều tỉnh được một phần. Đứng về nội tâm, những dấy niệm hư giả không thật trước đây mê lầm tưởng là thật nên chạy theo nó tạo nghiệp. Bây giờ biết nhìn lại trong từng phút giây, thấy chúng không thật thì không theo, đó là tỉnh. Tất cả chúng ta tu theo đạo Phật là đang đi trên con đường giác. Giác ít gọi là Phật tử, giác nhiều gọi là Bồ-tát. Bồ-tát dịch là Hữu tình giác, cũng gọi Phần giác, tức là giác từng phần. Sự giác ngộ của các Ngài cao hơn chúng sanh phàm phu. Cho nên nói tới Phật tử là nói tới giác ngộ, hoặc nhiều hoặc ít chứ không phải mê.

Tuy nhiên kiểm lại thỉnh thoảng chúng ta vẫn thấy mình còn mê. Thứ nhất, điều vô lý không đúng lẽ thật mà tin là mê. Giả sử đầu năm Phật tử đi cúng sao, có vô lý không? Sao là cái gì mà phải cúng? Chúng ta đều biết hành tinh là một ngôi sao,

hành tinh cũng là một thế giới. Nếu người ở thế giới khác hướng về thế giới chúng ta lạy cúng, quý vị có cười họ không? Thế giới là vật vô tri đang quay mà lạy cúng làm gì.

Tại sao cúng sao lại hết tai nạn? Rõ ràng, nếu mình chửi người khác, họ sẽ chửi lại hoặc đánh mình. Nếu mình giúp người khác, họ sẽ thương và giúp lại. Nhân quả theo nhau, làm lành được quả lành, tạo ác chịu quả ác. Vậy mà hướng về một cái không biết lành hay dữ để cúng, có phải mê tín không? Tin một cách không đúng lẽ thật gọi là mê. Phật tử chấp nhận giác thì phải bỏ cái mê này. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai, chẳng những Phật tử trong Nam mà cả ngoài Bắc nữa, thường đi cúng hoặc vay tiền bạc chỗ mấy người được cho là linh thiêng. Thử đặt câu hỏi lại, người đó có bao nhiêu khả năng để chúng ta đi vay về làm ăn được phát tài? Họ là người tu hành đức hạnh hay gian tà? Nếu cho người khác vay làm ăn khá, rồi quay lại cúng mình thì có gì hay mà tới cầu xin. Họ chỉ là người tầm thường thế gian, không phải Phật hay thánh. Phật là bậc đã giải thoát, chúng ta nên học sự giác ngộ của Ngài mới là điều cần thiết. Nếu mình làm việc phước thì quả tốt sẽ tới, chứ nó không đến một cách ngẫu nhiên. Vì thế chuyện đi vay từ một người nào đó cho là

linh thiêng, để làm ăn được phát tài là mê tín. Đó là điều thứ hai.

Mê tín thứ ba là coi ngày, coi tuổi. Khi cất nhà muốn được khá giả, bình an lâu dài hoặc đến dịp cưới gả, quý vị phải coi ngày coi tháng thật tốt, chọn tuổi thật kỹ mới dám làm. Nhưng chỉ cần một cơn bão lốc đi qua thì nhà mình và nhà gần bên chưa từng coi ngày cũng sập như nhau thôi. Vậy thì việc coi bói đó đâu chắc gì. Nhiều khi dựng vợ gả chồng phải lựa ngày cho thật tốt, để gia đình sống vui vẻ suốt đời với nhau, nhưng vẫn có nhiều trường hợp không hạnh phúc dẫn đến ly dị. Tại sao người lựa trúng, người lựa trật? Một ông thầy coi cho chừng chục đám thỉnh thoảng vẫn có một hai đám xảy ra như vậy. Nếu ông coi đúng trăm phần trăm thì không có chuyện lôi thôi. Vì thế coi bói không bảo đảm đúng hoàn toàn, chỉ là chuyện "phước chủ may thầy" thôi, không phải lẽ thật. Vậy mà đa số người đời vẫn cứ tin theo.

Năm nay đủ tiền lẽ ra cất được cái nhà mới thay thế nhà cũ hư nát. Nhưng đi coi bói thấy tuổi xấu quá, cất nhà sẽ gặp năm sát chủ nên không dám làm. Tôi dám nói với quý vị rằng tôi cất chùa không coi ngày, nhưng tôi biết nó sát chủ. Bởi vì chùa cất xong năm chục năm sau chưa hư, còn tôi hiện đã già chừng vài chục năm nữa đi mất rồi, không sát

chủ là gì. Vậy mà quý vị lúc nào cũng lo lắng, sợ những cái xung quanh không thật, mà cái thật làm mình vui buồn lại không chịu sợ.

Mỗi khi mình nổi nóng la rầy khiến trong nhà mọi người đều khổ, mặt ai cũng buồn hiu. Khi nổi nóng thường chúng ta không làm chủ được mình thành ra nói bậy làm bậy. Bây giờ biết nó sẽ làm mình và người xung quanh khổ thì chúng ta phải tránh. Tôi thường nhắc quý Phật tử, mỗi khi cơn sân giận nổi lên phải lấy nhẫn nhục trị. Bằng cách là nhắc đi nhắc lại trong đầu câu "Nói là dại, nín là khôn" như đọc thần chú vậy. Im lặng một hồi cơn nóng sẽ qua, khỏe vô cùng. Đây là một lẽ thật, quý vị cố gắng thực hành theo.

Cũng như trong hàng xóm có người gặp tai nạn khổ sở, mình đủ phương tiện nên giúp họ qua cơn khổ. Mỗi lần đi ngang thấy mình họ sẽ vui vẻ chào hỏi. Đó là nhân lành chúng ta nên phát huy. Phật tử là người có trí tuệ, nhớ tập sống tỉnh giác, dù giác ngộ chưa nhiều cũng được ít phần. Mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút đừng cho mê. Được như vậy là biết tu theo Phật, biết đi trên con đường giác. Đừng đợi đến lúc hấp hối mới chịu tu, mà luôn luôn trong từng phút giây lúc nào cũng tỉnh giác. Như vậy mới xứng đáng con của đức Phật. Nếu mê tạo nghiệp đã đời rồi chạy về sám hối thì lôi thôi quá. Cho nên

đã là Phật tử thì không có quyền mê mà phải giác. Giác ít hay nhiều tùy khả năng mỗi vị.

Hôm nay nhân ngày quý Phật tử cúng dường trong mùa An cư, tôi có ít lời nhắc nhở, để quý vị phân biệt rõ ràng giác và mê. Từ đó có hướng đi tốt đẹp, làm việc gì cũng đúng nghĩa Phật tử. Cố gắng đừng làm sai để người ta chê cười và đánh giá đạo Phật là đạo mê tín dị đoan, vô tình làm thương tổn tới đạo mình đang tôn thờ là điều không hay. Mong tất cả quý Phật tử ghi nhận và thực hành đạt được kết quả tốt.

PHẦN III
GIÁO HUẤN TỰ TỨ

NHẮC NHỞ TĂNG NI TRONG NGÀY TỰ TỨ

Năm Kỷ Mão - 1999

Hôm nay nhân ngày mãn hạ, tôi trở về thăm thiền viện Thường Chiếu, tất cả Tăng Ni quy tụ về đây mừng khánh tuế tôi. Do đó tôi sẽ nhắc lại vài điều thiết yếu để quý vị nhớ và tinh tấn tu hành.

Trước hết nói về ngày Tự tứ. Chữ tự là mình, chữ tứ là thỉnh cầu các bậc thầy hướng dẫn tu trong ba tháng, nếu thấy nghe nghi mình có lỗi xin quý ngài từ bi chỉ dạy. Mỗi người tự xét lại, nếu phạm lỗi đúng như vậy thì thành tâm sám hối. Cho nên tinh thần Tự tứ hết sức cao đẹp. Người chỉ lỗi không đợi thấy mới chỉ, mà nghe ai nói hoặc nghi ngờ cũng cứ chỉ. Một vị Tăng cũng như một vị Ni, với tâm thành khẩn tha thiết cầu xin chỉ lỗi như thế, có thể làm tiêu tan hai điều xấu chứa chấp từ thuở nào.

Thứ nhất, chúng ta quen thói có lỗi muốn che giấu không cho người khác biết, đó là căn bệnh muôn đời. Trong nhà Phật thường thí dụ, người có

lỗi che giấu chẳng khác nào che giấu mụt ghẻ mủ, không chịu mổ. Lâu ngày mụt nhọt làm hư thối thịt, thậm chí có thể đi tới chết. Như vậy che giấu là tai họa nuôi dưỡng mầm bệnh trở thành ung thư không ai cứu được. Cho nên ngày Tự tứ chúng ta cầu mong người khác chỉ dạy để sửa đổi là dẹp được bệnh che giấu.

Thứ hai là bệnh ngạo mạn. Nghĩa là lúc nào cũng thấy mình hơn người, không bao giờ chịu dở, thấp kém, thua thiệt. Vì thế vừa nghe ai nói xấu, chỉ bày cái dở là nổi giận đùng đùng. Từ đó thiêu đốt, phá hoại hết tất cả công đức trên đường tu hành. Đây là hai căn bệnh trầm trọng. Người ôm ấp tâm ngạo mạn là bản ngã cao, tu tập không bao giờ đạt kết quả, vì không hợp với pháp vô ngã của Phật. Càng tu càng xa rời chánh pháp, càng đi ngược những gì đức Phật đã dạy. Đồng thời làm cho Phật pháp suy đồi, Tăng Ni phải ly tán.

Do đó Tự tứ là ngày chúng Tăng tự biết thỉnh cầu thầy hoặc huynh đệ đi trước chỉ bảo lỗi lầm của mình để sám hối. Chừa được những điều đó tâm sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Đây cũng chính là ý nghĩa cúi thấp mình, không tự cao tự đại. Cho nên Tự tứ là ngày quan trọng trong nhà Phật.

Đức Phật gọi Tự tứ là ngày chư Phật hoan hỷ. Ngài hết sức hài lòng với tinh thần Tự tứ vì đó là

ngày chúng đệ tử biết y theo lời Phật dạy dẹp bỏ phiền não, phá trừ ngạo mạn. Vì thế Ngài chọn lễ Tự tứ đúng vào ngày Vu Lan, xá tội vong nhân hoặc giải đảo huyền, tức mở sợi dây treo ngược, dạy tôn giả Mục-kiền-liên làm lễ cúng dường chúng Tăng, cầu nguyện mẹ được thoát khổ.

Tại sao Phật không chọn những ngày bình thường mà phải là ngày Tự tứ? Bởi vì ngày thường ít nhiều chúng ta cũng có phiền não chưa giải trừ được. Nếu ôm ấp gìn giữ những thứ đó thì tâm không thanh tịnh, cầu nguyện cho ai cũng không được kết quả tốt. Đợi ngày Tự tứ toàn thể Tăng Ni với lòng thành kính yêu cầu chỉ lỗi và tâm thấp mình khiêm hạ, không còn bản ngã để nhận lỗi là gốc của tâm thanh tịnh, được như vậy lời cầu nguyện mới có giá trị.

Tâm thanh tịnh hướng về chỗ nào thì chỗ đó sẽ được lợi lạc. Dù bà Thanh Đề ôm ấp phiền não tham lam, nhưng với tâm thanh tịnh của chúng Tăng hướng về bà, khiến bà cũng được thanh tịnh. Tất cả nghiệp chướng trầm luân, đọa lạc trong loài ngạ quỷ ngay đó tiêu tan và bà được sanh lên cõi trời. Nhân Tự tứ thanh tịnh của chúng Tăng kết tụ thành quả lớn lao là lễ Vu Lan. Ngày mà tất cả Tăng Ni cũng như Phật tử hướng về cầu nguyện cho hết thảy vong linh. Với tinh thần thanh tịnh

cầu nguyện thì tất cả vong linh đều được thanh tịnh, cho nên đó là ngày xá tội vong nhân.

Với ý nghĩa thâm trầm và giá trị cao thượng của ngày Tự tứ, Phật dạy dồn hết công năng của chư Tăng cứu độ vong linh, tất cả cửu huyền thất tổ được siêu thăng cõi Phật. Nhưng gần đây mỗi lần Tăng Ni làm lễ Tự tứ, tôi cảm thấy chưa ổn trong lòng. Bởi vì theo lời yêu cầu tha thiết của Tăng Ni là "hòa thượng hay thượng tọa nếu thấy con có lỗi, nghe con có lỗi, nghi con có lỗi, vì lòng từ bi thương xót chỉ cho, con xin thành tâm sám hối". Thế nhưng, quý ngài ngồi suốt một buổi không thấy chỉ lỗi nào, cái gì cũng tốt. Như vậy không đáp ứng được lời cầu thỉnh của Tăng Ni, chỉ mang tính cách hình thức máy móc mà thôi. Đó là điều tôi thấy không vui, cứ như vậy hoài e rằng ý nghĩa Tự tứ của đạo Phật sẽ không còn giá trị và lợi lạc nữa.

Chính chỗ này khiến tôi phải suy nghĩ, muốn cho Tăng Ni tăng trưởng phước đức, tăng trưởng đạo tâm thì phải có cách. Nếu ngày Tự tứ một hai trăm chư Tăng hoặc chư Ni, mỗi người trình lỗi thì chừng nào mới xong? Cho nên tôi chủ trương Tăng Ni phải làm lễ Thỉnh nguyện mỗi tháng một lần. Tinh thần lễ Thỉnh nguyện y cứ theo lễ Tự tứ Phật dạy.

Thiền viện mỗi tháng hoặc nửa tháng một lần phải có lễ Thỉnh nguyện. Thỉnh là cầu thỉnh, nguyện là nguyện sửa đổi. Tức là cầu xin bậc thầy hoặc huynh đệ thấy mình có gì xấu dở, chỉ giùm để sám hối cho tiêu hết tội lỗi. Nếu ngày Tự tứ Phật đại hoan hỷ thì ngày Thỉnh nguyện Phật cũng tiểu hoan hỷ. Bởi vì thấy đệ tử mỗi tháng đều cầu xin chỉ lỗi, tức là tránh được hai tội che giấu và ngạo mạn, trên đường tu nhất định có tiến.

Chủ trì một buổi lễ Thỉnh nguyện, tôi cảm động vì thấy những vị như Trụ trì, Quản chúng cầu xin thầy và đại chúng nếu thấy lỗi chỉ cho. Theo luật thường thì Sa-di không được chỉ lỗi Tỳ-kheo. Nhưng ở đây vị Trụ trì yêu cầu chúng chỉ lỗi thì thật là thấp mình. Hạ thấp mình xuống để cho bản ngã không còn cao là một lối tu thực tế, không phải chuyện thường. Vì thấy tinh thần thỉnh nguyện hay và cao quý, nên tôi ứng dụng cho Tăng Ni trong các thiền viện giống với ý nghĩa lễ Tự tứ hằng năm.

Như vậy một năm đức Phật hoan hỷ một ngày, còn chúng ta ở thiền viện tối thiểu cũng làm cho Phật tiểu hoan hỷ 12 ngày. Ý nghĩa Tự tứ cao thượng, quý báu nên mới gọi là ngày Phật hoan hỷ. Vì thế nếu làm theo kiểu máy móc lấy lệ thì Phật không thể vui được. Điều này rất quan trọng.

Phật dạy chúng ta tu để tiêu diệt phiền não thì tâm thanh tịnh, trí sáng suốt. Trên đường tu nếu mình không tự thấy lỗi phải nhờ huynh đệ chỉ giùm. Đó là điều hết sức thiết yếu. Thật ra nhiều khi mình có lỗi còn không muốn nhớ. Ai nói trái ý nổi giận la một hồi rồi giả bộ quên, thấy mình dường như rất tốt và thanh tịnh chứ không dám nhớ hồi nãy sân giận. Đối với người khác, cái dở của họ mình lại nhớ hoài.

Người thật tu là luôn luôn thấy lỗi của mình để chừa bỏ và sửa đổi. Nếu không tự thấy phải nhờ thầy bạn chỉ cho. Được thầy bạn chỉ mà buồn giận là chưa thật tu, chỉ cầm chừng cho có hình thức, tu lấy lệ để được Phật tử ủng hộ thôi. Người thật tu khi được thầy bạn chỉ lỗi phải hoan hỷ nhận, sám hối, chừa bỏ thì mới tiến.

Huynh đệ nào can đảm chỉ tật xấu của người khác là người tốt. Những người được chỉ lỗi mà nổi giận, hờn ghét, kiếm chuyện cự lại, hoặc không dám cự lại vì sợ tội nên ôm ấp phiền não trong lòng là người không biết tu. Đã không biết tu mà ở trong đạo thì không có lợi gì cho mình cũng như cho người. Tăng Ni nên nhớ mình chưa phải là thánh, đương nhiên vẫn còn sai lầm, thiếu sót. Được thầy bạn chỉ cho biết, chúng ta phải hoan hỷ cung kính nhận lỗi và sửa mới là người chân tu.

Phật dạy thân tứ đại, năm uẩn này là vô ngã, nếu chúng ta cho là thật thì mê muội chưa sáng suốt. Ngã không phải chân thật mà mê lầm nhận cho nó thật, là gốc của luân hồi sanh tử. Cho nên Phật dạy phải thấy năm uẩn là vô ngã, không thật, từ đó mới có thể gột sạch phiền não. Nếu thấy nó thật thì phiền não không bao giờ hết, tu không bao giờ được giác ngộ.

Mỗi đêm chúng ta tụng kinh Bát Nhã có câu: "Khi Bồ-tát Quán Tự Tại hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, ngài soi thấy năm uẩn đều không liền qua hết thảy khổ ách". Năm uẩn đều không tức là vô ngã. Bởi vì nó không có chủ thể, không có cái ta thật nên gọi là vô ngã. Thấy rõ ràng như vậy thì mọi khổ ách đều qua hết. Tụng đi tụng lại Bát Nhã nhiều lần để chúng ta nhớ mà tu.

Nhiều người cạo tóc, mặc áo nhuộm, ở chùa ăn chay mà cái ngã chưa tiêu bao nhiêu. Nếu nhỏ ít ra cũng bằng sân chùa Thường Chiếu, còn lớn hơn thì bằng núi Thị Vải. Cứ ôm ấp cái ngã như vậy chừng nào giải thoát sanh tử, chừng nào sạch hết khổ đau? Tất cả Tăng Ni tha thiết tu hành để được giải thoát sanh tử thì những điều tối quan trọng đó phải thấy, chứ không có quyền bỏ lảng qua một bên, nuôi dưỡng mê lầm, tự mình chuốc khổ và làm khổ lụy cho nhiều người.

Thật ra trong giới tu hành, một trăm người chưa chắc được chục người hạ thấp bản ngã. Bởi vậy chúng ta phải can đảm nhận hiểu đạo lý chân chánh của Phật rồi ứng dụng tu mỗi ngày. Không nên chỉ đọc câu kinh bài kệ cho êm tai mà phải thâm nhập, thấm nhuần lời Phật dạy để chừa bỏ cái ngã của mình. Bản ngã do mê lầm chấp ngũ uẩn làm ta là đáng chê trách. Phải thấy rõ nó là tướng duyên hợp không thật để không tự cao, ngã mạn. Tất cả tâm ấy sạch hết thì trên đường tu mới hoàn toàn thanh tịnh. Từ tâm thanh tịnh đi đến giải thoát sanh tử. Đó là lẽ thật không nghi ngờ.

Tăng Ni hiểu được ý nghĩa Phật hoan hỷ trong ngày Tự tứ, ứng dụng tu cho đúng thì giá trị sự tu ngày càng cao, đức hạnh ngày càng tăng trưởng. Như vậy mới xứng đáng là đệ tử của Phật, mỗi năm qua một mùa An cư tăng thêm một tuổi công đức. Nếu không như vậy chỉ là người làm lấy lệ, làm trò hề. Đã không có lẽ thật dù làm 10 lần, 20 lần, 50 lần cũng không có ý nghĩa và kết quả chút nào.

Mong rằng Tăng Ni ghi nhớ, thấm nhuần ý nghĩa hoan hỷ của đức Phật rồi ứng dụng tu. Nhờ tu mới thoát khỏi mê lầm được giải thoát sanh tử. Đó là chỗ tôi trông mong chờ đợi nơi quý vị.

LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH

Hôm nay nhân ngày mãn hạ, tôi có đôi lời nhắc nhở Tăng Ni cũng như Phật tử hiểu đạo lý và ứng dụng trong cuộc sống tu hành.

Tu có hai phần: lý thuyết và thực hành. Kiểm kỹ lại mới thấy chúng ta thực hiện phần lý thuyết khá đầy đủ, còn phần thực hành lại thiếu sót rất lớn. Cho nên đề tài buổi nói chuyện hôm nay tôi nhắm thẳng vào chủ đề *Lý thuyết và thực hành*.

Chúng ta học kinh có thể hiểu được những lời Phật dạy, nhưng thực hành được hay không lại là vấn đề khác. Lý thuyết là phần Phật tổ dạy, còn thực hành là công phu của chính mình. Như người rành đường lên núi, biết từ chân núi lên tới đỉnh phải vượt qua bao nhiêu cây số, chỗ nào ngặt nghèo nguy hiểm, trèo qua bao nhiêu ngọn đồi, dốc đá... Nếu chỉ nói lý thuyết suông mà không chịu đi thì chừng nào tới được đỉnh núi?

Cũng vậy chúng ta học hiểu rành rẽ đạo lý Phật dạy, nhất là thiền sinh trong các thiền viện được học đến cả năm mười năm. Lý thuyết nắm vững nhưng thực hành được bao nhiêu rồi? Nếu chỉ biết rành mạch đường lên núi mà không chịu khó leo,

chừng nào được lên tới đỉnh? Khi chưa leo tới nơi, dù có nghe nói hoặc đọc trong sách vở cũng chẳng bao giờ biết đúng với lẽ thật. Muốn biết đúng lẽ thật, phải lên tận đỉnh núi, tận mắt thấy rõ nơi này nơi kia, bốn phương tám hướng rành mạch. Người chỉ nói theo lý thuyết mà không chịu thực hành là thiếu thực tế.

Trên đường tu, Phật dạy chúng ta rất kỹ. Từ sơ phát tâm đến ngày viên mãn quả Bồ-đề phải trải qua rất nhiều cảnh giới, thứ lớp mới tới được chỗ cứu cánh viên mãn. Nghĩa là từ phàm phu tới thành Phật trải qua nhiều quả vị như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát... Bốn quả vị Thanh văn là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Quả vị của Bồ-tát là từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng đến Thập địa v.v... Kể thuộc lòng vanh vách, nói nghe rõ ràng nhưng không chịu nỗ lực tu thì không bao giờ tới được vị nào hết. Người tu học lý thuyết để thực hành chứ không phải học để giảng nói. Nhưng gần đây nhiều người học đạo phần lớn giỏi ngôn ngữ văn tự, còn thực hành lại quá sơ sài. Thật đáng buồn!

Vì vậy tôi muốn cảnh tỉnh tất cả Tăng Ni cũng như Phật tử, chúng ta học để thực hành chứ không phải học để nói lý thuyết. Nói thì trên mây mà thực hành thua rùa bò thì chừng nào đạt đến mục đích.

Quý vị phải gắng công gắng sức, đừng lôi thôi nữa. Tôi tự ngẫm thấy phần thực hành của mình quá ít, trong khi phần lý thuyết thì cao siêu. Tôi rất buồn vì điều đó. Đa số người tu ngày nay nói bằng miệng nhiều hơn là ứng dụng thực hành. Tối tụng một thời kinh, khuya tụng một thời nữa là xong. Tụng được hai thời kinh xem như hài lòng, không sợ tổn phước vì đã trả được nợ cơm áo của đàn-na tín thí.

Đức Phật thuyết kinh cho chúng ta nghe hiểu để tu, vậy mà cứ đem đọc cho Phật nghe mà không chịu thực hành. Tu như vậy chừng bao nhiêu kiếp nữa mới thành Phật? Quá ư là xa! Chúng ta bỏ tất cả việc thế tục, vào chùa tu chỉ một việc thôi mà làm rất lơ là. Như vậy đời tu của chúng ta sẽ đi tới đâu? Không biết có đủ đền trả nợ đàn-na thí chủ hay không, chứ đừng nói là phước đức dư dả. Đó là điều chúng ta phải tự kiểm xem mình xứng đáng chưa. Nếu chưa thì phải cố gắng nỗ lực thêm cho đáng một đời tu, để không hổ thẹn với đàn-na thí chủ. Tu lơ là không ra gì, chẳng những đời này hổ thẹn mà đời sau còn phải mang nợ đền trả.

Tăng Ni ngày nay tu rất đông, nếu không cố gắng là lỗi lớn của những người có trách nhiệm hướng dẫn. Vì vậy tôi phải nói phải nhắc. Mong rằng Tăng Ni nhớ và cố gắng thực hiện, làm tròn bổn phận người xuất gia. Được như thế thì người

đi trước mới không có lỗi. Tôi từng sống ở Phật học viện nhiều năm, vừa tu vừa giảng dạy cho Tăng Ni. Ngày nay đã quá tuổi hưu trí nên tôi nghỉ, nhưng nhìn lại tôi thấy hơi lo. Mình có trách nhiệm hướng dẫn mà không biết họ có thực hiện được những gì Phật dạy không? Hay là mình nói, họ nghe xong rồi bỏ qua hết. Nếu thật như vậy thì trách nhiệm của người hướng dẫn cũng chưa tròn. Vì thế tôi thường nhắc nhở chư Tăng Ni biết bổn phận của mình mà cố gắng thực hiện. Dù chưa tròn nhưng vẫn phải nỗ lực, chớ nên lơ là.

Từ khi bước chân vào đạo cho đến lúc đạt đạo, gần hay xa? Chúng ta bỏ cha mẹ đi tu, cha mẹ rất buồn. Họ cho rằng con bất hiếu không nuôi dưỡng cha mẹ. Chúng ta vào chùa tu, nhờ công đức tu hành để độ cha mẹ. Nếu tu hành không có công đức thì độ ai? Do cố gắng tu hành nên mới có công đức. Tuy nhiên, không chỉ tụng thời kinh là đủ công đức mà phải nỗ lực tu. Chẳng những đền ơn cha mẹ, còn phải đền ơn đàn-na thí chủ. Như thế vẫn chưa đủ mà phải làm sao xứng đáng mai này hướng dẫn chỉ dạy cho người đi sau. Trách nhiệm của người tu rất nặng, quý vị phải ghi nhớ và làm cho tròn.

Đối với cha mẹ phải đền ơn sanh thành dưỡng dục, đối với đàn-na thí chủ cúng dường phương tiện phải lo đền trả. Xét cái nào cũng thiếu hết là

điều đáng lo ngại. Người xuất gia tự độ mình rồi độ người. Nếu bản thân không làm tròn bổn phận, độ mình chưa xong thì độ được ai? Vì vậy Tăng Ni phải cố gắng nỗ lực tu hành cho chín chắn đầy đủ. Thà dư chứ không thể thiếu, ngoài đền ơn cha mẹ còn phải đáp lại ân nghĩa của Phật tử phát tâm cúng dường. Mong rằng mỗi người nên tự kiểm lại mình rồi cố gắng nhiều hơn.

Đức Phật là bậc giác ngộ viên mãn, chúng ta tu theo Ngài cũng phải giác ngộ phần nào. Muốn đi trên con đường sáng thì tự thân phải sáng. Luôn luôn kiểm điểm lại mình xem đã giác ngộ được bao nhiêu, từ đó tiếp tục nỗ lực thêm lên. Cụ thể nhất là đối với tam độc tham sân si, chúng ta đã dứt trừ nhiều hay ít? Đây là điều giác ngộ quan trọng số một.

Thí dụ, một vị Tăng ra đường gặp mấy đứa trẻ ngỗ nghịch kêu tên chửi, thầy giận không? Bước đầu của sự tu là diệt trừ tam độc. Nếu ba thứ này còn khá nhiều thì người tu không thể thoát khỏi đau khổ. Ba độc chưa dẹp sạch làm sao dám nói tới giải thoát sanh tử, làm sao đủ phước đức đền ơn cha mẹ, đàn-na thí chủ và thầy tổ. Bước chân vào đạo, mỗi ngày Tăng Ni đều nhận lãnh phần cung dưỡng của đàn-na thí chủ, từ ăn mặc cho đến các sinh hoạt khác. Ngày nào cũng mang nợ, sau này không đủ sức trả, nhất định bị đọa nhiều hơn người thế gian.

Vì vậy khi đã phát tâm xuất gia tu hành, chúng ta phải cố gắng vươn lên, vượt qua hết những gì tầm thường của thế gian, xứng đáng là người xuất thế. Phải thấy đây là gánh nặng, là bổn phận cần đền trả cho xứng đáng. Cách đền trả xứng đáng không gì hơn là tu để thoát khỏi nghiệp quả trong luân hồi sanh tử. Nếu còn lẩn quẩn trở đi trở lại trên thế gian này thì đền ơn không nổi.

Tôi rất lo vì biết mình không có công đức gì đáng kể, trong khi tiếp tục thụ hưởng và mắc nợ. Nếu món nợ cứ tăng hoài như vậy, thử hỏi khi nhắm mắt mình sẽ đi về đâu? Trong lục đạo luân hồi mình ở vào vị trí nào? Đó là điều cần ưu tư trăn trở. Dù chúng ta chưa giải thoát được thì ít ra cũng phải đủ sức đền trả ơn cha mẹ, ơn đàn-na thí chủ để đời sau tiếp tục tu thêm. Đời này đã không trả được nợ mà còn chồng chất, đời sau nếu không sanh trở lại làm người là điều rất đau khổ. Chìm xuống rồi không biết đi tới đâu, thật đáng sợ!

Chúng ta mặc áo ca-sa phải làm sao cho xứng đáng. Tự bản thân tu được an vui tự tại, rồi độ cha mẹ cùng giải thoát. Như thế mới là người con hiếu thảo. Nếu đã bỏ cha mẹ vô chùa mà tu lơ mơ, tới giờ công phu lười biếng không muốn đi, buổi khuya cũng không chịu dậy thì lấy gì đền ơn đây? Ở nhà với cha mẹ cố gắng chừng năm phần, xuất gia rồi

phải cố gắng mười phần. Bởi vì ở nhà còn có thể giúp đỡ những việc nhọc nhằn cho cha mẹ. Vô chùa đã không làm được gì mà còn thọ của đàn-na thí chủ. Nếu tu không ra gì thì cái nợ ấy biết chừng nào mới đền đáp được. Cho nên trách nhiệm của người tu rất nặng nề.

Vậy mà tôi thấy một số người tu còn lôi thôi lắm. Buổi tối tụng một thời kinh, khuya tụng một thời kinh, cho đó là đủ. Khi tụng kinh còn tụng cho nhanh để mau xuống, thậm chí vừa tụng vừa ngủ gục, đủ thứ dở tệ. Quý vị cần nên cố gắng, đừng để cái dở lôi kéo mình, lôi thôi một đời chẳng ra chi. Người tu phải xứng đáng là bậc thầy của cư sĩ, nếu lơ là không ra gì thì không thể hướng dẫn được người khác. Chẳng những tu không tiến mà còn lui sụt nữa thì thật đáng trách lắm.

Vị tu trước có trách nhiệm bổn phận hướng dẫn người tu sau. Phải xứng đáng là bậc huynh trưởng giác ngộ, dìu dắt thức tỉnh đàn em. Nếu người đi trước lừng chừng, người đi sau không có chỗ trông cậy thì trách nhiệm chưa tròn. Các vị Trụ trì hay Quản chúng, tới giờ khuya nghe kiểng thức chúng mà còn thấy mấy người không chịu đi ngồi thiền, ở nhà trùm chăn ngủ phải xử sao? Đánh thức dậy hay để nó ngủ luôn? Chỗ này phải xử sự khéo léo.

Chúng ta thương huynh đệ, tình thương đó có hai cách, hoặc đưa họ lên hoặc xô họ xuống. Tới giờ thức chúng không đi ngồi thiền, tụng kinh là mê. Nếu mình thương để cho ngủ là xô xuống hố chứ không phải cứu họ. Vì vậy người lớn có bổn phận phải kêu gọi, đánh thức người nhỏ. Thậm chí khi cần phải dùng tới cách này cách khác mạnh mẽ để trị những tập nghiệp xấu ấy. Từ bi trên tinh thần giác ngộ chứ không phải từ bi với lòng thương mù quáng. Người đã dở không tự thức được, mình thương thì phải đánh thức họ. Nếu để mặc là nuôi hoài cái mê và chôn vùi nó trong chỗ tăm tối.

Phàm làm thầy phải có cái nhìn sáng suốt, cố gắng dạy bảo những đứa dở thành hay, đừng nên nuôi dưỡng cái dở của nó. Chúng ta đề cao giác ngộ để mọi người xung quanh cùng giác, nên không thể nuôi dưỡng cái mê. Người có trách nhiệm trong đạo có bổn phận coi sóc từ trên xuống dưới. Ai tinh tấn ai lười biếng phải biết, đồng thời thúc đẩy những người lười biếng trở nên siêng năng tinh tấn, không cho thả trôi.

Huynh đệ xung quanh khuyên răn, cảnh tỉnh, đánh thức lẫn nhau. Không nên mặc tình ai muốn làm gì thì làm. Trên có thầy nhắc nhở, dưới có bạn khuyên răn thì sự tu hành mới dễ tiến. Nếu chỉ một thầy mà chúng đông thì làm sao coi ngó hết được.

Cho nên bạn là người cần thiết, bên Tăng cũng như bên Ni thấy huynh đệ nào có khuyết điểm cùng nhắc nhau, đừng đợi tới thầy nhắc mới được.

Tôi khuyên Tăng Ni đều phải một lòng một dạ nhìn gương người trên mà lo lắng cho chúng. Đại chúng ở dưới cũng chung sức gắng gổ đánh thức nhau cùng tinh tấn tu hành. Đó là việc tốt chung cho cả thiền viện, không riêng cá nhân nào. Chúng ta là những người bạn đang đồng hành, cùng đi một đường thì phải thương người yếu, dìu dắt họ theo kịp với người mạnh. Không vì lý do gì để mặc họ ra sao thì ra. Người lớn có điều gì hay, nhắc nhở cho người nhỏ. Như vậy trong chúng mới cùng tốt đẹp. Nếu để mặc ai muốn làm gì không cần biết, khi nào thầy chỉ dạy mới sửa đổi là nuôi lớn khuyết điểm trong thiền viện.

Mong rằng Tăng Ni có bổn phận làm thầy, làm huynh trưởng phải ráng cùng chung lo, góp sức với nhau tinh tấn tu hành. Đừng để huynh đệ tu hành lôi thôi, mình cũng mang tiếng lây là chúng ở chỗ không tốt. Hôm nay tôi nhắc nhở cho Tăng Ni biết những điều cốt yếu rồi cố gắng thực hiện. Làm sao sách tấn huynh đệ cùng tiến tu, xứng đáng một thiền viện có đại chúng đồng tinh tấn, là điều đáng khen đáng quý. Mong tất cả cùng cố gắng.

Cuộc đời qua mắt tôi

Chiếc thân tứ đại khối,
Sinh hoạt thế gian mây.
Thành công khối nước đá,
Thất bại chùm bọt tan.
Nhục vinh bong bóng nước,
Thương ghét hạt sương mai.
Khổ vui trong giấc mộng,
Danh lợi bóng chim bay.
Tháng ngày cái chớp mắt,
Còn mất nước trăng lay.
Chung cuộc cơn gió thoảng,
Viên mãn bầu trời trong.

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG

CÁC THIỀN VIỆN NI

VIÊN CHIẾU - LINH CHIẾU - HUỆ CHIẾU - PHỔ CHIẾU

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG THIỀN VIỆN VIÊN CHIẾU

Năm Ất Hợi - 1995

Nhân ngày đầu xuân, chư ni Viên Chiếu mừng tuổi Thầy. Đặc biệt đây cũng là năm Viên Chiếu đã tròn 20 năm sống ở trong rừng, vì vậy hôm nay Thầy sẽ nói về việc này với tụi con.

Những năm đầu tiên, Tăng Ni ở các thiền viện đều chưa có phương tiện quay phim, chụp hình. Nếu có những hình ảnh đó, bây giờ đem ra triển lãm thì mới thấy bước tiến không thể ngờ! Lúc ấy ở trên núi xuống hai ba chục người, lương thực không đủ ăn. Thầy nghĩ, nếu Thầy lo nuôi chúng như khi còn ở Chơn Không thì chắc chắn không tài nào nuôi nổi.

Khi vào đây chỉ thấy toàn rừng với rừng, Thầy chỉ cho tụi con chỗ nào làm ruộng, chỗ nào cất nhà v.v... Bấy giờ Thầy chỉ nghĩ cách giải quyết sao cho hiện tại tụi con có cơm ăn áo mặc để tu, còn mọi việc mai kia ra sao từ từ sẽ tính. Nhìn miếng đất "lầy mà cấy lúa tốt", Thầy tin rằng với đôi bàn tay và ý chí quyết tu, tụi con sẽ tạo được điều kiện sống ở nơi này. Nghĩ vậy nên Thầy quyết định cho mấy đứa con vô ở đây.

Thầy tin vào tụi con và tụi con cũng không phụ lòng tin của Thầy. Với lòng chân thành nghĩ tới đạo lý, tới sự tu thôi, mà từ những cảnh duyên xấu, hoàn cảnh khó khăn... tụi con đã làm tất cả biến thành cái hay, cái tốt. Ngày nay các thành viên buổi đầu đã đi nhiều nơi, số còn lại không bao nhiêu. Nhưng những đứa có mặt từ buổi đầu đến giờ, tụi con đều thấy rất rõ bước tiến của Viên Chiếu. Về hình thức, vật chất... thay đổi từng năm, mỗi năm mỗi đổi khác. Hiện nay, tuy nói hoàn bị nhưng thật ra chưa dừng ngang đây mà vẫn còn thay đổi nữa. Thầy nghĩ, nếu mình giữ vững lập trường trước sau như một thì sẽ tiến mãi không dừng, còn thay đổi như chong chóng thì không bao giờ thành tựu được điều gì hết.

Vì có lập trường nên Thầy hướng dẫn Viên Chiếu tụi con cũng như các thiền viện khác, đi từ con số rất nhỏ mà tiến dần lên được như hiện giờ. Do Thầy có hướng đi thực tế và tin chắc con đường đó không sai lầm, nên Thầy khẳng định để hướng dẫn tất cả Tăng Ni. Điều rất tốt là tụi con tin Thầy, dù lúc gặp hoàn cảnh khó khăn hay những trường hợp gay cấn... tụi con vẫn tin Thầy. Nếu Thầy có quyết định, có hướng đi cụ thể mà tụi con lại không tin Thầy thì chắc rằng không thể có được như ngày hôm nay.

Rõ ràng, trên nhờ sự gia hộ của Tam bảo, kế là sự khẳng định đường hướng tu hành của Thầy, dưới là tụi con có lòng tin nơi Thầy. Nhờ đầy đủ ba yếu tố ấy mới có kết quả như hiện tại. Nhờ tụi con cố gắng, trong cảnh cực khổ, khó khăn vẫn một lòng quyết tu, quyết tiến nên giữa rừng rú cỏ dại, từ cái trại rung rinh muốn sập bây giờ thành một ngôi già-lam tương đối khang trang. Ni chúng khởi đầu với một số rất ít, bây giờ đông đảo. Về nội tâm thì không ai biết được, nhưng về hình thức thì rõ ràng trong 20 năm qua, dần dần thành khoảnh tốt đẹp như thế này, thật không ai ngờ được. Đó là một sự thành công rất tốt.

Ở đây Thầy không đánh giá mặt làm việc giỏi, mà đánh giá về sự cố gắng tu hành của tụi con khiến cho Phật tử tin tưởng. Bởi tin tưởng nên họ mới chung lo, nếu nói tụi con làm ra cơm ăn để yên ổn tu thì thật tình là chưa bao giờ đủ ăn. Ăn còn chưa đủ, huống là có chùa. Làm không đủ ăn mà bây giờ chùa chiền khang trang, ấy là do Phật tử tin tưởng. Từ Thầy tin tưởng Tam bảo, tụi con tin tưởng ở Thầy, rồi Phật tử tin tụi con, cho nên ngày nay mới có sự tiến bước trên hình thức đáng kể như thế này.

Thầy thường nói với Tăng Ni rằng, chúng ta cứ thành thật nỗ lực tu thì Tam bảo không bỏ chúng

ta. Thầy tin chắc như vậy. Nếu thiếu lòng tin thì không bao giờ tiến. Thầy nhìn lại, từ Thường Chiếu, qua Linh Chiếu, vô Viên Chiếu, cho tới mấy Chiếu kia, ở đâu cũng nề nếp, khang trang. Đó là nhìn về mặt hình thức vật chất, còn phần tinh thần thì sao?

Ngày xưa, lúc ở Chơn Không, Thầy tin chắc rằng dạy Tăng Ni 3 năm, từ năm 1974 đến năm 1976, Tăng Ni mãn khóa sẽ có đủ lòng tin với Tam bảo. Nhưng rất tiếc, mới hơn một năm thì thầy trò phải xuống núi làm ruộng rẫy. Từ đó, thời gian học, thời gian tu không còn được như Thầy sắp xếp buổi đầu, kéo dài tới bây giờ là 20 năm. Như vậy, thay vì xưa Thầy nghĩ 3 năm đủ lòng tin thì bây giờ là 20 năm mới đủ.

Sở dĩ kéo dài vậy là vì thời gian trước ở Bát Nhã tụi con chỉ lo tu, lao động rất ít. Lại thêm mỗi tháng Thầy giảng luôn một tuần, vừa kinh luận và sử. Còn từ ngày xuống đây, tu và học rất ít mà lao động thì nhiều, nên phải kéo dài tới 20 năm mới đủ lòng tin. Như vậy để thấy rằng, nếu đứa nào trước sau không đổi ý, tức là tin chắc được Tam bảo, dù hoàn cảnh khó khăn thế nào cũng cố gắng thì dù không tiến mau, nhưng với thời gian dài cũng tiến chứ không lùi.

Như Thầy đã nói, Thầy tin chắc Tam bảo nên Thầy dạy tụi con cũng đủ lòng tin Tam bảo, rồi

cứ thế nối tiếp mà dạy lại đàn em có đủ lòng tin Tam bảo. Được vậy thì trên thế gian này, ngọn đèn chánh pháp mãi không lu mờ. Thầy tuổi đã già, sự sống không biết kéo dài tới đâu. Nhưng sống tới đâu cũng được, miễn là sau Thầy có những người tin chắc Tam bảo và biết hướng dẫn người sau cùng tu. Đó là điều Thầy rất yên lòng.

Thầy yên lòng không phải vì chùa tốt, mà vì trách nhiệm bổn phận của Thầy đã tròn. Yên lòng khi nhìn thấy được những nét tiến của tụi con, từ hình thức đến tinh thần đều vững mạnh, đầy đủ lòng tin để hướng dẫn hậu lai. Thầy mong rằng, từ đây về sau, chẳng những tin mà tụi con còn sáng được đạo nữa. Chính mình đủ niềm tin, được sáng lý đạo, rồi đem ánh sáng đó chiếu soi cho mọi người cùng sáng, đó là sở nguyện của Thầy. Bởi Thầy thấy ở đất nước Việt Nam, người Phật tử thâm tín Phật pháp rất đông, nhưng ngọn đèn chánh pháp thì soi chưa được sáng, nên Phật pháp biến thành mê tín. Thầy nghĩ, đời Thầy phải làm sao cho mê tín tan dần. Muốn cụ thể sở nguyện này, Thầy dùng chữ Chiếu để đặt tên cho các thiền viện.

Chiếu tức là soi sáng. Đem chánh pháp soi sáng, xua tan mê tín mờ tối. Khi hai thiền viện đầu tiên ở đây ra đời, Tăng thì Thầy đặt là Thường Chiếu, còn bên Ni thì Thầy đặt tên là Viên Chiếu.

Thường chiếu là chiếu hoài, sáng mãi không ngừng, không tắt. Viên Chiếu là chiếu soi trùm hết. Rồi sau các thiền viện tiếp tục ra đời, Thầy cũng dùng chữ Chiếu để đặt tên tiếp, với mong ước ánh sáng được tăng thêm cùng khắp. Như vậy là biểu trưng đủ hết, cả thời gian và không gian. Về thời gian thì sáng soi mãi không dừng, về không gian thì trùm khắp không giới hạn.

Thầy nghĩ, biết đâu sở nguyện của Thầy mai kia biến thành sự thật, khi đó chắc Thầy không còn có mặt ở đây. Đời Thầy chiếu một lõm, đến lớp Tăng Ni kế thừa, mỗi Chiếu năm bảy mươi người, mỗi người ra gánh vác một nơi, mở mang đầy hết thì mới tròn. Ngày xưa một mình Thầy, bây giờ Tăng Ni lớp tụi con, lựa kỹ cũng được trên chục người, tức là tăng gấp mười rồi. Cứ như vậy mà từng lớp tăng lên, lúc đó sẽ có được một số đông Tăng Ni truyền bá chánh pháp, làm cho ngọn đèn chánh pháp sáng khắp mọi nơi, không còn bị giới hạn nữa. Thầy trông cậy ở tất cả Tăng Ni đang theo tu học với Thầy, mỗi người cố gắng hết sức mình, nỗ lực tự tu và nhắc nhở huynh đệ cùng tu, để cho lòng tin Tam bảo luôn tăng trưởng. Đuốc trí tuệ được thắp sáng thì thế gian sẽ bớt mờ tối, chánh pháp của Phật được sáng lên thì mê tín, dị đoan sẽ không còn.

Khi giải thích về tu thiền cho mọi người biết, Thầy chỉ nói đơn giản "tu thiền là soi sáng lại chính mình", tức là chiếu. Nghĩa là, lúc chưa biết tu thì để sáu căn đuổi theo sáu trần, bây giờ biết tu thì không để sáu căn phóng ra ngoài mà quay trở lại soi sáng chính mình. Đường lối tu rõ ràng, không có gì nghi ngờ. Tất cả tụi con khéo ứng dụng tu, nếu không tường tận thì ít ra cũng được biết phần nào chứ không bị mê lầm như trước nữa.

Kỷ niệm 20 năm của Viên Chiếu, cũng là 20 năm của Thường Chiếu. Đây là kỷ niệm sâu đậm nhất đời Thầy, vì Thầy đã phải trải qua những năm tháng không được sáng sủa, cực khổ, phiền hà... đủ thứ. Ngày nay thì tương đối an ổn, nhẹ nhàng. Thầy tin tưởng lòng thành của tất cả tụi con xứng đáng để Thầy gửi gắm sở nguyện của Thầy. Vì vậy Thầy mong rằng, kể từ đầu năm Ất Hợi này về sau, những đứa lớn phải xứng đáng làm tròn trách nhiệm mà Thầy trông đợi, còn các người nhỏ thì phải ráng tinh tiến tu theo sự hướng dẫn của các sư huynh, sư chú, sư bác và sư thầy của mình, để đường tu được đi tới nơi tới chốn.

Đó là những điều Thầy nhắc nhở cho tất cả hiểu và cố gắng tu.

Năm Bính Tý - 1997

Hôm nay, nói theo thế gian là sắp mãn năm Bính Tý qua năm Đinh Sửu, hay hết năm 1996 qua năm 1997. Tất cả chư Ni tại đây, các vị lớn, trên đường tu đã được 10 năm, 20 năm thì chắc rằng không còn ngờ vực gì về việc tu hành nữa. Riêng những đứa mới vào tu vài năm, ắt hẳn còn nhiều điều ngỡ ngàng, chưa thấu suốt.

Một năm trôi qua tưởng như dài, kỳ thật chẳng bao nhiêu, chỉ như giấc mơ thôi. Thời gian tuy không thật, nhưng mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm trôi qua thì sự tích lũy trên đường tu của mình, sẽ dồn chứa thêm giáo lý và đạo đức nên tâm sáng suốt và trí tuệ càng phát triển hơn. Như thế sự tu hành mới hữu ích, có hiệu nghiệm.

Nếu qua một năm rồi, mà nhìn lại vẫn giậm chân tại chỗ, không tiến bộ chút nào thì thời gian đó chỉ là trôi suông uổng phí, không đem lại lợi ích cho bản thân và người xung quanh. Vì vậy, Thầy nhắc nhở chung, kẻ mới người cũ đều phải cố gắng tu để đồng tiến lên. Người cũ tiến xa, người mới tiến thêm, tất cả đều phải tiến. Giờ Thầy nhắc hai mặt:

Một là, mỗi ngày tụi con phải nhớ khéo giũa gọt tất cả tâm tư, hành động của mình, trở thành sáng suốt tốt đẹp hơn. Chúng ta tu, điều quan trọng đầu

tiên là đức hạnh. Đức hạnh có được từ ngôn ngữ và hành động. Ngày xưa mới vào đạo, hành động của mình còn nhiều thô tháo, sơ sót, phải khéo luyện tập sửa chữa lâu ngày. Hành động và ngôn ngữ của mình thuần thục, đó là đức hạnh. Lời nói và hành động không làm thương tổn đến người xung quanh, không làm đau khổ cho chúng sanh khác, đó là đạo đức. Vả lại, còn phải cố gắng làm cho huynh đệ cùng tăng trưởng lòng tin Tam bảo, mở sáng trí tuệ. Như thế mới đem lại đạo đức cho mình và người. Nếu mỗi lời nói, mỗi hành động chỉ làm người xung quanh tăng trưởng phiền não, đó là người không có đức hạnh.

Người tu phải cẩn thận, dè dặt từng lời nói, từng hành động của mình, làm sao một năm qua không phải hối hận một lần nào, về lời nói và hành động của mình đối với mọi người xung quanh. Nếu không cẩn thận, không dè dặt, cứ mỗi một tháng hối hận đôi ba lần, đó là sự tu chưa thuần thục. Cho nên đối với người tu, trước tiên là nói đến đức hạnh, mà đức hạnh từ ngôn ngữ và hành động của mình toát ra.

Vậy tất cả, từ lớn đến nhỏ, từ tu lâu đến mới tu, đều phải khéo dè dặt, sửa đổi lại ngôn ngữ và hành động của mình, để mỗi tháng, mỗi năm đều có tiến bộ, đức hạnh càng ngày càng tăng trưởng. Như vậy, bước tiến của người tu là bước tiến đạo đức.

Nói đến đức hạnh là nói đến giới luật. Ở đây chúng ta không giữ những giới chi tiết như Nam tông, mà chỉ giữ những giới căn bản làm cho thân khẩu ý được thanh tịnh, đó là khéo giữ giới.

Hai là, bước tiến của nội tâm. Khi chưa biết tu, tâm như khỉ vượn điên đảo rối loạn, chuyền cây này sang cành khác không dừng một phút giây nào. Bây giờ đã biết tu, tụi con phải chặn đứng nó lại, vì đó là nhân tạo bao nhiêu thứ nghiệp sanh tử luân hồi trong muôn kiếp. Biết nó thì phải hạn chế, phải hàng phục, đừng để nó đủ sức mạnh lôi kéo mình nữa. Đây là điều hết sức gay go, khó khăn.

Thế nên tụi con phải nỗ lực nhiều, trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, giờ nào cũng là giờ làm chủ, biết kiểm soát được mình. Nếu như vậy, tụi con từ một tâm lang thang loạn động, lần lần trở thành an tĩnh thanh tịnh. Đó là đã thành công trên đường tu. Nếu không hàng phục được, giả sử tu tới bao nhiêu năm đi nữa thì vẫn còn bị mầm sanh tử dẫn nối tiếp những đời khác, không bao giờ chấm dứt được.

Giờ phút ngồi thiền là giờ phút thiêng liêng, là giờ quyết liệt nhất trong một ngày tu của mình, vì đây là giờ phút gác hết mọi sự, chỉ còn chăn giữ nội tâm. Cho nên, nếu giờ phút đó mà chểnh mảng,

để mặc vọng tưởng lôi dẫn đi thì rất phí uổng. Cần phải chú tâm, vận dụng hết khả năng, hết sức tỉnh giác để thắng được nó. Giờ ngồi thiền thắng được thì ra ngoài khả dĩ mới thắng được, còn giờ ngồi thiền mà không thắng được thì khi ra ngoài chắc chắn sẽ bị vọng tưởng lôi dẫn đi. Không bao giờ có việc tu thả trôi mà được kết quả, kết quả là do nỗ lực cố gắng.

Khó khăn trên đường tu không từ ngoài đến, mà chính ở nội tâm mình. Hay nói cách khác, bởi do tập khí cũ đã chất chứa từ thuở nào, thói quen đó còn ẩn náu trong tàng thức, nên khi muốn nó yên lặng thì trở lại bị tán loạn. Vì vậy, nếu muốn sự tu hành được thành công thì khi có một ý niệm nào phát ra, phải thấy đó là lỗi lầm lớn, xóa bỏ liền đừng để nó lôi dẫn. Như vậy là khéo tu, còn nuôi dưỡng những ý niệm tốt xấu, cứ mặc tình để nó lôi kéo loạn động, tức là đã thua.

Nếu không nhiếp phục được thì tâm bao giờ an? Tâm không an thì đời tu của mình bao giờ được lạc. Phải nhớ, tâm loạn thì không vui, nếu có vui cũng chỉ là vui trong đùa cợt loạn động, chứ không phải niềm vui của thiền định. Tâm an thì dù ngồi thiền hay ngồi chơi ngoài gốc cây cũng thấy an vui, nhẹ nhàng, thanh thoát. Chúng ta tu làm sao cho đời mình vượt khỏi những hầm hố sâu thẳm của vô

minh, ái ngã... Vượt qua được những hầm hố đó rồi, mới thanh thoát ngồi dưới gốc cây bồ-đề nhìn mây trời, nếu không thì sẽ quanh quẩn mãi trong khổ đau.

Tóm lại, mỗi người tu cần phải có đầy đủ hai điều: một là đức hạnh tốt, hai là nội tâm an nhàn thanh tịnh. Như vậy mới xứng đáng là người tu, đại diện cho đức Phật truyền bá chánh pháp. Nếu thiếu hai điều này là khuyết điểm lớn, vì không làm tròn bổn phận của người tu. Đó là phần Thầy nhắc về sự tu tập của mỗi người.

☸ Thầy dạy các vị làm Phật sự tại Viên Chiếu

Năm Đinh Sửu - 1997

Trước đây Thầy đã dạy về phần tu tự lợi, giờ Thầy nói đến phần làm lợi ích cho mọi người. Chúng ta tu tự lợi không chưa đủ, mà phải tu hạnh lợi tha nữa. Vì vậy, Thầy nhắc cho biết về phần tu cho người, mà từ chuyên môn nhà Phật gọi là tự giác và giác tha. Nếu mình tu được an ổn, thanh thoát thì phải làm lợi ích thiết thực cho người, vậy mới được đầy đủ công đức.

Trước khi muốn làm lợi ích cho ai, tự bản thân phải cố gắng thực hiện cho được sự an định của tâm mình, tức là làm lợi ích cho bản thân rồi thì sẽ làm lợi ích cho người khác được. Nếu mình còn phiền não rối rắm mà muốn giải phiền não cho người, dạy người khác tâm an định thì làm gì có chuyện đó. Tuy nhiên, việc này kỳ thật không đơn giản, vì muốn làm lợi ích cho người thì mình phải đầy đủ tư cách.

Thầy cần nhắc tụi con. Như trong kinh nói, các vị A-la-hán khi nhìn thấy phiền não của chúng sanh vô số, các ngài chán nản muốn nhập Niết-bàn. Song với quan niệm của Bồ-tát thì khác, Bồ-tát nhìn chúng sanh ai cũng có phiền não, nhưng trong phiền não có viên ngọc quý. Bồ-tát dùng trí giác của mình, nhận chân được mỗi chúng sanh đều có viên ngọc quý báu, nên dù thấy chúng sanh bên ngoài phủ che trăm ngàn thứ xấu, các ngài vẫn không chán, không sợ. Muốn lấy viên ngọc bị chôn vùi từ lâu thì phải chịu mọi khó khăn cực khổ, phá vỡ những thứ che đậy nó.

Viên ngọc là thật, những thứ che đậy là những bức màn, những tấm vải, là chuyện rắc rối tầm thường, là thứ bao phủ tạm thời không thật. Cho nên tâm niệm Bồ-tát độ chúng sanh không biết chán, vì biết chúng sanh có cái chân thật rất quý báu, còn cái giả chỉ là lớp bên ngoài mà thôi. Sở dĩ

chúng ta phát tâm Bồ-tát làm lợi ích chúng sanh không buồn chán cũng không thối chí, chính là nhờ thấy được lẽ thật đó.

Thầy làm Phật sự đâu phải tất cả mọi thứ đều như ý, cũng có đủ chuyện vui buồn, nhưng Thầy biết những thứ vui buồn đó chỉ là bên ngoài không đáng kể. Việc tối quan trọng là nơi mỗi người đều có cái chân thật, cần khai thác cho họ thấy, chỉ cho họ nhận ra. Bởi biết rõ như vậy nên Thầy không sợ. Thầy biết rằng nói đi nói lại nhiều lần thì mỗi người sẽ tự thấy, không mất đi đâu.

Hiểu rồi trên đường tu lợi tha mới không thối chí, còn không thì làm Phật sự một lúc rồi cứ muốn vào thất ở luôn. Bởi vì nay người này chê, mai người kia quấy nhiễu, đủ thứ chuyện đòi hỏi làm không nổi. Nhưng sự thật tất cả đều là vỏ bên ngoài, như người đang nổi sân đùng đùng, lúc đó trông họ rất hung dữ nhưng một lát thì nguội lại không còn đùng đùng nữa, sân đó có còn hoài đâu mà sợ! Biết rõ ai cũng có cái chân thật, còn tất cả phiền não đều tạm bợ. Vì vậy khéo tìm mọi phương tiện để chỉ giùm, giúp cho mọi người nhận ra. Đó là điều thiết yếu.

Huynh đệ tụi con đừng nghĩ rằng mình khôn, người khác khờ khạo. Khờ khạo chẳng qua là cái bên ngoài, còn viên ngọc bằng nhau không khác. Hiểu như vậy chúng ta không dám khinh rẻ nhau,

đó là hạnh của Bồ-tát Thường Bất Khinh, trong kinh dạy rất đầy đủ. Bởi biết mọi người đều có cái thật như mình, nên không bao giờ dám khinh ai.

Như vậy xung quanh mình, không ai vô phước vô phần cả. Khôn thế gian là khôn do huân tập, còn cái chân thật không do huân tập được. Huân tập những tốt xấu của thế gian, làm cho tâm ô nhiễm, gọi là lanh lợi. Ai được lanh lợi tưởng mình hơn, thấy kẻ khác khờ khạo tưởng họ thua. Nhưng đâu ngờ rằng, viên ngọc quý như nhau, không hơn không thua. Sống trong huynh đệ phải nhìn nhau bằng tánh giác đó, còn người có trách nhiệm dắt dẫn, phải nhìn chúng sanh đồng có tánh giác thì việc giáo hóa mới không nản.

Thỉnh thoảng có những người tu ở thiền viện một thời gian rồi đòi cất thất ở, hoặc xin vô thất tu, vì bên ngoài phiền não hoài không tu được. Phiền não nếu thật thì mới tu không được, còn nó là giả thì có gì mà tu không được! Hiểu rồi trong chúng cùng tu vui vẻ, bao dung nhau. Nếu không sẽ ôm ấp cái sai biệt, rồi nuôi dưỡng hoài trở thành tập khí xấu.

Thế nên người lớn phải đặt nặng vấn đề lợi ích người khác, muốn lợi ích cho người thì phải nhớ họ có tánh giác, còn những phiền não xấu xa chỉ là giả, tạm thời mà thôi, đừng cố chấp hoài việc đó. Ráng khơi cho họ thấy được tánh giác, đó mới là trách

nhiệm của người tu. Phải đem hết khả năng của mình để cùng chung sống tu đạo, nhắc nhở nhau cùng khai thác để những thứ mây mờ tan đi, tánh giác hiện bày. Đó là ý nghĩa sâu xa của đời tu, mới thật xứng đáng với tinh thần cao cả của người xuất gia học đạo.

Ngược lại, cứ cố chấp với nhau thì sanh phiền não, từ phiền não nhỏ sanh phiền não lớn, rồi chồng chập nhiều lớp, thành ra vừa sâu vừa dày. Chừng đó than thở, sao trên thế gian phiền não quá, không biết chạy đâu tu cho được. Không chịu nhận cái thật, mà cứ chạm cái giả rồi bị cái giả đuổi chạy suốt đời, quên ông Phật vàng ngọc ngồi trong chùa. Đừng để chưa vào trong chùa đã dội ra bởi những sư tử giả để ở bên ngoài. Như vậy, mình phải là người thông minh biết lựa chọn. Trên đường tu ở đâu cũng có Phật, Bồ-tát. Không ai đáng chê cũng không ai đáng khinh. Phải quý kính hết mọi người. Đó là người tu chân thật, cũng là người làm Phật sự chân chánh.

Hôm nay Thầy có ít lời nhắc nhở, các vị có trách nhiệm ráng cố gắng thực hiện như lời Thầy dạy. Được như vậy thì mới xứng đáng là người xuất gia cầu giải thoát sanh tử.

Ngày 22/12/ Đinh Sửu - 20/01/1998

Hôm nay nhân ngày cuối năm, Thầy về thăm những vị nhập thất và tất cả chúng Viên Chiếu. Theo lời thỉnh cầu của tụi con, Thầy có ít lời nhắc nhở.

Qua bao nhiêu năm Thầy thường tới lui Viên Chiếu, có khi rảnh thì đi thăm hết xung quanh, bận thì chỉ tới thăm và nói chuyện với tụi con rồi về. Hôm nay có thời gian đi giáp một vòng, Thầy nhớ hơn 20 năm trước, dẫn tụi con vào đây chỉ chỗ cho an cư lập nghiệp, với một khu rừng ẩm ướt, gốc cây đầy khắp. Lúc đó Thầy nghĩ, chẳng qua là có chỗ cho tụi con ở tu tạm thôi, vậy mà ngày nay nơi đây đã trở thành một khu già-lam, với khung cảnh tốt đẹp như thế này. Đây là điều quá sức tưởng tượng của Thầy. Qua đây Thầy biết được, về hình thức cũng như tinh thần, trong sự tu hành tất cả từ lớn đến nhỏ đã từng bước chuyển biến tích cực.

Những năm về trước Thầy rất buồn, thấy tụi con làm lụng quá nhiều, thời giờ tu tập không có bao nhiêu, nên chưa có được kết quả tốt. Gần đây phần lớn là nhờ duyên đàn-na thí chủ ủng hộ, tụi con chỉ làm thêm một phần nhỏ thôi. Vì vậy công tác trong chúng được nhẹ và sự tu hành được tăng. Nhờ sự tu hành tăng nên qua những buổi đi thăm mấy đứa nhập thất, Thầy thấy đứa nào cũng có

những bước tiến, hoặc nhiều hoặc ít chứ không ai giậm chân tại chỗ. Chứng tỏ hướng Thầy dẫn tụi con đi là hướng chân thật, sáng sủa chứ không phải là lối quanh co hay u tối. Nhờ đi đúng đường lối mà tụi con được tăng tiến, từ đạo đức cho đến ngoại duyên, chỗ ăn chỗ ở khang trang, sự tu hành được thanh tịnh, tâm càng ngày càng trong sáng hơn. Đó là điều Thầy hết sức mừng.

Thầy luôn luôn nghĩ rằng, đời của Thầy không còn dài. Nếu nhìn lại đồ đệ của mình tu hành không tiến thì Thầy không biết sau khi Thầy trăm tuổi sẽ ra sao! Bây giờ Thầy thấy tụi con, lớn tiến theo lớn, nhỏ tiến theo nhỏ, đứa nào cũng có bước tiến đáng mừng. Vì vậy Thầy yên lòng, Thầy ra đi cũng có những người ở lại duy trì chánh pháp và hướng dẫn những người sau tu hành được kết quả tốt.

Ngày 22/12/ Mậu Dần - 07/02/1999

Lúc mới xuống đây, Thầy trực tiếp làm việc với Thông Triệt. Thông Triệt có dẫn Thầy đi chỉ khu này làm gì, khu kia làm gì. Nhất là khu tụi con hiện giờ đang cất chùa, Thông Triệt nói rằng sẽ dựng tượng Quan Âm. Khi ấy Thầy chỉ nghe, không có một ý niệm gì hết. Ở đây ẩm thấp, Thầy chỉ có một

lo nghĩ duy nhất là chỗ nào có thể cấy lúa được, chỗ nào có gạo ăn thì Thầy chấm chỗ đó thôi.

Thầy đưa tụi con vô đây làm ruộng, đặt cho tụi con một trách nhiệm hết sức đơn giản là làm cho có gạo ăn để tu. Không bao giờ Thầy dám nghĩ ngày mai ở đây có một ngôi chùa, có đủ những điều kiện khang trang như thế này. Vậy mà ngày nay, ngoài việc có gạo ăn, tụi con còn kiến thiết được ngôi chùa, làm được những Phật sự mà Thầy có thể trông cậy nhiều. Đó là điều Thầy rất quý.

Như vậy tụi con mới thấy rõ ý nghĩa y báo và chánh báo của nhà Phật. Nhà Phật chủ trương con người có mặt trên thế gian này đều do hai phần: một là chánh báo, là con người. Hai là y báo, là ngoại cảnh. Chánh báo tốt thì y báo theo đó tốt, chánh báo xấu thì y báo theo đó xấu. Khu rừng hoang vắng, đất nước ẩm thấp, không ai nghĩ sẽ có một ngôi chùa khang trang. Nhưng tụi con quyết tâm tu, cùng nhau liều chết liều sống tạo phương tiện để ngày nay trở thành nơi khang trang cho huynh đệ cùng tu.

Vậy mới thấy cảnh tùy thuộc người, nếu không có những con người quyết tâm tu hành thì cảnh không bao giờ trở thành tốt đẹp được. Nếu không có giới đức, không có đạo lý thâm sâu thì dù ở giữa thành phố cũng dần dần trở thành hư hoại. Người có giới đức, có hiểu đạo lý thâm sâu thì dù ở nơi thôn

dã, ở rừng rú cũng có thể tạo nên ngôi Tam bảo nguy nga tráng lệ. Đây không phải do Thầy làm, cũng không phải do một ai làm, mà là công đức chung của những người ham tu, những người quyết chí học đạo cho đến chỗ an lạc giải thoát. Đó là chuyển được cảnh xấu thành cảnh tốt, như các vị tổ thường nói: Chuyển Ta-bà thành Tịnh độ. Tịnh độ hay Cực Lạc không phải ở đâu xa mà chính ngay đây. Nếu chúng ta khéo tu, khéo gạn lọc ba nghiệp thanh tịnh thì cõi Ta-bà uế trược sẽ trở thành cõi Tịnh độ không nghi ngờ. Hình ảnh ở đây là chứng cứ cụ thể. Tụi con ngồi kiểm lại từ năm tụi con bước chân vào đây, so với ngày nay thì hình thức quá khác, quá sức tưởng tượng. Thường Chiếu cũng vậy, từ một khu cỏ tranh mà bây giờ trở thành ngôi già-lam.

Thầy luôn nhắc tụi con chỉ sợ mình không tu, chứ đừng sợ mình không có chùa. Nhiều vị cứ lo cất chùa cho to, lo những hình thức cho tốt mà quên tu, đó là điểm yếu. Chúng ta cố gắng nỗ lực tu. Từ sự cố gắng, nơi mình đầy đủ công đức thì bên ngoài cũng theo đó được. Điều này cụ thể không nghi ngờ gì cả. Như vậy bên ngoài trang nghiêm không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà do khả năng tu tập trong nội tâm mình đưa đến.

Như tụi con thấy, Thầy cất chùa không bao giờ than với Phật tử là Thầy hết tiền Phật tử ráng ủng

hộ, hoặc gửi thư nhờ Phật tử giúp đỡ. Chỉ cần nói rằng Thầy cất chùa, làm Phật sự gì đó thì Phật tử hưởng ứng. Cũng như ở đây, tụi con không than vãn với ai, nhưng khi làm có đủ phương tiện, đủ điều kiện tốt đẹp, làm không khó khăn. Điều đó chứng minh lòng thành của mình lo cho đạo thì hộ pháp gia hộ, Phật tử hưởng ứng, Phật sự viên thành. Nếu cho những người không thích tu hoặc tu trễ nải lãnh ngôi chùa lớn, mai kia sẽ trở thành nơi hoang sơ.

Hiểu được lý này, tụi con cố gắng mỗi năm trên đường tu mỗi tiến, đừng để phiền não ở ngoài đắp vô tâm thanh tịnh của mình. Luôn luôn cố gắng dẹp trừ những thói hư tật xấu, những phiền não ở nội tâm, trở thành một cây bồ-đề xanh tươi, một cây sa-la đầy đủ hoa thơm cho mọi người đứng dưới được mát mẻ. Vậy là Thầy cũng như tụi con đã làm được chút Phật sự để lại cho thế gian, chứ chỉ tu lôi thôi có chừng, khi mất thân này sẽ hối hận. Đó là điều đáng tiếc.

Ngày cuối năm, Thầy không mong gì hơn, chỉ mong tụi con, những gì chưa hay, chưa tốt còn ẩn trú trong nội tâm mình, cuối năm này phải rũ cho sạch, sang năm mới toàn là thứ hay thứ tốt sẵn đủ và phát triển thêm. Đừng nuôi dưỡng chất chứa những thứ dở để rồi năm cũ qua, năm mới tới, những bệnh lây nhiễm còn hoài thì không hay không tốt.

Thầy mong rằng tất cả tụi con từ nay mãi về sau cố gắng tinh tấn tu, xứng đáng là người con dòng họ Thích. Nhìn tượng Phật, nhìn quý Thầy, nhìn Phật tử, lúc nào lòng cũng an ổn vui tươi, không phải hổ thẹn với Phật, với những bậc tôn túc, hổ thẹn với Phật tử. Đó là chỗ mong mỏi của Thầy.

Năm Ất Dậu - 2005

Ngày trước, mỗi năm mỗi tháng đi thăm một hai lần, kỳ này Thầy vì tuổi già và không có sức khỏe nên ít đi tới đi lui nhiều, có thể đôi ba năm mới thăm một lần. Lần này Thầy tới đây thăm, có những cảm tưởng nhắc lại cho tụi con biết.

Khi xưa dẫn tụi con vô đây, Như Đức, Huệ, tụi con thấy ngán không? Chỉ có rừng rú, không có gì đáng để gọi là thiền viện, nhưng Thầy bắt mấy đứa ở đây tu. Có thể mấy đứa cho là Thầy độc tài, bắt buộc phải ở thì ở, chứ không dám cãi. Ở đây so với Linh Chiếu thì tối tăm u mê, rừng rú quá. Vậy mà tụi con cũng nghe lời Thầy rồi cố gắng, vừa tu vừa xây dựng, từ đó tới bây giờ là bao nhiêu năm?

- Dạ, 30 năm.

Như vậy là 30 năm, từ chỗ rừng rú mà bây giờ đã là một ngôi chùa thanh tịnh có cổng, chánh điện, thất... đầy đủ để tụi con yên ổn tu. Buổi ban sơ không có phương tiện, thiếu thốn mọi bề, nhưng quyết tâm tu, quyết tâm xây dựng thì từ cái không trở thành cái có.

Đứng về mặt hình thức, thiền viện Viên Chiếu lúc ban sơ trước đây 30 năm cho tới bây giờ cách nhau bao nhiêu?

- Dạ, cách xa nhiều lắm.

Không thể tưởng tượng nổi, nếu ai hồi xưa đi tới đây chụp hình, bây giờ chụp lại mới thấy khác biệt vô cùng. Nhưng hồi xưa đâu có máy, cũng đâu có ai chụp. Như vậy đứng về mặt hình thức, bước tiến của Viên Chiếu có thể nói là vượt bậc chớ không phải đi từng bước.

Tất cả chúng ta tu với bản nguyện giải thoát sanh tử, thì mỗi ngày đều phải tiến, tiến cho đến đạt được giác ngộ giải thoát. Mục tiêu đó không thể thiếu. Ngày nay tụi con được ở chỗ nơi sang trọng hơn xưa, cũng phải nhớ cái khổ của mình trước kia. Từ cái khổ hình thức đó, tới ngày nay được hình thức tốt đẹp, thì nội tâm của mình cũng phải chuyển theo cho kịp. Ngày xưa tụi con còn mù mờ, sân hận, ngày nay đã hết mù mờ, hết sân hận chưa?

- Dạ, đã bớt mù mờ, tập khí có giảm.

Ai cũng nói tập khí khó bỏ, khó chừa nhưng tụi con nói có giảm, điều này còn phải thí nghiệm. Thật ra tu phải thấy có hai phần. Một phần là hình thức vật chất, hiện giờ trải qua 30 năm khác xa trăm phần. Một phần về tinh thần, chờ tụi con gặp duyên gặp cảnh, tiến bộ như thế nào, lúc đó mới chứng thực được. Nhưng Thầy cũng hy vọng trong cái khó khổ, tụi con chịu đựng được thì ngày nay dễ dàng thuận tiện. Chắc rằng tụi con cũng phải thấy nó đáng cho mình tiến lên, không có lui sụt. Hơn nữa, ngày xưa tụi con còn trẻ có tính cách trẻ con, bây giờ mấy đứa đi trước còn trẻ không?

- Dạ, hơi già.

Tính cách của bà già thì khác biệt. Ba mươi năm trước, tụi con học xong, vô đây ở tu, ít ra cũng hăm mấy tuổi, tới bây giờ cũng 50, 60 tuổi hết rồi. Mấy chục năm ở trong khu rừng này. Vậy tụi con cũng khéo chuyển từ một khu rừng u mê trở thành một ngôi chùa quang đãng. Hai từ "u mê" và "quang đãng" cho tụi con thấy rằng khởi sự ban đầu không bao giờ là tốt hết. Khởi sự là cái dở xấu, chúng ta khéo ứng dụng y theo lời Phật dạy sẽ trở thành tốt, bảo đảm trăm phần trăm. Cũng như cái chùa này từ chỗ hoang vu, không người biết tới mà bây giờ trở thành nơi quang

đãng, xe cộ tới lui dễ dàng. Đó để thấy rằng một khi tu thì công phu từ dở trở thành hay, từ xấu trở thành tốt, chứ không phải hồi xưa có bao nhiêu bây giờ cũng có bấy nhiêu, phải chuyển từ từ.

Thật ra ngày xưa chỉ tụi con ở chỗ này, Thầy cũng thấy ái ngại lắm. Bởi vì tụi con là dân học trò mà bắt đi cấy cày, làm ruộng làm rẫy thì chuyện đó không phải dễ. Cho nên, Thầy cũng ráng đi tới đi lui. Có nhiều buổi chiều, Thầy chống gậy từ Thường Chiếu vô đây, từ đây về Thường Chiếu, có lần đi xe đạp còn bị té nhào. Vì thấy tụi con khó khổ, Thầy không nỡ để tụi con khổ mà muốn chia sớt phần nào, để tụi con thấy rằng Thầy làm cái gì cũng có thủy có chung, chứ không phải quăng đó rồi hết.

Nhớ ngày xưa, Thiện Trung đi một chiếc xe đạp, Thầy đi một chiếc. Thầy mới tập nên đi trước, Thiện Trung đi sau. Gần tới ngã ba, Thiện Trung đi trước dẫn đường, Thầy đi sau. Tới cửa Thường Chiếu, Thiện Trung quẹo vô, Thầy không nhìn cứ lo đi thẳng, rồi Thầy quẹo theo, thành ra ngã cái đùng, được té xe đạp một lần. Rồi vô đây, đi qua mấy cái mương, bị sụp té nên Thầy đau tới bây giờ.

Kể lại chút chút chuyện để tụi con thấy buổi ban sơ, Thầy cũng cố gắng làm sao cho tụi con có phương tiện để hướng tới, chứ không chán nản rút

lui. Lúc đó, nếu ai có tâm hơi chán nản thì chắc ở tới giờ không nổi. Bởi vì Thầy thấy rõ ở ngoài Thường Chiếu dù sao cũng gần đường, đất đai trống trải, còn trong này xa xôi hẻo lánh, đất đai lầy lội. Vậy mà tụi con cũng cố gắng tối đa, làm được như vầy, đúng là cái gì quyết tâm đều có thể làm được, dù tụi con là phái nữ. Người ta cứ nghĩ phái nữ không làm được chuyện nặng mà tụi con chuyển được một khu đất rừng cây cối um tùm thành có hoa có quả, đó là cái công của tụi con.

Hôm nay, Thầy về đây để ôn lại những gì năm xưa, nhắc tụi con hai điều. Đối với hình thức chùa chiền, tụi con đã thành công, còn về tinh thần tu tập thì Thầy chưa thấy rõ. Nếu được vui vẻ tu tập thì Thầy hy vọng. Chẳng lẽ quăng tụi con trong rừng, phá rừng rồi trở thành phàm phu sao? Mình phá rừng là để vừa làm vừa tu. Khu rừng này, cây cối vô ích đã chặt hết, trồng lại cây có hoa có quả cho đẹp thì nội tâm tụi con cũng phải như vậy. Những thói quen cũ, những gì xấu dở phải ráng dẹp sạch để tâm hồn được thanh thản nhẹ nhàng như khu vườn hiện nay. Như vậy mới khỏi hổ thẹn. Còn hình thức tốt mà bên trong đen thui thì chưa xứng đáng.

Với ngoại cảnh, Thầy thấy tụi con có được một khung cảnh an ổn tu hành, vắng vẻ ít người, ít xe cộ là được lắm rồi, chỉ còn một việc là tụi con cần

phải cố gắng nơi nội tâm. Đó là lời Thầy nhắc nhở. Không biết bao lâu, Thầy mới lại về thăm, nhưng lần này Thầy cho là lần chót Thầy đi thăm các thiền viện. Nói cho tụi con biết, nhắc cho tụi con hiểu để rồi ứng dụng tu, sau này dù Thầy không tới, tụi con cũng nhớ mà cố gắng tinh tấn tu, làm sao như cái tên Viên Chiếu, sáng tròn chứ không khuyết.

Tụi con cũng vậy, làm sao cho tâm luôn tròn sáng, những gì vui buồn tẩy hết đi, không để nó làm dơ bẩn. Đó là tụi con khéo tu. Chứ còn ở Viên Chiếu mà đứa nào trong tâm cũng buồn buồn rầu rầu thì hết chiếu nổi. Người nào mù mịt quá thì phải cố gắng tỉnh. Cố gắng không được thì rời đi, chứ còn ở mà làm huynh đệ mù mịt theo thì không tốt. Thật ra không ai lập thiền viện ra, có 10 người mà vẫn thủy chung 10 người, cùng tiến đều như nhau, thỉnh thoảng vẫn có một hai người lui sụt. Nếu không can đảm vươn lên thì họ phải rút. Đó là chuyện thường. Cho nên, tụi con cố gắng giữ đúng lập trường, đúng thời khóa tu hành. Ai không chịu thì tự ý rút lui, không có gì phải buồn.

Thầy nhắc để tụi con cố gắng, mỗi đứa cố gắng một chút để thành một Viên Chiếu không có chỗ nào tối, như trăng rằm không có mây, chỗ nào cũng thấy sáng. Sáng có hai cách sáng, một là tươi sáng, hai là ở trong mát được sáng. Ở đây, Thầy chỉ muốn

tụi con được tươi sáng dù đen như Cao Miên đi nữa. Cái quý của mình là tâm hồn tươi sáng, nên sống với mọi người đều vui, ai tới thấy cũng vui. Đừng nghĩ đến thể xác mình cực khổ, đen đúa mà chỉ nghĩ tu sao cho được kết quả là tốt. Đó là mong mỏi của Thầy, mong tụi con đạt được sở nguyện.

Tất cả tụi con phải luôn nhớ, mình tu vì một mục đích duy nhất là giác ngộ giải thoát sanh tử, nên mới cùng chung hợp lại đây để khép mình trong khuôn đạo lý. Vì thế không được buông lung theo những điều vô ích, làm mất thời giờ trên đường tu của mình. Từ đây về sau, cơ sở vật chất và thời khóa tu học... mọi thứ đều đã ổn định, tụi con phải nhớ luôn luôn tạo duyên tốt, chứ không hài lòng ngang đó mà không tăng tiến thêm nữa.

Nhân đây, Thầy nhắc thêm vài điều thiết yếu trong cuộc sống:

Điều thứ nhất là luôn giữ nếp sống Lục hòa. Nếu ứng dụng được lục hòa rồi thì trong cuộc sống mọi thứ sẽ dễ dàng hơn. Bởi vì huynh đệ sống chung, nếu không dùng tình hòa để đối xử với nhau, mà tâm còn đố kỵ, tranh hơn tranh thua... thì tâm không bao giờ an. Tâm không an thì tọa thiền không có kết quả.

Điều thứ hai là huynh đệ phải thương yêu và thông cảm nhau. Trong chúng có những người khỏe cũng có những người yếu, có những người thông minh, cũng có những người không được thông minh... tụi con phải đem hết tâm từ bi của mình để bao dung cho huynh đệ. Người khỏe giúp người yếu, người thông minh giúp người kém hơn, để cho tất cả đều tiến đồng đều nhau. Như vậy sự tu hành sẽ đạt nhiều kết quả tốt đẹp.

Điều thứ ba là khi tu phải gan dạ, cương quyết, dứt khoát. Đối với những việc thời quá khứ mà mình còn chấp chứa trong lòng, cần phải buông xả đừng hối tiếc. Buông xả dứt khoát sẽ giúp cho đường tu được nhẹ nhàng, sẽ tiến nhanh hơn. Nếu tu mà những việc quá khứ đã huân tập tới bây giờ, vẫn còn lưu lại trong tâm mình thì chắc chắn tu khó mà tiến được. Vì vậy tụi con đều phải dứt khoát, đừng để những phiền não xấu dở lưu luyến trong lòng, làm mờ yếu chí quyết tiến tu trên đường đạo.

Thầy nghĩ rằng, tất cả tụi con đứa nào cũng đã quyết tâm, thực hiện bằng được những điều thiết yếu này thì chắc chắn sẽ có kết quả trăm phần trăm, không nghi ngờ. Đó là những lời thầy nhắc nhở hôm nay, mong tất cả cố gắng.

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG THIỀN VIỆN LINH CHIẾU

☸ Cử Ban Lãnh đạo và dạy các vị làm Phật sự

Ngày 11/12/ Tân Mùi - 15/01/1992

Hôm nay có buổi họp chúng bất thường là để cử Ban Lãnh đạo thiền viện, sau đó Ban Lãnh đạo sẽ cử lại Ban Chức sự. Bởi trước kia Thầy là Viện chủ các thiền viện, nên tuy có cử Trụ trì, Tri sự v.v... để lãnh đạo tại mỗi viện, nhưng mọi việc đều dưới sự điều hành chung của Thầy. Ban Lãnh đạo thì chỉ có trách nhiệm điều hành những công tác thường, còn những việc có tính cách quan trọng, từ nội bộ cho đến bên ngoài, đủ thiếu, nên hư... phần lớn là Thầy chịu trách nhiệm. Do đó trách nhiệm của Trụ trì khi xưa nhẹ nhàng, không có gì đáng kể. Ngày nay Thầy nghỉ không làm Viện chủ nữa, mà giao trách nhiệm cho mỗi thiền viện tự điều hành lấy, nên phải có trách nhiệm nặng hơn trước.

Trước hết Thầy đọc qua phần tổ chức của Ban Lãnh đạo trong nội quy, cho toàn chúng nghe hiểu đường lối tổ chức của thiền viện hiện nay, rồi sẽ cử Ban Lãnh đạo sau.

Ban Lãnh đạo thiền viện, muốn thiền viện được an ổn, bền lâu và mãi mãi là nơi chung của tập thể thiền sinh, nên cần tổ chức Ban Lãnh đạo để duy trì. Thầy dùng chữ *nơi chung của tập thể thiền sinh*, bởi phần nhiều các chùa khi có Trụ trì rồi thì chùa đó coi như của vị Trụ trì, dần dần thành của tư. Thầy Trụ trì muốn làm gì thì làm, có bao nhiêu tiền tùy ý tiêu xài không kiểm soát. Ở đây là thiền viện, tất cả tài sản là của công chứ không phải của tư, mà đã là việc công thì phải đôi ba người cùng gánh vác trách nhiệm chung chứ không phải một cá nhân. Vì vậy thiền viện cần giữ tinh thần tập thể, nên Ban Lãnh đạo không phải một người.

Ban Lãnh đạo gồm có ba vị: Trụ trì, Phó Trụ trì và Thủ bổn. Ba vị này chịu trách nhiệm hoàn toàn về những việc làm cho thiền viện thành công hay thất bại, dạy chúng nên hay hư... tất cả việc từ nay là trách nhiệm của Ban Lãnh đạo, Thầy không còn trách nhiệm. Trước kia thì thành bại, nên hư... Thầy chịu, các viện ni phần lớn cũng do Thầy sắp đặt, bây giờ thì không có nữa.

Tinh thần của thiền viện là vừa học vừa tu, hai mặt này không tách rời nhau. Có học mới hiểu đường lối tu, nếu chỉ tu mà không học không khéo trở thành tu mù, vì vậy những thiền sinh mới vào hoặc chưa thông suốt đều phải học. Do đó bên cạnh

Ban Lãnh đạo thì có Ban Giáo thọ giúp việc giáo dục, để cùng dạy dỗ các thiền sinh.

Trước đây, Ban Giáo thọ không chỉ ở trong thiền viện mà còn mời giáo thọ ở các thiền viện khác tới dạy phụ. Nhưng giờ đây Thầy hạn chế lại, ở viện nào thì dạy theo viện nấy, cho nên Ban Giáo thọ chỉ nằm gọn trong thiền viện này thôi.

I. Chịu trách nhiệm điều hành thiền viện:

A. Ban Lãnh đạo:

1. Trụ trì: Trách nhiệm của Trụ trì là tối hệ trọng, gồm cả đối nội và đối ngoại.

a. Phần đối nội:

- Chịu trách nhiệm về sự tu học và đức hạnh của thiền sinh, đồng thời giải quyết mọi việc phát sinh trong nội bộ. Thâu và xuất chúng đều nên tham khảo ý kiến của Phó Trụ trì và Thủ bổn.

Như vậy mục thứ nhất của phần đối nội là sự tu sự học và đức hạnh, tức hạnh kiểm của thiền sinh, mọi việc tốt xấu, đủ thiếu... Trụ trì đều phải lo hết.

Về sự học, thấy sự học của chúng không đủ thì phải nhắc Ban Giáo thọ dạy cho đủ. Từ nay Ban Giáo thọ là do Trụ trì mời chứ không phải như trước kia do Thầy sắp đặt. Vậy nên phần sau Thầy sẽ

giới thiệu các nhân sự có khả năng, rồi Trụ trì chịu trách nhiệm mời làm việc.

Về sự tu, thấy chúng thời khóa lôi thôi thì phải thúc đẩy cho chúng tinh tấn tu hành. Về đức hạnh, xét người nào không xứng đáng tư cách của một thiền sinh thì phải rầy quở, người có hạnh kiểm tốt thì khuyến khích. Kế là giải quyết những chuyện phát sinh trong nội bộ, như huynh đệ bất hòa hay có những vấn đề tranh cãi thì phải giải quyết cho phù hợp.

Về việc thâu chúng và xuất chúng. Muốn thâu thêm những người mới xin vô thiền viện tu, thì ba vị trong Ban Lãnh đạo cùng tham khảo ý kiến với nhau, phải hiểu và thông cảm thì việc làm mới vui hòa. Bởi vì Thủ bổn giữ tiền, nếu không có tiền mà thâu thêm người vào thì làm sao nuôi nổi. Vì vậy muốn thâu người vào thì ba vị phải bàn với nhau rồi mới thâu.

Việc xuất chúng, nếu xét thấy vị nào không giữ đúng nội quy của thiền viện, hoặc vi phạm được nhắc nhở mà không sửa đổi thì ba vị trong Ban Lãnh đạo phải tham khảo ý kiến kỹ càng mới giải quyết, không nên vội vàng cũng không để một người tùy ý giải quyết. Tránh trường hợp người này chịu người kia không chịu, rồi gây ra bất hòa trong nội bộ, không hay.

- Chịu trách nhiệm về kinh tế của thiền viện.

Mọi sự đói no, đủ thiếu v.v... trong chúng, cả Ban Lãnh đạo đều phải lo, nhưng phần lớn là Trụ trì gánh vác trọng trách. Ngày xưa thiền viện đói no thì chạy qua Thầy, bây giờ thì những việc đó Trụ trì phải tự chịu trách nhiệm.

- Chịu trách nhiệm chủ lễ và mọi tổ chức đại lễ tại thiền viện.

Trụ trì làm chủ lễ trong các buổi lễ lớn của thiền viện.

- Chịu trách nhiệm mời Ban Giáo thọ dạy chúng, hoặc mời giảng sư giảng những ngày chủ nhật.

Ngày chủ nhật hoặc thỉnh thoảng có các đoàn Phật tử, từ những nơi khác tới muốn nghe giáo pháp. Trụ trì xét thấy người nào có khả năng thì mời ra nói pháp cho Phật tử nghe.

- Chịu trách nhiệm quy y cho các Phật tử.

Ngày xưa, thời thầy còn ở Ấn Quang. Phật tử tới chùa phát tâm quy y thì hòa thượng Giám đốc là người chịu trách nhiệm quy y, cho nên tất cả Phật tử là Phật tử chung của chùa Ấn Quang, chứ không phải Phật tử riêng của ai. Sau này khi Hòa thượng tịch rồi, Phật tử quý mến muốn làm đệ tử thầy nào thì xin quy y làm đệ tử thầy đó, thành ra một chùa

mà có từng nhóm đệ tử riêng, dẫn đến tình trạng chia rẽ trong giới Phật tử.

Nhằm tránh trường hợp ấy, nên những người muốn phát tâm quy y tại thiền viện, thì Trụ trì đại diện cho ban lãnh chúng, đứng ra làm lễ quy y. Như vậy tất cả đều là đệ tử chung của thiền viện, chứ không phải đệ tử riêng ai.

b. Phần đối ngoại:

- Chịu trách nhiệm về pháp lý và giao thiệp với chính quyền.

Những việc liên quan đến pháp lý của chính quyền, như: khai báo cư trú, lý lịch hay giấy tờ của chúng trong các việc cần thiết khác.

- Chịu trách nhiệm về pháp lý và công tác với Giáo hội.

Giáo hội đặt để vị nào đại diện cho thiền viện làm Phật sự, hoặc liên quan đến những giấy tờ hợp pháp của chúng.

- Chịu trách nhiệm tiếp xúc, giải quyết những nghi lễ và tín ngưỡng của Phật tử.

Những Phật tử hỗ trợ lo lắng cho các thiền viện, nếu trong gia đình có cha mẹ hoặc người thân bị bệnh hoạn hay chết, cần chư Tăng Ni đến tụng

kinh cầu nguyện. Trụ trì phải sắp đặt cử người, đi đến để trợ giúp về mặt tín ngưỡng cũng như động viên tinh thần cho Phật tử.

2. Phó Trụ trì: Chịu trách nhiệm khi Trụ trì vắng mặt, do bệnh hoặc có duyên sự đi đâu thì Phó Trụ trì phải làm tất cả việc thay thế trách nhiệm của Trụ trì.

Trong phần trách nhiệm Trụ trì như trên, nhưng nếu thấy những việc mà Phó Trụ trì có khả năng hoặc sở trường thì Trụ trì có thể yêu cầu, để Phó Trụ trì giữ trách nhiệm đặc trách về phần đó, phụ giúp thường xuyên cho Trụ trì.

3. Thủ bổn: Chịu trách nhiệm gìn giữ tài chính của thiền viện. Tất cả mọi thu, chi trong chúng đều có sổ sách phân minh. Mỗi tháng phải báo cáo tài chính cho Trụ trì biết. Chi số tiền thường nhật cho Tri khố, Tri sự, Tri khách... Khi có việc cần chi một số tiền đáng kể bất thường thì nên hỏi ý kiến Trụ trì.

Như vậy Thủ bổn có trách nhiệm giữ tiền cho chúng, nhưng thu xuất phải có sổ sách rõ ràng. Tháng này thu vô bao nhiêu, xuất ra bao nhiêu. Mỗi tháng chi tiêu cho công việc thường ngày, như Tri khố hoặc Tri sự, Tri khách cần mua sắm gì lặt vặt thì Thủ bổn tự sắp xếp, khỏi phải hỏi Trụ trì.

Khi có việc bất thường cần chi một số tiền lớn thì phải có sự đồng ý của Trụ trì, chứ không nên nắm tài chính rồi tự ý muốn làm gì thì làm, vô tình trở thành thao túng, không tốt. Mỗi tháng Thủ bổn phải báo cáo số tiền thu chi, còn lại là bao nhiêu để cho Trụ trì biết mà lo liệu. Vì trách nhiệm còn mất, đủ thiếu là Trụ trì chịu, nếu không cho biết thì tất nhiên làm sao hiểu để lo.

Thầy đã kể qua trách nhiệm của Ban Lãnh đạo rồi, bây giờ không phải chúng bầu mà Thầy chỉ định. Vì chúng không biết vị nào phù hợp, nên ở đây với tư cách là Thầy, bắt buộc đệ tử phải lãnh trách nhiệm Thầy giao để thay thế cho Thầy.

Ban Lãnh đạo thiền viện Linh Chiếu:

- Trụ trì: Như Hạnh.

- Phó Trụ trì: Như Tịnh.

- Thủ bổn: Như Thành.

Hệ thống làm việc của thiền viện, dưới Ban Lãnh đạo thì có Ban Giáo thọ và Ban Chức sự.

B. Ban Giáo thọ gồm có:

- Ngoài ba vị có trách nhiệm trong Ban Lãnh đạo là Như Hạnh, Như Tịnh, Như Thành thì mời thêm Như Tâm - thị giả Thầy, cùng chịu trách nhiệm dạy chúng học.

- Bổ sung ba vị là Hạnh Diệu, Hạnh Nguyên, Hạnh Chiếu.

Thầy đề nghị mời những vị này vào trong Ban Giáo thọ, để tập cho các huynh đệ nhỏ có trách nhiệm phụ giúp người lớn. Nếu không sắp đặt như thế, mai kia người lớn đau yếu thì không có người để thay thế.

Ban Giáo thọ được Thầy đề cử, không phải hoàn toàn là người mẫu mực hết. Trong đó những vị lớn đã nghiêm chỉnh đàng hoàng, cũng có những đứa nhỏ chưa được nghiêm chỉnh. Tuy nhiên, Thầy có cái nhìn khác. Thầy thấy người nào dù tư cách chưa được mẫu mực, nhưng khi có trách nhiệm rồi thì phải tự thúc liễm mình để lời nói và việc làm được đi đôi nhau, nhờ vậy mà sự tu sẽ tiến hơn. Thầy tin rằng, lãnh trách nhiệm rồi thì mỗi người đều cố gắng.

Những vị còn nhỏ, đương nhiên là có những việc chưa được thông suốt, khi nào có gì lúng túng, nếu có mặt Thầy ở đây thì hỏi Thầy, còn không có mặt Thầy thì hỏi những vị đi trước, đã thấy biết hơn mình hướng dẫn thêm.

Đó là phần thầy giới thiệu, còn chuyện mời là của Trụ trì.

C. Ban Chức sự:

Ban Chức sự do Ban Lãnh đạo chỉ định, chịu trách nhiệm chung lo công tác cho thiền viện, gồm có:

1. Tri sự: Điều hành chúng làm mọi công tác trong thiền viện theo sự sắp đặt của Trụ trì.

Lúc trước Tri sự làm công tác gì phần lớn đều do Thầy chỉ đạo, rồi Tri sự phân công cho chúng làm, còn bây giờ thì do Trụ trì chỉ định, dưới Tri sự làm. Vì vậy, đổi lại Tri sự là Ban Chức sự ở dưới chứ không phải Ban Lãnh đạo ở trên.

2. Tri khách: Lo việc tiếp đãi khách Tăng Ni, cư sĩ, chính quyền.

3. Tri khố: Quản lý kho nhà trù, sắp đặt trị nhật lo việc ẩm thực cho chúng.

Lưu ý, ở đây dùng chữ *quản lý kho nhà trù*, tức là những thực phẩm thức ăn của nhà trù, thuộc về lĩnh vực ăn uống, chứ không phải nhà kho cất đồ đạc ở ngoài. Thí dụ khoai, bí v.v... cái nào nhiều cái nào ít, Tri khố phải biết để sắp trị nhật dùng cái nào trước cái nào sau cho phù hợp. Vì trị nhật chỉ có mấy ngày nên thức ăn nào sử dụng gấp, hay cần để dành lại thì không biết rõ. Do đó phải có Tri khố để quản lý thực phẩm và sắp đặt cho ổn định.

Trước kia cử Tổng khố, rồi thêm Tri khố. Bây giờ Thầy đơn giản lại, không cử Tổng khố mà chỉ có Tri khố thôi.

4. Tri viên: Trồng trọt, chăm sóc cây cối trong vườn thiền viện.

5. Tri điền: Chăm lo gieo cấy lúa mạ cho kịp thời vụ để thu hoạch được kết quả tốt.

Xưa gọi là Trưởng ruộng, giờ Thầy đổi lại gọi là Tri điền. Vì các ban ở trên đa phần đặt theo chữ Hán, chỉ vài ban gọi theo chữ Việt nghe không thống nhất, nên đổi thành Tri điền, tức là biết về ruộng.

Phần cử Ban Chức sự, đúng ra là Trụ trì xét thấy người nào có khả năng gánh vác được việc gì thì giới thiệu, rồi chúng chọn. Nhưng ở đây mang tính cách chỉ định, không được từ chối. Vì ở chung với nhau, ai cũng phải gánh vác trách nhiệm. Dù nặng nhẹ, nhiều ít... tùy theo khả năng mà làm, được yêu cầu mà không chịu làm, như vậy là không có trách nhiệm chung.

Ban Chức sự tùy theo mỗi thiền viện có tăng giảm, đủ số hoặc giảm bớt không nhất định. Thí dụ các thiền viện không có ruộng thì không cần chức vụ Tri điền, tùy vào công việc khác mà sắp xếp cho phù hợp.

6. Tri thái: Gieo trồng, chăm sóc rau cải phục vụ cho chúng đủ ăn.

Thầy chỉ cử vài người đại diện, ngoài sáu chức danh này ra còn những chức vụ khác, như: Hương đăng, Khán bệnh v.v... thì Trụ trì tự lo liệu sắp đặt người làm.

II. Quy định thay đổi Ban Lãnh đạo và Ban Chức sự:

Vì là nơi chung của tập thể thiền sinh nên Ban Lãnh đạo và Ban Chức sự cũng được thay đổi chứ không phải cố định. Thay đổi trong trường hợp nào?

Ban Lãnh đạo 3 năm họp một lần để hỏi ý kiến toàn chúng, nếu vị nào trong Ban Lãnh đạo bị ba phần tư số chúng ký tên xin thay đổi thì nên thay đổi, tức là ở trong chúng 10 người mà hết 7 người không chịu thì được thay đổi, còn dưới số ba phần tư thì không được chấp thuận.

Thí dụ vị nào trong Ban Lãnh đạo gắt gao, không làm tròn bổn phận để toàn chúng phải phàn nàn quá thì cần đổi, cử người khác lên thay thế. Bởi vì làm việc chúng, không những chỉ lo có cơm ăn, áo mặc mà còn về tu hành và đạo đức nữa. Do đó nếu Ban Lãnh đạo làm việc được lòng chúng, không có gì trục trặc thì cứ tiếp tục làm hoài không thay đổi, không nói 3 năm hay 4 năm...

Ban Lãnh đạo thì không có định kỳ, còn Ban Chức sự Thầy giao làm một năm thôi. Trong thời gian đó, xem coi công tác mà huynh đệ lãnh làm có chạy việc hay không, rồi sau sẽ tùy duyên mà quyết định tiếp. Bởi vì đặt thời hạn dài quá, nhiều khi làm không chạy việc lại khó.

Thiền viện nào có điều tranh chấp mà nội bộ không tự giải quyết được, nên mời Ban Lãnh đạo các thiền viện huynh đệ họp lại để hỏi ý kiến và phụ giải quyết. Đây là tinh thần trách nhiệm chung, đừng để tự ý giải quyết không nổi rồi đâm ra bực bội, khổ sở.

Thầy không biết mình còn sống gần hay xa, cho nên các thiền viện khi gặp khó khăn thì phải mời huynh đệ cùng chung giải quyết với nhau. Sau khi Thầy nghỉ, không có gì phải thưa hỏi Thầy nữa, để Thầy vô sự. Đừng nghĩ rằng Thầy đang nhập thất trên kia, rồi lên mời Thầy về giải quyết giùm.

Phần chỉ định chịu trách nhiệm công tác của thiền viện và phân công rõ ràng rồi, bây giờ tới phần nhập thất.

Ở tại thiền viện Linh Chiếu hiện tại chỉ có 8 cái thất, mà trong chúng người xin nhập thì nhiều không đủ thất để nhập. Điều này cho thấy tinh thần của chúng ham tu, thích tu, rất đáng khen. Nhưng

nếu nhập một lượt theo sở cầu của chúng thì không thể nào có đủ thất, nên Thầy chia ra làm hai đợt. Đợt một năm 1992 và đợt hai vào năm 1993.

Đợt nhập thất năm 1992:

Thời gian nhập thất là một năm, bắt đầu từ ngày mùng 02 tháng 01 âm lịch. Gồm có:

- Hạnh Nguyên.
- Hạnh Điềm.
- Hạnh Giám.
- Hạnh Nhàn.
- Linh Tuệ.

Còn lại ba thất thì các vị nhập ba tháng, tới mùng 01 tháng 4 ra, ba vị khác vô.

Đợt nhập thất năm 1993, trước hết là có Hạnh Chiếu xin nhập một năm. Đợt này Hạnh Chiếu cũng xin nhập thất, nhưng Thầy cho Hạnh Nguyên nhập trước. Hạnh Nguyên xin nhập tới hai ba năm, nhưng Thầy thấy còn nhỏ nên cho nhập một năm thôi, ra thế cho Hạnh Chiếu nhập thất. Hiện tại chưa có người đăng ký nhập thất đủ nên phiên nhập thất năm 1993 sẽ sắp đặt sau.

Phần sắp đặt mọi chuyện trong thiền viện đã xong. Thầy có ít lời nhắc nhở Ban Lãnh đạo, Ban Chức sự và Ban Giáo thọ để các con ý thức.

Từ trước đến giờ Thầy gánh hết mọi chuyện, có gì cần thì Thầy sắp đặt, có gì khó thì Thầy giải quyết. Nhưng bây giờ khác hơn, tất cả việc khó dễ hoặc những gút mắt... trong cuộc sống hằng ngày của chúng thì Ban Lãnh đạo có trách nhiệm, thay Thầy làm hết bổn phận của mình.

Từ năm 1970, Thầy đã thành lập các thiền viện dần dần cho tới ngày nay đã hơn 20 năm. Có những lúc rất bình yên nhẹ nhàng, cũng có khi sóng gió bất thường, nhưng Thầy vẫn giữ một mực không đổi thay, không lay chuyển. Ngày nay thì tạm gọi là hoàn cảnh thuận lợi, không còn khó khăn nữa. Sở dĩ Thầy làm được như thế là vì Thầy hết lòng đối với chúng, đối với đạo. Nhân đây, Thầy nói cho tất cả tụi con biết:

Thứ nhất, Thầy nhiệt tình đối với chúng. Điều gì Thầy thấy biết, khả năng tới đâu Thầy làm hết bổn phận tới đó. Nhiệt tình của Thầy lo cho tất cả chúng, nên rồi chúng cũng cảm thông. Do đó nhiều người tu được an vui, không có tâm chán cũng không lui sụt.

Thứ hai, Thầy chủ trương phải sống chân thật. Lúc nào cũng đem hết lòng mình, tất cả những sự thật thế nào thì sống như thế ấy. Thầy làm mọi việc không có tính cách để mưu đồ, gạt gẫm hoặc lợi dụng chúng làm cái đà cho mình tiến, hay lợi dụng

Phật tử để có tiền nhiều v.v.. Thầy sống với tâm chân thật, có thì nói có, không thì nói không, sự thật thế nào thì nói thế ấy, không có một ý niệm nào khác. Do lòng thật thà đó ở trong chúng cũng như đối với tín đồ, nên việc lãnh đạo của Thầy được thuận lợi tốt đẹp.

Thứ ba, Thầy lúc nào cũng chỉ vì chánh pháp chứ không vì một ý tứ riêng tư nào hết. Từ đi giảng dạy đến trải qua nhiều thời biến chuyển, Thầy vẫn giữ một lập trường. Thầy viết bao nhiêu sách, giảng bao kinh... cũng chỉ vì đem chánh pháp của Phật chỉ dạy cho mọi người biết, chứ không có một ý niệm xuyên tạc hay chống đối ai. Tất cả việc làm của Thầy đều vì mong muốn, làm sao cho mọi người hiểu được chánh pháp của Phật mà tu hành. Do hết tâm vì chánh pháp nên mọi việc làm đều được trôi chảy, tốt đẹp, êm xuôi.

Thầy nhắc lại, tất cả những đứa lớn có trách nhiệm với đàn em thì phải ráng tập, giữ được ba tinh thần, đó là:

- Luôn luôn nhiệt tình lo cho chúng.

- Luôn luôn chân thật đối với chúng và tất cả mọi người.

- Luôn luôn vì chánh pháp chứ không vì cái gì khác.

Nếu tụi con làm được như lời Thầy thì nhất định sẽ có kết quả tốt. Nhiều người có tài đức hơn Thầy, nhưng vì không đủ những điều kiện này, nên trên đường tu có lúc thăng lúc trầm, khi được khi mất. Do đó, Thầy mong tất cả tụi con cố gắng tập theo những điều thầy đã ứng dụng.

Ban Lãnh đạo, Ban Chức sự và toàn chúng phải ráng học như vậy. Nhất là Ban Giáo thọ, là những người có trách nhiệm hướng dẫn và chỉ dạy kinh điển cho chúng học. Cứ thành thật, hiểu tới đâu thì nói tới đó, điều nào chưa hiểu hết thì tra cứu hoặc thưa hỏi lại, chứ không vì hổ thẹn không hỏi ai mà nói sai, cũng đừng tỏ ra mình thông kim bác cổ mà nói không đúng thành lỗi. Giả sử chỗ nào thấy lúng túng chưa rõ ràng thì cứ thú thật là đoạn này thấy chưa sáng, để từ từ hỏi những vị lớn rồi sẽ giảng thêm sau. Phải nhớ luôn thật thà, nói đúng như chỗ mình đã học đã hiểu và kinh nghiệm tu của chính mình mà thôi.

Lúc nào cũng phải nhiệt tình. Như tụi con thấy, nhiều khi Thầy bị cảm sổ mũi mà tới buổi dạy Thầy vẫn dạy. Không vì yếu yếu sơ sơ rồi bỏ, nghỉ dạy. Bởi vì toàn chúng lúc nào cũng trông cậy vào đường lối mà mình hướng dẫn, cho nên phải đem kinh Phật, lời Tổ ra nói cho chúng biết mà cùng tu với nhau. Được như vậy thì việc tu mới có lợi ích.

Nếu đại chúng đông đảo mà chỉ lo việc ăn mặc, ngủ nghỉ, làm công tác, còn đạo lý không hiểu biết gì hết thì đời tu còn có ý nghĩa gì nữa.

Vì vậy Ban Giáo thọ phải ráng, giả sử tới bữa dạy mà có gì bận rộn chút ít cũng phải bỏ, cố gắng dạy cho đủ chứ đừng bữa dạy, bữa nghỉ, làm cho lớp học trông đợi. Đó là điều Thầy mong tất cả trong Ban Giáo thọ phải cố gắng, đừng vì lý do nào đó mà bỏ những buổi dạy của mình. Trừ trường hợp đặc biệt bất khả kháng thì thôi. Như vậy, với tinh thần đó tụi con sẽ tiến và sẽ có lợi cho chúng nhiều.

Về phần chúng thì ở đây có mới có cũ, không phải toàn là cũ cũng không phải toàn là mới. Thầy gọi là lớp mới, lớp cũ chứ không nói lớp lớn, lớp nhỏ. Bởi vì trong lớp này có những người bốn năm mươi tuổi rồi chứ không phải là nhỏ. Vì vậy Thầy gọi người vô tu trước là lớp cũ, người vô tu sau là lớp mới. Lớp cũ học lâu tu lâu, có thể thuần thục hơn, còn lớp sau thì mới nên cũng phải ráng tu, ráng học. Bởi vì tu là gốc, nhưng nếu không hiểu thì không biết tu như thế nào, rồi lạc theo ngoại đạo hoặc chấp vào tà kiến.

Vì vậy toàn chúng phải học để hiểu rõ lời Phật tổ chỉ dạy. Dù cho sự tu chưa tới đâu nhưng nếu đi đúng điều của Phật tổ dạy thì có lợi ích lớn, còn tu

nhiều mà tu sai thì đó là họa trên đường tu. Vì vậy trong chúng muốn tu thì cần phải học, học hiểu để tu. Có người nói, tôi muốn tu không cần học gì hết. Nói như vậy là sai lầm! Phải ráng học để mà tu. Các vị giáo thọ y theo kinh Phật, lời Tổ mà giảng dạy cho mình nghe. Phải khéo nhận lấy cái hay đó mà học mà tu.

Giả sử có một hai vị giáo thọ nào, có những việc làm chưa đúng như lời dạy thì mình cũng nên thông cảm, tha thứ. Như trong Luận Đại Trượng Phu có nói: "Người học đạo phải khôn ngoan, gần gũi thiện tri thức. Đừng chấp nê mà phải hiểu như là trong thùng rác có hòn ngọc. Nếu muốn lấy hòn ngọc trong thùng rác thì tự nhiên tay phải dơ. Phải bươi rác ra rồi mới lấy được hòn ngọc". Người học đạo cũng vậy.

Thiện tri thức bây giờ không phải như thời Phật tại thế. Thiện tri thức thời Phật là những vị đã chứng quả, nên lời nói và hành động của các ngài theo kịp nhau, nói được làm được. Thiện tri thức bây giờ, học thì có nhưng thực hành đôi khi chưa tới. Do đó, nếu cứ chấp vài hành động sơ sót của thiện tri thức thì mình không được học kinh. Bởi những vị ấy trước đã có duyên tốt hơn mình, được học với quý thầy có hiểu rồi, tuy là giờ hành chưa được nhưng đã có hiểu.

Mình học với vị đó là học cái hiểu về ý nghĩa trong kinh, mà các vị đã hiểu được và chỉ lại cho mình. Còn hành động thì các vị đó sẽ cố gắng sau. Đừng nói, dạy tôi như vậy thì phải làm đúng như vậy, làm sai tôi không học. Nói vậy là mình chưa biết hoàn cảnh của mình. Thế nên hiểu rõ ý nghĩa học đạo rồi thì dù học với người nói làm theo nhau, hay học với người nói được mà làm chưa được... mình đều cảm thông. Nếu suy nghĩ như thế thì việc học của mình được kết quả tốt, còn cố chấp thì không học được điều gì hay.

Hôm nay Thầy sắp đặt và nhắc nhở như thế, tất cả từ Ban Lãnh đạo cho tới toàn chúng, từ trên đến dưới cố gắng làm tròn bổn phận của mình. Người lớn làm tròn bổn phận người lớn, người nhỏ làm đúng ý nghĩa của người nhỏ, để trên đường tu dìu dắt nhau ai cũng tu tiến. Không nên vì lý do này, lý do nọ mà để chùn bước.

Thầy đặt tên thiền viện này là Linh Chiếu, đây cũng chính là sự nhắc nhở lớn đối với tụi con. Bởi khi đặt tên Linh Chiếu là Thầy đã có ý, mong muốn làm sao cho chánh pháp mãi sáng soi, không để cho những thứ mê tín, dị đoan, tà giáo... làm cho mờ tối. Lúc nào Thầy cũng muốn thiền viện là nơi soi sáng cho tất cả mọi người, vì vậy mà Thầy đặt tên các thiền viện đều có chữ "Chiếu" ở sau.

Linh Chiếu còn là tên của vị một nữ thiền sư Trung Hoa. Tuy còn nhỏ, với hình thức cư sĩ mà đã thấy đạo, sống chết tự do. Thầy cũng muốn Ni chúng ở đây, dù tụi con là Ni nhưng mai kia cũng sẽ là những người được đầy đủ đạo lực, trong lúc sống cũng như trong lúc chết. Không bị ngoại cảnh chi phối, có thể làm được những điều mà thế gian không làm được.

Như trường hợp cô Linh Chiếu, mặc dù cô đã tịch cả ngàn năm, mà bây giờ chúng ta vẫn nhớ, vẫn học sử của cô. Người trước là một nữ cư sĩ đã làm được thì Ni chúng ở thiền viện Linh Chiếu, là người xuất gia phải ráng học theo gương của cô Linh Chiếu. Làm sao mai kia, đối với con đường sanh tử tụi con có chút phần tự do. Đừng để khi sống bị ngoại trần lôi cuốn, khi chết lại bị nghiệp dẫn đi mất tự do, uổng một đời tu.

Đó là lời nhắc nhở của Thầy.

Cuối hạ năm Bính Tý - 1996

Năm nay là năm Bính Tý 1996, còn mấy hôm nữa là giải hạ, Thầy có vài lời nhắc nhở Ni chúng về đường lối tu hành. Do không có cơ hội dạy chung một lượt cho tất cả biết rõ đường lối tu của mình, Thầy e rằng có những đứa không đủ duyên, vào tu sau nên chưa được nghe, không biết sự tu bắt đầu như thế nào và kết thúc ra sao. Vậy nên Thầy dành buổi nói chuyện này để nói rõ lại cho cả chúng cùng được nghe.

Đường lối tu của chúng ta ở đây, có thể chia làm ba chặng hoặc hai chặng đường, tùy theo trình độ của mỗi người tu. Trước hết Thầy nói về ba chặng đường:

Chủ trương tu của Thiền tông là "Phản quan tự kỷ", tức là xoay chiếu về nội tâm của mình. Muốn xoay chiếu lại nội tâm của mình, không gì bằng phương tiện dùng hơi thở. Tại sao? Bởi vì chúng ta quen để sáu căn đuổi theo sáu trần, ngày tháng năm nào cũng đều đặn như vậy. Do không có phút giây soi trở lại mình, nên ở bên ngoài chúng ta biết rõ mà nơi tự thân thì lại không biết gì hết.

Người tu thiền phải biết cái thật nơi mình. Nhận ra được cái thật thì gọi là ngộ đạo hay kiến tánh, còn đuổi theo bám vào cái hư dối, nuôi dưỡng nó, đó là

tạo nghiệp luân hồi sanh tử. Vì vậy, muốn thoát ly sanh tử là phải quán chiếu trở lại chính mình. Soi xét coi cái gì là hư vọng thì đừng đuổi theo, đừng giữ gìn, bảo vệ nó nữa. Cái gì là thật thì phải nhận rõ, không quên mất cũng không xao lãng. Đó là gốc của người tu thiền, cũng là gốc của đạo Phật.

Xưa nay chúng ta có thói quen phóng ra nên không có khả năng tự chiếu rọi lại mình, bây giờ muốn xoay lại thì bắt buộc phải mượn hơi thở. Ngồi đếm hơi thở tưởng chừng rất đơn giản, không có gì cao siêu kỳ đặc cả, nhưng vô cùng thiết yếu. Việc làm y như trẻ con, cứ hít vô cùng, thở ra sạch đếm một; hít vô cùng, thở ra sạch đếm hai. Đếm tới mười thì bỏ rồi đếm trở lại từ một đến mười, mãi như vậy. Nương hơi thở lâu dần thành thói quen, hơi thở vô ra tới đâu đều biết rõ ràng, đó là nhìn thấy bằng trí tuệ của mình. Nhờ nương hơi thở mà phản quan lại, giúp chúng ta thấy tường tận hơi thở và sự sống của mình liên quan mật thiết như thế nào.

Phật dạy, thân xác thịt này là do tứ đại địa thủy hỏa phong hòa hợp mà thành. Phong đại tức là gió, mà hơi thở là phần chủ yếu trong đó. Tại sao nói hơi thở là phần chủ yếu? Vì hơi thở chính là mạng sống của con người. Chúng ta có thể nhịn ăn một hai tuần, nhịn uống năm ba ngày mới chết, còn nhịn thở thì chết liền.

Sự sống và chết của chúng ta gá vào hơi thở, một hơi thở ra không hít vô lại, lập tức mạng sống không còn, nó thiết yếu như vậy mà chúng ta coi thường. Hơi thở ra vô liên tục không dừng nên nó thuộc về vô thường, hơi thở đã vô thường thì đương nhiên mạng sống cũng thuộc vô thường, làm sao thân này lâu dài được. Rõ ràng mạng người hết sức tạm bợ, vậy mà cả đời chúng ta cứ đuổi theo nó, lo cho nó, vì nó mà khổ sở, thử hỏi mình mê hay tỉnh? Quán hơi thở vô ra rồi đếm, tức là buộc tâm mình đừng chạy ra ngoài, nhờ thế dần dần tâm yên định.

Thấy được lẽ vô thường của thân này rồi thì bớt tham sân si. Tại sao? Bởi biết là giả dối vô thường, đó là giác, tức bớt si. Thân chỉ là tạm bợ thì đối với những nhu cầu của thân như ăn ngon, mặc đẹp... chúng ta đâu còn tham muốn cho nhiều để làm gì, nên bớt tham, bớt tham thì bớt sân. Bởi trước kia mong muốn được cái này cái kia mà không được nên mới nổi sân, bây giờ không mong muốn nữa thì lấy gì mà nổi sân. Quán thân vô thường giảm được tham sân si, đó mới là hiệu nghiệm, là công đức của người tu.

Bước đầu Thầy dạy đếm hơi thở, tụi con thấy hết sức tầm thường, nhưng đó là con đường đưa tới tỉnh giác. Tu đếm hơi thở có hai điều trọng yếu: một là dùng hơi thở chiếu rọi lại bên trong, kềm chế

không cho sáu căn rong ruổi ra ngoài; hai là nhờ soi rọi lại thấy rõ thân tạm bợ mà giác ngộ được lý vô thường, quay về cái sáng suốt nơi mình. Từ đó phá được một phần chấp về thân.

Quán sổ tức là bước thứ nhất. Qua bước thứ hai là tùy tức, tức là theo dõi hơi thở. Khi tụi con xoay rọi lại quen rồi, Thầy bảo tụi con khỏi đếm số nữa mà theo dõi hơi thở. Ở chặng này chỉ để tâm vào hơi thở vô ra, hễ có niệm dấy lên đều biết nó là vọng tưởng liền buông. Nghĩa là khi nào niệm khởi thì buông, không thì cứ biết hơi thở vô ra là đủ rồi. Bởi vì thấy hơi thở vô ra biết rõ ràng, tức là bắt mình phải nhìn ngược trở vô. Nếu không nương hơi thở thì dễ buông trôi, ngồi đó mà phóng ra bên ngoài nghĩ tưởng việc này việc kia rồi quên mất mình.

Chúng sanh mê lầm bởi hai cái chấp: một là chấp thân thật, hai là chấp tâm thật. Bởi thấy thân thật nên cho nó là quý. Do chấp những nghĩ tưởng hư dối là tâm mình thật, nên lúc nào cũng cho cái thấy biết của mình là đúng, là chân lý. Do đó ai nghĩ khác là mình không chấp nhận, cho là họ trật họ sai, rồi chống đối thù nghịch lẫn nhau. Chỉ cần hai người ở chung là có bất đồng ý kiến, có cãi vã, buồn phiền... đủ thứ chuyện.

Ý kiến chỉ là một mớ vọng tưởng, có gì thật đâu mà đồng với bất đồng. Suy nghĩ vọng tưởng chỉ là

trò ảo ảnh, đồng hay không đồng cũng là chuyện thường. Như bao nhiêu bong bóng nước nổi lên, dù to tới mức nào cũng vẫn là bong bóng, có gì đâu mà chấp, giống nhau hay không giống nhau đâu có gì quan trọng. Vậy mà người thế gian suốt cả đời ôm ấp, đau khổ vì hai thứ chấp này. Từ thấy thân là thật, cho tâm vọng tưởng là thật mà gây ra không biết bao nhiêu là đau khổ. Không phải chỉ riêng chúng ta mà tất cả nhân loại đều chấp như thế.

Vọng tưởng là gì? Vọng là dối, tưởng là suy tưởng. Nếu đã biết vọng tưởng là hư dối không thật thì tụi con có còn chấp không? Tuy vọng tưởng chưa lặng bao nhiêu, nhưng thấy niệm khởi biết là không thật, không theo nó là tụi con tu được khá khá rồi. Nghĩa là tụi con đã bước qua cửa thứ hai, đó là tỉnh giác. Tuy chưa hết vọng tưởng, nhưng tụi con không còn mê lầm như trước nữa. Đó là bước đầu tiên mà người tu thiền phải thực hiện cho bằng được.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, chúng ta vào đạo tu hành, không nhiều thì ít mình cũng phải có giác. Thấy rõ mạng sống theo hơi thở không thật, tâm suy nghĩ hơn thua chỉ là vọng tưởng hư ảo cũng không thật, đó là cái thấy của sự tỉnh giác, tức là mình đang giác. Như vậy tụi con đang giác mà không biết, cứ tưởng mình tu sao còn ngu muội hoài, thật là đáng tiếc!

Thật tình mà nói, nếu tụi con thực hành sâu theo hơi thở thì sự giác ngộ không khó. Đời tu của tụi con nhẹ nhàng vì đã vơi bớt bao đau khổ, giảm bao nhiêu thứ nghiệp chướng. Chỉ cần biết vọng tưởng chứ chưa nói là lặng vọng tưởng, mà tụi con đã tiến một bước rất dài rồi, huống là tu đến lúc lặng hết vọng tưởng. Lâu nay Thầy dạy tụi con mới vào tu phải đếm hơi thở, mà Thầy chưa giảng kỹ, nên tụi con cứ tưởng sao Thầy dạy chuyện tầm thường. Nghĩ rằng, đếm hơi thở có nghĩa lý gì? Vọng tưởng thì kệ nó, thấy vọng tưởng thôi chứ có gì quan trọng đâu? Nhưng tụi con không ngờ, đó chính là giá trị thật của đời tu chúng ta.

Người thế gian, suốt cuộc đời của họ phải chịu bao khổ sở, điêu đứng, bực bội phiền hà... cũng từ chấp thân tâm mà ra. Chúng ta bây giờ qua được hai cái thấy lầm này, là một bước tỉnh giác rất xa chứ không phải tầm thường. Tất cả tụi con, có đứa nào không đi đường này không? Ai cũng đi, chỉ có là đi xong hay chưa xong mà thôi. Thầy nhắc lại, tất cả cần nhận định chín chắn việc làm của mình, đó là mình đang tập đi trên đường giác, chứ không phải còn mê lầm như cũ.

Sau khi biết vọng tưởng rồi phải làm gì? Trong ba nghiệp thân khẩu ý thì ý là gốc. Phật dạy chúng sanh luân hồi trong lục đạo là do nghiệp dẫn, mà

động cơ của nghiệp chính là ý. Ý nghĩ thiện thì miệng nói thiện, thân làm thiện. Ý nghĩ ác thì miệng nói ác, thân làm ác. Như vậy, nghiệp lành hay nghiệp dữ đều từ ý làm ra, ý tức là vọng tưởng.

Muốn giải thoát sanh tử luân hồi thì phải dứt nghiệp, mà muốn dứt nghiệp thì ý phải lặng. Cho nên căn bản tu thiền chính là dừng ý. Khi thấy ý nghiệp dấy lên lăng xăng, liền buông. Buông mãi cho tới lúc ý thức lặng yên tức là manh mối tạo nghiệp được dừng, ngang đây thì đâu còn gì dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử nữa, gọi đó là giải thoát.

Khi vọng tưởng hư dối lặng hết, chúng ta mới thấy cái thật của chính mình hiện ra. Tâm chân thật hiện tiền đó, trong nhà thiền gọi là "bản lai diện mục". Như vậy, nhờ không mê lầm cái giả nên mới nhận ra cái thật. Từ chỗ buông xả vọng tưởng, cho tới nhận ra bộ mặt chân thật của chính mình. Đó là bước tiến thứ hai trên con đường đạo. Chặng thứ nhất dễ, có thể tụi con có đứa đã đi qua. Chặng thứ hai khó hơn, nên chắc đi cũng hơi chậm. Thế nhưng, có đi thì nhất định sẽ tới, chắc chắn không nghi ngờ.

Trên đường tu tụi con phải cố gắng. Một khi đã biết rõ công dụng, cùng lợi ích thiết thực của sự tu hành thì phải hăng hái lên mà tu, chứ đừng lờ mờ bảo sao làm vậy. Hoặc có người cho là mình đã

nhận ra cái chân thật là xong việc, rồi nói năng om sòm, muốn làm gì thì làm. Cứ tưởng mình tự tại thong thả nên mặc tình sống phóng túng, đến khi vọng tưởng sống dậy nó lôi dẫn quên mất lối về.

Người tu bước qua chặng thứ hai cũng chưa phải là xong, mà còn phải tiến lên chặng thứ ba nữa. Ngài Trần Tôn Túc nói: "Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ, việc lớn đã sáng như đưa ma mẹ". Tại sao? Bởi tuy việc lớn đã sáng, tức là nhận được cái chân thật rồi, nhưng do tập khí nhiều đời chưa hết nên còn phải dẹp sạch. Đây là thời gian khá dài chứ không phải ngắn. Tổ sư nói "đốn ngộ tuy đồng Phật, đa sanh tập khí thâm". Đốn ngộ bản tâm đồng với chư Phật, nhưng tập khí nhiều đời sâu dày. Cho nên, dù nhận biết rõ rồi mà vẫn cần phải hết sức tinh tế dụng công, một khi tập khí phát ra là dẹp ngay, như vậy lâu ngày mới sạch hết. Còn tập khí là chưa xong việc, chừng nào tập khí sạch rồi, được rảnh rang buông thõng tay vào chợ thì chừng đó mới gọi là tự tại giải thoát.

Qua ba chặng đường Thầy vừa nói, tụi con thấy rõ đường hướng Thầy dạy đầu đuôi gốc ngọn rõ ràng. Bước vào như thế nào, đến chặng cuối cùng ra sao. Thấy tường tận như vậy thì sự tu mới có ý nghĩa, mới không lầm lẫn. Thầy nhắc kỹ cho tụi con nhớ, giai đoạn ngồi thiền là giai đoạn tốt nhất

để phản quan. Phản quan hơi thở, rồi phản quan vọng tưởng, cuối cùng là nhận ra cái chân thật.

Trong khi buông xả vọng tưởng, đòi hỏi tụi con phải làm hai việc. Thứ nhất là phải thấy rõ từng niệm khởi, vì vậy cần phải tỉnh sáng. Nếu nhắm mắt ngủ mê thì không thể thấy được vọng tưởng. Lúc vọng tưởng lặng lặng thì cần phải tỉnh tỉnh, chứ không phải lặng rồi ngủ luôn. Cho nên tụi con phải luôn luôn tỉnh giác một cách mạnh mẽ, yên tĩnh mà phải sáng suốt, sáng suốt nhưng vẫn yên tĩnh, đó là thuật khéo của người ngồi thiền. Thiền sư Huyền Giác dạy rõ: "Tỉnh tỉnh lặng lặng phải, tỉnh tỉnh tán loạn sai. Lặng lặng tỉnh tỉnh phải, lặng lặng hôn trầm sai". Lặng tức là vọng tưởng mất, khi lặng phải tỉnh mới thấy mặt thật của chính mình, nếu lặng mà ngủ khò không tỉnh thì làm sao nhận ra cái chân thật.

Tinh thần Thiền tông là định tuệ song tu, chứ không phải trước định rồi sau mới tuệ. Định tuệ đồng thời tức là trong khi tỉnh phải có lặng, trong khi lặng phải có tỉnh. Vì vậy khi buông xả vọng tưởng được thưa lặng, là lúc nào đó tụi con được tỉnh sáng. Chặng đường này rất dài, tụi con cần phải cố gắng kiên trì bước đi, đừng dể duôi xem thường.

Thầy biết lâu nay phần nhiều thực hành không đúng trình tự của ba chặng đường này, bởi vậy nên

tu hoài mà không kết quả. Ngang đây tụi con cần phải nhận thức kỹ càng, thấy rõ chặng đường mình đang đi là đúng hay sai, rồi điều chỉnh thực hành lại cho đúng để tu. Đừng nghĩ rằng mình vô thiền viện năm bảy năm rồi, mà sao không thấy giác ngộ chút nào hết? Tụi con kiểm nghiệm xem, chí ít cũng đã có chút chút giác rồi. Trước là giác thân vô thường, kế là giác tâm vọng tưởng là hư dối. Phải không? Như vậy tụi con đâu còn mê tối như người thế gian nữa.

Thầy đã nói qua ba chặng đường của người tu đạo, bây giờ Thầy nói về hai chặng kế tiếp. Hai chặng này cũng không ngoài ba chặng trước. Chặng thứ nhất là biết được cái thật, buông xả không theo những cái giả. Nếu người nào vào đạo mà có túc duyên sâu, khi học kinh, nghe giảng hoặc nghiên cứu, bỗng dưng sáng lên thấy rõ ông chủ nơi mình, không nghi ngờ. Khi nhận ra mình có ông chủ rồi, từ đó biết rõ cái thật, nên đối với những thứ giả mình buông hết không theo nó nữa.

Chặng thứ hai là khi tất cả những cái giả không còn khả năng quấy nhiễu mình, tuy nhiên mọi tập khí nhiều đời vẫn chưa sạch hết, vì vậy phải luôn luôn dè dặt, tỉnh táo đừng để nó lôi kéo. Người đã biết được cái này là thật thì tự nhiên rõ biết cái kia là hư giả. Hạng người như thế đi chỉ mất một chặng

đầu là tới chặng thứ hai liền. Đến chặng thứ hai lại cố gắng buông xả những tập khí đời này, đời kia cho sạch. Chừng nào tập khí sạch hết, không còn gì làm chướng ngại đường tu của mình thì chừng ấy tự do tự tại. Đó là hai chặng, chặng thứ nhất là tiệm tu rồi đốn ngộ, chặng thứ hai là đốn ngộ rồi tiệm tu. Chư Tổ dạy hết sức rõ ràng, tiệm tu rồi đốn ngộ, hoặc đốn ngộ rồi cũng phải tiệm tu, chứ không thể không tiệm tu.

Đường tu của chúng ta cụ thể rõ ràng, lúc nào cũng đặt giác ngộ làm gốc. Giác ngộ được hư dối, đó là từ cái giả đi tới cái thật. Điều cần yếu trong sự tu là biết được lối đi rõ ràng, chứ không phải chỉ nghe qua lời Thầy dạy rồi tu theo thôi. Nếu đi tu mà không biết thấu đáo ý nghĩa của việc mình làm, không có nhiệt tâm, chỉ là tu cho lấy có thì vào chùa một thời gian dễ bị buông xuôi, thả trôi theo các duyên rơi vào xao lãng. Cũng bởi nghe dạy sao thì làm vậy còn tự mình không nắm vững công phu, nên việc tu lờ mờ, ngồi thiền dễ bị ngủ gục.

Những người không biết việc tu thực tế như thế, nên họ đi tìm học hạnh này, tập hạnh kia để cho mình hết tham sân si. Nhưng không ngờ, muốn hết tham sân si thì tự mình phải giác, tức là nhận ra cái thật nơi mình. Khi nhận ra được cái thật, tụi con mới thấy giờ ngồi thiền là giờ vàng ngọc, vì đó

là giờ được ngồi yên để phản quan lại chính mình. Chừng nào tìm ra được sự giác ngộ cụ thể nơi mình rồi, chừng đó không cố dẹp tham sân si mà tham sân si cũng tự lặng.

Hôm nay Thầy đã nói rõ cho tất cả tụi con biết, những chặng đường phải đi của một hành giả tu thiền. Ba chặng hoặc hai chặng là tùy theo căn cơ của mỗi người. Nắm vững ý nghĩa việc tu của mình rồi thì từ đây về sau tụi con phải luôn ghi nhớ. Ngồi thiền là phản quan, vì vậy giờ ngồi thiền là giờ lặng lẽ sáng suốt, chứ không phải là giờ ngồi ngủ hay giờ để nghĩ ngợi lung tung. Đừng ngồi đó mà gục lên gục xuống, cũng đừng phóng tâm ý ra ngoài chạy ngược chạy xuôi.

Ở trong chúng tu, tụi con phải hiểu cho rành, biết cho rõ để bản thân mình tu tiến, rồi mai này dạy cho người sau tu cũng không lầm lẫn. Nhân đây Thầy nói thêm, vừa rồi trong chúng có người hỏi, hiện nay chúng ta tu thiền nhưng còn phải lao tác và học tập kinh điển, không có thời gian ngồi thiền nhiều thì làm sao để tu cho rốt ráo? Thầy nói rõ điểm này cho tụi con nắm vững.

Thầy từng dạy tụi con, không thể lấy việc ngồi thiền làm cứu cánh trong đời tu, mà ở bất cứ hoàn cảnh nào, dù động hay tịnh mình cũng có thể tu được. Không phải chỉ ở cảnh tịnh mới tu, còn trong

cảnh động thì tu không được. Động của người tu là chỉ cho khi làm việc trong chúng hoặc làm các Phật sự khác, chứ không phải động như người thế gian.

Vấn đề này Thầy cũng thường nhắc, tụi con làm việc gì chỉ biết việc đó thôi, đừng để tâm duyên theo cảnh khác. Thí dụ các vị giáo thọ, giờ nào soạn bài dạy học thì dồn hết tâm tư trong việc soạn bài. Chỗ này tụi con đừng hiểu lầm, cho rằng dồn hết tâm tư trong đó là trụ. Tuy soạn bài là động, nhưng có làm chủ. Tại sao? Vì mình không để tâm ý phóng đi ra ngoài việc đang làm. Như người chăn trâu, giữ trâu đi trên bờ nếu nó xoay đầu qua lúa mạ thì giật dây kéo lại. Chăn trâu đâu phải khi trâu nằm yên một chỗ mới chăn, mà chính khi trâu đi mình cũng phải chăn như vậy.

Bệnh của con người là làm cái này mà nghĩ tới cái khác, làm ở đây chưa rồi mà nhớ chuyện kia, chuyện nọ. Cứ như vậy cho nên việc làm không chu đáo, lại còn thêm loạn tưởng. Làm cái gì tụi con chỉ để tâm trong phạm vi đó, không có cái thứ hai chen vô. Như vậy, dù ở hoàn cảnh nào hay làm bất cứ việc gì thì tụi con cũng luôn tỉnh sáng, vừa làm chủ tâm mình vừa chu đáo trong công việc. Tuy có xao động nhưng chỉ trong một giới hạn cố định, chứ không phải xao động mà thiếu tu. Như người tu quán vô thường hay quán khổ, trong lúc khởi quán

cũng động, quán lâu dần tâm ý mới yên tịnh, động đó là động trong quán chiếu, chứ không phải loạn động theo cảnh.

Mỗi ngày chúng ta tập tỉnh sáng trong mọi hoạt động của mình, lâu ngày tâm ý sẽ thuần thục. Khi đã thuần thục rồi thì đặt đâu yên đó, không còn vọng tưởng lăng xăng lộn xộn nữa. Hiện tại khéo tu trong cảnh động, mai kia ra dạy người tu thiền cũng được lợi ích. Cư sĩ tu tại gia phải suy nghĩ làm việc này việc kia, đâu có thời giờ ngồi thiền như mình, chúng ta cần hướng dẫn cho họ tu một cách thiết thực.

Phương pháp tu này không những hữu ích cho Phật tử, mà cũng hữu ích cho cả xã hội. Nhất là thời đại khoa học, phần nhiều làm việc sử dụng máy móc, nếu mọi người chuyên tâm trong việc làm của mình thì hiệu quả sẽ cao hơn, giúp cho xã hội tiến bộ nhanh hơn. Nếu không chuyên tâm, đang làm cái này mà nhớ chuyện khác thì dễ gây ra tai nạn hoặc hư hỏng. Hiểu như vậy rồi, tụi con không phải thắc mắc nên buông hết việc để tu hay vừa làm vừa tu. Lúc ngồi thiền tu được mười phần thì giờ làm công tác bên ngoài mình tu cũng được năm phần.

Dù làm việc chùa hay việc xã hội cũng đều khéo tu, có như vậy đời tu của chúng ta mới không rơi vào tiêu cực. Nếu nghĩ phải bỏ hết việc bên ngoài, vô thất

đóng cửa ngồi yên mới là tu thì chừng nào mình tu được? Như ở đây có cả ngàn Tăng Ni tức là phải có cả ngàn cái thất để tu, vậy ai đủ sức ủng hộ cho chúng ta ngồi không chỉ ăn rồi tu. Cho nên tụi con cần phải thấu triệt đường lối tu, làm sao trong sự tu tập của mình được tăng tiến, mà đối với mọi sinh hoạt ở thế gian chúng ta cũng không gây chướng ngại, đó mới thật sự là tinh thần tích cực của đạo Phật.

Cuối mùa an cư năm nay Thầy có vài lời nhắc nhở Ni chúng, mong rằng mỗi ngày tụi con đều có những bước tiến vượt bậc, không còn trì trệ như những năm trước. Đó là sự mong đợi của Thầy, mấy đứa con phải gắng tỉnh giác tu hành, đừng để mê lầm nữa.

Ngày 28/11/ Canh Thìn - 23/12/2000

Chúng ta là người tu phải bòn từng chút phước, không nên để phước đức của mình bị tiêu mòn. Phật dạy người có phước muốn làm gì đều thành công, còn người vô phước làm gì cũng thất bại. Phước đức giúp chúng ta làm việc gì cũng thành tựu. Thí dụ như Thầy, mấy đứa con thấy Thầy có làm ra đồng xu nào đâu, nhưng khi muốn làm việc gì, khởi

xướng lên đều làm được hết. Tại sao như vậy? Bởi Thầy có tu nên có phước.

Nhưng nếu Thầy tu ở thất một mình thì có phước được như vậy không? Chắc chắn là không. Nhờ Thầy vừa tu vừa đi giảng dạy cho mọi người hiểu đạo, từ đó Thầy có phước mới nuôi nổi mấy đứa tu. Do vì Thầy có tâm hỗ trợ Tăng Ni tu, hướng dẫn Phật tử cùng hiểu Phật pháp nên được phước báu như thế. Nếu Thầy ích kỷ, chỉ lo cho riêng mình khỏe thôi thì chắc hẳn đã không có phước.

Nhân đây Thầy muốn nhắc nhở đại chúng, nếu mỗi đứa có phước thì trên đường tu gặp được duyên lành, làm việc không bị chướng ngại. Trong khi tu tụi con phải tập, đứa nào cũng phải có tinh thần tương trợ huynh đệ, sẵn sàng hy sinh. Những việc khó nhọc mình phát tâm làm, không nạnh người này, chờ người kia. Hiện tại tuy mấy đứa con chưa làm lợi ích cho nhiều người, nhưng ít ra cũng làm trong phạm vi của mình. Đừng tránh nặng tìm nhẹ, cho rằng làm cái này nặng nhọc, làm cái kia nhẹ nhàng hơn. Người nào sẵn sàng làm những việc nặng nề nhọc nhằn, gánh vác thay cho chúng thì người đó có phước nhiều, còn kẻ tránh né chỉ ưa làm việc nhẹ thì tự nhiên phải ít phước hơn. Tụi con nên nhớ, ở trong chúng phải tận tâm lo cho Tam bảo, có thế mới xứng đáng, mai này ra làm Phật sự được.

Thầy làm Phật sự có khi nào mấy đứa nghe Thầy than mệt mỏi, hết muốn làm không? Tuy mệt nhưng luôn luôn cố gắng làm, nhờ vậy Thầy mới có phước. Tụi con nghĩ xem, tiền đâu mà Thầy cất được chùa? Xây dựng thiền viện Thường Chiếu Thầy đâu có đồng xu nào, cũng không xin ai hết, chỉ cần khởi xướng Thầy muốn làm việc này thì Phật tử liền chung tay ủng hộ. Đứa nào ở trong chúng cứ tránh nặng tìm nhẹ, nghĩ như vậy khỏe thân, mà không ngờ đó là tổn phước. Tổn phước dần dần đưa tới gặp nhiều trở ngại trên đường tu. Chẳng những thế, nhiều khi còn tu không được nữa.

Trong kinh Phật có nói, đừng sợ dư phước, chỉ sợ thiếu phước. Cho nên mỗi đứa ở trong chúng phải biết hy sinh, gánh vác việc nặng, thay nhọc cho huynh đệ. Người nào biết nghĩ như thế là biết thương mình, để dành phước báu để tu hành và mai kia còn làm được nhiều lợi ích khác. Nếu cứ sợ làm nhiều sanh bệnh, làm quá tu không được v.v... thì không tốt. Mấy đứa con thấy, mỗi ngày Thầy giảng hai ba thời, sáng giảng chiều giảng, nhưng vẫn làm việc không nghĩ đến mệt mỏi. Biết rằng già thì thân phải yếu, nhưng vì tinh thần mạnh mẽ nên luôn muốn làm lợi ích cho nhiều người, cứ vậy ngày ngày lướt qua mà không thấy mệt nhọc gì hết.

Tụi con đứa nào cũng lớn khôn rồi, biết tu hành thì phải ráng tạo công đức cho mình. Giả sử trong thiền viện có việc gì khó khó một chút, ban lãnh chúng thấy người nào làm được, đề nghị thì mấy đứa con chắp tay nhận hay trốn tránh? Chắp tay xá nhận, đó là người biết tạo duyên phúc cho mình. Đại chúng ráng tập tu hạnh từ bi, có tinh thần vị tha đối với mọi người. Bây giờ còn nhỏ đầy đủ điều kiện tạo phước mà không chịu làm, đến lúc già bệnh muốn làm cũng không làm được, chừng đó bị thiệt thòi, hối tiếc cũng không kịp.

Trên con đường tu hành, Phật tổ luôn gia hộ cho những người nhiệt tình vì chúng sanh, chứ không gia hộ cho kẻ tiêu cực, ích kỷ. Hiện tại chúng ta thấy dường như mình làm cho người khác, nhưng thật sự chính là làm cho mình. Giúp đỡ người này người kia, tức là giúp đỡ cho mình. Người tu khôn ngoan, không có tâm thối chuyển, không nên để mình ích kỷ nhỏ mọn, mà phải luôn cố gắng làm những việc phước đức, nhất là hy sinh cho chúng.

Ngày xưa hòa thượng Giám đốc tức hòa thượng Thiện Hòa, ra miền Trung học. Trường cử Hòa thượng làm Tri sự, mà ở đó làm Tri sự cực lắm, ngài hay giúp đỡ người này người kia. Vì Hòa thượng viết chữ tốt, nên ngoài việc Tri sự ra, nếu có ai mượn viết gì thì ngài đều sẵn sàng viết giùm

hết. Học xong, Hòa thượng về lập Phật học đường Ấn Quang, từ Tăng Ni cho tới cư sĩ, ai ai cũng quý kính ngài. Tại sao mọi người quý kính Hòa thượng? Chính là nhờ đức hy sinh của ngài, nên mới có đầy đủ phước báu như vậy.

Những người đi trước luôn luôn quên mình vì người sau, dấn thân lo cho chúng Tăng, phụng sự đạo pháp, nên các ngài có đầy đủ phước đức. Kẻ lánh nặng tìm nhẹ, chỉ muốn ở thất tu một mình cho sướng, miễn sao có cơm ăn áo mặc thì thôi, không cần làm gì hết, riết thành tiêu cực ích kỷ, tu hoài không tới đâu. Thế nên tụi con nhớ học gương hạnh của quý hòa thượng để bắt chước.

Chính bản thân Thầy cũng học theo gương hạnh của Sư Ông, khi nào cần giảng dạy cho ai thì sẵn sàng, không nệ hà gì cả. Thấy việc gì có lợi cho người thì làm, nhiều khi Thầy rất mệt, nhưng có những đoàn tới hỏi đạo, Thầy cũng vẫn nói. Nói vui nên quên mệt. Mấy đứa con hiểu đạo lý rồi, ráng nhớ ứng dụng vào trong cuộc sống tu hành của mình, đừng bao giờ nói tôi mệt lắm thôi không làm nữa. Được như vậy thì tụi con sẽ là những người tốt cho mai sau, làm ích lợi cho đạo pháp và xã hội.

☸ Thầy dạy Tuệ Tĩnh Đường

Năm Canh Thìn - 2000

Hôm nay Sư Ông có vài lời nhắc nhở tụi con, những vị được phân công làm việc tại Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu.

Sư Ông cho thành lập Tuệ Tĩnh Đường, vì muốn đóng góp việc làm có ích cho xã hội. Như thế mình vừa thể hiện lòng từ bi, mà cũng vừa nói lên tinh thần nhập thế của đạo Phật, nhằm dẹp bỏ quan điểm sai lầm của một số người cho rằng người tu là tiêu cực, ích kỷ. Nếu tổ chức của mình tốt thì làm lợi ích được cho nhiều người, nên tụi con phải cố gắng tận tâm tận lực.

Người bệnh tật nhiều đau khổ, chúng ta góp chút phần xoa dịu nỗi đau cho họ. Việc làm này tuy không lớn lao gì, cũng không đòi hỏi kết quả 100%, khoảng 80% là quý rồi. Nhưng trước mắt là đem lại niềm vui cho đồng bào. Một người hết bệnh là cả gia đình họ được vui theo, qua đó chúng ta đem họ đến gần Phật pháp.

Tất cả tụi con phải luôn cố gắng làm việc để đóng góp với xã hội, lợi ích cho mọi người. Là thầy thuốc trong thiền viện, phải nhớ lời Phật dạy về hạnh bố thí. Đừng thấy mình là người bố thí, bệnh nhân là

kẻ thọ thí, khiến cho đạo đức của mình bị tổn giảm. Nếu thấy trị bệnh là ban ơn, người bệnh là kẻ thọ ơn, rồi có những lời nói nặng nhẹ, quát tháo thì không tốt. Nên nhớ, nhân có người thọ thí, chúng ta mới làm được việc bố thí. Vì vậy đã phát tâm làm việc giúp dân, phải làm với lòng quý trọng, từ đầu đến cuối không thay đổi, không để thiếu sót. Làm sao tất cả người bệnh đến đây điều trị đều cảm thấy vui, đó mới thật sự là đức tính cao đẹp của một người tu.

Những người nhỏ được phân công làm Tuệ Tĩnh Đường, tự thân phải ý thức cao việc làm của mình. Đừng nghĩ rằng làm việc này là gánh nhọc cho thầy tổ, là có công lớn đối với Tam bảo, mà phải thấy đây là bổn phận của mình đối với xã hội. Nếu thấy mình làm như thế là có công lớn, mọi người phải nể, rồi xem thường huynh đệ và đại chúng, đó là tổn đức. Phải hiểu, tất cả những gì người lớn giao người nhỏ làm, cũng đều nhằm tạo phương tiện cho người nhỏ có cơ hội tu học và tạo công đức. Do đó mấy đứa con khi được chút thành tựu gì, phải có lòng biết ơn và kính trọng thầy của mình. Đừng bao giờ ỷ có công mà coi thường thầy tổ. Phải biết, nhờ người lớn lo lắng sắp đặt, tạo điều kiện giúp đỡ nên mình mới được thành tựu.

Phần các vị lớn có trách nhiệm trông coi gánh vác cũng phải nhớ, chúng ta làm việc không phải để

riêng cá nhân mình hưởng tiếng tốt, mà đó là tiếng tốt chung cho cả thiền viện. Điều cốt yếu của chúng ta là sự tu, công tác từ thiện chỉ là phương tiện tạo duyên lành. Cho nên phải luôn luôn làm trong đạo đức, bằng tình thương chân thật, chứ đừng làm vì bản ngã tự kiêu tự đắc. Người nào thấu suốt được như vậy thì làm Phật sự mới lâu bền.

Dù làm ngành nào, ban nào, mỗi người cũng đều phải đặt hết tâm trí của mình vào đó. Nếu làm mà gượng gạo, không hết lòng thì không nên làm. Muốn việc làm đạt kết quả tốt thì khi rảnh rỗi nhớ nghiên cứu sách thuốc, để hiểu thêm về những cây thuốc mới được y học phát hiện. Làm sao càng làm càng kinh nghiệm, càng giỏi mới được. Thầy thuốc có kinh nghiệm giỏi thì việc điều trị bệnh nhân ngày càng tiến bộ, cứu được nhiều người. Nên nhớ, mục đích của Tuệ Tĩnh Đường là cứu người, chứ không phải làm để lấy tiếng hay vì lợi dưỡng, hoặc được cấp bằng khen.

Khi khám chữa bệnh cần phải tập trung, gặp người quen đến khám bệnh cũng không nên nói chuyện nhiều. Bình đẳng với tất cả mọi người, đừng để bệnh nhân so bì, nghĩ rằng mình chiếu cố người này nhiều, người kia ít, rồi sanh ra bất mãn. Những người đi khám bệnh, ai cũng nôn nóng mong được về sớm. Nếu người lấy số 1, số 2 mà không được châm cứu, còn người lấy số 6, số 7 lại được châm

trước thì làm sao không bực mình. Khi bực mình họ phản ảnh lại, tự nhiên mình mang tiếng không tốt. Bởi vậy nên tất cả tụi con làm việc phải theo đúng trật tự, để giữ uy tín cho Tuệ Tĩnh Đường.

Nơi đây là chỗ mà Sư Ông đã cố gắng tạo mọi điều kiện tốt, để làm việc thiện cho có quy củ nề nếp, trật tự ngăn nắp, vệ sinh... đều sạch sẽ. Chúng ta làm việc này không phải lợi dụng từ thiện để dụ dỗ thiên hạ, mà làm từ thiện bằng tâm chân thật của mình. Như vậy, việc làm này chính là làm vì mọi người, mà đã vì mọi người thì phải công bằng, chứ không nên bất công.

Khi chúng ta làm vừa lòng người này, tự nhiên sẽ mất lòng người kia. Thành ra chúng ta làm từ thiện mà gây bực bội cho người khác, đó là sự bất công. Nhiều khi vì nghèo mà họ không biết đi đâu, nên ráng nhịn chịu đến với mình. Nhưng vô tình chúng ta đã gieo trong tâm họ ác cảm, không vui. Từ đó mọi người đồn đãi nhau, làm ảnh hưởng uy tín của Tuệ Tĩnh Đường.

Người tu lúc nào cũng để sự công bằng lên trên, sống cho có đạo đức. Tất cả phải nên hết sức cẩn thận. Dứt khoát đừng để xảy ra những vấn đề đáng tiếc. Bất cứ khía cạnh nào chúng ta cũng phải khéo léo chu toàn. Chúng ta nói, thành lập Tuệ Tĩnh Đường là vì lòng thương người. Từ bi thì phải bình

đẳng, nếu thiên vị thì không phải từ bi, mà đó là ái kiến. Làm việc tốt phải tốt trọn vẹn, đừng để nó tốt giữa chừng, sau này hối hận không kịp.

Tất cả tụi con trong công tác nào cũng nhớ ráng làm cho tròn thì uy tín Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu mới bền vững, lâu dài. Ngày nay Sư Ông còn có mặt nên nhắc tới nhắc lui cho nghe, nếu mai kia Sư Ông nghỉ không làm nữa thì ai nhắc nhở tụi con! Nếu không nghe theo lời dạy, chỉ làm theo ý riêng của mình, đó là tự mình phá hoại công đức, còn mang tiếng không tốt cho đoàn thể nữa.

Nếu ước tính chi phí của Tuệ Tĩnh Đường trong một năm, chúng ta thật khó kham nổi. Nhưng nhờ vào lòng chân thành của tất cả mọi người, từ trên đến dưới đều hết lòng ủng hộ, lo cho người bệnh. Thế nên tuy chi phí rất nhiều mà sự cung ứng vẫn luôn đầy đủ, không thiếu.

Khi lập Tuệ Tĩnh Đường, tâm huyết của Sư Ông là muốn tạo phương tiện cho người bệnh vơi bớt đau khổ. Chúng ta không cần người ta đăng báo hay tán thán mình, nhưng chính lương tâm của người thầy thuốc, chúng ta cần phải phục vụ đắc lực. Sư Ông nói để tất cả thấy được việc của mình làm là đúng nghĩa, đúng với chánh pháp. Không vì cầu danh, cầu lợi, chỉ cầu cho người bệnh được chóng lành, được an ổn, đó là tâm hạnh của người xuất gia.

Ngày nào Sư Ông còn khỏe mạnh, bảo đảm Sư Ông lo cho mấy đứa con không thiếu phương tiện để làm, trừ lúc Sư Ông mệt thì không biết sao, nhưng hiện tại thì tụi con hãy làm hết sức mình, đừng toan tính. Như vậy mới không uổng phí công sức của đại chúng đã gánh vác công tác, dành thời giờ cho mình tạo duyên lành. Đồng thời cũng xứng đáng với tấm lòng của các Phật tử, đã đóng góp cho Tuệ Tĩnh Đường, giúp thiền viện làm công tác xã hội được hoàn mỹ, đem lợi lạc đến cho đồng bào.

Nghĩ lại xem, nếu cộng hết từ đầu năm đến cuối năm thì mấy đứa con điều trị được bao nhiêu bệnh nhân? Khoảng mấy ngàn người. Người có bệnh đến mình điều trị, họ hết bệnh mà không tốn kém bao nhiêu. Một năm mình giúp được bao người bớt bệnh, bớt khổ, như vậy cũng đáng mừng rồi. Dù biết rằng có thân là có bệnh, việc cứu giúp đó chỉ là tạm thời, hiện tại thấy mạnh khỏe rồi nhưng mai kia cũng sẽ đau bệnh lại. Tuy nhiên chúng ta vẫn hết lòng điều trị, hầu xoa dịu phần nào nỗi đau cho những người bệnh. Luôn luôn tận tâm tận lực, đó là trách nhiệm của người làm thầy thuốc.

Điều trị thân bệnh chỉ là cứu người tạm thời, muốn cứu được trọn vẹn thì sao? Là tự mình phải cố gắng tu giải thoát cho chính mình, rồi đem sự tu tập đó dạy lại cho mọi người. Tự cứu mình và

cứu người thì việc làm mới trọn vẹn. Tụi con có hai trách nhiệm rất lớn: một là giúp cho người đời vơi bớt đau khổ; hai là tự cứu mình hết khổ muôn đời. Như vậy mới đúng ý nghĩa cứu khổ của đạo Phật.

Mục đích của đạo Phật là làm sao để mình và người không còn sanh tử nữa, chứ không phải ở chỗ chỉ cứu giúp tạm thời mà thôi. Giải thoát sanh tử mới là cứu cánh. Chúng ta thử nhìn lại thời đức Phật có dạy đệ tử đi châm cứu, hốt thuốc hay không? Không có. Phật chỉ dạy tu chứng A-la-hán, tự mình giải thoát rồi sau mới giải thoát cho người. Nhưng với hoàn cảnh bây giờ, chúng ta phải làm thế nào để vừa tu tập, vừa phù hợp với sinh hoạt của xã hội, để dân chúng thấy rằng người tu không phải là kẻ ăn không ngồi rồi. Bởi thế nên chúng ta phải làm việc lợi ích giúp cho người đời.

Muốn người xung quanh không chê cười biếm nhẻ mình thì tụi con phải cố gắng phục vụ. Mỗi năm số lượng bệnh nhân đến khám cao hơn, chứng tỏ công tác mình làm được tốt cho nên quần chúng mới tín nhiệm tìm tới. Chúng ta thành lập Tuệ Tĩnh Đường không phải bày ra làm lấy có, hay để mình nổi danh. Vì vậy Sư Ông mong rằng mỗi năm Tuệ Tĩnh Đường điều trị được nhiều người lành bệnh hơn, công tác càng ngày càng tốt hơn. Có thế chúng ta mới thật sự giúp người bớt khổ, không hổ thẹn với đời.

Vừa rồi, có phái đoàn của bệnh viện Định Quán đến Trúc Lâm. Ông giám đốc bệnh viện nói, lúc trước tháp tùng đoàn của Thứ trưởng Bộ Y tế đến thăm Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu, thấy tổ chức ngăn nắp và chu đáo ông rất hoan hỷ, sau đó có hướng dẫn các vị trong bệnh viện Định Quán tới để học hỏi. Nghe nói tất cả sinh hoạt và điều hành công việc Tuệ Tĩnh Đường đều do Sư Ông sắp đặt, nên ông tìm lên tận thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt thăm.

Ông trình bày:

- Chúng tôi lên đây không phải để xin Thầy giúp đỡ về tài chính, cũng không phải nhờ Thầy quảng cáo, mà chỉ có một thỉnh nguyện. Đó là khi nào Thầy có việc đi ngang qua Định Quán, xin ghé qua tịnh xá Bửu Long. Vì ở đây đang mở Tuệ Tĩnh Đường nhưng tổ chức chưa tốt, nhờ Thầy hoan hỷ hướng dẫn sắp xếp giùm, để hoạt động nơi này được trật tự như ở Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu.

Qua sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trong ngành Y, cho thấy Tuệ Tĩnh Đường của chúng ta tuy không lớn lắm, nhưng có đường lối tổ chức rõ ràng, cơ sở khang trang sạch sẽ, làm việc trật tự, ngăn nắp. Việc điều trị tốt, bệnh nhân đến đây chữa bệnh kết quả khả quan. Do đó tạo được tiếng vang trong xã hội, được nhiều người chú ý tìm đến với

tâm hoan hỷ. Vì vậy Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu không phải quan trọng mà trở thành quan trọng.

Tuy được mọi người quý mến nhưng chúng ta không nên tự mãn, mà cần phải cố gắng nhiều hơn nữa. Mấy đứa con phải hiểu, thành công này là do sự tận tâm và lòng nhiệt tình trong công việc của mình, nên bước đầu có được kết quả đôi chút như thế. Song lâu dài về mặt trị liệu, chúng ta cần phải nghiên cứu sâu hơn, để việc điều trị càng ngày càng đạt kết quả tốt. Về phần tổ chức thì các vị có trách nhiệm trong ban Điều hành phải luôn quan tâm, sắp xếp, gìn giữ sao cho Tuệ Tĩnh Đường lúc nào cũng khang trang, sạch sẽ, ngăn nắp.

Việc cung cấp nguồn thuốc để đáp ứng cho nhu cầu điều trị vô cùng quan trọng. Điểm đặc biệt ở đây là chúng ta có vườn thuốc ngay trước sân Tuệ Tĩnh Đường, còn các nơi khác thì phòng hốt thuốc và vườn thuốc cách nhau rất xa. Thế nên ban trồng thuốc phải lưu tâm, trồng theo từng chủng loại, cây thuộc loại cao thì trồng theo cao, thấp trồng theo thấp, làm sao nhìn vào vườn thuốc giống như một vườn hoa. Những cây thuốc hay, hoặc người ta cho loại nào mới thì mình cố gắng trồng cho có kết quả. Giả sử có những loại tuy phòng thuốc ít dùng, nhưng người dân cần xài thì cũng trồng để giúp cho dân.

Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu toàn là Ni, không có chư Tăng. Cho nên từ việc ngoài vườn thuốc cho đến phơi thuốc, chặt thuốc, sao thuốc v.v... mấy đứa con đều phải tập làm hết. Tự mình đảm đang tất cả mọi việc, việc nào quá sức mới nhờ người làm phụ, còn trong khả năng vừa sức thì gắng làm, như vậy mới đúng tinh thần làm việc thiện. Nếu báo cáo mọi việc do mình đảm trách, mà trên thực tế toàn mướn người vào làm, thì đó chỉ là nói suông mà thôi. Chúng ta phải nhớ, mình làm từ thiện là vì muốn giúp đỡ cho người, chứ không phải vì danh hoặc được người tán dương.

Ngày xưa khi lập Tuệ Tĩnh Đường, Sư Ông có xin bác sĩ Thời đang làm giám đốc bệnh viện Long Thành, dùng vài thứ thuốc Tây để giải quyết cấp thời cho bệnh nhân. Nhưng ông thẳng thắn từ chối, vì e rằng người ta thường hay treo đầu dê bán thịt chó, nên ông không dám cho. Điều này cho thấy lúc đó mình chưa đủ uy tín để người tin. Do vậy các vị làm việc phải hết sức cẩn thận.

Ở đây chúng ta có những thứ thuốc do Phật tử gởi về ủng hộ, nếu bệnh nhân nào cần điều trị thuốc Tây thì cứ cho họ đem về uống chứ đừng bán. Các loại thuốc Đông y phải mua vào để điều trị, thì mình chia lại cho người bệnh với giá gốc. Làm việc nào ra việc ấy, đừng để người ta hiểu lầm, tưởng là

của Phật tử gởi về cho mà mình đem bán, không hay. Mục đích của chúng ta làm là để giúp đỡ cho đồng bào, chứ không vì cầu danh, cầu lợi. Thế nên tùy theo khả năng của mình đến đâu làm đến đó, làm được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu.

Trên đường tu tuy chúng ta chưa giải thoát sanh tử, nhưng cũng làm được chút việc lợi ích cho xã hội, vậy là tốt. Thế nên tụi con mỗi đứa phải nhiệt tình, nghiên cứu chuyên môn kỹ càng, để công tác mình làm ngày một hoàn hảo hơn, kết quả hơn. Đó là sự mong mỏi của Sư Ông, tụi con nên cố gắng.

❀❀❀

Năm 2001

Qua báo cáo cho thấy công tác Tuệ Tĩnh Đường ngày càng tiến bộ và hiệu quả nhiều hơn. Mỗi tháng Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu điều trị trung bình khoảng 4.000 bệnh nhân, có tháng lên tới con số 4.800 người bệnh đến điều trị. Số lượng này rất lớn, chiếm gần một phần tư dân số của xã. Vậy là người dân xung quanh thiền viện đa phần khi bệnh có đến đây điều trị.

Trong số những người đến điều trị bệnh, giả sử tính bình quân mỗi tháng có 30 người hết bệnh, tức

là 30 người được hết khổ, vậy là cứ mỗi ngày thì có một người bớt khổ. Bệnh nhân đến để trị bệnh, tức là có kết duyên với chùa. Người ta sớm lành bệnh thì đó cũng là duyên tốt của mình, mình đã gieo duyên tốt thì quả tốt nhất định sẽ đến.

Sư Ông nhận thấy ban thuốc Nam vì thiếu phương tiện đi lấy thuốc nên thuốc bị thiếu, vậy thì chúng ta phải mua thêm cho đủ thuốc, để việc điều trị không bị trở ngại. Đồng thời Sư Ông cũng có vài lời nhắc nhở thêm. Chúng ta làm thầy thuốc, lại là thầy thuốc của người nghèo, nên dễ có nhiều điều nản chí. Người dân nghèo ăn mặc không được tươm tất, không thơm tho. Vì vậy khi tiếp xúc để trị bệnh tụi con phải khéo léo, không nên tỏ vẻ khó chịu khiến người ta mặc cảm. Gặp trường hợp bệnh nhân không sạch sẽ, mình đeo khẩu trang để giữ vệ sinh, chứ không có tâm khinh thường ai.

Dù bất cứ hoàn cảnh nào, tụi con cũng phải giữ thái độ bình thường, không được đối với bệnh nhân này khác, bệnh nhân kia khác. Người thì mình thong thả hỏi han vui vẻ, kẻ thì mình tỏ ra khó chịu. Như vậy không tốt. Chúng ta là người tu, là người chan rải tình thương của lòng từ bi thì phải có sự hy sinh. Miễn sao người bệnh được phần lợi ích, còn bản thân thiệt thòi một chút cũng không sao. Tụi con đừng nản chí cũng không tỏ vẻ bất bình, như

vậy phước báu ngày càng tăng trưởng, bằng không ắt sẽ bị tổn giảm công đức.

Người có thân bệnh thường khó tính và không được vui vẻ. Nhất là những bệnh nhân nghèo, hoàn cảnh của họ thiếu thốn đủ thứ. Vừa thiếu ăn, thiếu mặc lại thêm bệnh hoạn, quá nhiều cái khổ đến với họ. Nghèo đã khổ, lại thêm bệnh tật, khổ chồng chất khổ. Nếu mình không giúp được họ, thật là điều đáng buồn. Cho nên chúng ta cần hiểu mà thông cảm, giúp họ qua cơn bệnh khổ.

Nếu có tiền đem cho vài chục ngàn hay vài trăm ngàn, tiêu xài ít bữa cũng hết. Còn chúng ta giúp họ được khỏe mạnh thì họ có thể làm ra cơm ra gạo, có tiền chi tiêu cho cả gia đình được sống vui vẻ. Tuy chúng ta không trực tiếp giúp đỡ về mặt vật chất trong đời sống, nhưng chính khi giúp họ lành bệnh là đã làm người ta bớt khổ nhiều rồi.

Mặc dù chúng ta không trực tiếp cho ai tiền bạc, nhưng việc làm này lại có giá trị thiết thực vô cùng. Ở thế gian có gia đình, nhiều lắm cũng chỉ lo được năm mười người mà thôi, đã thế còn chưa chắc chắn con cháu có hiếu cả đời. Nếu thiếu phước, con cháu lớn lên lêu lổng, bỏ nhà đi hoang rồi rầu khổ với nó.

Chúng ta chỉ biết làm tròn bổn phận, điều trị cho người được lành bệnh là đã đạt được mục tiêu

rồi, đừng đòi hỏi người khác phải cảm ơn mình. Người ta cảm ơn cũng tốt, không cảm ơn cũng tốt. Không nên nghĩ rằng, người này mất lịch sự quá, mình lo săn sóc cho họ mà họ không một lời cảm ơn, không tỏ lòng biết ơn. Nếu khởi nghĩ như thế thì sẽ sanh tâm chán ngán, không vui.

Làm sao chúng ta vừa tu được, mà cũng vừa làm lợi ích cho mọi người. Trên thực tế chúng ta có thể làm lợi ích chung cho mọi người, mà việc tu của mình cũng không bị ảnh hưởng. Đối với người bệnh, chúng ta không cần tìm ở họ sự nhã nhặn, lễ phép. Vì chính bản thân mình cũng vậy, lúc có bệnh thì bực bội, cau có đủ thứ. Bệnh nhân ở vùng sâu, quê mùa ít học nên không biết phép lịch sự là việc bình thường. Chúng ta cần thông cảm và giúp đỡ họ nhiều hơn. Thầy thuốc phải có tâm bao dung và nhẫn nại, nếu thiếu những đức tính này thì không thể phục vụ lâu bền, việc điều trị cũng không hiệu quả.

Tất cả những vị làm Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu luôn luôn ghi nhớ, chúng ta là thầy thuốc miền quê cho nên phải gần gũi, nghĩ đến người bệnh khổ mà chan rải tình thương, đối xử chu đáo và bình đẳng. Như vậy mới đủ tư cách thầy thuốc, mới xứng đáng là một tu sĩ Phật giáo ra làm việc xã hội, khiến cho đạo Phật càng được quý trọng.

Sư Ông mong tất cả tận tâm tận lực, vừa làm vừa nghiên cứu thêm. Mỗi đứa lãnh trách nhiệm theo khả năng của mình, phải cố gắng làm tròn bổn phận. Người châm cứu cần nắm vững chuyên môn huyệt đạo, người điều trị thuốc thang phải hiểu rành rẽ dược tính của thuốc, người lãnh phần trồng thuốc thì ráng nghiên cứu tìm thêm các chủng loại thuốc... Vườn thuốc vừa đầy đủ vừa tươi đẹp như một vườn hoa, đừng để chỗ này cây khô, chỗ kia cây chết, chỗ nọ không có thẩm mỹ.

Người ta có bệnh khổ nên tìm đến mình, chúng ta trị bệnh giúp họ vơi bớt đau khổ, bằng cử chỉ thân thiện, nói năng hiền hòa để an ủi họ. Nếu người bệnh tới mà mình lộ vẻ không vui, cư xử không tốt, huynh đệ không hòa thuận... làm người bệnh bực bội thêm thì việc điều trị không lợi ích gì. Dù cho mấy đứa con điều trị hay, nhưng có thái độ không tốt cũng làm giảm uy tín của mình. Vì vậy tất cả các ban cần gắng nhớ tu tập trong lúc làm việc, nhiệt tình lo cho công tác được chu đáo vuông tròn.

Mỗi ngày làm việc ở Tuệ Tĩnh Đường, tiếp xúc không biết bao nhiêu bệnh nhân, mấy đứa con mới thấm thía lời dạy chí lý của đức Phật, cuộc đời là đau khổ. Khi chứng kiến nỗi khổ của nhiều người, chúng ta không còn tham luyến thân mình, không còn bị mê hoặc bởi ngũ dục nữa. Cho nên làm thầy

thuốc chính là cơ hội tốt để ứng dụng tu. Nhận thức rõ ràng hiện trạng của thân, thấy bệnh khổ trước mắt mà quán chiếu thân mình cũng vậy. Lấy đó làm kinh nghiệm để ráng tu.

Điều trị cho lành bệnh là giúp người bớt khổ, nhưng chỉ là bớt khổ tạm thời. Bởi hết bệnh về nhà, nếu lại tiếp tục tạo nghiệp thì cũng gây ra tội khổ nữa. Cho nên, bên cạnh việc giúp giảm đau khổ về thân bệnh ngay hiện tại, chúng ta cũng khéo khuyên bảo bệnh nhân đạo lý. Nhờ nghe hiểu mà họ thức tỉnh, biết hướng tâm tu tập hạnh lành, đó là chúng ta cứu khổ tương lai.

Nếu chỉ lo điều trị thân bệnh, tức là giúp người bớt quả khổ hiện tại, mà không giúp họ tạo nhân tốt cho mai kia, là mình cứu họ chỉ một thời gian ngắn thôi, tới lúc họ bỏ xác thân này ra đi trong mờ mịt, chúng ta cũng không sao cứu giúp được. Vì vậy muốn cứu giúp người được lâu dài thì phải làm sao cho tương lai của họ tươi sáng hơn. Nghĩa là chúng ta cần đem đạo đến với người bệnh, giúp họ hiểu đạo thì mới gọi là cứu giúp hoàn toàn.

Do đó, làm thầy thuốc tụi con cũng phải ráng tu, chịu khó nghiên cứu sâu Phật pháp. Làm sao để chính mình thấm nhuần đạo lý, có niềm vui trong đạo rồi đem ra nhắc nhở mọi người, biến lời nói của mình thành thực tế sống động. Mỗi khi tiếp xúc với

bệnh nhân, gặp trường hợp nào có thể nói chuyện được thì tụi con đem lời Phật dạy nhắc nhở, để họ chừa bỏ những nghiệp ác, tránh xa điều tội lỗi.

Nhân việc xem mạch cho thuốc mà chúng ta có thể làm được hai phần: một là cứu khổ hiện tại, hai là cứu khổ tương lai. Những người nhiều đau khổ, chúng ta nói đạo lý họ dễ nghe hơn, còn người đang vui mà khuyên tu thì họ khó nghe. Tụi con làm được như lời Sư Ông dạy, kết quả còn hơn người đi giảng pháp nữa. Bởi giảng pháp nếu vui thì họ nghe, không vui thì bỏ đi. Với kẻ đang khổ, mình giải khổ bằng cách giải thích nguyên nhân gây khổ, khiến cho họ thấm nhuần đạo lý thì họ hết khổ, đó là cái hay. Được như vậy là tụi con làm tròn bổn phận của người tu, vừa là lương y vừa là pháp sư, sống đúng theo tinh thần đạo lý của đạo Phật.

Mục đích của Sư Ông muốn tụi con làm là để gieo duyên với chúng sanh, đem chánh pháp truyền bá đến tận những người đau khổ, giúp họ dần dần hiểu đạo lý mà được an vui. Mỗi người tu chúng ta, đều mong muốn thực hiện bản nguyện lợi sanh, vừa tu vừa làm lợi ích cho mọi người. Điều này mang ý nghĩa rất hay, nhưng không phải dễ thực hiện. Bởi có nhiều người muốn mà không làm được, trong khi ở đây chúng ta thực hiện được, thật là một phước duyên lớn của chúng ta.

Ban đầu, Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu mỗi tháng tiếp đón khoảng 1.000 bệnh nhân, hiện nay đã lên đến 4.000 - 5.000 người. Bệnh nhân đến đây mỗi ngày một đông, chứng tỏ việc điều trị tại Tuệ Tĩnh Đường này có kết quả, nên người bệnh mới tin tưởng tìm đến trị liệu. Bệnh nhân đến điều trị càng nhiều thì phí tổn càng lớn, tụi con làm việc nhọc nhằn nên phải hao phí sức lực hơn.

Mặt khác, bệnh nhiều thì thuốc phải dồi dào để đủ cung cấp, có những thứ thuốc chúng ta không có nên phải mua. Chi phí cao thì tài chính hụt, nhưng đây là phần Sư Ông lo, hụt bao nhiêu thì ráng bù bấy nhiêu, bởi đó là cơ hội tốt để làm Phật sự. Phật tử giúp đỡ để Sư Ông lo cho Tăng Ni, lo cho mọi người, nên Sư Ông tự thấy mình có bổn phận phải làm cho tròn. Như vậy, Sư Ông cùng quý thầy và tụi con đồng cộng tác làm việc, giúp đỡ những người thiếu phương tiện điều trị ở những nơi khác. Bệnh nhân tin tưởng nơi đây, chúng ta không phụ lòng họ. Vừa ra công, vừa ra của giúp người bệnh được lành. Đây chính là trách nhiệm của Sư Ông và tất cả mấy đứa con.

Điều quan trọng là dù bệnh nhân đông bao nhiêu thì tất cả tụi con cũng phải làm việc trong tinh thần vui vẻ, không nên lộ nét mệt mỏi. Vì đây là cơ hội tốt cho chúng ta, có người bệnh thì mình mới hốt thuốc điều trị cho họ, cũng như có người

xin thì mình mới cho được, chứ không ai xin lấy đâu mà cho. Bệnh nhân được lành bệnh thì đây là công quả của tất cả chúng ta.

Phật sự của Tuệ Tĩnh Đường này càng tăng thì chúng ta có hai cái vui. Thứ nhất là chúng ta đã gieo được niềm tin với người bệnh, từ một con số rất nhỏ, rất ít mà bây giờ tiến lên rất lớn, rất nhiều. Thứ hai, chúng ta có cơ hội làm những điều phước đức, mỗi ngày bòn thêm một ít phước. Nhờ trị bệnh cho người mà phước đức của mình mỗi ngày mỗi tăng. Như vậy, bệnh nhân càng đông, sở phí càng nặng thì chúng ta càng thấy vui vì đã làm được nhiều điều tốt cho mọi người.

Tóm lại, từ Sư Ông cho đến quý thầy của tụi con và Ni chúng ở thiền viện Linh Chiếu này, tất cả cùng nhau hợp tác làm việc đạo đức. Đây là việc làm hết sức cụ thể. Cứ hằng tháng có bao nhiêu người hết bệnh là chúng ta đã đem lại sự an ổn cho bao gia đình. Cho nên tất cả phải cùng chung lo, người việc này, người việc nọ để hoàn thành tốt công tác mà mình được phân công.

Sư Ông nhắc lại cho tất cả nhớ, mỗi người khi làm được việc gì thì phải giữ thái độ khiêm nhường, không nên có tâm tự cao. Đừng thấy mình là người ban ân, bệnh nhân là kẻ nhận ân, rồi coi thường mọi người. Trong kinh Phật dạy, người bố thí thấy

người nhận thí như là ân nhân của mình, nhờ có người nhận mà người cho mới bố thí được, nếu không có người xin thì làm sao hành hạnh bố thí?

Lúc Sư Ông đi Mỹ thuyết giảng, Phật tử ai cũng vui mừng quý mến. Sư Ông đặt câu hỏi với Phật tử: "Tại sao Thầy sang Mỹ?". Phật tử ở bên đó trả lời không được, Sư Ông nói: "Vì Thầy thiếu nợ. Bởi lúc Phật tử ở trong nước, cúng dường giúp đỡ cho Thầy lo cho Tăng Ni. Bây giờ Phật tử ra nước ngoài, nợ đó làm sao Thầy trả hết được? Vì vậy Thầy sang nước ngoài giảng dạy là để trả nợ cũ, chứ không có gì hay hết.

Sư Ông tay không, chẳng có gì cả. Vậy mà trải qua thời gian ngắn Sư Ông làm được bao nhiêu việc, chính là nhờ có tâm khiêm nhường, biết quý trọng mọi người. Thế nên khi muốn thực hiện điều gì, Phật tử xa gần đều thương và hết lòng giúp đỡ. Những người mang tâm ngạo mạn, dù rất có tài cũng không làm được gì ra trò. Tất cả tụi con phải tập đức tính hạ thấp mình và quý trọng người xung quanh. Được như lời Sư Ông nhắc thì công tác Tuệ Tĩnh Đường này sẽ bền bỉ lâu dài, đồng thời phước đức của tụi con mỗi ngày mỗi tăng thêm.

Chúng ta từ thiện giúp đỡ đồng bào là làm tròn bổn phận đối với xã hội, nhưng việc tu hành vẫn là việc chánh, không thể lơ là. Người tu phải làm

hai việc, bên ngoài thì tạo phước như bắc cầu, bồi lộ, cho người thuốc men v.v... gọi là làm thiện. Bên trong thì ráng tu cho trí tuệ sáng suốt, lòng từ bi ngày càng rộng mở. Đó là phước huệ lưỡng toàn, còn lệch một bên thì sự tu thuộc về tiêu cực, phiến diện, chưa đủ.

Nếu chỉ tu cho tiến về mặt nội tâm mà không giúp ai, không làm lợi người, tức là có huệ mà thiếu phước. Còn một bề làm thiện tích phước mà không lo tu, tức là có phước mà thiếu huệ. Sư Ông thành lập Tuệ Tĩnh Đường, chính là nhằm tạo điều kiện lo cho mọi người. Tuy chúng ta không bắc cầu, bồi lộ... nhưng cho thuốc giúp người được giảm bệnh, đây cũng là một việc từ thiện lớn.

Muốn được đầy đủ đức hạnh thì khi gặp những bệnh nhân khó tính, ưa nhăn nhó nói này nói nọ, tụi con cần tu tập nhẫn nhục. Từ bi phải đi đôi với nhẫn nhục, không thể tách rời riêng được. Những đứa làm công tác Tuệ Tĩnh Đường thấy như thiệt thòi hơn các huynh đệ, vì không có thời giờ để học hành nhiều, lại phải nhẫn nhục với người bệnh, nhưng đó chính là duyên lành khiến cho tụi con tu hành mau tiến, giúp cho sự tu thực tế hơn. Bình thường không ai đụng chạm tới mình, không ai làm mình bực bội thì chúng ta cũng đâu biết được sức tu của mình.

Nội bộ huynh đệ cùng làm việc chung với nhau, trong tinh thần hòa hợp. Phải biết kính thương nhường nhịn, không nên chống đối, cùng hợp tác để làm việc đạo đức, lẽ nào lại không thương nhau. Mỗi khi gặp việc không vui, phải nghĩ rằng mình đã là người tu, tại sao lại còn hờn giận nhau. Đối với người ngoài mình còn thương, huống nữa là huynh đệ trong thiền viện mà lại không thương sao!

Do đó khi làm việc, đối với huynh đệ phải hòa thuận hoan hỷ, đối với người bệnh phải nhẫn nhịn, đừng buồn giận. Nói gì, làm gì cũng nhỏ nhẹ, đừng bao giờ có lời qua tiếng lại, hoặc tỏ thái độ bực bội, cau có quát tháo trước bệnh nhân, khiến họ cười chê: sao mấy cô tu mà không hiền lành. Là những người đại diện cho thiền viện ra để giao tiếp với dân, phải nhớ giữ uy tín cho thiền viện, tránh đừng để người ngoài phê bình, làm giá trị của người tu bị giảm đi, khiến cho bệnh nhân mất lòng tin vào đạo Phật.

Sư Ông mong rằng, càng làm việc từ thiện thì tâm tu hành của tụi con càng mạnh, càng trong sạch. Không vì lý do giúp đỡ người rồi sanh cao mạn. Làm việc thiện, phục vụ cho người bệnh mà tu cũng như đang tụng kinh. Khi tụng kinh, nếu có phiền não dấy lên thì tụi con phải bỏ liền, không để phiền não kéo lôi. Cũng vậy, khi làm việc thiện

nếu bất chợt có niệm bực bội dấy lên thì buông liền, không nuôi dưỡng nó.

Tuệ Tĩnh Đường của chúng ta, mỗi năm chỉ báo cáo cho biết sự hoạt động ra sao, chứ không có khen thưởng tiền bạc gì hết. Người đời cuối năm phải thưởng cái này, cái kia... nhưng ở đây Sư Ông thưởng ba ngày sám hối, cho có phước. Bởi khi làm việc, huynh đệ có lúc vui buồn với nhau, có lúc cũng bực bội với người bệnh. Vậy thì bây giờ rảnh rang, phải lạy Phật sám hối cho tiêu nghiệp, để huynh đệ cùng cảm thông, hoan hỷ thì phước đức mới được trọn vẹn. Như vậy thì hiện tại sự tu hành của tụi con sẽ có kết quả tốt đẹp, mai kia đủ duyên phước sẽ làm được nhiều Phật sự lớn lao hơn.

Sư Ông cố gắng tạo điều kiện tốt rồi, bổn phận của mấy đứa con là phải làm sao cho mọi người tin tưởng, quý kính chùa chiền, quý kính Phật pháp. Sư Ông còn có mặt thì tùy khả năng tới đâu, Sư Ông làm tới đó. Sư Ông đã cố gắng tạo lập cơ sở nhà cửa nghiêm trang, phần còn lại là của tụi con, mấy đứa phải làm cho tròn bổn phận. Đây là điều hết sức cần thiết, mà Sư Ông mong mỏi ở tất cả tụi con.

❀❀❀

Năm 2002

Sư Ông có đôi lời tha thiết nhắc nhở tụi con, hàng con và hàng cháu cùng gắng ghi nhớ. Chúng ta luôn nỗ lực tu hành nhưng đối với việc từ thiện cũng phải tận tâm, làm hết khả năng của mình, không mệt mỏi, không chán nản... Sư Ông nói những điều thiết thực cho tụi con thấy, nếu chúng ta quên thân lo làm việc Tam bảo, giúp đỡ người với tâm hoan hỷ thì phước đức của mình không thể lường được, còn kẻ chỉ lo riêng cho bản thân mình thì làm sao có phước.

Tại sao người tu chúng ta không tự túc tự lo cho bản thân mình, mà phải sống nương vào thí chủ? Bởi vì có hai điều bất lợi: một là lo theo việc làm quá nên quên tu hoặc không có thời giờ để tu; hai là mình ỷ làm ra tiền nên mặc tình muốn làm gì thì làm.

Tại sao Phật dạy người xuất gia phải thọ nhận của thí chủ để nuôi sống thân mạng của mình? Là để chúng ta thấy có bổn phận mà cố gắng nỗ lực tu. Tụi con nghĩ coi, Sư Ông không làm kinh tế tự túc, nhưng mấy đứa con ở thiền viện có đói bữa nào không hay ngày càng sung túc hơn. Sư Ông kinh nghiệm từ bản thân mình, nên dù ở bất cứ trường hợp nào cũng đặt việc tu lên trên. Chúng ta tu

hành nghiêm túc, Phật tử mới tin tưởng ủng hộ, còn không thì đâu ai tìm tới.

Như hiện nay chúng ta đã có nhiều thiền viện, mỗi thiền viện đều có số chúng ở tu học không phải ít, nhưng không có nơi nào thiếu gạo ăn, cũng không chỗ nào nhà cửa bị mưa dột khổ sở. Đó chính là nhờ vào sức gia trì của Tam bảo, nhờ chư vị hộ pháp ủng hộ. Ngày xưa Sư Ông còn dạy học ở trường, mỗi tháng được mấy trăm tiền lương, còn bây giờ không đi dạy nữa, không có đồng xu con nào hết, vậy mà vẫn đủ để lo cho Tăng Ni tu học.

Cho nên tụi con phải tin tưởng, nếu chúng ta tu hành đúng chánh pháp thì Tam bảo luôn luôn gia hộ, hộ pháp cũng không bỏ chúng ta. Tụi con còn nhỏ cứ lo ở yên một chỗ cho thật bền, mai kia tu hành vững vàng rồi thì phước báu cũng đầy đủ theo. Sau này quý thầy của tụi con già yếu, mấy vị lớn rồi cũng ra làm Phật sự, chừng đó mấy đứa nhỏ phải tấn lên để gánh vác Tam bảo.

Chúng ta làm Phật sự theo nhu cầu cần thiết, chứ tụi con đừng muốn lãnh thêm cơ sở mới. Lãnh thêm một cơ sở mới, tức là phải đưa một số người đi. Cử người trung bình thì làm Phật sự không có kết quả tốt, còn đưa người giỏi đi hết thì thiền viện làm sao đủ người để giữ gìn giềng mối! Chỗ này mình làm chưa xong, mà còn muốn thêm chỗ khác làm gì!

Nhận lãnh nơi vắng vẻ tức nhiên phải có người lớn, còn chúng nhỏ mà ở chỗ vắng vẻ thì không thể an tâm được. Hiện giờ tụi con học chưa xong, tu chưa đủ cần phải để tâm cố gắng tu học.

Người tu có đức hạnh, tự nhiên có người mời thỉnh. Điều đáng lo là mình tu không ra gì, không có đức hạnh. Đừng lo lắng, cứ lo tu và làm việc phước thiện cho đồng bào. Làm tròn hai điều này thì không sợ thiếu gạo ăn. Làm sao ngày nay người ta tốt với mình, ngày mai họ vẫn tốt không thay đổi, như thế mới được. Tụi con thấy, Sư Ông làm được những việc ngoài sự mong mỏi của mình. Chỉ tính nội khu Thường Chiếu này thôi đã bao nhiêu người, rồi Linh Chiếu, Viên Chiếu, Huệ Chiếu, Phổ Chiếu, Chơn Không, Trúc Lâm v.v... cho đến các thiền viện khác trong nước và ngoài nước. Như vậy, làm sao Sư Ông có tiền để làm Phật sự và lo cho Tăng Ni, nhưng Sư Ông vẫn lo được, nên người ta đồn Sư Ông giàu.

Nếu chúng ta không lo tu hành đàng hoàng, không có đức hạnh tốt, mà cứ ngồi toan tính làm ăn mãi thì có được như bây giờ không? Càng lo tính chạy ngược chạy xuôi thì đầu óc càng rối không tu được. Không tu được tất nhiên đạo đức bị tổn giảm, đi xuống hồi nào không hay. Rốt cuộc làm gì cũng không kết quả, như người trồng cây mà không có

trái. Việc chính của tụi con hiện tại là làm sao cho Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu ngày càng phát triển, điều trị bệnh nhân đạt kết quả tốt.

Tụi con phải nhớ, đây là việc làm chung cho cả thiền viện, chứ không phải việc riêng cá nhân. Bởi đồng bào đến đây điều trị được lành bệnh thì họ mang ơn thiền viện Linh Chiếu, mà mang ơn Linh Chiếu thì tự nhiên người ta có thiện cảm với tất cả các thiền viện. Không những thế, điều này còn đem lại tiếng tốt chung cho cả Phật giáo chúng ta. Cho nên việc làm của tụi con là sợi dây gắn kết từ cá nhân, gia đình, chùa chiền và xã hội. Vì vậy tụi con phải luôn nhiệt tình và tận tâm trong công tác của mình.

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG THIỀN VIỆN HUỆ CHIẾU

Năm Bính Tý - 1996

Nhân ngày Huệ Chiếu sắp được 16 tuổi, Thầy có ít lời nhắc nhở. Thiền viện Huệ Chiếu đã nhiều lần thay đổi Trụ trì và Ban Chức sự, khác với Linh Chiếu, Viên Chiếu, Phổ Chiếu thủy chung chỉ có một Trụ trì. Bởi thay đổi mấy phen nên có cái khó. Vì mỗi lần thay đổi Trụ trì, tự nhiên ảnh hưởng hoặc thuận lợi hoặc bất lợi cho đại chúng.

Trụ trì tuy có thay đổi mấy phen, nhưng không phải người xa lạ từ đâu đến, mà cũng là người quen, trong hàng môn hạ đệ tử của Thầy. Cho nên, thay đổi mà không bị trắc trở, khó khăn nhiều trong sự tu hành của đại chúng. Chúng vẫn có hướng đi, cùng tu cùng tiến, không bị phân tán, đi đây đi kia. Đó là điều tốt. Như vậy qua bao nhiêu năm, Ban Chức sự thay đổi mà Huệ Chiếu vẫn bình yên, vẫn mạnh khỏe, tồn tại đến 16 tuổi là điều rất quý.

Vào buổi đầu, Thầy thường xuống đây dạy học, nhưng sau này ít có thời gian, nên lâu lâu chỉ xuống nhắc nhở một lần. Kế là về mặt kinh tế tài

chính, Thầy chỉ phụ được chút ít, còn lại tụi con ở đây tự lo liệu lấy. Nhưng nhờ sự khéo léo và nhiệt tình của tụi con mà suốt 16 năm qua, Huệ Chiếu chưa đến nỗi đói rách. Đây cũng là cái tốt rất đáng khen. Chớ còn sống mà không nhiệt tình chung lo thì chắc rằng cũng chao đảo lắm!

Giờ đây, Thầy nhắc thêm cho tụi con trong sự tu. Tất cả người phát tâm vào đạo, ai cũng ôm ấp tâm nguyện là phải cố gắng tu sao cho xứng đáng một người xuất gia đệ tử Phật, vì lợi ích chúng sanh mà đi tu. Tâm niệm đó là cội gốc chân chánh của người xuất gia. Cho nên, đã xuất gia rồi thì lúc nào cũng phải nuôi dưỡng tâm niệm đó, không bao giờ quên. Nhờ vậy, trên đường tu dù gặp khó, dễ, thuận, nghịch gì cũng không bị trở ngại. Trong việc tu, tụi con phải có nhận định, lập trường rõ ràng thì đường tu mới tiến.

Tuy có lập trường, có hướng đi nhưng không gặp thiện hữu tri thức thì đôi khi cũng bị gió nghiệp lôi, thổi mình phải nghiêng ngả. Vì vậy, tụi con được ở trong chúng, nương thầy lành bạn tốt để cùng tu là điều hết sức quý. Tụi con phải thấy điều đó không thể thiếu trong đời tu của mình. Đừng nghĩ miễn phát tâm tu rồi thì ở một mình tu cũng được, đó là sai lầm. Tu là phải ở trong chúng, học hiểu đạo lý đầy đủ, có thầy bạn dìu dắt đi từng bước, bảo hộ

che chở cho mình khỏi bị sa ngã. Đó là điều hết sức thiết yếu trên đường tu.

Tụi con nên nhớ kỹ, không phải tu là mọi việc đều như ý, nếu mọi việc đều như ý thì không gọi là tu. Tại sao vậy? Vì tu là thấy rõ nơi mình có những cái xấu dở, hay tốt. Đối với cái xấu dở phải loại ra, không bao giờ dung chứa. Nhưng làm sao biết được cái xấu dở nơi mình? Nhân cảnh trái nghịch mới biết được.

Thí dụ tụi con ở trong chúng, thầm nguyện từ đây về sau sẽ ráng tu hạnh nhẫn nhục, nhưng nếu ai đến với mình cũng khen ngợi, tán thán thì chừng nào mới tu được hạnh này? Cho nên, thỉnh thoảng có người chửi mắng mình, trong khi đó không phải lỗi nơi mình thì phải biết đó là Bồ-tát lớn. Đây là cơ hội để thấy mình có nhẫn được hay không? Gặp cảnh nghịch mà vẫn an nhiên thì hạnh nhẫn mới thành tựu. Do vậy, đừng nghĩ có kẻ xấu ác làm điều trái ý để mình tức, rồi cho họ là kẻ thù, đó là bậy. Phải nghĩ rằng người làm mình tức là giúp mình tu mau tiến. Nhờ họ, cái dở cái tức của mình hiện ra, mới biết mà tu. Nên tụi con đừng trách, đừng giận những người làm phiền mình mà phải mang ơn họ.

Người tu đừng đòi hỏi việc gì cũng như ý. Đừng bao giờ nghĩ: "Sao ở đây người ta hay chọc cái này, ghẹo cái nọ làm mình tức tối, khó tu quá". Phải

nghĩ ở đây có những người thực hành hạnh Bồ-tát, muốn giúp mình tu mau, nên mới gợi những cái dở yếu của mình để mình thấy, nhờ thế mới biết mà tu. Đó là người ân, chớ không phải oán. Đúng như tinh thần kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: "Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta. Nhờ có Đề-bà-đạt-đa mà ta mau chóng thành Phật".

Tụi con hiểu được tinh thần đó thì trên đường tu không có gì chướng. Vì những cái chướng đó là cơ hội để mình tỏ ra ý chí và quyết tâm tu hành. Nếu cất am để tu thì dễ quá! Ở một mình, muốn ăn gì thì đi mua về nấu ăn, muốn ngủ thức lúc nào tùy ý, có ai nói động đến mình đâu. Giờ người ta tụng kinh niệm Phật, mình ngồi đó chơi, nghe radio, đâu có sợ gì. Thất của mình mà. Đó là cái cớ để mình thả lỏng, làm mình hư.

Ở trong chúng, hở một chút là bị rầy. Giờ người ta thức, mình ngủ thì bị nhắc nhở. Thấy như khó nhưng chính điều đó tạo cho mình một sức mạnh tinh tấn tu hành. Người ta tu thì mình phải tu, không có quyền làm khác hơn. Với người thường, những gì khác với tập khí lười biếng của mình thì cho là phiền, là khổ. Nhưng với người đã quyết tâm tu thì đó là cơ hội tốt, không để mình mất thời giờ vô ích. Nếu tụi con nhớ rõ điều đó thì sẽ hoan hỷ vì ngày nay mình có phước lớn được ở trong chúng tu hành.

Kế tiếp, Thầy thấy trong chúng có bệnh lúc nào cũng đặt mình phải đối lập với Ban Lãnh đạo, nên những điều Ban Lãnh đạo bảo làm thì hoặc không bằng lòng, hoặc bênh vực nhau rồi kết đôi, kết ba lại chống đối. Ở đây có hay không? Nếu không thì tốt.

Tụi con phải nhớ bệnh này rất nguy hiểm. Người lãnh đạo không phải người sung sướng, như chính Thầy đã từng trải qua bao nhiêu năm lãnh đạo chúng. Lãnh đạo là phải nhiệt tình, thương lo cho chúng. Nếu người lãnh đạo có nhà riêng, mâm hầu đàng hoàng, lại có tiền bạc, xe cộ đi chơi tự do thì chống đối là phải, vì họ lợi dụng chúng để thụ hưởng sung sướng riêng mình. Còn nếu lãnh đạo sống như chúng, có khác hơn là làm việc nhiều, lo lắng nhiều, chịu khó nhọc để chúng yên tu, đó là người hy sinh cho đại chúng. Thế thì tụi con phải thông cảm. Người lo cho mình, dù ít hay nhiều cũng đều là người ân của mình, không thể phủ nhận cái ân đó được.

Hiểu như vậy tụi con mới thấy giá trị, công đức của người chịu cực, chịu khổ lo cho mình. Nếu không hiểu, nhiều khi thấy người này làm chức này, người kia làm chức kia rồi cho họ là đối thủ của mình, đó là quan niệm sai lầm. Thầy đã từng sống trong chúng, thấy ở đâu cũng có một, hai cái mầm

như vậy, luôn luôn có thái độ chống chọi, rất không tốt. Tụi con nên nhớ chúng ta là người tu, lúc nào cũng mong xung quanh mình, ai nấy đều nhiệt tình chung lo cho đạo, cùng tu cùng tiến, không nên có ý làm trở ngại sự tu hành của mình hay huynh đệ.

Trên đây là những điều Thầy thấy cần phải nhắc nhở tụi con. Mỗi đứa phải nhận định cho kỹ, coi thử Thầy nói đúng hay không, tâm mình có bệnh như vậy không? Nếu Thầy dạy đúng và có tâm bệnh thì phải cố gắng sửa đổi để thiền viện Huệ Chiếu được lớn mãi. Ai cũng mang tâm hồn trong sáng, đạo đức để mai kia làm lợi ích cho nhiều người, giúp họ thấm nhuần chánh pháp của Phật. Vậy mới không trái với bản nguyện đi tu buổi đầu.

Tụi con ở đây cùng tu hành được 16 năm, đó là điều đáng mừng. Như vậy trong những năm qua, tụi con đã chung lo, đóng góp sức mình để gầy dựng thiền viện Huệ Chiếu. Từ đây về sau, phải ráng hợp sức chung lo cho đến khi Huệ Chiếu đầy đủ đạo đức, giá trị, đúng như những gì Thầy mong ước buổi đầu. Được vậy tụi con cũng thấy vui, hài lòng với việc mình đã làm, không bị trở ngại.

Bây giờ, Thầy đã già rồi, sự đi lại chỉ dạy tụi con ngày càng ít nên chị em tụi con, nhất là những đứa lớn phải đoàn kết, chung lo để dìu dắt đàn em.

Ngày xưa Thầy còn khỏe mạnh, tới lui thường thì dù tụi con lơ là, cũng không đến nỗi nào vì còn có Thầy. Chớ còn từ nay về sau, mỗi năm Thầy ngày càng già yếu, tụi con càng phải cố gắng hơn, mỗi đứa góp một tay để dìu dắt đàn em của mình là những người hiện có mặt hôm nay và những người sẽ có mặt.

Tụi con không nên lơ là hay có ý nghĩ rằng: "Thôi đã có người lo rồi, mình lo chi nữa", hoặc nghĩ: "Có người này rồi không cần mình", vậy là không hay. Mỗi người phải góp một tay, dù mạnh hay yếu, nặng hay nhẹ cũng góp sức để thiền viện Huệ Chiếu được giữ vững lâu dài. Vậy mới đúng tinh thần "Truyền đăng tục diệm", làm cho Phật pháp ngày càng sáng rỡ hơn.

PHÁP NGỮ DẠY CHÚNG THIỀN VIỆN PHỔ CHIẾU

Năm Ất Hợi - 1995

Thiền viện Phổ Chiếu năm nay tròn 12 tuổi. So với các thiền viện đàn anh, đàn chị thì Phổ Chiếu sanh sau đẻ muộn, các thiền sinh cũng còn rất trẻ, tuổi nhỏ, ngây thơ nhưng đã có những bước tiến, đuổi kịp phần nào các thiền viện đi trước. Đó là điều đáng mừng.

Qua bao nhiêu năm, tụi con ở đây sống bằng phương tiện tự túc như làm nhang, làm tương, làm mứt... Tuy công việc bề bộn, giờ tu ít ỏi nhưng tất cả đều cố gắng. Trên tinh thần này, Sư Ông thấy có hai điều đáng khích lệ. Một là huynh đệ hòa thuận, tin tưởng, vui tu vui tiến. Hai là về công phu, tụi con cũng có những bước tiến đáng mừng. Hai điều này chứng tỏ tụi con có nỗ lực cố gắng để bắt kịp các sư huynh, sư tỷ.

Nhân đó, Sư Ông nhắc thêm cho tụi con biết những điều quý báu trên đường tu. Tất cả chúng ta dù lớn hay nhỏ, đã một phen phát tâm xuất gia tu hạnh giải thoát rồi thì người nào cũng là người đang tiến, không ai có quyền đứng lại một chỗ, hay

đi lệch con đường giải thoát. Nếu giẫm chân tại chỗ thì trái với sở nguyện ra khỏi sanh tử. Nếu đi lệch hướng thì kết quả không đúng với phát nguyện ban đầu, rất đáng tiếc. Vì thế, đã phát tâm tu thì phải cố gắng từng ngày, từng tháng, từng năm, đừng để thời gian qua mất. Qua một năm tụi con kiểm lại, thấy mình có tiến bộ, hoặc tiến ít, hoặc tiến nhiều thì mới không hổ thẹn. Nhìn lại thấy lui sụt hơn trước là do yếu đuối trên đường tu.

Thời gian 12 năm đối với tuổi đời nghe như ngắn ngủi, nhưng 12 năm dụng công tu hành thì rất đáng kể. Người xưa thường dùng cái mốc 10 năm để kiểm lại kết quả, ở đây Phổ Chiếu thành lập được 12 năm thì phải nhiều hơn. Vậy điểm qua trong chúng, có bao nhiêu phát minh, bao nhiêu tiến bộ? Tổng kết tuy chưa được tiến bộ toàn phần, nhưng có được một người, hai người đạt kết quả tốt cũng là điều đáng khích lệ. Các huynh đệ khác nên mừng và cố gắng tiến cho kịp bạn, nhìn theo gương bạn để tự nhủ: "Đó là một người như mình mà tu tiến được thì mình không có lý do gì để chậm trễ lui sụt". Trong tập thể có một người tiến thì các người khác có đà tiến theo là điều đáng mừng. Nếu không có ai tiến bước nào là điều đáng buồn. Vì mình đã vào đây để mong vươn lên, mong giải thoát sanh tử mà không thấy ai nhúc nhích cục cựa gì thì làm sao có hy vọng.

Với thiền viện Phổ Chiếu, điều thứ nhất là Sư Ông thấy chúng ở đây đã vượt qua được những bước khó khăn ban đầu. Mấy năm về trước, tụi con phải xoay sở tạo kinh tế để có phương tiện sống yên tu. Những vất vả thời ấy, bây giờ đã được đền bù xứng đáng. Điều thứ hai, tụi con là em út, tuy được các đàn anh, đàn chị chỉ dạy, nhưng phần lớn nhờ chính tụi con tự nỗ lực, đem hết nhiệt tâm tu hành, nên dù đi sau vẫn tiến theo kịp, so với hàng anh chị lớn không đến nỗi hổ thẹn. Điều thứ ba nữa là kể từ đây về sau, tụi con đã có nề nếp, có đường hướng cụ thể rồi, phải cố gắng sao cho từ trên Trụ trì, dưới đến chúng nhỏ chỉ lo một việc tu để giải thoát sanh tử.

Người tu phải nuôi dưỡng, kiên trì và tinh tấn liên tục cho đến ngày nhắm mắt, thấy sanh tử không còn bận tâm, đó mới là giá trị quý báu của chữ tu. Tụi con đã dự vào hàng ngũ người theo đuổi mục đích quý báu ấy thì phải nhận rõ phước duyên của mình. Được ở trong một môi trường thuận lợi, trên có Sư Ông, dưới có Sư Chú, Sư Bác thường tới lui dạy dỗ, nhắc nhở; thầy Trụ trì thường xuyên dòm ngó, khích lệ; chúng bạn chung vui tu học, phước duyên này vô cùng quý hiếm. Vì vậy, tụi con nên mừng vui, phấn chấn. Đã đầy đủ phước duyên rồi, phải ráng nuôi dưỡng, tạo điều kiện cho nó phát triển, đừng để lui sụt.

Tụi con tuy còn nhỏ nhưng đã có tinh thần cầu giải thoát, là điều không phải kẻ tầm thường có được. Muốn làm được điều phi thường, phải bỏ những điều tầm thường. Thí dụ trong huynh đệ có những lời nói làm mình không vui, cứ thản nhiên, không bận tâm. Cho tới những việc như ăn ngon, mặc đẹp, giả sử huynh đệ được thầy chia cho phần vải tốt, đến phần mình lại gặp phải vải xấu vẫn hoan hỷ, không buồn phiền, không tủi thân, không cằn nhằn này nọ. Đó là tư cách của người phi thường. Những cái phi thường rất nhỏ ấy, tụi con cần phải tập, cần phải tu, đừng bao giờ nuôi dưỡng cái tầm thường.

Người xuất gia là người đi ngược dòng đời. Thế gian chạy theo danh lợi, tài sắc... người tu không dính không nhiễm mới là đi ngược. Cho nên, tụi con phải nuôi dưỡng tâm cao thượng, tâm trong sạch, không bị cuốn mình trong biển khổ, mới xứng đáng mang danh "xuất trần thượng sĩ". Mỗi người phải tự chiêm nghiệm điều này để đừng tự khi, đừng xem thường bản nguyện của mình. Nuôi dưỡng ý chí phi thường mỗi ngày thêm lớn mạnh, mỗi lúc mỗi vươn lên, cho đến mai kia tất cả tụi con đều là những thiền sinh hiểu đạo, tu đến nơi đến chốn. Vậy là tụi con đã thực hiện được hoài bão cao cả của mình, đồng thời là gương sáng cho những người đồng tu.

Xuất gia cũng có nghĩa là xuất phiền não gia, tức ra khỏi nhà phiền não. Chúng ta dùng điều này để đánh giá xem ai là người xuất gia lâu, ai mới xuất gia? Nếu xuất gia lâu mà còn nặng trĩu phiền não thì không bằng người mới xuất gia đã giảm nhiều phiền não. Nhiều khi tụi con cho rằng mình đã ở chùa 5 năm, 7 năm, còn huynh đệ mới vào ba bốn tháng, cứ tưởng mình cao cả hơn, đó là tưởng lầm. Chỉ người giảm nhẹ, tiêu hết các phiền não trong nội tâm mới là người xuất gia chân chánh, mới là người đáng kính, đáng mến.

Cho nên nhìn huynh đệ xung quanh, tụi con đừng sanh tâm cho là mình tu lâu, rồi khinh thường người mới vào đạo. Phải hiểu rõ, nhận định chín chắn rằng giá trị người tu ở chỗ giảm thiểu phiền não, dù ở chùa lâu mà phiền não không hết cũng chưa gọi là xuất gia. Nếu tu lâu mà phiền não không giảm nhẹ thì nên sanh tâm hổ thẹn. Tập được cái tâm đó, tụi con mới nhìn Phật pháp đúng với lẽ thật. Nếu nói: "Ta là Tỳ-kheo, mi mới là Sa-di, mi nhỏ, ta lớn. Ta tu 10 năm, mi mới có hai ba năm, chưa xứng đáng gì", là chỉ hợp với luật lệ, chứ không hợp với đạo hạnh của người tu. Phải thấy được sự tiến bộ của mình, đã vượt qua bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu phiền não. Nếu chưa vượt qua được, thấy những huynh đệ mới tu đã vượt thì nên quý kính họ, không nên tự cao mà chẳng chịu nhìn lại mình.

Tu hành chín chắn là điều quý báu, cao cả của người quyết tâm cầu giải thoát. Chúng ta đi tu không phải để được cơm no, áo ấm, để chờ tới già tới chết. Phải quyết định, vươn lên để trở thành những con người xứng đáng là đệ tử của Phật, là thiền sinh của thiền viện. Tu như vậy mới hợp với sở nguyện, với ý chí của mình, đồng thời cũng nối đuốc thắp đèn, để mọi người thấy ánh sáng mà vượt qua những tối tăm, nguy hiểm. Đó là "truyền đăng tục diệm", là bổn phận mà người tu nào cũng phải thực hiện.

Hôm nay, Sư Ông về đây thăm tụi con, có đôi lời nhắc nhở. Mong rằng thiền sinh Phổ Chiếu được 12 tuổi, tuy tuổi "vị thành niên" nhưng tất cả tụi con đều sẽ có những tư cách, thái độ không thua gì những người trưởng thành. Đây chính là cái hay, cái quý của các thiền sinh nơi đây.